

Agatha Christie

# TỘI ÁC

EVIL  
UNDER  
THE SUN

DƯỚI  
ÁNH MẮT TRỜI

Trần Hữu Kham dịch



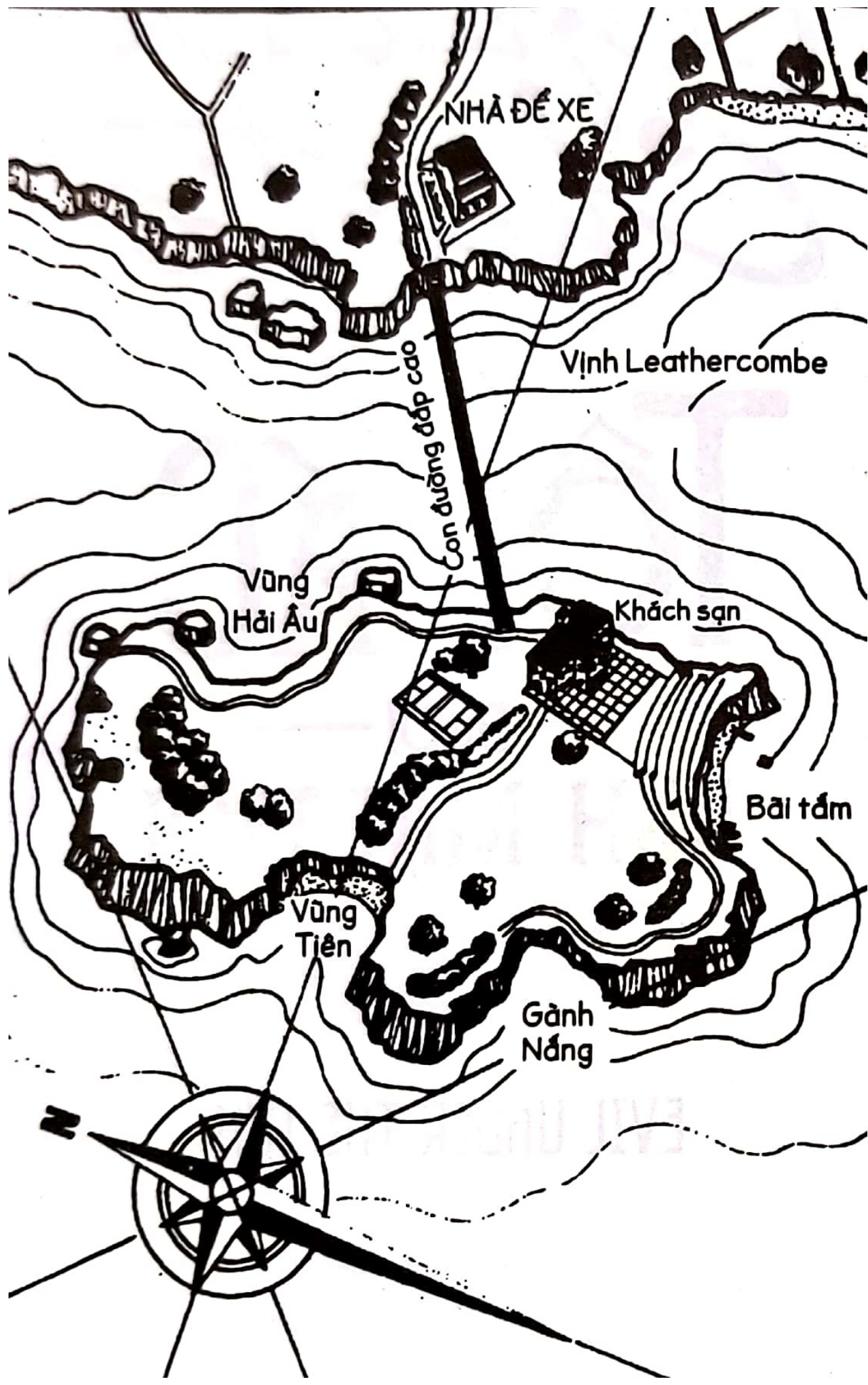
NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

*Agatha  
Christie*

Hercule Poirot #24 TỘI ÁC dưới ÁNH MẶT TRỜI Evil under the Sun (1937)



Trần Hữu Kham *dịch*





Khi thuyền trưởng Roger Angmering xây nhà vào năm 1782 trên hòn đảo trong Vịnh Leathercombe, người ta nghĩ căn nhà ấy biểu hiện tính lập dị tột đỉnh của ông. Một người con nhà khá giả như ông đáng lẽ phải có cơ ngơi đường hoàng tọa lạc giữa đồng cỏ rộng, với một dòng suối chảy qua và bãi cỏ ngon lành cho gia súc.

Nhưng ông thuyền trưởng này chỉ có một tình yêu vĩ đại, tình yêu biển cả. Vì thế ông đã xây ngôi nhà của mình - còn là một ngôi nhà kiên cố vì cần phải như thế, trên một mũi đất nhỏ lộng gió nơi hải âu thường xuyên lui tới - cách biệt với đất liền mỗi khi thủy triều lên.

Ông không lập gia đình, biển cả là hôn thê đầu tiên và cuối cùng của ông, và khi ông qua đời ngôi nhà và hòn đảo về tay một người em họ xa. Ông em họ đó và đàn con cháu ít nghĩ tới việc để lại một chúc thư. Đất đai của họ thu hẹp và những người thừa kế dần dần trở nên nghèo khó hơn.

Vào năm 1922 khi cuối cùng thiên hạ bắt đầu đổ xô đi tắm biển vào dịp nghỉ hè, không còn nghĩ vùng bờ biển Devon và Cornwall quá nóng bức vào mùa hè nữa, Arthur Angmering nhận thấy ngôi nhà rộng mênh mông thiếu tiện nghi xây vào cuối thời vua George của mình không bán được, nhưng khu đất nhỏ xíu kỳ quặc do đại úy thuyền trưởng Roger tậu được đem lại một giá trị lớn lao.

Ngôi nhà kiên cố đó được xây thêm và trang trí lại thật đẹp. Một con đường bằng bê tông bắt đầu được đắp cao trên bãi lầy nổi đất liền ra đảo. Nhiều “lối tản bộ” và “góc riêng tư” được hình thành và xây dựng quanh đảo. Có hai sân quần vợt, những nền đất cao để phơi nắng dẫn xuống một vịnh nhỏ với những bệ gỗ và ván nhào lặn tôn thêm vẻ đẹp của nó. Khách sạn Hải Tặc, Đảo Buôn Lậu, Vịnh Leathercombe ra đời, hân hoan đắc thắng. Và từ tháng 6 tới tháng 9 cùng với mùa Phục sinh ngắn ngủi, khách sạn đó thường đầy ắp khách đến tận tầng thượng. Nó được mở rộng và nâng cấp vào năm 1934, có thêm một quầy bar, một phòng ăn lớn hơn và một số buồng tắm phụ. Giá cả tăng lên.

Người ta hỏi nhau:

“Tới Vịnh Leathercombe chưa hả? Ở đó có một khách sạn hay cực kỳ, trên một chỗ như là hòn đảo. Rất tiện nghi thoải mái, chẳng có người dạo chơi hay xe buýt tham quan đâu. Nấu ăn ngon và tất cả đều tốt đẹp. Ông nên tới đó đi.”

Và quả thật người ta đã tới.

Có một nhân vật rất quan trọng lưu trú tại Khách sạn Hải Tặc (hay ít ra ông ấy tự đánh giá mình như vậy). Hercule Poirot rực rỡ trong bộ com lê bằng vải dày màu trắng, với cái mũ panama nghiêng nghiêng trên đôi mắt, hàng ria mép xoắn lại thật đẹp. Ông nằm dựa ngửa trên ghế bố kiểu cải tiến quan sát bãi tắm. Một dãy nền đất cao từ khách sạn dẫn xuống đó. Trên bãi biển còn có các phao tắm, phao nằm, thuyền hơi và vải bạt, những quả bóng và đồ chơi bằng cao su. Có một tấm ván nhún dài và ba bệ gỗ ở những khoảng cách khác nhau từ bờ biển.

Về phần những người tắm biển, một số đang ở dưới nước, một số nằm duỗi dài trên bãi phơi nắng, số khác thì đang bơi dúi lên người thật kỹ lưỡng.

Ở trảng đất cao bên trên, những người không xuống tắm thì chọn cách ngồi bình luận về thời tiết, phong

cảnh trước mặt, tin tức trên báo buổi sáng hay bất cứ đề tài nào khác lôi cuốn họ.

Về phía bên trái của Poirot những câu nói đông dài, điệu dàng đơn điệu không ngừng tuôn ra từ miệng bà Gardener, trong khi hai tay bà vẫn thoăn thoắt đan len, khiến hai que đan cứ chạm vào nhau kêu lách cách. Ở phía bên kia là chồng bà, ông Odell C. Gardener nằm trên ghế văng, cái mũi sụp xuống tận mũi. Thỉnh thoảng ông chỉ góp vài lời ngắn gọn khi được yêu cầu nói.

Về phía bên phải của Poirot, cô Emily Brewster, một phụ nữ mạnh mẽ rắn rỏi có mái tóc hoa râm và khuôn mặt dạn dày sương gió vui vẻ dễ ưa, đưa ra một lời bình luận cộc lốc. Nghe gần như tiếng sữa ngấn, thật to và mạnh mẽ của một con chó chần cừu làm gián đoạn tiếng kêu ăng ăng không ngớt của một con chó dòng Pomerania.

Bà Gardener đang nói: “Và thế là tôi nói với ông nhà tôi, à, tôi đã nói là các chuyến tham quan đều rất tốt, và quả là tôi thường đi tham quan suốt. Chúng tôi đã đi khá nhiều nơi khắp xứ Anh này rồi, nên bây giờ tôi chỉ muốn đến một nơi yên tĩnh ở miền biển và chỉ để thư giãn mà thôi. Em đã nói thế, đúng không Odell? Chỉ thư giãn thôi. Tôi cảm thấy mình phải thư giãn. Đúng như thế, phải vậy không Odell?”

Từ sau cái mũi ông chồng khẽ đáp:

“Phải, em yêu à.”

Bà vợ tiếp tục theo đuổi đề tài của mình:

“Và thế là khi tôi đề cập chuyện ấy với ông Kelso ở công ty du lịch Cook - ông ấy đã thu xếp cả lộ trình cho chúng tôi, hết sức hữu ích về mọi mặt. Thật tình tôi chẳng biết chúng tôi phải làm gì nếu không có ông ấy! - À, như tôi nói đó, khi tôi đề cập chuyện ấy, ông Kelso nói tốt hơn hết chúng tôi nên tới đây. Một địa điểm đẹp như tranh vẽ, hoàn toàn cách biệt, mà vẫn rất tiện nghi thoải mái và riêng tư. Tất nhiên ông nhà tôi đã xen vào ngay vào hỏi vệ sinh thì thu xếp ra sao? Bởi vì nếu ông chịu tin lời tôi, ông Poirot à, một cô em gái của ông Gardener có lần từng tới trọ ở một nhà khách mà họ bảo là rất riêng biệt giữa một bãi đất hoang, nhưng ông có tin không, chẳng có gì ngoài nhà xí lấy đất phủ lên phân. Vì thế lẽ tất nhiên chuyện ấy khiến ông nhà tôi nghi ngờ những nơi cách biệt với thế giới bên ngoài, có phải vậy không Odell?”

“Ờ phải, em yêu à,” ông chồng đáp.

“Nhưng ông Kelso lập tức cam đoan với chúng tôi một lần nữa. Ông ấy bảo chuyện vệ sinh tuyệt đối không cần phải bàn thêm gì, và nấu ăn thật xuất sắc. Tôi chắc chắn thế đó. Và điều khiến tôi rất thích là đúng giờ đúng giấc, chắc ông hiểu tôi muốn nói gì rồi. Là một nơi nhỏ bé nên tất cả chúng ta trò chuyện với nhau và ai nấy đều biết nhau. Người Anh nếu có một lỗi thì đó là họ hơi xa cách một chút xíu cho tới khi đã quen nhau chừng vài năm. Sau đó chẳng ai có thể tử tế hơn họ. Ông Kelso bảo những con người thú vị thường hay tới đây, và tôi thấy ông ấy nói đúng. Có các vị đây, ông Poirot và cô Darnley. Ôi! Đúng là tôi đã thích đến chết đi được khi khám phá ra các vị là ai, có phải vậy không Odell?”

“Phải, em yêu à.”

“Hà!” cô Brewster hùng hổ ngắt ngang câu chuyện. “Thật rộn ràng vui sướng quá, hử, ông Poirot?”

Poirot giơ hai tay lên có vẻ không đồng tình. Nhưng đó chỉ là một cử chỉ lịch sự không hơn không kém.

Bà Gardener nói tiếp như một dòng nước đang lững lờ trôi:

“Xin hiểu cho, thưa ông Poirot, tôi từng nghe Cornelia Robson kể rất nhiều chuyện về ông đó. Tháng 5 vừa rồi, vợ chồng tôi đã tới Badenhoi Và tất nhiên Cornelia đã kể hết cho chúng tôi nghe về vụ Linnet Ridgeway bị giết chết ở Ai Cập. Bà ấy bảo ông thật tuyệt vời, và lâu nay tôi đã muốn gặp ông hết sức, có phải vậy không, Odell?”

“Phải, em yêu à.”

“Rồi sau đó còn cô Darnley nữa. Tôi mua rất nhiều đồ hiệu Rose Mond, và tất nhiên cô ấy là Rose Mond, đúng không? Cô ấy thiết kế trang phục quá thông minh. Một mặt hàng tuyệt diệu quá đỗi. Cái đầm tôi mặc đêm hôm qua là của cô ấy đó. Quả đúng là một phụ nữ đáng yêu về mọi mặt.”

Từ phía bên kia cô Brewster, thiếu tá Barry này giờ vẫn ngồi dán cặp mắt ốc nhồi vào những người đang tắm, lăm lăm:

“Cô nàng trông ngon lành đáo để!”

Bà Gardener khua que đan lách cách:

“Tôi phải thú nhận một điều thôi, ông Poirot à. Gặp ông ở đây khiến tôi bị điếng người kiểu nào đó - chẳng phải tôi không phấn khích khi gặp ông đâu, phấn khích quá đi chứ. Ông nhà tôi biết điều ấy. Nhưng tôi vừa nghĩ đến chuyện có thể ông tới đây - à, là để hành nghề. Ông biết tôi muốn nói gì chứ? À, tôi vốn cực kỳ nhạy cảm, như ông Gardener sẽ nói cho ông biết, và quả tôi chẳng thể chịu nổi nếu phải dính líu vào bất cứ kiểu tội ác nào. Xin ông hiểu cho.”

Chồng bà ta đằng hắng rồi nói: “Xin ông hiểu cho, ông Poirot à, bà nhà tôi nhạy cảm lắm.”

Hai tay thám tử Poirot giơ thẳng lên trời thật nhanh:

“Xin cam đoan với bà, *Madame*, tôi tới đây cũng y như bà vậy thôi - để vui hưởng - để nghỉ hè thôi. Thậm chí tôi chẳng hề nghĩ tới tội ác.”

Cô Brewster lại nói như tiếng chó sủa ngăn cộc cằn: “Chẳng có cái xác nào trên Đảo Buôn Lậu đâu.”

“A!” Hercule Poirot nói. “Nói thế cũng không hoàn toàn đúng.” Ông chỉ tay xuống phía dưới. “Bà nhìn họ đang nằm dài ra đó từng hàng đi! Họ là gì vậy hả? Không phải đàn ông hay đàn bà. Chẳng có đặc điểm cá nhân nào cả. Họ chỉ là - những thân xác.”

Thiếu tá Barry tán thành: “Một đám ngớ ngẩn trông cũng được mắt đó, vài người trong bọn họ. Mạnh khỏe, có lẽ vậy.”

“Phải đó,” Poirot kêu lên, “nhưng có gì hấp dẫn? Có gì bí ẩn? Tôi già mất rồi, thuộc trường phái cũ xưa, hồi tôi còn trẻ người ta hiếm khi trông thấy mắt cá chân. Thoáng thấy một cái váy lót xố cũng làm mình mê mẩn xiết bao! Một bắp chân căng tròn mém mại - một đầu gối - ghim nịt vớ...”

“Hư đốn, hư đốn!” thiếu tá Barry nói với giọng khàn khàn.

“Đồ ta mặc ngày nay gợi cảm hơn nhiều,” cô Brewster nhận xét.

“À phải đó, ông Poirot à. Bọn con trai con gái đời nay sống tự nhiên khỏe mạnh hơn nhiều. Chúng chỉ nô đùa đây đó với nhau rồi chúng - à, chúng nó...” bà Gardener hơi đỏ mặt vì đầu óc bà vốn rất tinh tế - “chúng chẳng nghĩ gì về chuyện ấy, ông hiểu ý tôi chứ?”

“Tôi hiểu rồi,” Poirot đáp. “Thật đáng trách!”

“Đáng trách sao?” bà Gardener rít lên.

“Xóa bỏ hết tình cảm lãng mạn - hết còn bí ẩn! Ngày nay mọi thứ đều bị tiêu chuẩn hóa.” Ông thám tử phẩy tay về phía những hình hài nằm sắp nằm ngửa. “Cái cảnh đó nhắc tôi nhớ rất nhiều tới Nhà xác ở Paris.”

“Ông Poirot!” bà Gardener cảm thấy bị xúc phạm.

“Những cái xác - xếp trên những phiến dày và rộng - y hệt thịt ở cửa hàng bán thịt!”

“Ông Poirot à, nói vậy chẳng phải là quá cường điệu sao?”

Hercule Poirot thừa nhận: “Có lẽ thế, đúng vậy.”

“Dù sao đi nữa,” bà Gardener đan len thật hăng, “tôi vẫn có thể đồng ý với ông về một điểm. Những cô gái đang nằm dài phơi nắng như thế kia sẽ bị mọc lông tay lông chân đó. Tôi từng bảo Irene - con gái tôi, ông Poirot à, - tôi bảo nó nếu cứ nằm dài phơi nắng như thế, con sẽ mọc lông khắp mình khắp mẩy, lông tay lông chân và lông ngực, khi ấy trông con sẽ như thế nào hử? Em đã nói với con bé, phải vậy không Odell?”

“Phải, em yêu à,” chồng bà đáp.

Mọi người im lặng, có lẽ đang mừng tượng trong đầu hình ảnh của Irene khi tình huống xấu nhất đã xảy ra.

Bà Gardener cuốn đồ đan len lại rồi nói: “Bây giờ tôi tự hỏi..”

Ông chồng hỏi: “Gì thế, em yêu?”

Ông gượng đứng lên rời khỏi cái ghế võng, cầm lấy đồ đan len và quyển sách của vợ rồi hỏi:

“Cùng uống với chúng tôi một ly nhé, cô Brewster?”

“Ngay bây giờ thì không được, cảm ơn ông.”

Hai vợ chồng đi trở lên khách sạn.

Cô Brewster nói: “Các ông chồng người Mỹ thật tuyệt vời!”

Cha Stephen Lane ngồi vào chỗ của bà Gardener. Đó là một ông thầy tu cao ráo sung sức ngoài năm mươi. Khuôn mặt rám nắng và cái quần dài bằng ni lông tanh màu xám sẫm thích hợp để đi nghỉ mát lại làm ô uế thanh danh của một kẻ tu hành.

Ông nói thật hăng hái:



“Miền quê này thật kỳ diệu! Ta đã đi từ Vịnh Leathercombe đến Harford rồi quay về chỗ gành đá.”

“Hôm nay đi bộ làm ấm người lắm đó,” thiếu tá Barry nói, nhưng ông ta chẳng bao giờ đi bộ.

“Rèn luyện thân thể là rất tốt,” cô Brewster thêm vào. “Tôi vẫn chưa chèo thuyền đây. Muốn tập cơ bụng thì không gì bằng chèo thuyền đâu.”

Cặp mắt Hercule Poirot sụp xuống, hơi rầu rĩ liếc nhìn chỗ trương phình lên chính giữa bụng.

Để ý thấy, cô Brewster nói thật tử tế:

“Ông sẽ sớm làm chỗ ấy xẹp xuống thôi, ông Poirot ạ, nếu hằng ngày chèo thuyền ra biển.”

“Merci, Mademoiselle. Tôi thì lại ghét cay ghét đắng các loại thuyền bè!”

“Ông muốn nói đến những chiếc thuyền nhỏ sao ạ?”

“Thuyền bè mọi kích cỡ.” Ông nhắm mắt lại và rùng mình. “Biển động thì chẳng hề dễ chịu.”

“Chúa ban phúc lành cho cái ông này, hôm nay sóng yên biển lặng mà ông.”

Poirot đáp lại với niềm tin vững chắc:

“Thật ra chẳng có chuyện biển lặng đâu. Lúc nào, lúc nào cũng chuyển động.”

“Nếu ông hỏi tôi,” thiếu tá Barry nói, “cứ mười người thì có tới chín người bị say sóng đó.”

“Thế đấy,” ông thầy tu hơi nhếch mép mỉm cười, “là thủy thủ lành nghề mà cũng nói thế ư, ông thiếu tá?”

“Chỉ bị say sóng mỗi một lần, đó là lúc tôi vượt Biển Manche! Đừng nghĩ tới say sóng, đó là phương châm của tôi.”

“Say sóng thật sự là một chứng rất kỳ quặc,” cô Brewster có vẻ dăm chiêu. “Vì sao người này mắc chứng ấy, còn kẻ khác lại không chứ? Chẳng phải là quá bất công hay sao? Chẳng liên quan gì tới sức khỏe thể chất cả. Có người cực kỳ ốm yếu lại là thủy thủ giỏi. Từng có người bảo tôi chứng ấy liên quan gì đấy với cột sống. Rồi còn có cái kiểu chẳng chịu nổi độ cao. Chính tôi cũng chịu đựng không tốt lắm, nhưng bà Redfern còn tệ hơn nhiều. Hôm nọ ở lối đi trên vách đá đến Harford, bà ấy bỗng dưng bị chóng mặt, đến nỗi phải vịn vào tôi đấy. Bà kể tôi nghe có lần từng bị kẹt ở nửa chừng đường đi xuống cầu thang bên ngoài nóc Nhà thờ Milan. Bà ấy leo lên thì chẳng hề nghĩ ngợi gì, nhưng khi đi xuống lại bị choáng.”

“Thế thì tốt hơn hết bà ấy không nên leo cái thang xuống Vững Tiên,” cha Lane nhân xét.

Cô Brewster nhăn mặt. “Chính tôi cũng khiếp nữa là. Bọn trẻ thì không sao cả. Thằng bé nhà Cowan với cậu Mastermans cứ leo lên trèo xuống nhao nháy, ra cái điều thích thú lắm.”

Ông thầy tu nói: “Bà Redfern vừa tắm xong lên đây kia kìa.”

Cô Brewster nhận xét:

“Ông Poirot phải tán dương bà ấy đấy. Bà ấy tắm biển không hề bắt nắng.”

Cô Redfern trẻ trung đã cời cái mũ cao su và đang giữ tóc. Đó là một phụ nữ tóc vàng xám tro và làn da trắng tinh rất hợp với màu tóc. Chân tay rất trắng trẻo.

Thiếu tá Barry cười khềnh khệch:

“Trông cô ấy còn tai tái một tí, chưa nường chín như những người khác nhỉ?”

Redfern từ bãi biển đi lên rồi leo các bậc thềm tiến về phía họ.

Khuôn mặt nghiêm trang của cô thật xinh đẹp, một kiểu xinh đẹp trơ trơ vô vị, bàn tay bàn chân nhỏ nhắn xinh xắn. Cô mỉm cười với họ, buông mình ngồi xuống bên cạnh, kín mít trong lớp áo tắm bọc lấy người.

Brewster nói: “Chị được ông Poirot đánh giá cao đấy. Ông ấy chẳng thích đám người da rám nắng. Bảo họ giống như những súc thịt trong hàng thịt, hay những từ mô tả vậy đấy.”

Christine Redfern mỉm cười buồn bã:

“Tôi vẫn ước ao da mình có thể ăn nắng thì tốt. Nhưng nó chẳng chịu đổi màu nâu. Chỉ bị rộp lên vì bỏng nắng và có những vết tàn nhang kinh khủng nhất khắp cả hai cánh tay.”

“Còn đỡ hơn là bị mọc đầy lông như cô bé Irene con gái bà Gardener,” cô Brewster nói. Rồi đáp lại cái liếc nhìn dò hỏi của thiếu phụ xinh xắn trắng trẻo, cô nói tiếp: “Sáng nay bà Gardener cực kỳ phấn khởi. Cứ luôn mồm nói liên tu bất tận. ‘Có phải vậy không Odell?’ Ông chồng liền đáp, ‘Phải, em yêu à.’” Cô dừng lại một lát rồi nói: “Tuy thế tôi vẫn ước ao, ông Poirot ạ, lẽ ra ông nên trên bà ta một chút. Sao ông không làm thế? Sao không bảo bà ta rằng ông xuống đây để điều tra một án mạng ghê rợn, và kẻ gây án là một tên sát nhân cuồng loạn, mà nhất định là một trong số khách trọ của khách sạn này?”

Hercule Poirot thở dài. “Tôi rất ngại bà ấy sẽ tin lời tôi.”

Thiếu tá Barry cười khò khè khục khặc. “Chắc hẳn bà ấy sẽ tin.”

Cô Brewster nói: “Không đâu. Chắc ngay cả bà ấy cũng chẳng tin có án mạng xảy ra ở đây đâu. Đây không phải là nơi có thể tìm ra một cái xác.”

Hơi nhúc nhích tựa quây trong cái ghế, Poirot phản đối:

“Nhưng sao lại không, thưa cô? Sao lại không có cái mà cô gọi là cái xác ở đây trên Đảo Buôn Lậu này?”

Emily Brewster đáp: “Không biết nữa. Tôi cho rằng một số nơi ít có khả năng xảy ra án mạng hơn những nơi khác. Đây không phải là nơi kiểu đó...” Đột nhiên cô ngừng lại, thấy khó lòng giải thích điều mình muốn nói.

“Nơi này thật lãng mạn, đúng vậy,” Poirot đồng ý. “Thật bình an. Mặt trời chiếu sáng. Biển xanh. Nhưng cô quên rồi, cô Brewster à, tội ác có ở khắp mọi nơi dưới ánh mặt trời.”

Ông thầy tu tựa quây trong cái ghế bố của mình. Ông chồm người tới trước. Đôi mắt xanh lơ sáng rực lên.

Cô Brewster nhún vai. “Ôi, dĩ nhiên tôi biết điều ấy chứ, nhưng dù sao đi nữa...”

“Nhưng dù sao đi nữa nơi đây đối với cô hình như vẫn không có khả năng là bối cảnh xảy ra một án mạng à? Cô quên mất một điều, thưa cô.”

“Bản tính con người phải không ông?”

“Đúng vậy đó. Vẫn luôn như vậy. Nhưng không phải là điều tôi vừa mới nói. Tôi vừa chỉ cho cô rõ ở đây mọi người đều đang đi nghỉ mát.”

Cô Brewster quay khuôn mặt bối rối sang nhìn Poirot: “Tôi không hiểu.”

Poirot tươi cười nhìn cô. Ông nhịp nhịp ngón trỏ vào không trung.

“Giả sử cô có một kẻ thù. Nếu cô cố tìm cho ra hẩn ở căn hộ của hẩn, ở sở làm, ở ngoài đường phố, *eh bien*, cô phải có một lý do - cô phải giải thích hành vi của mình. Nhưng ở đây trên bờ biển chẳng ai cần phải giải thích về hành vi của mình. Cô tới Vịnh Leathercombe, sao hả? *Parbleu!* Bây giờ là tháng 8 - người ta thường ra biển vào tháng 8 - đi nghỉ hè. Hoàn toàn là lẽ đương nhiên chuyện cô và cha Lane tới đây, chuyện thiếu tá Barry và cô Redfern cùng chồng tới đây. Bởi vì đi nghỉ mát vào tháng 8 là tập quán ở xứ Anh này.”

“À,” Brewster công nhận, chắc chắn đây là một ý kiến rất tinh tế. “Nhưng còn ông bà Gardener thì sao? Họ là người Mỹ cơ mà.”

Thám tử mỉm cười. “Chính bà Gardener cũng nói với chúng ta bà cảm thấy có nhu cầu được thư giãn. Hơn nữa bà đang tham quan xứ Anh, nên nhất thiết phải trải qua nửa tháng ngoài bờ biển mới đúng là một du khách sành điệu, chứ không làm điều gì khác. Bà ấy thích quan sát mọi người.”

Christine Redfern khẽ hỏi: “Chắc ông cũng thích quan sát mọi người chứ?”

“Thưa bà, tôi xin thú nhận điều đó. Tôi thích chứ.”

Cô nói vẻ trầm ngâm: “Ông thấy - khá nhiều đấy.”

Có một khoảnh khắc tạm dừng. Cha Lane đằng hắng rồi nói, hơi ngượng ngùng một chút.

“Ta quan tâm đến điều ông vừa nói lúc nãy, ông Poirot ạ. Ông bảo tội ác hoành hành khắp nơi dưới ánh mặt trời. Đây có vẻ như là một câu trích dẫn từ Sách Truyền Đạo.” Cha tạm dừng rồi sau đó tự trích dẫn: “Phải, trong tim con cái của con người cũng đầy rẫy cái ác, và sự điên cuồng ở trong tim họ trong khi họ sống.” Mặt ông rực lên một thứ ánh sáng gần như cuồng tín. “Ta rất vui khi nghe ông nói câu ấy. Đời nay chẳng ai tin có cái ác cả. Cùng lắm được xem đơn giản chỉ là phủ định của cái thiện. Người ta bảo cái ác được thực thi bởi những kẻ chẳng biết điều gì tốt hơn - những kẻ chậm phát triển - những kẻ đáng thương hơn là đáng trách. Nhưng ông Poirot này, cái ác có thật đấy. Đây là một thực tế. Ta tin có cái ác cũng như ta tin có cái thiện. Nó tồn tại! Nó có quyền lực lớn lao! Nó bước đi khắp trên quả đất này!”

Ông thầy tu dừng lại, hơi thở gấp gáp một chút. Ông lấy khăn tay lau trán và chột có vẻ ân hận.

“Ta rất tiếc vì đã quá sa đà.”

Poirot nói thật điềm tĩnh: “Tôi hiểu ý của ông. Tôi đồng ý với ông về một điểm. Quả là cái ác vẫn bước đi khắp trên trái đất và ta có thể nhận biết điều đó.”

Thiếu tá Barry đăng hăng. “Bàn về chuyện kiểu ấy thì, mấy thằng cha tu hành khổ hạnh ở Ấn Độ...”

Thiếu tá Barry ở Khách sạn Hải Tặc đã đủ lâu để mọi người cảnh giác đề phòng cái khuynh hướng sa vào những câu chuyện Ấn Độ dài lê thê chán ngắt của ông ta. Cả cô Brewster lẫn Christine đều đột nhiên cùng cất tiếng.

“Bây giờ chồng cô đang xuống bơi, phải không cô Redfern? Kiểu bơi sải của ông ấy thật cừ khôi. Ông ấy bơi giỏi kinh khủng.”

Cùng lúc đó Redfern nói: “Ôi, xem kìa! Chiếc thuyền nhỏ có những cánh buồm đỏ ở ngoài kia đẹp quá! Là thuyền của ông Blatt, phải không?”

Chiếc thuyền buồm đỏ đúng là đang băng qua cuối vịnh.

Thiếu tá Barry lẩm bẩm: “Ý tưởng thật kỳ khôi, những cánh buồm màu đỏ.”

Nhưng mọi người đã thoát khỏi câu chuyện phiền hà về những nhà tu khổ hạnh của ông ta.

Hercule Poirot nhìn người đàn ông trẻ vừa bơi vào bờ, tấm tắc khen thầm. Patrick Redfern là một mẫu người thật tuyệt. Thanh mảnh, nước da màu đồng thau, đôi vai rộng và hai bắp đùi săn chắc, anh ta có cái kiểu vui vẻ khoan khoái dễ hòa đồng - tính hồn nhiên bẩm sinh mà tất cả đàn bà và hầu hết đàn ông đều quý mến.

Anh ta đứng đó giữ nước trên người rồi giơ tay vui vẻ gọi vợ. Cô vợ vừa vẫy tay đáp lại vừa cất tiếng: “Đến đây đi, Pat!”

“Anh đến ngay.”

Anh ta đi một quãng ngắn dọc theo bãi biển để lấy cái khăn tắm đã để lại đó.

Ngay lúc ấy một phụ nữ từ khách sạn đi xuống bãi biển ngang qua chỗ họ.

Chuyện cô ta tới chỗ đó có tầm quan trọng cỡ như một diễn viên bước ra sân khấu.

Hơn nữa cô ta bước đi như thể biết rõ điều đó. Chẳng hề có vẻ ngượng ngùng gì cả. Dường như cô ta đã quá quen thuộc với hiệu quả bất biến do sự có mặt của mình.

Dáng người cao ráo mảnh mai, cô ta mặc chiếc áo tắm một mảnh hở lưng màu trắng và từng li từng tí trên thân thể lộ ra ngoài đều nhuộm một chút màu đồng thau tuyệt đẹp. Hoàn hảo như một bức tượng. Mái tóc màu nâu đỏ rực lửa uốn quăn úp thật sát vào cái cổ rất đẹp. Nét mặt hơi nghiêm nghị thường thấy khi ba mươi năm đã đến rồi đi, nhưng toàn bộ tác động của cô ta là tác động của tuổi trẻ - của sức sống chiến thắng thật mãnh liệt. Khuôn mặt ấy bất động kiểu Trung Hoa và đôi mắt xanh sẫm xếch lên. Trên đầu đội một cái nón Trung Hoa bằng bìa cứng màu xanh ngọc thạch thật kỳ quái.

Cô ta có điểm gì đó khiến mọi phụ nữ khác trên bãi biển dường như đều lu mờ đi và chẳng có nghĩa lý gì. Cũng không thể nào tránh khỏi điều đó, mọi cặp mắt đàn ông hiện diện đều bị hút dính vào cô ta.

Hercule Poirot mở to cặp mắt, hàng ria mép rung rinh tấp tểnh khen thầm. Thiếu tá Barry ngồi thẳng dậy, cặp mắt ốc nhồi thậm chí còn lồi ra nhiều hơn vì quá phấn khích. Bên trái Poirot, cha Stephen Lane hít vào một hơi với một tiếng rít khe khẽ, còn toàn thân thì cứ cứng đờ ra.

Thiếu tá Barry thì ào, giọng khàn khàn:

“Arlena Stuart – là tên cô ta trước khi lấy Marshall. Tôi từng xem cô ta trong vở *Đến và Đi* trước khi cô ta rời bỏ sân khấu. Cũng có cái đáng để ngắm nhìn đó, hử?”

Christine Redfern nói thật chậm rãi, giọng lạnh lùng: “Cô ta trông cũng được mắt - vâng. Tôi nghĩ - trông cô ta như một con thú thì đúng hơn!”

Emily Brewster nói cộc lốc: “Lúc này ông vừa bàn về cái ác, thưa ông Poirot. Giờ đây trong tâm trí tôi người đàn bà này chính là hiện thân của cái ác! Cô ta là một ả đê tiện suốt từ đầu đến cuối. Tôi tình cờ được biết rất nhiều chuyện về cô ta.”

Thiếu tá Barry hồi tưởng:

“Tôi còn nhớ một ả ở bên Simla. Tóc ả cũng màu đỏ. Vợ của một trung úy hải quân. Có làm cho nơi ấy xào xáo hay không ư? Xin thưa là có ạ. Đàn ông phát điên lên vì ả. Tất nhiên hết thầy đàn bà đều muốn móc mắt ả ra! ả đã phá nát hơn một gia đình rồi đó.”

Ông ta cười khục khặc khi nhớ lại.

“Chồng ả là một thằng cha trầm lặng thật tuyệt. Sùng bái cả mặt đất dưới bước chân ả. Chẳng bao giờ thấy cái gì - hay vờ không thấy.”

Cha Lane nói với giọng trầm trầm đầy cảm xúc mãnh liệt:

“Phụ nữ như thế là một mối đe dọa - đe dọa đối với...”

Ông dừng lại.

Arlena Stuart đã ra tới mép nước. Hai cậu trai choai nháy dựng lên rồi hăm hở tiến tới. Cô đứng lại mỉm cười với họ.

Mắt cô lướt nhanh ngang qua họ tới chỗ Patrick Redfern đang đi dọc theo bãi biển.

Hercule Poirot nghĩ như thế ông đang theo dõi cây kim la bàn. Patrick Redfern đi chệch đường, đôi chân anh ta đổi hướng. Kim la bàn dù muốn hay không cũng phải tuân theo quy luật của từ trường và xoay về hướng bắc. Hai chân Patrick Redfern đưa anh ta đến với Arlena Stuart.

Cô đứng đó mỉm cười với anh ta. Rồi cô chậm chậm di chuyển dọc theo bãi biển sát bên những ngọn sóng. Anh ta đi cùng với cô. Cô nằm duỗi dài ra cạnh một tảng đá. Patrick buông mình nằm xuống chỗ đây đá cuội ở bên cạnh.

Christine Redfern lập tức đứng dậy và đi vào khách sạn.

Có một thoáng im lặng không thoải mái sau khi cô ta bỏ đi.

Rồi Emily Brewster nói: “Hơi quá tệ đấy. Cô ấy nhỏ bé, dễ thương. Họ chỉ mới lấy nhau chừng một hai năm thôi.”

“Cái ả tôi vừa nhắc đến,” thiếu tá Barry nói, “ở Simla ấy. ả đã làm đổ vỡ một cặp vợ chồng thật sự hạnh phúc. Có vẻ đáng thương, nhỉ?”

Brewster nói: “Có một hạng đàn bà thích phá nát gia đình người ta.” Chừng một vài phút sau cô nói thêm, “Patrick Redfern là đồ ngu ngốc!”

Hercule Poirot không nói gì. Ông đang chăm chú nhìn xuống bãi biển. Nhưng không phải nhìn Patrick và Arlena.

Cô Brewster lại nói: “À, tôi nên đi chèo chiếc thuyền thì hơn.”

Cô rời khỏi họ. Thiếu tá xoay cặp mắt như hai trái lý gai nấu chín ngó Poirot có vẻ hơi tò mò:

“Này Poirot, ông đang nghĩ gì vậy? Ông chưa mở miệng. Nghĩ gì về ả mỹ nhân ngư ấy? Cũng nóng bỏng đấy chứ nhỉ?”

Poirot trả lời: “*C’est possible.*”

“À ra thế, ông bạn già. Tôi biết ngay ông là người Pháp mà.”

Poirot lạnh lùng đáp lại: “Tôi không phải người Pháp!”

“À, đừng nói với tôi ông chẳng hề để mắt đến gái đẹp nhé! Ông nghĩ gì về cô ả, hử?”

“Cô ta không còn trẻ nữa.”

“Điều ấy có quan trọng gì đâu chứ? Đàn bà trẻ hay già là tùy ở vẻ bề ngoài. Dáng cô ả cũng được đó chứ.”

Poirot gật đầu nói: “Phải, cô ta xinh đẹp thật. Nhưng rốt cuộc sắc đẹp không phải là điều đáng quan tâm. Không phải sắc đẹp đã khiến mọi cái đầu – ngoại trừ một cái – đều xoay ra bãi biển để ngắm nhìn cô ta đâu.”

“Chính thế, ông bạn ạ. Chính là điều ấy.” Thiếu tá nói, rồi đột nhiên tò mò hỏi, “Ông đang nhìn cái gì quá chăm chú vậy?”

Poirot đáp: “Tôi đang nhìn trường hợp ngoại lệ. Người đàn ông duy nhất không ngược nhìn lên khi cô ta đi ngang qua.”

Thiếu tá Barry nhìn theo ánh mắt đăm đăm của Poirot dừng lại nơi một người đàn ông chừng bốn mươi tuổi, tóc vàng hoe và da rám nắng. Khuôn mặt trầm tĩnh dễ ưa, ông ta đang ngồi trên bãi biển vừa hút ống điếu vừa đọc báo *The Times*.

“À ra thế. Đó là ông chồng, ông bạn ạ, là Marshall đó.”

“Phải, tôi biết rồi,” Hercule Poirot đáp.



Thiếu tá Barry cười khục khặc. Là đàn ông độc thân, ông ta vẫn quen nghĩ Người Chồng có ba nghĩa - là “kỳ đà cản mũi”, “kẻ gây phiền phức” hay “gã bảo vệ”.

“Có vẻ là một thằng cha tử tế đó,” ông ta nhận xét. Thật trầm lặng. Tôi tự hỏi phải chăng thời cơ của tôi đã tới?”

Thiếu tá Barry đứng dậy và đi lên về phía khách sạn.

Cái liếc nhìn của Poirot chậm chậm chuyển sang khuôn mặt cha Lane. Vị cha xứ đang chăm chú theo dõi Arlena Marshall và Patrick Redfern. Chợt ông quay sang Poirot. Trong đôi mắt ông có một thứ ánh sáng nghiêm khắc cường tín.

“Người đàn bà ấy là cái ác suốt từ đầu đến cuối. Ông có nghi ngờ điều đó không?” cha Lane nói.

Poirot đáp thật chậm rãi: “Thật khó lòng biết chắc ạ.”

“Nhưng là người còn sống, ông không cảm thấy nó trong không trung hay sao? Khắp xung quanh ông. Sự hiện hữu của Cái Ác.”

Poirot chậm chậm gật đầu.

Khi Rosamund Darnley tới ngồi bên cạnh, Hercule Poirot không hề có ý che giấu niềm vui của mình.

Như vẫn thừa nhận từ lâu, không phải bất cứ phụ nữ nào ông từng gặp cũng được ông ngưỡng mộ như Rosamund Darnley. Ông thích vẻ độc đáo của cô, những đường nét duyên dáng của thân hình, dáng cao ngạo của cái đầu. Ông thích những nếp tóc đen mượt mà, nụ cười mĩ mai châm biếm của cô.

Cô đang mặc bộ váy áo bằng một thứ chất liệu màu xanh nước biển nào đó có những họa tiết màu trắng. Trông rất đơn giản nhờ đường nét mộc mạc mà đắt tiền. Công ty trách nhiệm hữu hạn Rose Mond của cô là một trong những nơi may y phục phụ nữ nổi tiếng nhất London.

“Tôi nghĩ mình chẳng thích nơi này,” cô nói. “Tôi đang tự hỏi vì sao lại đến đây cơ chứ?”

“Cô đã từng tới đây rồi hay sao?”

“Vâng, cách đây hai năm vào dịp lễ Phục sinh. Lúc ấy không quá đông người?”

Poirot nhìn cô nói thật dịu dàng: “Chuyện gì đó đã xảy ra, làm phiền cô. Đúng như vậy, phải không?”

Cô gật đầu. Hai bàn chân đang đưa tới lui. Cô đắm đắm nhìn xuống chân.

“Tôi đã gặp một bóng ma. Là thế đó,” cô nói.

“Một bóng ma sao, *Mademoiselle*?”

“Vâng.”

“Bóng ma của cái gì? Hay là của ai?”

“Ôi, bóng ma của chính tôi.”

“Có phải đó là một bóng ma đau khổ?” Poirot khẽ hỏi.

“Đau khổ chẳng thể ngờ. Nó đưa tôi quay trở lại...” Cô dừng lại, trầm ngâm một lát rồi nói, “Thử hình dung thời thơ ấu của tôi đi! Không, không thể nào! Ông đâu phải là người Anh!”

Poirot hỏi: “Phải chăng đó là một thời thơ ấu điển hình của người Anh?”

“Ôi, thật khó tin, nhưng đúng thế đó! Miền quê - ngôi nhà lớn tồi tàn - lũ chó và bầy ngựa - đi bộ dưới mưa - củi lửa - táo trong vườn - thiếu tiền - đồ cũ bằng vải len - váy áo mặc hoài mặc mãi vào buổi tối hết năm này tháng nọ - vườn hoa bị lãng quên -những đóa hoa cúc tây nở rộ như những lá cờ cực kỳ to lớn về mùa thu...”

“Và cô muốn quay trở lại sao?” Poirot hỏi thật dịu dàng.

Rosamund Darnley lắc đầu. “Chẳng thể nào quay trở lại, đúng không? Điều ấy - không bao giờ. Nhưng hẳn tôi đã muốn đi trên - một con đường khác.”

“Tôi thắc mắc đó.”

Rosamund bật cười. “Tôi cũng thế, thật đó!”

“Hồi tôi còn trẻ, và hồi đó, thưa cô, quả thật cách đây đã lâu, có một trò chơi gọi là *Nếu không là chính mình thì bạn sẽ là ai?* Người ta viết câu trả lời vào cuốn album của các quý cô. Bìa viền vàng và đóng bằng da thuộc màu xanh lam. Trả lời ra sao à? Thưa cô, tìm ra câu đó thật sự chẳng dễ dàng lắm đâu.”

“Đúng, chẳng chẳng dễ dàng gì. Thật quá liều lĩnh. Người ta chẳng muốn nhận mình là Mussolini hay công chúa Elizabeth. Về phần bạn bè của mình thì đã biết quá rõ ràng rồi. Còn nhớ, có lần tôi từng gặp một ông chồng thật hấp dẫn đi cùng vợ. Họ đối xử với nhau cực hòa nhã vui vẻ, như vẫn luôn hòa thuận như thế sau nhiều năm chung sống, khiến tôi ganh tị với người phụ nữ ấy. Hẳn tôi đã bằng lòng đổi chỗ với bà ta. Về sau có người cho tôi biết khi ở chỗ riêng tư thì họ chẳng hề nói với nhau suốt mười một năm!” Cô bật cười. “Thế mới thấy ta chẳng bao giờ biết hết được, phải không ông?”

Một lúc khá lâu sau Poirot mới nói: “Lắm người phải ganh tị với cô đó, *Mademoiselle*.”

Rosamund đáp lại lạnh nhạt: “À vâng. Tất nhiên.” Cô ngẩng ngẩng, đôi môi cong lên thành một nụ cười mai mỉa. “Vâng, quả thật tôi là kiểu mẫu hoàn hảo của một phụ nữ thành đạt! Thật sự rất thích thiết kế thời trang, tôi vui sướng vì được đáp ứng cả về nghệ thuật lẫn tài chính, vừa là một nghệ sĩ sáng tạo thành công vừa là một nữ doanh nhân thành đạt. Tôi sống rất phong lưu sung túc, ngoại hình cũng được, khuôn mặt dễ cảm và miệng lưỡi không quá hiểm độc.”

Cô tạm dừng, nụ cười nở rộng ra.

“Dĩ nhiên là - không có chồng! Tôi đã thất bại về mặt ấy, phải không ông Poirot?”

“Thưa cô,” vị thám tử đáp lại thật lịch thiệp, “sở dĩ cô chưa lập gia đình là vì cánh đàn ông chúng tôi không ai có đủ tài ăn nói. Do chọn cuộc sống độc thân chứ không phải bị như thế.”

“Tuy thế cũng như tất cả đàn ông, tôi chắc chắn ông vẫn định ninh chẳng phụ nữ nào hài lòng nếu không lấy được chồng và có con.”

Poirot nhún vai. “Lấy chồng và có con, đó là số phận bình thường của phụ nữ. Trăm phụ nữ mới có một - còn hơn vậy nữa, ngàn người mới có một người có thể tạo dựng cho mình danh vọng và địa vị như cô mà thôi.”

Rosamund toét miệng cười với ông. “Tuy thế, rốt cuộc tôi chẳng là gì cả, chỉ là một cô gái già khốn khổ! Dầu sao đó cũng là điều tôi cảm thấy hôm nay. Tôi sẽ hạnh phúc hơn với hai đồng xu một năm, một ông chồng to con, vũ phu, ít nói, và một bầy con nheo nhóc sau lưng. Đúng như thế, phải không ạ?”

Poirot nhún vai. “Cô đã nói thế thì đúng như vậy, thưa cô.”

Rosamund bật cười, đột nhiên trở lại vô tư, điềm tĩnh. Cô rút một điều thuốc ra đốt lên.

“Rõ là ông biết cách cư xử với phụ nữ, ông Poirot ạ. Giờ đây tôi thấy thích quan điểm trái ngược và tranh luận với ông để ủng hộ cho sự nghiệp của phụ nữ. Dĩ nhiên tôi vẫn sống cực kỳ sung túc - và tôi biết điều ấy chứ!”

“Vậy thì mọi thứ trong vườn hoa - hay phải nói là trên bờ biển này đều đẹp để đáng yêu cả, thưa cô.”

“Hoàn toàn đúng.”

Tới lượt mình, Poirot cũng lôi ra hộp thuốc lá và đốt một điếu nhỏ xiu, thứ thuốc lá ông rất thích hút. Nhìn đám khói bốc lên mù mịt bằng con mắt kỳ quặc, ông lầm bầm:

“Như vậy ông - à không, đại úy Marshall là bạn cũ của cô, phải không *Mademoiselle*?”

Ngồi thẳng dậy, Rosamund hỏi lại:

“Này, làm thế nào ông biết được? Ôi, chắc là Ken đã nói với ông.”

Poirot lắc đầu. “Không ai nói với tôi gì cả. Dù sao thì tôi cũng là thám tử, thưa cô. Đó là kết luận hiển nhiên có thể rút ra.”

“Tôi không hiểu.”

“Cứ nghĩ kỹ đi!” Hai bàn tay của người đàn ông nhỏ thó vung vẩy như trổ tài hùng biện. “Cô ở đây đã một tuần rồi. Thật hoạt bát vui vẻ, chẳng có mối bận tâm nào. Hôm nay bỗng dưng cô nói tới một bóng ma, về thời xưa cũ. Chuyện gì đã xảy ra? Rất nhiều ngày qua chẳng có khách nào mới tới, cho đến đêm hôm qua khi đại úy Marshall cùng vợ và con gái tới đây. Hôm nay có thay đổi! Rõ ràng là vậy!”

“À, cũng đúng. Kenneth và tôi ít nhiều vẫn ở bên nhau lúc còn bé. Gia đình Marshall ở sát vách nhà chúng tôi. Ken vẫn luôn đối xử tử tế với tôi - mặc dù ra vẻ kẻ cả, dĩ nhiên thế vì anh ấy lớn hơn tôi bốn tuổi. Từ lâu tôi chưa hề gặp lại và biết gì về anh ấy cả. Chắc hẳn - chí ít cũng mười lăm năm rồi?”

Poirot nói về trầm ngâm. “Lâu thật.”

Rosamund gật đầu. Có một khoảnh khắc tạm dừng, rồi Hercule Poirot hỏi:

“Ông ấy là người biết cảm thông, đúng vậy chứ?”

Rosamund đáp lại thật sôi nổi: “Ken là người đáng mến. Một trong số những người tốt nhất. Cực kỳ ít nói và kín đáo. Phải nói anh ấy chỉ có một sai lầm là hay vướng dính vào những cuộc hôn nhân bất hạnh.”

Poirot thốt lên với một giọng hết sức thấu hiểu: “A..”

Rosamund Darnley nói tiếp: “Kenneth rất ngốc - cực kỳ ngốc nghếch trong những chuyện liên quan đến phụ nữ. Ông còn nhớ vụ án Martingdale chứ?”

Poirot nhíu mày. “Martingdale? Martingdale sao? Thạch tín, không phải vậy chứ?”

“Vâng. Cách đây chừng mười bảy hay mười tám năm. Người đàn bà bị xử tội giết chồng.”

“Và đã có bằng chứng ông ta tự ăn thạch tín nên bà vợ được phóng thích, đúng không?”

“Đúng thế. À, sau khi được phóng thích, Ken đã cưới cô ta. Đó là kiểu cách cực kỳ khờ dại anh ấy thường mắc phải.”

Poirot lẩm bẩm: “Nhưng người phụ nữ ấy có vô tội hay không?”

Rosamund Darnley đáp vẻ nóng nảy: “Ôi, tôi dám nói là cô ta vô tội. Chẳng ai thật sự biết được! Nhưng trên đời có vô khối đàn bà để kết hôn, việc gì lại đi chệch đường và cưới một người từng ra trước vành móng ngựa vì tội giết người chứ?”

Poirot không nói gì. Có lẽ ông biết nếu cứ giữ im lặng thì Rosamund sẽ nói tiếp. Đúng như vậy.

“Dĩ nhiên anh ấy còn rất trẻ, lúc đó chỉ mới hai mươi mốt thôi. Anh ấy si mê cô ta. Cô ta chết khi Linda ra đời - một năm sau khi họ kết hôn. Tôi tin là Ken đau lòng kinh khủng vì cái chết của vợ. Sau đó anh ấy ăn chơi trác táng rất ghê - chắc là cố quên đi.”

Cô dừng lại một lát.

“Rồi xảy đến vụ việc của Arlena Stuart. Lúc ấy cô ta đang ở Revue. Đó là vụ án ly hôn của vợ chồng Codrington. Phu nhân Codrington khi ly dị với chồng đã nêu tên Arlena Stuart trước tòa. Người ta kháo nhau là ngài Codrington quả thật say mê cô này. Người ta hiểu ngầm hẳn họ phải kết hôn ngay khi quyết định của tòa có hiệu lực. Nhưng khi tòa phán cho ly hôn, ông ấy lại không chịu cưới cô ta. Bỏ luôn. Tôi tin chắc cô ta đã kiện ông ấy vì không giữ đúng lời hứa. Dẫu sao vụ việc cũng gây náo động rất ghê vào thời kỳ ấy. Chuyện xảy ra kế tiếp là Ken đi cưới cô ta. Thật ngốc - cực kỳ ngốc nghếch!”

Poirot nói nhỏ: “Đàn ông có thể được tha thứ vì điều đại dột như vậy - cô ta xinh đẹp, thừa cô.”

“Vâng, điều ấy thì có ai nghi ngờ đâu. Cách đây độ ba năm lại có một vụ tai tiếng khác. Ngài Roger Erskine già nua đã để lại cho cô ta tất cả tiền bạc. Cứ tưởng điều ấy đã khiến Ken sáng mắt ra rồi chứ.”

“Và không phải vậy sao?”

Rosamund nhún vai. “Tôi đã nói với ông tôi chưa từng gặp hay được biết bất cứ điều gì về anh ấy nhiều năm rồi cơ mà. Có điều người ta bảo anh ấy hết sức thản nhiên xem như chẳng có chuyện gì cả. Tôi muốn biết sao lại như thế. Phải chăng anh ấy có một niềm tin tuyệt đối mù quáng đối với cô ta?”

“Có thể có những lý do khác.”

“Vâng. Vì kiêu hãnh! Chẳng hề nao núng! Tôi không biết thật ra anh ấy cảm thấy thế nào về cô ta. Chẳng ai biết được.”

“Còn cô ta thì sao? Cảm thấy thế nào về ông ấy?”

Rosamund ngo ngoe lom lom. “Cô ta á? Là một kẻ đào mỏ vàng số một thế giới. Còn ăn thịt người nữa đó! Nếu có bất cứ kẻ mặc quần dài nào ngoại hình dễ ưa đến cách cô ta trong vòng một trăm thước, thì đó là một món đồ giải trí mới đối với Arlena! Cô ta là loại người như thế đó.”

Poirot chậm chậm gật đầu tỏ ra hoàn toàn đồng ý.

“Phải. Điều cô nói rất đúng... Mắt cô ta chỉ tìm kiếm mỗi một thứ - đàn ông.”

“Bây giờ cô ta đang để mắt đến Patrick Redfern. Anh ta trông cũng bảnh - là loại người đơn giản thì đúng hơn - ông biết rồi đó, rất yêu vợ, chẳng phải là loại hay tán tỉnh. Kiểu đàn ông ấy là rượu ngon, thịt béo

đối với Arlena. Tôi thích cô Redfern bé nhỏ - cô ấy trông tuyệt đẹp với vẻ xanh xao nhợt nhạt - nhưng chắc cô ấy chẳng có cơ chống lại được con hổ ăn thịt người ấy - Arlena.”

“Đúng là không rồi, như cô nói đó.” Poirot có vẻ lo âu.

Rosamund nói: “Tôi tin Christine Redfern là giáo viên. Cô ấy là mẫu người lúc nào cũng nghĩ trí tuệ luôn có ưu thế trong mọi vấn đề. Thế nào cô ấy cũng sẽ bị sốc cho xem.”

Poirot lắc đầu bực tức.

Rosamund đứng dậy. “Thật là đáng xấu hổ, ông ạ.” Cô nói thêm không rõ ý tứ thế nào. “Phải có ai làm gì đó đi chứ.”

Trong phòng ngủ Linda Marshall đang bình thần ngắm soi khuôn mặt của mình trong gương. Nó rất ghét khuôn mặt mình. Dường như với nó trong giây phút này gương mặt đó toàn là xương xấu, tàn nhang. Nó phát chán khi nhìn đến mái tóc mềm mại màu nâu như bụi rậm dày đặc mà nó thậm gọi là lông chuột, đôi mắt màu xám hơi xanh lục, hai gò má cao và cái cằm dài hung hàn. Miệng và hàm răng có lẽ không đến nỗi quá tệ - nhưng rớt cuống răng có là cái gì chứ? Và phải chăng có một nốt ruồi ở cánh mũi đây?”

Cô bé thở phào nhẹ nhõm khi xác định đó không phải là nốt ruồi, nghĩ thầm:

“Mười sáu tuổi thật khiếp - đúng là kinh khiếp!”

Nhiều khi người ta không biết mình đang ở đâu. Linda vụng về như một con ngựa non và đầy gai góc như một con nhím. Lúc nào cũng có ý thức về sự vụng về của mình và chuyện nó chẳng là cái gì cả. Ở trường học cũng không quá tệ. Nhưng bây giờ cô bé đã bỏ học. Dường như chẳng ai biết rõ tiếp theo nó sẽ làm gì. Cha nó nói mập mờ về chuyện gửi nó đến Paris mùa đông năm tới. Cô bé không muốn đi Paris mà cũng chẳng thích ở nhà. Cho đến lúc này không hiểu sao nó lại chưa bao giờ nhận ra một cách chính xác mình căm ghét Arlena biết bao.

Khuôn mặt non trẻ của Linda trở nên căng thẳng, đôi mắt xanh lục gay gắt hơn.

Arlena...

Nó nhủ thầm: “Bà ta là một con thú - ác thú...”

Mẹ kế! Thật tàn tệ khi có mẹ kế, mọi người đều nói như vậy. Và đúng thế thật! Không phải vì Arlena đối xử tệ bạc với gì đâu. Hầu như chả có lúc nào bà ta để ý đến nó ấy chứ. Nhưng khi bà ta để ý, thì trong cái liếc nhìn, trong lời lẽ luôn ẩn chứa một niềm vui thích khinh miệt. Cử động uyển chuyển hoàn hảo và đỉnh đặc của bà ta càng làm nổi bật sự vụng về của cô bé mới lớn. Khi bà ta ở gần bên, nó cảm thấy xấu hổ vì còn non nớt thô thiển biết chừng nào.

Nhưng không phải chỉ có vậy thôi. Không, không phải chỉ là chuyện đó.

Linda vẫn thường rầu rĩ mò mẫm đi vào những góc sâu kín trong tâm trí mình. Nó không giỏi phân biệt và xếp loại những cảm xúc của mình cho lắm. Có điều gì đó Arlena đã làm với mọi người - với cả nhà...

“Bà ta thật xấu xa,” nó quả quyết nghĩ thầm. “Bà ta hết sức, hết sức xấu xa.”



Nhưng thậm chí không thể cứ để mặc như vậy. Không thể chỉ hếch mũi lên hít vào một cái tỏ ra đạo đức hơn hẳn rồi xua bà ta ra khỏi tâm trí.

Bà ta đã làm gì đó với mọi người. Còn bố, bố thì hoàn toàn khác...

Nó lẩn cẩn vì điều đó. Bố xuống đưa nó đi học về. Có lần bố đã đưa nó lên tàu ra biển chơi. Và bố ở nhà - có Arlena ở đó. Hết thầy - hết thầy các kiểu kìm nén và không phải - và không phải ở đó.

Linda nghĩ bụng: “Rồi sẽ cứ tiếp tục như thế này. Ngày lại qua ngày, hết tháng này rồi tháng khác. Mình không chịu nổi.”

Cuộc sống trải ra trước mắt nó - vô cùng vô tận - trong chuỗi ngày mà sự có mặt của bà mẹ kể làm cho u ám và mất hết niềm vui. Nó vẫn còn khá ngây ngô để mà hiểu chuyện. Một năm đối với nó dường như dài lê thê bất tận.

Một đợt sóng căm thù mẹ kể to lớn, đen ngòm và nóng bỏng trào dâng trong tâm trí:

“Mình muốn giết chết bà ta. Ôi! ước gì bà ta chết đi...”

Nó nhìn qua mép cái gương, ngó xuống biển ở bên dưới.

Nơi này thật sự khá vui. Hay có thể vui thú. Hết thầy những bãi biển và vịnh nhỏ ấy, những lối mòn nhỏ xíu kỳ quặc ấy. Rất nhiều nơi để khám phá. Và những nơi nó có thể tới chơi một mình. Còn có những hang động nữa, bọn con trai nhà Cowan đã nói với nó như vậy.

Linda thầm nghĩ: “Chỉ khi nào Arlena đi nơi khác mình mới được hưởng niềm vui thú.”

Nó hồi tưởng lại buổi tối lúc mới đến nơi. Thật thú vị khi đến từ đất liền. Thủy triều lúc đó đã dâng lên ngập cả con đường đắp nổi vào đất liền. Họ đã đến bằng một chiếc thuyền. Khi ấy trông khách sạn thật thú vị, thật khác thường. Rồi sau đó trên trảng đất cao một phụ nữ cao ráo tóc đen đã nhảy dựng lên và nói: “Ôi chào, Kenneth!”

Và vô cùng kinh ngạc, bố nó đã kêu lên:

“Rosamund!”

Linda xét nét Rosamund một cách nghiêm khắc và phê phán theo kiểu cách của tuổi trẻ. Cô bé quyết định chấp thuận cô ấy. Nó nghĩ Rosamund là người biết phải trái. Mái tóc cô ấy dài đẹp - rất xứng hợp với cô ấy - hầu hết người ta để kiểu tóc chẳng hợp chút nào. Trang phục tuyệt đẹp. Và cô ấy có một kiểu khuôn mặt vui thích là lạ - như thể vui thích với chính cô ấy chứ chẳng phải với mình. Cô ấy đã đối xử tử tế với nó, Linda. Chẳng hề nói luôn mồm hay nói điều này chuyện nọ (điều này chuyện nọ là cụm từ cô bé dùng để xếp loại hết thầy những chuyện linh tinh cô không thích.) Và có vẻ như Rosamund không hề nghĩ nó là một con ngốc. Thực tế cô ấy đã đối xử với Linda như một con người thực thụ. Cô bé rất hiếm khi cảm thấy mình là một con người thực thụ nên nó biết ơn sâu sắc khi được ai đó có vẻ coi trọng như thế.

Dường như bố cũng hài lòng khi gặp cô Darnley, Thật lạ - trông bố như biêng thành người hoàn toàn khác. Bố đã có vẻ - có vẻ như là — nó giải đáp điều khó hiểu ấy — à, có vẻ trẻ ra, là vậy đó! Bố cười - như một cậu bé, thật là kỳ quặc. Giờ đây nghĩ đến điều đó mới thấy rất hiếm khi nó nghe thấy bố cười.

Nó cảm thấy bối rối. Như thế vừa thoáng thấy một con người khác hẳn. Nó nghĩ:

“Không biết bố như thế nào lúc trạc tuổi mình...”

Nhưng điều đó khó hiểu quá. Nó thôi không thắc mắc nữa.

Một ý nghĩ chợt lóe lên trong đầu nó.

Hắn sẽ vui thú biết bao nếu như hai cha con đến rồi phát hiện cô Darnley cũng đang ở đây - chỉ cô ấy và bố thôi. Một viễn cảnh mở ra chỉ trong phút chốc. Bố luôn vui cười như một cậu bé, cô Darnley và Linda - tất cả những niềm vui thú có thể có được trên hòn đảo này - tắm biển - những hang động...

Bóng tối lại sập xuống.

Arlena. Chẳng thể nào hưởng được niềm vui thú khi có bà ta ở quanh đây. Sao lại không nhỉ? À, dẫu sao cô bé Linda cũng không được vui thú. Chẳng thể nào hạnh phúc khi ở đó có một con người mà mình - thù ghét. Phải, thù ghét. Nó thù ghét Arlena.

Từng chút từng chút, đợt sóng căm thù đen ngòm nóng bỏng đó lại trào dâng. Mặt cô bé trở nên trắng bệch. Đôi môi hơi hé mở. Con người trong mắt nó thu nhỏ lại. Và những ngón tay cứng đờ co quắp...

Kenneth Marshall gõ nhẹ lên cửa phòng vợ. Nghe tiếng cô ta đáp lại, anh mở cửa đi vào.

Arlena vẫn đang tỉa tót những nét trang điểm hoàn chỉnh. Cô mặc đồ màu xanh lục lấp lánh trông hơi giống một nàng tiên cá. Cô đang đứng trước gương chuốt mascara lên lông mi.

“Ôi, là anh, Ken.”

“Phải, anh không biết em đã xong chưa.”

“Một lát nữa thôi.”

Kenneth Marshall rảo bước tới cửa sổ, nhìn ra ngoài biển. Như thường lệ, nét mặt anh vẫn không biểu lộ bất kỳ một thứ cảm xúc nào, vẫn vui tươi bình thường.

“Arlena?” anh quay lại hỏi vợ.

“Gì ạ?”

“Anh được biết trước đây em đã từng gặp Redfern, đúng không?”

Cô vợ đáp thật thoải mái:

“À vâng, anh yêu ạ. Trong một bữa tiệc cocktail ở đâu đây. Lúc ấy em nghĩ cậu ta gần như một con thú cưng.”

“Anh cũng được biết như thế. Có phải em đã biết trước cậu ta cùng vợ xuống đây?”

Arlena mở mắt rất to.

“Ồ không, anh yêu ạ. Đã hết sức bất ngờ.”

Kenneth Marshall nói thật bình thản:

“Anh cứ tưởng có lẽ chính điều ấy đã khiến em nghĩ đến nơi này chứ. Em đã rất hăng hái muốn chúng ta đến đây.”

Cô vợ bỏ mascara xuống. Quay về phía chồng cô mỉm cười - một nụ cười dịu dàng quyến rũ.

“Ai đấy đã kể cho em nghe về nơi này. Chắc là nhà Ryland. Họ bảo chỗ này là tuyệt diệu - vẫn còn rất hoang sơ! Anh không thích hay sao?”

“Anh không chắc.”

“Ôi, anh yêu ơi, anh thích tắm biển và đi loanh quanh chẳng làm gì cả cơ mà. Em chắc chắn anh sẽ thích làm như thế ở nơi này.”

“Anh có thể thấy em định đến đây để hưởng niềm vui thú.”

Mắt cô ta mở to ra một chút. Cô nhìn chồng có vẻ ngờ vực.

“Em đã nói cho Redfern biết mình đang đến đây, phải không?” Kenneth Marshall hỏi.

“Kenneth yêu quý ạ, anh sẽ không tỏ ra khó chịu quá đáng chứ?”

“Này Arlena! Anh biết em là người như thế nào mà. Họ là một cặp đôi trẻ tuổi khá hoàn hảo. Cậu ta rất yêu quý vợ, thật sự như thế. Em phải phá nát gia đình người ta mới được hay sao?”

“Thật quá bất công khi trách cứ em. Em chẳng làm bất cứ điều gì - chẳng làm gì cả. Em không thể tránh được nếu như...”

Ông chồng thúc giục: “Nếu như cái gì chứ?”

Mi mắt cô nhấp nháy.

“À, dĩ nhiên rồi. Em biết người ta say mê em. Nhưng đấy chẳng phải do em. Họ cứ như thế thôi.”

“Như thế là em thừa nhận cậu Redfern trẻ trung đó say mê em à?”

Arlena khẽ đáp: “Quả thật cậu ta khá đại dột.” Cô bước tới một bước về phía chồng. “Nhưng anh biết rồi, phải không Ken, thật tình em chẳng quan tâm đến bất cứ ai ngoài anh.”

Cô ta ngược nhìn chồng qua hai hàng lông mi vừa tô đậm. Đó là một cái nhìn tuyệt diệu - một cái nhìn ít người có thể kháng cự lại.

Kenneth Marshall nghiêm nghị nhìn xuống cô vợ. Nét mặt anh thật điềm tĩnh. Giọng nói thật bình thản:

“Anh nghĩ đã hiểu em khá rõ, Arlena à...”

Bên ngoài khách sạn về phía nam, các trảng đất và bãi tắm ở liền ngay bên dưới. Còn có một lối mòn dẫn

đi vòng quanh vách đá về phía tây nam của hòn đảo. Một quãng rất ngắn dọc theo lối mòn đó có vài bậc thềm dẫn xuống một dãy những hốc lõm vào vách đá và trên bản đồ hòn đảo ở khách sạn được gán cho cái tên Gành Nặng. Ở đây có các hốc đá bên trong có chỗ ngồi.\*

Patrick Redfern cùng vợ tới một trong những hốc đá đó ngay sau bữa ăn tối. Đó là một đêm trời trong trăng sáng.

Hai vợ chồng ngồi xuống. Họ im lặng một lúc. Sau rốt anh chồng nói: “Một buổi tối hết sức thú vị, đúng không Christine?”

“Đúng.”

Giọng cô vợ có gì đó khiến anh chồng khó chịu. Anh ta ngồi đó, chẳng hề nhìn vợ.

Christine hỏi với giọng bình thản:

“Anh đã biết trước người đàn bà ấy sẽ đến đây à?”

Quay ngoắt lại, anh ta đáp: “Anh chẳng hiểu em muốn nói gì nữa.”

“Em nghĩ anh hiểu đấy.”

“Này Christine! Anh không biết điều gì đã tác động đến em...”

Cô ngắt ngang. Giọng nói giờ đây run rẩy đầy cảm xúc:

“Đến em sao? Đây là điều đã tác động đến anh cơ mà.”

“Chẳng có gì tác động đến anh cả.”

“Ôi, Patrick! Có đấy. Anh cứ nằng nặc đòi đến đây. Đòi hết sức dữ dội. Em đã muốn trở lại Tintagel nơi mà - nơi chúng mình từng hưởng tuần trăng mật. Anh cứ nhất quyết phải đến đây.”

“À, sao lại không chứ? Đây là một điểm du lịch thật hấp dẫn.”

“Có lẽ thế. Nhưng anh muốn đến đây vì cô ta sẽ đến.”

“Cô ta ư? Cô ta là ai?”

“Vợ Marshall. Anh - anh mê cô ta.”

“Vì Chúa, Christine ạ, đừng làm cho mình trở thành một con ngốc. Ghen tuông chẳng giống em chút nào.”

Lời nói lớn tiếng giận dữ của anh ta có một chút không chắc chắn. Anh ta đã cường điệu.

“Chúng mình đang sống quá hạnh phúc mà anh,” cô vợ nói.

“Hạnh phúc ư? Dĩ nhiên chúng ta đã hạnh phúc! Chúng ta đang hạnh phúc. Nhưng sẽ không còn hạnh phúc nữa nếu như em cứ làm ầm lên mỗi khi anh nói chuyện với một phụ nữ khác.”

“Không phải thế.”

“Phải đấy, là như thế. Kết hôn rồi người ta cũng phải có - à, tình bạn với người khác chứ. Thái độ hoài nghi này là hoàn toàn sai lầm. Anh - anh không thể nói chuyện với một phụ nữ xinh đẹp hay sao? Đừng nhảy đong đỏng lên quy kết anh đang phải lòng cô ta chứ...”

Anh ta dừng lại, rồi nhún vai.

“Anh đang phải lòng cô ta,” Christine nói.

“Ôi, đừng ngốc nghếch, Christine! Anh chỉ - chỉ nói chuyện với cô ta thôi mà.”

“Không đúng.”

“Vì Chúa, xin em đừng nhiễm cái thói ghen tuông với mọi phụ nữ xinh đẹp chúng ta tình cờ gặp mặt!”

“Không chỉ là một phụ nữ xinh đẹp nào đấy đâu! Cô ta - cô ta khác. Là đồ đê tiện! Đúng thế. Cô ta sẽ làm hại anh, Patrick ạ. Làm ơn bỏ đi! Chúng mình hãy đi khỏi nơi đây!..”

Patrick hất cằm lên như muốn nổi loạn. Không hiểu sao trông anh ta rất trẻ khi nói thật ngang ngạnh:

“Đừng buồn cười như thế, Christine! Và - và chúng ta đừng cãi nhau vì chuyện ấy!”

“Em đâu có muốn cãi nhau.”

“Thế thì cư xử như một con người biết lý lẽ! Nào, ta trở về khách sạn thôi!”

Anh ta đứng lên. Có một khoảnh khắc im lặng, rồi Christine cũng đứng lên.

Cô nói: “Hay lắm...”

Ngồi trong hốc đá kế cận, Hercule Poirot buồn bã lắc đầu.

Có lẽ một số người hần đã hết sức thận trọng tránh ra xa để khỏi nghe những chuyện riêng tư. Nhưng Hercule Poirot thì không, ông không có cái kiêu quá thận trọng như thế.

“Hơn nữa,” như ông giải thích với ông bạn Hastings trong một cuộc hẹn về sau, “đó là một chuyện có nguy cơ gây ra án mạng.”

Ông bạn Hastings ngó ông lom lom nói: “Nhưng án mạng vẫn chưa xảy ra mà.”

Poirot thở dài: “Thế nhưng án mạng đã được chỉ ra rất rõ ràng rồi, *mon cher*.”

“Vậy sao lúc đó ông không ngăn chặn lại?”

Và với một tiếng thở dài, Hercule Poirot đã nói như trước đó từng nói ở Ai Cập: nếu một kẻ đã quyết tâm phạm tội giết người thì chẳng dễ gì ngăn cản hần. Ông thường không tự trách mình vì chuyện đã xảy ra. Theo ông chuyện đó không thể nào tránh khỏi.

Rosamund Darnley và Kenneth Marshall ngồi trên lớp cỏ êm ái của vách đá nhìn xuống Vũng Hải Âu. Cái vịnh nhỏ này ở phía đông hòn đảo. Đôi khi người ta tới đây để tắm biển vào buổi sáng khi muốn được bình an.

Rosamund nói: “Thật tuyệt khi tránh xa mọi người.”

Marshall lăm bằm không nghe rõ: “Ờ... phải.” Anh lăn mình nằm xuống hít ngửi lớp cỏ mướt êm. “Thơm thật. Còn nhớ vùng đồi cỏ ở Shipley không?”

“Nhớ chứ.”

“Hồi ấy vui nhỉ?”

“Vâng.”

“Cô không thay đổi nhiều, Rosamund ạ.”

“Có chứ. Em đã thay đổi rất nhiều đó.”

“Cô đã rất thành công, giàu, có đủ mọi thứ, nhưng vẫn là cô em Rosamund ngày xưa.”

Rosamund thì thầm: “Ước gì em được như thế.”

“Được cái gì chứ?”

“Không có gì. Thật đáng tiếc phải không Kenneth, chúng mình không giữ được bản tính tốt đẹp và lý tưởng cao cả hồi còn trẻ nhỉ?”

“Anh không biết bản tính của cô đã có lúc tốt đẹp đấy, cô bé ạ. Cô vẫn thường có những cơn thịnh nộ kinh người. Có lần anh suýt chết ngạt khi cô lên cơn tam bành với anh đấy.”

Rosamund cười. “Anh còn nhớ cái ngày chúng mình dắt con chó Toby xuống sông bắt chuột xạ hay không?”

Họ dành mấy phút để hồi tưởng lại những cuộc phiêu lưu khi xưa.

Rồi sau đó đến một khoảnh khắc tạm dừng.

Rosamund mân mê cái móc trên túi xách.

Sau cùng cô hỏi lại:

“Kenneth này?”

“Ờ,” lời đáp lại của anh không rõ ràng. Kenneth vẫn nằm úp mặt trên thảm cỏ.



“Nếu em nói với anh điều gì đó có lẽ hỗn láo quá đáng, anh sẽ không bao giờ nói chuyện với em nữa chứ?”

Anh lặn mình ngồi dậy.

“Anh nghĩ mình sẽ không bao giờ,” anh nói thật nghiêm túc, “xem bất cứ điều gì cô nói là hỗn láo cả. Cô biết đấy, cô là chỗ thân tình mà?”

Cô gật đầu chấp nhận tất cả ý nghĩa của cụm từ sau cùng ấy. Chỉ che giấu niềm vui thích mà nó đem đến cho cô.

“Kenneth, sao anh không ly dị đi?”

Mặt anh biến sắc rồi đánh lại - vẻ hạnh phúc biến mất hẳn. Anh lấy ống điều từ trong túi ra rồi nhồi thuốc vào.

Rosamund nói: “Em xin lỗi nếu đã làm cho anh bức mình.”

Kenneth bình thản đáp: “Cô chẳng làm cho anh bức mình đâu?”

“Thế thì vì sao anh lại không ly dị?”

“Cô không hiểu đâu, cô em thân mến ạ?”

“Có phải anh - yêu cô ta kinh khủng quá không?”

“Không phải vì chuyện ấy đâu. Anh đã kết hôn với cô ấy mà.”

“Em biết rồi. Nhưng mà - cô ta đã mang tai mang tiếng.”

Kenneth vừa ngẫm nghĩ một lát, vừa ấn thuốc lá xuống thật kỹ lưỡng.

“Mang tai mang tiếng ư? Anh cho là có đấy.”

“Anh có thể ly dị với cô ta mà, Ken.”

“Cô em thân mến ạ, cô không việc gì phải nói ra một điều như thế. Chỉ vì đàn ông hơi say đắm cô ấy một chút không thể nói là cô ấy cũng say đắm họ.”

Rosamund nghiền ngẫm kỹ một lời đối đáp. Rồi cô nói:

“Anh có thể sắp xếp để cô ta đòi ly dị với anh, nếu anh thích cách ấy hơn.”

“Anh dám nói mình có thể làm như thế.”

“Anh cần phải làm thế, Ken ạ. Thật tình ý em là thế đó. Có một đứa con mà.”

“Linda à?”

“Vâng, là Linda.”

“Linda liên can gì đến chuyện ấy chứ?”

“Arlena không hợp với con bé. Thật sự là như thế. Em nghĩ Linda cảm thấy hết sức tồi tệ.”

Marshall châm một que diêm vào ống điếu. Giữa hai lần bập bập khói thuốc anh nói: “Phải - có gì đó trong chuyện ấy. Anh cho rằng Arlena và Linda không hợp nhau lắm. Có lẽ chẳng thích hợp với một con bé. Có hơi phiền phức một chút.”

“Em thích Linda - thích lắm. Nó có gì đó - thật tuyệt.”

“Nó giống mẹ nó. Khó tính y như Ruth.”

“Thế anh không nghĩ - thật sự - anh cần phải tống khứ Arlena đi hay sao?”

“Thu xếp một cuộc ly dị à?”

“Vâng. Người ta ly dị suốt ấy mà.”

Bỗng dưng Kenneth Marshall nói mãnh liệt:

“Đúng. Và đó chính là điều anh rất ghét.”

“Ghét sao?” Cô giật mình kinh ngạc.

“Phải. Đạo này thường có quan điểm sống kiểu ấy. Nếu nhận làm một việc và không thích nó, thế thì cứ việc thoát khỏi nó càng sớm càng tốt. Chết tiệt, phải có cái gì gọi là thiện ý chứ. Nếu ta kết hôn với một phụ nữ và hứa hẹn chăm sóc cho cô ấy thế thì đấy là do ta muốn làm vậy. Đấy là việc khó khăn phức tạp. Ta đã gánh vác trách nhiệm rồi mà. Anh chán chuyện kết hôn vội rồi dễ dàng ly dị. Arlena là vợ của anh, chỉ có thế thôi.”

Rosamund chồm người tới trước. Cô hạ giọng nói: “Vậy ra anh là người như thế đó? “Cho đến khi cái chết chia lìa đôi lứa” hay sao?”

Kenneth Marshall gật đầu. “Đúng thế.”

“Em hiểu rồi,” cô nói.

Đang đi xuống một lối đi nhỏ hẹp quanh co trở về Vịnh Leathercombe, ông Horace Blatt suýt đụng phải Christine Redfern ở một góc đường.

Trong lúc cô ép sát mình vào hàng rào, ông đập phanh thật mạnh để thẳng gấp chiếc Sunbeam lại.

“Ô là la,” ông Blatt tươi cười nói.

Đó là một người đàn ông to bè bè khuôn mặt đỏ và một vành tóc đỏ đỏ quanh một chỗ bị hói bóng loáng trên đầu. Rõ ràng ông có tham vọng trở thành sức sống và linh hồn của bất cứ nơi nào ông tình cờ vào đó. Theo ý kiến mà ông phát biểu hơi ồn ào một chút, Khách sạn Hải Tặc cần phải làm cho tươi sáng lên. Ông thật bối rối vì cái kiểu người ta dường như biến đi đâu mất khi ông xuất hiện.

“Suýt biến cô thành mứt dâu rồi nhỉ?” ông nói vui.

“Vâng, đúng thế.”

“Lên xe đi,” ông bảo.

“Thôi, cảm ơn. Tôi đi bộ được rồi.”

“Vớ vẩn,” ông nói. “Ô tô để làm gì kia chứ?”

Xiêu lòng vì thấy cần thiết, Christine Redfern leo lên xe.

Ông Blatt khởi động lại động cơ đã ngừng lại do trước đó phanh gấp. Ông hỏi thăm:

“Cô làm gì mà lại đi vợ vẫn có một mình thế? Không ổn chút nào với một người đẹp như cô.”

Christine vội đáp: “Ôi, tôi thích đi một mình.”

Ông thúc khuỷu tay một cái thật khủng khiếp vào cô ta, cùng lúc đó suýt đâm xe vào hàng rào.

“Các cô lúc nào cũng nói thế. Chẳng phải ý họ vậy đâu. Cô biết đấy, Khách sạn Hải Tặc ấy cần được làm cho vui tươi lên một tí. Nó chẳng có gì vui vẻ cả. Trong ấy chẳng có sinh khí. Dĩ nhiên có khá nhiều hình nộm lưu trú ở đấy. Trước tiên là rất nhiều trẻ con và còn rất nhiều lão già cổ hủ nữa. Có lão người Anh gốc Ấn Độ hết sức khó chịu và ông cha xứ sung sức, mấy người Mỹ cứ lải nhải nói mãi và người ngoại quốc để ria mép ấy - hàng ria mép của ông ta khiến tôi phải bật cười. Hẳn ông ta là thợ làm tóc, cái gì đấy đại loại như thế.”

Christine lắc đầu. “Ô không phải đâu, ông ta là thám tử đấy.”

Ông Blatt lại để cho chiếc xe suýt đâm vào hàng rào. Ông hỏi:

“Thám tử sao? Cô muốn nói ông ta đang cải trang à?”

Christine thoáng mỉm cười.

“Ồ, không phải đâu, thật ra ông ta lúc nào cũng thế. Là Hercule Poirot đấy. Chắc hẳn ông từng nghe nhắc đến rồi.”

“Tôi không kịp nhớ ra tên ông ta. À phải rồi, tôi từng nghe nhắc đến ông ta. Nhưng tôi tưởng ông ta đã chết rồi. Mẹ kiếp, ông ta chết đi mới phải chứ. Điều tra cái gì ở dưới này thế?”

“Chẳng điều tra gì cả - đi nghỉ hè thôi.”

“À, có thể như thế,” ông Blatt có vẻ nghi ngờ. “Trông hơi giống một gã hay tếu táo nhỉ?”

“À,” Christine ngập ngừng đáp lại. “Có lẽ hơi khác thường một chút.”

“Ý tôi muốn nói là có chuyện gì không ổn với Scotland Yard à? Tôi thấy người Anh thật phiền phức.”

Ông xuống tới chân đồi và, với một tiếng còi inh ỏi đặc trưng, lái xe chạy vào trong gara của Khách sạn

Hải Tặc, vì thủy triều lên nên nằm trên đất liền đối diện với khách sạn.

Linda Marshall đang ở trong một cửa hiệu nhỏ đáp ứng nhu cầu của khách đến viếng thăm Vịnh Leathercombe. Một bên dành hết cho các kệ sách có thể mượn về với hai xu. Những quyển mới nhất cũng đã mười năm tuổi, một số hai mươi năm, nhiều cuốn còn cũ hơn.

Trước tiên cô bé lấy một quyển rồi sau đó một quyển nữa từ trên kệ sách với vẻ hoài nghi và liếc nhìn vào trong kệ. Nó quyết định chẳng thể nào đọc nổi quyển *The Four Feathers* hay *Vice Versa*. Nó lấy ra một quyển sách nhỏ dày khắc, bìa da màu nâu.

Thời gian trôi qua...

Giật mình một cái cô bé nhét quyển sách trà vào trong ngăn kệ khi Christine Redfern cất tiếng:

“Cháu đang đọc gì đấy, Linda?”

Linda vội đáp: “Không gì cả. Cháu đang tìm một quyển sách ạ.”

Nó lôi bừa ra quyển *Cuộc hôn nhân của William Ashe* rồi vừa tiến tới quầy thu ngân vừa mò tìm hai đồng xu.

Christine nói: “Ông Blatt vừa mới lái xe chở cô về - sau khi suýt nữa đã đụng trúng cô. Thật tình cô cảm thấy chẳng thể nào cùng cuộc bộ với ông ấy qua cả con đường đắp cao, nên đã nói là phải mua vài món hàng.”

“Ông ấy thật khiếp, cô nhỉ?” Linda nói. “Lúc nào cũng khoe mình giàu có và cứ nói những câu bông đùa dở tệ chịu không nổi.”

“Tội nghiệp ông ấy. Người ta thật sự thấy hơi tội nghiệp cho ông ta.”

Linda không đồng tình. Nó thấy ông Blatt chẳng có gì đáng thương hại cả. Nó còn trẻ và nhẫn tâm.

Nó ra khỏi cửa hiệu cùng với Christine rồi đi xuống về phía con đường đắp cao.

Linda bận rộn với những suy nghĩ riêng. Nó thích Christine Redfern. Theo Linda, Christine và cô Rosamund Damiey là những người duy nhất có thể chịu đựng được trên hòn đảo này. Cả hai không hề nói đi nói lại về một chuyện. Bây giờ khi đang cùng với Christine chẳng nói chẳng rằng, Linda nghĩ như thế mới là phải lẽ. Nếu chẳng có gì đáng nói, sao lúc nào cũng phải kiếm chuyện phỉếm mà nói cơ chứ?”

Nó lạc vào những suy nghĩ rồi bời.

Bất chợt nó hỏi: “Cô Redfern này, có bao giờ cô cảm thấy mọi thứ đều quá đáng sợ - quá khủng khiếp - đến nỗi cô sẽ - ôi, nổ tung...?”

Những lời lẽ gần như khô hạn, nhưng khuôn mặt cau lại có vẻ bồn chồn lo lắng của Linda chẳng hề khô hạn. Ban đầu Christine nhìn Linda với ánh mắt mơ hồ rõ là không hiểu nổi, quả thật cô thấy chẳng có gì để cười cợt...

Christine thở hắt nói: “Có - có - cô đã có lúc cảm thấy - đúng như thế...”

Ông Blatt hỏi: “Thế ông là thám tử lừng danh ấy, hử?” Họ đang ở quầy rượu, nơi ông Blatt khoái lai vãng nhất.

Hercule Poirot công nhận lời nhận xét đó với sự thiếu khiêm tốn như thường lệ.

Ông Blatt tiếp tục: “Và ông đang làm gì ở dưới này - đang làm việc à?”

“Không, không phải. Tôi đang nghỉ ngơi.”

Ông Blatt nháy mắt. “Là ông nói thế thôi, đúng không?”

Poirot đáp: “Không nhất thiết phải vậy đâu.”

“Ôi! Này này! Với tôi ông cứ yên tâm. Tôi không rêu rao lại tất cả những gì mình nghe thấy đâu! Hẳn sẽ không tiếp tục được con đường của mình nếu như chẳng biết cư xử. Nhưng ông biết hầu hết mọi người làm gì - cứ lách cha lách chách mọi chuyện họ nghe được! Giờ ông không chịu nổi chuyện đó! Chính vì thế ông phải giấu là mình đến đây để nghỉ hè chứ chẳng làm chuyện gì khác.”

Poirot hỏi: “Và tại sao ông lại cho là ngược lại?”

Ông Blatt nheo một mắt nói: “Tôi là người từng trải. Biết rõ đáng vẻ bên ngoài của một con người. Một người như ông sẽ đến sông bạc Deauville hay Le Touquet hoặc xuống Rừng Thông Juan. Đây là - thành ngữ gì ấy nhỉ? - là nơi trú ngụ tinh thần của ông.”

Poirot thở dài. Ông nhìn ra cửa sổ. Mưa đang rơi và sương mù vây quanh hòn đảo.

“Có thể ông nói đúng! Ở đó ít nhất lúc thời tiết ẩm ướt thường có những trò tiêu khiển.”

“Casino muôn năm!” ông Blatt nói. “Ông biết không, tôi đã phải làm việc khá vất vả gần hết cả đời. Chẳng có thời gian nghỉ lễ hay hưởng món ngon vật lạ. Tôi quyết định sẽ thành đạt và đã thành đạt rồi. Bây giờ tôi có thể làm những gì mình thích. Tiền của tôi cũng nhiều như ai. Tôi đã hiểu chút ít về cuộc đời, xin nói cho ông biết.”

Poirot lẩm bẩm: “À, vậy sao?”

“Chẳng hiểu sao tôi lại đến nơi này nữa,” ông Blatt nói tiếp.

Poirot nhận xét: “Tôi cũng thắc mắc như vậy đấy.”

“Này, thắc mắc cái gì thế?”

Poirot phẩy tay nói thật hùng hồn:

“Không phải tôi không biết nhận xét đâu. Tôi nghĩ gần như chắc chắn ông sẽ chọn sông bạc Deauville hay Biarritz.”

“Thay vì thế, cả hai chúng ta đều đến đây, hử?” Ông Blatt cười khục khặc. “Thật tình không hiểu sao tôi lại đến đây.” Ông trầm ngâm suy nghĩ. “Chắc là nghe có vẻ lảng mạn. Khách sạn Hải Tặc. Đảo Buôn Lậu. Kiểu địa chỉ ấy làm cho ta buồn cười. Khiến ta nghĩ đến lúc mình còn là một thằng nhãi ưa chơi trò cướp

biển và buôn lậu, đủ điều đủ chuyện.”

Ông cười hơi ngượng ngập.

“Lúc còn nhỏ, tôi từng lái thuyền buồm đi chơi một chút. Không phải ở vùng này đâu. Ra khơi ở vùng bờ biển phía đông. Thật lạ là kiểu sở thích ấy chẳng bao giờ hoàn toàn rời bỏ ta. Tôi có thể mua một du thuyền tuyệt vời nhất tùy thích nhưng không hiểu sao thật tình tôi không có sở thích ấy. Tôi thích ngao du trên thuyền nhỏ hai buồm. Redfern cũng ham mê lái thuyền buồm. Cậu ấy từng ra khơi với tôi một hai lần rồi. Bây giờ không giữ được cậu ấy - lúc nào cũng quanh quẩn bên cô vợ tóc đỏ của Marshall.”

Ông ta tạm dừng lại rồi hạ giọng nói tiếp.

“Hầu hết mọi người đều là những que củi khô trong khách sạn này! Cô vợ của Marshall gần như là người duy nhất còn có sinh khí! Tôi nghĩ ông chồng có lý do phải trông chừng cô ta. Đủ điều đủ chuyện về cô ta vào cái thời còn diễn trên sân khấu - và về sau này nữa! Đàn ông gục đổ dưới chân cô ta. Rồi sẽ có ngày xảy ra chuyện rắc rối cho mà xem.”

Poirot hỏi: “Rắc rối kiểu nào vậy?”

Horace Blatt đáp: “Chuyện ấy còn tùy. Xin nói về Marshall, ông ta là người có tính khí kỳ khôi. Thực tế tôi biết ông ta là người như thế. Từng nghe kể một chuyện về ông ta. Tôi từng gặp kiểu người trầm lặng ấy. Chẳng bao giờ biết đường nào mà lẫn với loại người ấy. Redfern nên coi chừng đấy.”

Ông đột nhiên ngừng lại khi người ông vừa nhắc tới bước vào quầy rượu. Ông tiếp tục nói lớn tiếng có vẻ ngượng ngập:

“Và như tôi nói đấy, lái thuyền buồm quanh bờ biển này cũng có cái thú của nó. Chào Redfern, uống với tôi một ly nhé? Cậu dùng gì? Martini không pha hả? Tốt. Còn ông thì sao, Poirot?”

Thám tử lắc đầu. Patrick Redfern ngồi xuống rồi nói:

“Lái thuyền buồm sao ạ? Đây là thú vui tuyệt nhất trần đời. Ước gì tôi có thể tham gia nhiều hơn. Lúc còn bé tôi mà rảnh là lại lao lên một chiếc thuyền buồm nhỏ quanh bờ biển này.”

Poirot hỏi: “Vậy là anh biết rõ vùng này hả?”

“Dĩ nhiên! Tôi biết nơi này trước khi có khách sạn cơ. Chỉ có vài ngôi nhà nhỏ của dân chài ở Vịnh Leathercombe và một ngôi nhà cổ gần sụp đổ đóng cửa kín mít, trên đảo này.”

“Có một ngôi nhà ở đây hả?”

“À có đấy, nhưng nhiều năm chẳng có ai ở trong ấy cả. Gần như sụp đổ. Trước đây thường có đồn đại về những lối đi bí mật từ ngôi nhà ấy ra đến Động Tiên. Còn nhớ chúng tôi vẫn luôn tìm kiếm lối đi bí mật ấy.”

Horace Blatt đánh đổ rượu, ông chửi rửa, lau người rồi hỏi:

“Động Tiên này là cái gì thế?”

Patrick trả lời:

“Ôi, ông không biết sao? Nó ở trên Vững Tiên. Không dễ tìm được lối vào trong ấy đâu. Nó ở giữa rất nhiều tảng đá mòn chất đồng ở một đầu. Chỉ là một khe nứt dài và hẹp. Chỉ có thể ép mình len qua đấy. Bên trong mở rộng ra thành một cái động hết sức lớn. Có thể hình dung chuyện đó thật vui thú xiết bao với một thằng bé. Một lão dân chài đã chỉ nó cho tôi. Ngày nay ngay cả dân chài cũng chẳng biết đến nó. Hôm nọ tôi hỏi một ông vì sao nơi ấy gọi là Vững Tiên mà ông ta không biết.”

Poirot nói: “Nhưng tôi vẫn không hiểu. Tiên này là tiên gì vậy?”

Patrick Redfern đáp:

“Ôi, đấy là kiểu mẫu điển hình của vùng Devonshire. Có động tiên ở Sheepstor trên Bãi Hoang. Phải bỏ lại một kẹp tóc làm quà cho tiên. Đấy là thần tiên của bãi đất hoang.”

Poirot nói: “A! Thật là thú vị đó.”

Patrick nói tiếp:

“Còn rất nhiều chuyện truyền tụng về tiên trên vùng Dartmoor. Có những hòn núi người ta bảo thường có tiên cưỡi ngựa rong chơi, và chắc là các chủ trại trở về nhà sau một đêm trong rừng rậm vẫn còn than phiền vì bị tiên dẫn lối đưa đường.”

Blatt hỏi: “Cậu muốn nói khi họ đã bắt cặp với nhau à?”

Patrick Redfern mỉm cười đáp:

“Chắc chắn đấy là lẽ thường tình!”

Ông Blatt nhìn đồng hồ đeo tay.

“Tôi vào dùng bữa tối đây. Nói chung tôi thích cướp biển nhất, chứ chẳng thích thần tiên đâu, Redfern ạ.”

Patrick Redfern bật cười khi ông ta đi ra ngoài.

“Tin tôi đi, tôi muốn thấy chính ông già này bị tiên dẫn lối đưa đường.”

Poirot nhận xét với vẻ trầm tư:

“Là doanh nhân dạn dày kinh nghiệm, mà hình như ông Blatt có trí tưởng tượng rất lãng mạn.”

“Chỉ vì ông ta chưa được giáo dục đến nơi đến chốn. Hay là vợ tôi thường nói như thế. Hãy xem ông ta đọc cái gì đi! Chẳng có gì ngoài những truyện kinh dị hay chuyện Miền Tây Hoang Dã.”

“Ông muốn nói ông ấy vẫn còn tâm tính của một cậu bé hay sao?”

“À, ông không nghĩ thế sao, thưa ông?”

“Tôi thì chưa hiểu được nhiều về ông ấy.”

“Tôi cũng chưa. Từng lái thuyền buồm ra biển với ông ta chừng một hai lần - nhưng thật ra ông ta chẳng thích có bất cứ ai đi cùng. Ông ta thích đi một mình hơn.”

“Chuyện đó quả là kỳ lạ. Thật đặc biệt, chẳng giống thói quen của ông ấy khi lên bờ.”

Redfern cười lớn. “Tôi biết. Tất cả chúng ta có chút khó khăn khi cố tránh xa ông ta. Ông ta muốn biến chỗ này thành một nơi pha tạp giữa quán rượu Margate và sông bạc Le Touquet.”

Poirot không nói gì một lúc lâu. Ông đang nghiên cứu nét mặt tươi cười của anh bạn trẻ rất chăm chú. Đột nhiên ông nói thật bất ngờ:

“Chắc ông Redfern đây thích hưởng thụ cuộc sống.”

Patrick ngạc nhiên ngó ông lom lom. “Quả đúng như thế. Sao lại không chứ?”

“Quả thật sao lại không,” Poirot đồng ý. “Tôi xin chúc mừng ông về điều đó.”

Khẽ mỉm cười, Patrick Redfern nói: “Cảm ơn ông.”

“Chính vì vậy, là một người lớn tuổi, lớn hơn ông rất nhiều, tôi mạo muội khuyên ông một điều.”

“Gì thế, thưa ông?”

“Một ông bạn rất khôn ngoan trong lực lượng cảnh sát cách đây nhiều năm từng nói với tôi: *Này anh bạn Hercule, nếu muốn được yên thân thì tránh xa đàn bà đi nhé!*”

“Tôi e là hơi muộn mất rồi, thưa ông. Tôi đã có vợ, ông biết rồi mà.”

“Tôi biết chứ. Vợ ông là một phụ nữ rất duyên dáng, rất hoàn hảo. Tôi nghĩ cô ấy yêu ông lắm đó.”

Patrick Redfern gật: “Tôi rất yêu cô ấy.”

“A, tôi rất vui khi nghe anh nói như vậy.”

Patrick cau mày, giọng anh ta chột như sấm nổ. “Này ông Poirot, ông đang nói đến cái gì thế?”

“*Les Femmes*.” Poirot nghiêng người tới trước, đôi mắt lim dim. “Tôi biết được đôi điều về phụ nữ. Họ có khả năng làm cho cuộc sống thành ra rắc rối, phức tạp chẳng chịu nổi. Còn người Anh thì xử lý chuyện của mình thật lạ lùng. Nếu nhất thiết phải tới đây, ông Redfern à, nhân danh Chúa, ông có mang vợ theo làm gì?”

Redfern giận dữ đáp lại: “Tôi chẳng hiểu ông muốn nói cái gì nữa.”

Poirot nói thật điềm tĩnh:

“Ông hoàn toàn hiểu được mà. Tôi đâu ngờ nghịch tới nỗi đi tranh cãi với một người đàn ông đang mê đắm. Chỉ nhắc ông cẩn thận thôi.”

“Ông lại nghe lời gièm pha phỉ báng chết tiệt. Bà Gardener, cái bà Brewster ấy - chỉ đưa chuyện suốt ngày



là giỏi. Chỉ vì một phụ nữ xinh đẹp - bọn họ cứ đả kích, như đổ ập xuống cô ta một bao than đá.”

Poirot đứng lên, khẽ lẩm bẩm:

“Có thật ông còn non trẻ như tất cả những gì ông nói hay không?”

Vừa lắc đầu ông vừa rời khỏi quây rượu. Patrick Redfern giận dữ nhìn theo.

Từ trong phòng ăn đi ra, Hercule Poirot tạm dừng lại trong sảnh. Cửa đang mở - một làn hơi dịu mát ban đêm lùa vào. Mưa đã tạnh, sương mù đã tan. Lại là một đêm thật tuyệt.

Ông gặp Christine Redfern đang ngồi ở chỗ cô thích nhất trên gành đá. Dừng lại bên cạnh, ông nói:

“Chỗ ngồi này thật ấm ướt. Cô không nên ngồi đây. Sẽ bị cảm lạnh đó.”

“Không đâu ạ. Không sao đâu ạ.”

“Ái chà chà, cô đâu phải là trẻ con. Là một phụ nữ có học thức, cô phải xem xét mọi việc có lý lẽ chứ.”

Cô lạnh lùng đáp lại:

“Tôi có thể bảo đảm với ông tôi không bao giờ bị nhiễm lạnh đâu.”

“Cả một ngày rất ấm ướt. Mưa gió, sương mù khắp nơi, tới nỗi chẳng thể nào nhìn xuyên qua. *Eh bien*, bây giờ thì ra sao rồi? Sương mù đã tan, trời quang mây tạnh, và trên cao sao trời lấp lánh. Thật sinh động như cuộc sống, thưa bà.”

Christine hạ giọng nói thật hung hăng:

“Ông có biết tôi chán điều gì nhất ở nơi này không?”

“Điều gì vậy, thưa bà?”

“Lòng thương hại.”

Thốt ra lời lẽ đó như một tiếng roi quất nhẹ, cô nói tiếp:

“Ông tưởng tôi không biết hay sao? Không thấy được hay sao? Lúc nào người ta cũng nói mãi: *Tội nghiệp bà Redfern - người phụ nữ nhỏ bé đáng thương*. Mà tôi cũng đâu có nhỏ bé, tôi cao lớn mà. Họ nói nhỏ bé vì thương hại tôi thôi. Và tôi chẳng chịu nổi!”

Hercule Poirot thận trọng trải khăn tay làm tấm lót rồi mới ngồi xuống. Có vẻ đắm chiêu suy nghĩ, ông nói: “Có chuyện gì đó thì phải.”

“Người đàn bà ấy...” Christine nói rồi ngừng lại.

Poirot nghiêm giọng hỏi:

“Cô có cho phép tôi được nói một điều hay không, thưa cô? Một điều cũng có thật như sao trời trên đầu chúng ta, được không? Cái cô Arlena Stuart - hay là Arlena Marshall đó - trên đời này — không đáng

quan tâm đâu.”

“Vớ vẩn.”

“Xin cam đoan với cô là đúng như vậy đó. Quyền năng tuyệt đối của họ chỉ có giá trị nhất thời thôi. Để đáng được quan tâm - thật sự đáng quan tâm - phụ nữ phải có lòng tốt hoặc trí tuệ.”

Christine tỏ vẻ khinh miệt.

“Ông nghĩ đàn ông quan tâm đến lòng tốt hay trí tuệ à?”

Poirot nghiêm giọng đáp: “Về căn bản thì đúng như vậy đó.”

Christine cười khẩy. “Tôi không đồng ý với ông.”

“Chồng cô yêu cô đấy. Tôi biết điều đó.”

“Ông không thể nào biết được đâu.”

“Được, được chứ. Tôi biết điều đó. Từng thấy ông ấy nhìn cô mà.”

Bất đồ Christine sụp đổ. Tựa vào bờ vai nâng đỡ của Poirot, nước mắt tuôn trào.

“Tôi không chịu nổi... Không chịu nổi...”

Vỗ vỗ lên cánh tay cô, Poirot dỗ dành:

“Kiên nhẫn - chỉ cần kiên nhẫn.”

Christine ngồi thẳng dậy, lấy khăn tay lau nước mắt rồi nói với giọng nghèn nghẹt:

“Không sao cả. Bây giờ tôi đỡ rồi. Cứ đi đi! Tôi thích - thích ở một mình hơn.”

Ông nghe theo, để cô ngồi lại đó rồi theo lối mòn quanh co đi xuống khách sạn.

Khi gần tới nơi, bỗng nghe có tiếng thì thầm. Ông rẽ sang một bên lối mòn một quãng rất ngắn. Có một khoảng trống trong những lùm cây.

Ông thấy Arlena Marshall và Patrick Redfern đang ở bên cạnh cô ta. Giọng người đàn ông rộn ràng cảm xúc:

“Anh mất trí vì em rồi - mất trí - em đã khiến anh phát điên lên... Em quả có để ý một chút - có để ý chứ?”

Trông thấy khuôn mặt của Arlena Marshall - ông nghĩ giống như một con mèo mướt mà sung sướng -đó là một con thú chứ không phải con người.

Cô ta đáp thật dịu dàng:

“Dĩ nhiên rồi, Patrick anh yêu, em yêu quý anh lắm. Anh biết mà...”

Lần này Hercule Poirot ngắt cuộc nghe trộm của mình. Ông trở ra lối mòn rồi tiếp tục đi xuống khách sạn. Chợt một bóng người đến gần ông. Đó là đại úy Marshall. Anh ta nói: “Một đêm thật là đặc biệt phải không? Sau một ngày tồi tệ.” Anh ngược nhìn lên bầu trời. “Có lẽ ngày mai thời tiết sẽ rất tuyệt.”

Buổi sáng ngày 25 tháng 8 bắt đầu thật rạng rỡ, không một bóng mây. Một buổi sáng rất quyến rũ, ngay cả một kẻ mắc cái bệnh lười nhác kinh niên cũng dậy sớm.

Rất nhiều người ở Khách sạn Hải Tặc dậy sớm sáng hôm đó.

Lúc tám giờ Linda ngồi trước bàn phấn, lật úp một quyển sách nhỏ bìa da thật dày, lóng ngóng mở ra rồi nhìn mặt mình trong gương. Môi cô bé mím chặt và con người trong mắt cô thu nhỏ lại.

“Mình sẽ làm thế thôi...” cô bé thì thào.

Cởi bộ pyjama ra, Linda mặc áo tắm vào. Nó nhanh tay khoác lên mình cái áo choàng và buộc dây đôi giày vải đế bện thường đang mang trên chân.

Nó ra khỏi phòng rồi đi dọc theo hành lang. Cuối hành lang đó cánh cửa mở ra ban công dẫn tới một cầu thang ở bên ngoài xuống thẳng các tầng đá bên dưới khách sạn. Có một cái thang nhỏ bằng sắt gắn chặt vào tầng đá dẫn xuống nước được nhiều khách trọ dùng khi muốn ngâm mình trước bữa điểm tâm vì đỡ mất thời gian hơn đi xuống bãi tắm chính.

Khi Linda bắt đầu đi xuống từ ban-công thì gặp bố đang đi lên.

“Con dậy sớm quá, đi ngâm mình à?” ông bố hỏi.

Linda gật đầu. Hai cha con đi ngang qua nhau.

Tuy nhiên thay vì tiếp tục leo xuống tầng đá, Linda lại đi vòng qua khách sạn, tới tận lối mòn dẫn xuống con đường đắp cao nối khách sạn với đất liền. Thủy triều đang lên và con đường ấy bị ngập nước, nhưng chiếc thuyền chở khách trọ được buộc vào một cầu tàu nhỏ. Lúc đó người phụ trách việc ấy vắng mặt. Linda lên thuyền, tháo dây buộc rồi tự mình chèo qua.

Nó buộc chặt chiếc thuyền ở bờ bên kia, đi bộ lên con dốc qua gara của khách sạn rồi đi tiếp tới tận cửa hàng bách hóa.

Bà chủ tiệm vừa mới hạ cửa chớp xuống và đang bận quét sàn nhà. Bà có vẻ kinh ngạc khi trông thấy Linda:

“Này cháu, dậy sớm thật đấy.”

Linda cho tay vào túi áo choàng tắm, lấy ra một mớ tiền. Nó tiến tới để mua hàng.

Christine Redfern đang đứng trong phòng Linda khi cô bé về tới.

“Ôi, cháu đây rồi,” Christine kêu lên. “Cô cứ tưởng cháu vẫn chưa thức dậy chứ.”

“Không, cháu vừa đi tắm biển ạ,” cô bé nói.

Để ý thấy cái gói trên tay Linda, Christine ngạc nhiên nói: “Bữa điện hôm nay đến sớm thật.”

Linda đỏ mặt, luống cuống. Nó vốn có tính hay bồn chồn lo lắng nên gói hàng tuốt khỏi tay. Sợi dây mỏng mảnh bị đứt và một số món trong gói lăn ra sàn nhà.

Christine kêu lên:

“Cháu mua nển làm gì thế?”

Nhưng để cho cô bé bớt buồn, Christine không đợi trả lời mà nói tiếp trong khi giúp nhặt lên mấy cây nển lên khỏi sàn nhà:

“Cô vào để hỏi cháu sáng nay có muốn cùng cô đến Vũng Hải Âu không. Cô muốn phác họa ở đây.”

Linda sốt sắng nhận lời.

Vài ngày vừa rồi nó đã hơn một lần tháp tùng Christine đi vẽ phác họa rồi. Christine vẽ cũng không chuyên gì, nhưng chắc cô vẽ là để tôn lại niềm kiêu hãnh từ khi chồng cô giờ đây dành hết thời gian để đi với Arlena Marshall.

Thời gian qua, Linda Marshall mỗi ngày một rầu rĩ và cáu kỉnh hơn. Cô bé thích đi với Christine vì cô ấy mãi mê công việc nên rất ít nói. Linda cảm thấy như vậy cũng tốt, gần như ở một mình và thật kỳ lạ là nó khao khát kiểu bầu bạn đó. Có một mối đồng cảm sâu sắc giữa nó và người phụ nữ ấy, có lẽ do cả hai căm ghét một người.

Christine nói: “Cô sẽ chơi quần vợt lúc mười hai giờ, vì thế chúng ta nên khởi hành sớm. Mười giờ rưỡi được không?”

“Được ạ. Cháu sẽ chuẩn bị sẵn sàng. Gặp cô trong sảnh nhé.”

Vừa rảo bước ra khỏi phòng ăn sau một bữa điểm tâm rất muộn, Rosamund Darnley bị Linda đụng phải khi cô bé chạy nhanh xuống cầu thang.

“Ôi, xin lỗi cô Darnley.”

Rosamund nói: “Buổi sáng thật đẹp trời, phải không cháu? Hầu như không tin được sau một ngày như hôm qua.”

“Cháu biết ạ. Cháu sắp đi với cô Redfern đến Vũng Hải Âu. Hẹn gặp cô ấy lúc mười giờ rưỡi. Chắc muộn mất rồi.”

“Chưa đâu, chỉ mới mười giờ hai mươi lăm thôi.”

“Ôi! May quá.”

Cô bé thở hển hển và Rosamund tò mò hỏi:

“Cháu không sốt đó chứ, Linda?”

Mắt cô bé sáng rực và có hai mảng màu ửng đỏ trên đôi má.

“Ô, không đâu. Cháu không sốt đâu ạ.”

Rosamund mỉm cười.

“Thật là một ngày quá đẹp nên cô thức dậy để đi dùng điểm tâm. Cô thường ăn sáng trên giường. Nhưng hôm nay cô đi xuống đối mặt với món trứng và thịt lợn muối xông khói như một người đàn ông.”

“Cháu biết - sau ngày hôm qua quá tuyệt vời. Buổi sáng Vũng Hải Âu tuyệt lắm. Cháu sẽ bôi rất nhiều dầu để da chuyển sang màu nâu rõ rệt ạ.”

“Phải, Vũng Hải Âu thật tuyệt vào buổi sáng. Và yên tĩnh hơn bãi biển ở đây.”

Linda nói, hơi bẽn lèn: “Cô cũng đến nhé!”

Rosamund lắc đầu. “Sáng nay không được. Cô bận việc khác rồi.”

Christine Redfern đi xuống cầu thang. Cô mặc bộ pyjama đi biển mềm mại rộng thùng thình, có tay áo dài và ống quần rộng bằng chất liệu màu xanh lá với họa tiết màu vàng.

Rosamund cố lắm mới không buột miệng nói với Christine rằng màu vàng và xanh lá cây là hai màu hết sức không thích hợp với nước da đẹp hơi xanh xao của cô ta.

Vẫn luôn bức mình khi thấy người ta không có ý thức về quần áo đang mặc, Rosamund thầm nghĩ:

“Nếu mình giúp cô nàng chọn trang phục thì chắc tay chồng kia phải bật dậy mà ngắm. Arlena thì dù ngốc nghếch nhưng lại biết cách ăn mặc lắm. Cô vợ khốn khổ này thì trông y hệt như rau diếp héo.”

Cô nói thành lời: “Đi chơi vui vẻ nhé! Tôi ra Gành Năng đọc sách.”

Hercule Poirot ăn sáng trong phòng như thường lệ, với cà phê và mấy miếng bánh mì.

Thế nhưng vẻ đẹp của buổi sáng lại kéo ông ra khỏi khách sạn sớm hơn thường lệ. Ông xuống bãi tắm lúc mười giờ, sớm hơn thường lệ ít nhất nửa tiếng đồng hồ. Bãi tắm trống vắng, chỉ có một người.

Người đó là Arlena Marshall.

Mặc áo tắm màu trắng, đầu đội cái nón Trung Hoa, cô ta đang cố đưa cái bè gỗ màu trắng xuống nước. Poirot lịch thiệp tới giúp, đôi giày da trắng mềm mướt như nhung chìm dưới nước.

Cô ta cảm ơn ông với một cái liếc xéo. Ngay khi đang đẩy bè ra xa, cô ta gọi:

“Ông Poirot ơi!”

Poirot lao tới mép nước: “Gì vậy, thưa cô?”

“Giúp tôi một việc, được không?”

“Việc gì cũng được.”

Cô ta mỉm cười với ông, thì thào:

“Đừng cho bất cứ ai biết tôi ở đâu nhé!” Cô ta ngược mắt có ý khẩn cầu. “Ai cũng theo dõi xem tôi đi đâu. Tôi chỉ muốn đi một mình chỉ ít một lần này thôi.”

Cô ta chèo đi thật mạnh tay.

Poirot đi lên bãi biển. Ông lẩm bẩm tự nhủ:

“Ah *ca, jamais*. Mình không tin chuyện đó đâu, *par exemple*.”

Ông chẳng tin chuyện Arlena Stuart, gọi theo nghệ danh của cô ta, trong đời mình lại có lúc muốn ở một mình.

Hercule Poirot là người rành rẽ sự đời nên biết thừa. Chắc chắn Arlena Marshall đang có hẹn và Poirot biết rất rõ hẹn với ai.

Hay ông tưởng là mình biết rõ, nhưng ông lại phát hiện ngay tại đó mình đã sai lầm.

Bởi vì ngay khi cô ta đập dềnh vòng qua mũi đất của vịnh và mất dạng thì chồng cô ta – Kenneth Marshall – theo sát sau lưng Patrick Redfern từ khách sạn rảo bước xuống bãi biển.

Marshall gật đầu chào thám tử. “Chào ông Poirot. Có thấy vợ tôi ở đâu quanh đây không?”

Câu trả lời của Poirot rất ngoại giao.

“Vậy là bà nhà dậy sớm quá nhỉ?”

“Cô ấy không có trong phòng.” Anh ta ngược nhìn trời. “Một ngày thật đẹp. Tôi sẽ tắm ngay tức thì. Sáng nay phải đánh máy rất nhiều.”

Patrick Redfern, ít cởi mở hơn, hết ngó lên rồi lại nhìn xuống bãi biển. Anh ta ngồi xuống gần Poirot và chuẩn bị sẵn sàng để đợi nhân tình tới.

“Cô nhà đâu rồi?” Poirot hỏi. “Cô ấy cũng dậy sớm hay sao?”

“Christine á? Ôi, vợ tôi đi về rồi. Dạo này cô ấy lại mê về.” Anh ta đáp có vẻ sốt ruột, tâm trí rõ ràng để ở đâu đâu.

Thời gian qua đi, anh ta để lộ ra một cách quá thô thiển chuyện mình đang nóng lòng đợi Arlena đến. Mỗi lần nghe có tiếng bước chân, anh ta lại hăm hở quay đầu lại xem ai đang từ khách sạn đi xuống.

Thất vọng cứ tiếp nối thất vọng.

Trước tiên là vợ chồng nhà Gardener với đầy đủ đồ đan len và sách, rồi sau đó cô Brewster tới nơi.

Vẫn siêng năng như từ trước tới giờ, bà Gardener ngồi vào cái ghế của mình, bắt đầu vừa nhanh nhẹn đan len vừa nói chuyện:

“Này ông Poirot! Sáng nay bãi biển vắng thật đấy. Mọi người đâu cả rồi?”

Poirot trả lời rằng hai gia đình Masterman và Cowan, cả đám người trẻ tuổi, đã lên thuyền buồm đi chơi cả ngày.

“Vì sao không nghe tiếng họ cười và gọi nhau ới ới ở quanh đây lại thấy hoàn toàn khác hẳn nhỉ? Và chỉ có một người xuống tắm là đại úy Marshall.”

Marshall lúc này đã bơi xong. Anh vừa đi lên bãi biển vừa vung vẩy cái khăn tắm.

“Sáng nay dưới biển khá tốt,” anh nói. “Thật không may tôi có rất nhiều việc phải làm. Phải bắt tay vào việc thôi.”

“À, như thế thật quá tệ nhỉ, đại úy Marshall? Vào một ngày đẹp trời như thế này nữa. Ôi chao, chẳng phải hôm qua quá khủng khiếp hay sao? Tôi đã nói với ông nhà tôi nếu thời tiết cứ tiếp tục như thế, chúng tôi phải rời khỏi đây thôi. Thật là chán khi thấy sương mù khắp nơi trên đảo. Khiến ta có một cảm giác thật quái đản, nhưng tôi vẫn luôn ngờ vực khí trời mãi từ khi còn bé. Đôi khi tôi vẫn cảm thấy phải hét lên, hét lên mãi mới được. Và tất nhiên cha tôi rất bực mình chẳng chịu nổi. Nhưng mẹ tôi là một phụ nữ đáng yêu và bà nói với cha tôi: *Sinclair à, nếu con bé cảm thấy như thế thì cứ để cho nó làm như thế. La hét là cách nó bày tỏ ý kiến của nó.* Và tất nhiên là cha tôi đồng ý. Ông hết lòng yêu quý mẹ tôi và làm mọi việc bà bảo. Họ là một cặp đôi hoàn hảo đáng yêu, chắc hẳn ông Gardener cũng đồng ý với tôi. Họ là một đôi vợ chồng đặc biệt rất hiếm có, phải vậy không Odell?”

“Phải, em yêu à,” ông chồng đáp.

“Còn con gái ông sáng nay đâu rồi, đại úy Marshall?”

“Linda à? Tôi không biết. Chắc nó đang đi loanh quanh đâu đấy trên đảo.”

“Ông biết đó, đại úy Marshall à, tôi trông con bé ấy có hơi tiêu tụy. Nó cần được bồi dưỡng và đối xử hết sức cảm thông.”

Kenneth Marshall nói cộc lốc: “Linda không sao cả.”

Anh ta đi lên khách sạn.

Patrick Redfern không xuống nước. Anh ta hết ngồi chỗ này rồi chỗ nọ, ngóng về phía khách sạn một cách lộ liễu. Trông anh ta bắt đầu có vẻ hơi quạu quọ.

Cô Brewster thật hoạt bát vui tươi khi tới nơi. Cuộc chuyện trò vẫn sôi nổi như vào buổi sáng trước đó. Bà Gardener vẫn huyên thiên bàn chuyện phiếm, còn cô Brewster thì cứ đột nhiên lớn tiếng nói cụt ngắn ngắt ngang.

Sau cùng cô ta nhận xét: “Bãi biển có vẻ hơi trống vắng. Mọi người đi ngắm cảnh cả rồi hay sao?”

Bà Gardener đáp:

“Tôi vừa nói với ông nhà tôi mới sáng hôm nay thôi, đơn giản là chúng tôi phải đi du ngoạn lên vùng Dartmoor. Hết sức gần và nếu kết hợp cùng đi cả thì thật là quá lãng mạn. Tôi muốn tham quan cái nhà tù ấy - ở Princetown, phải không? Em nghĩ mình nên thu xếp ngay và mai sẽ đi đến đó, Odell à.”



“Phải, em yêu,” ông chồng đáp lại.

Hercule Poirot nói với cô Brewster:

“Cô sẽ xuống tắm chứ, Mademoiselle?”

“Ôi, tôi đã ngâm mình trước bữa điểm tâm rồi. Ai đấy còn suýt làm tôi vỡ đầu vì một cái chai. Vứt ra từ một cửa sổ của khách sạn.”

Bà Gardener nói: “Làm thế nguy hiểm hết sức. Tôi có một ông bạn rất thân bị động não chỉ vì một ống kem bằng thiếc rơi trúng ông ấy lúc đang ở ngoài phố - ném ra từ một cửa sổ ở tầng thứ ba mươi sáu. Một việc hết sức nguy hiểm. Ông ấy đã bị tổn hại rất lớn.” Bà bắt đầu lục lọi trong những cuộn len của mình. “Này Odell, chắc em đã không lấy cuộn len màu đỏ tía thứ nhì ấy. Ở trong ngăn kéo thứ nhì của bàn giấy trong buồng ngủ, hay có thể ở trong ngăn kéo thứ ba.

“Phải, em yêu à.”

Ông Gardener ngoan ngoãn đứng dậy và đi về khách sạn tìm. Bà vợ nói tiếp:

“Đôi khi tôi nghĩ có lẽ ngày nay chúng ta đang đi hơi quá xa. Những gì chắc hẳn xảy ra trong khí trời với tất cả những phát kiến vĩ đại của chúng ta và tất cả những sóng điện, quả tình tôi từng nghĩ điều ấy sẽ dẫn đến rất nhiều bất ổn tinh thần. Tôi thật sự cảm thấy có lẽ đã đến lúc phải gửi một thông điệp mới cho nhân loại. Tôi không rõ, ông Poirot à, ông đã bao giờ quan tâm đến những lời tiên tri từ các kim tự tháp hay chưa.”

“Chưa ạ,” Poirot đáp.

“À, tôi xin bảo đảm với ông chúng rất rất thú vị. Điều gì xảy đến với Matxcơva ở đích xác một trăm dặm đúng hướng bắc của - mà của cái gì nhỉ? - có phải là Nineveh không nhỉ? - nhưng dù sao đi nữa cứ về một vòng tròn và nó cho thấy những điều đáng ngạc nhiên nhất - và có thể thấy rõ chắc hẳn đã có chỉ dẫn đặc biệt, và những người Ai Cập cổ đại ấy không thể nào hoàn toàn tự nghĩ ra tất cả những việc họ đã làm được. Và khi đã đi vào lý thuyết về các con số và ý nghĩa biểu trưng của chúng, vì sao tất cả đều quá rõ ràng tới nỗi tôi không thể nào hiểu sao ai đó lại có thể hoài nghi sự thật về điều đó trong chốc lát chứ.”

Bà Gardener tạm dừng lại có vẻ đắc thắng, nhưng cả Poirot lẫn cô Brewster đều không thấy hứng thú để tranh luận về vấn đề đó.

Poirot rầu rĩ ngắm soi đôi giày da trắng mượt như nhung của mình.

Emily Brewster hỏi: “Ông đã mang giày lộn xuống nước sao, ông Poirot?”

Poirot khẽ đáp: “Chao ôi! Tôi đã sơ suất.”

Emily Brewster hạ giọng: “Sáng nay ả mồi chài đàn ông của chúng ta đâu rồi? À đến muộn.”

Bà Gardener nhướn mắt lên khỏi mớ đồ đan len để ngó kỹ Patrick Redfern, thì thào:

“Trông anh ta y hệt một đám mây giông. Trời ơi, quả tôi cảm thấy toàn bộ chuyện này thật quá đáng thương. Tôi tự hỏi đại úy Marshall nghĩ gì về tất cả chuyện này. Ông ấy là một người trầm lặng tử tế - một người

Anh rất đúng mực và không hề tự phụ. Thật chẳng thể nào biết ông ấy đang nghĩ gì.”

Patrick Redfern đứng dậy rồi bắt đầu đi lui đi tới trên bãi biển.

Bà Gardener lại thì thào: “Giống hệt một con hổ.”

Ba cặp mắt quan sát từng bước đi của anh ta. Sự soi mói của họ làm cho Patrick Redfern có vẻ khó chịu. Trong anh ta giờ đây còn hơn là quạu quọ nữa. Có vẻ như đang bùng bùng nóng giận.

Trong khung cảnh tĩnh lặng, một hồi chuông điểm giờ từ đất liền mơ hồ văng đến tai họ.

Emily Brewster nói nhỏ:

“Lại có gió từ hướng đông. Là điểm tốt khi nghe rõ chuông nhà thờ điểm mấy giờ.”

Chẳng ai nói gì nữa cho tới khi ông Gardener quay lại với một cuộn len màu đỏ tía rực rỡ.

“Sao thế Odell? Anh đi lâu quá!”

“Xin lỗi em yêu, nhưng nó không hề ở trong bàn giấy của em. Anh tìm thấy nó trong ngăn tủ áo của em đó.”

“À, thế chẳng quá lạ thường hay sao? Đáng lẽ em không được khẳng định đã bỏ nó vào ngăn kéo bàn giấy. Thật may mắn vì chưa bao giờ phải cho lời khai trước tòa. Chỉ tổ gây rắc rối cho chính mình đến chết đi được trong trường hợp không nhớ ra điều gì đó thật đích xác.”

“Bà nhà tôi rất có lương tâm đó ạ,” chồng bà nói.

Chừng năm phút sau Patrick Redfern hỏi:

“Sáng nay có chèo thuyền không, cô Brewster? Có phiền không nếu tôi đi cùng với cô?”

Cô Brewster hớn hờ đáp: “Rất vui lòng.”

“Ta hãy chèo thuyền quanh đảo này!” anh ta đề nghị.

Cô Brewster xem đồng hồ đeo tay:

“Còn thời gian không nhỉ? Ôi còn đấy, chưa mười một giờ rưỡi mà. Nào, ta khởi hành thôi!”

Họ cùng đi xuống bãi biển.

Patrick Redfern cầm mái chèo quạt nước lướt đầu tiên. Anh ta chèo một cái thật mạnh. Chiếc thuyền lao tới trước.

Emily Brewster nói vẻ hài lòng:

“Tốt. Để xem anh có duy trì được như thế hay không?”

Anh ta nhìn cô cười ngạo nghễ, tinh thần đã khá hơn.

“Có lẽ tôi sẽ có nhiều vết bồng giộp lúc chúng ta trở về.” Anh ta ngẩng đầu lên, hất mái tóc đen ra đằng sau. “Chúa ơi, thật là một ngày tuyệt diệu! Nếu quả có được một ngày hè đích thực ở xứ Anh này thì chẳng chê vào đâu được.”

Emily Brewster nói thật cộc cằn:

“Theo ý tôi thì chả đâu bằng nước cứ Anh. Là nơi đáng sống ở trên đời.”

“Tôi đồng ý với cô.”

Họ vòng qua mũi đất về hướng tây rồi chèo thuyền bên dưới các vách đá. Patrick Redfern ngược nhìn lên:

“Sáng nay có người trên Gành Năng ư? Có một chiếc ô che nắng kia. Chẳng biết là ai nữa?”

“Chắc là cô Darnley. Cô ấy có làm ăn với Nhật Bản đấy.”

Họ chèo thuyền tiến lên men theo bờ biển. Bên trái họ là biển khơi.

“Lẽ ra mình vòng theo hướng kia mới phải chứ? Emily Brewster nói. “Chèo phía này bị ngược dòng mất.”

“Không có hải lưu ở đây đâu. Tôi từng bơi ra đây mà có thấy gì đâu. Dù sao cũng không thể đi hướng kia, con đường đắp giờ chưa bị ngập nước.”

“Dĩ nhiên là phụ thuộc thủy triều nữa. Nhưng người ta lúc nào cũng bảo tắm biển ở Vũng Tiên thật nguy hiểm nếu bơi ra quá xa.”

Patrick vẫn đang chèo mạnh tay, đồng thời chăm chú xem xét từng điểm một trên các vách đá.

Emily Brewster chợt nghĩ thầm

“Anh ta đang tìm cô vợ Marshall đây mà. Bởi thế cho nên mới muốn đi với mình. Sáng nay cô ả không lộ mặt ra khiến anh chàng ta thắc mắc chẳng biết ả đang làm gì. Có lẽ cô ả cố tình làm thế. Chỉ là một nước đi của trò chơi - nhằm làm cho anh ta say mê hơn nữa.”

Họ vòng qua mũi đá phía nam của cái vịnh nhỏ xíu tên là Vũng Tiên. Đó là một cái vịnh nhỏ xíu với những hòn đá rải rác khắp trên bãi biển thật là kỳ dị. Gần như nó quay về hướng tây bắc và các vách đá nhô ra khá nhiều ở phía trên. Một nơi được ưa thích nhất để dùng các bữa dã ngoại. Vào buổi sáng khi trời không bùng nắng nó không được mọi người ưa thích và hiếm khi có ai tới đó.

Thế nhưng vào dịp này lại có một người trên bãi biển.

Tay chèo của Patrick Redfern khựng lại rồi trở lại bình thường. Anh ta hỏi với giọng điệu làm ra vẻ ngẫu nhiên:

“Này này, ai đấy?”

Cô Brewster nói tỉnh khô:

“Trông như vợ của Marshall.”

Patrick Redfern nói như thể vừa nảy ra ý nghĩ ấy: “Cũng có vẻ thế.”

Anh ta đổi hướng, chèo thuyền vào bờ.

Emily Brewster phản đối: “Ta chẳng muốn lên bờ ở đây, phải không nào?”

Patrick nhanh nhẩu đáp: “Ôi, còn lắm thời gian kia mà.”

Mắt anh ta nhìn vào mắt cô - có gì đó trong đôi mắt ấy, một cái nhìn ngây dại van nài gần giống như ánh mắt của một con chó bất hạnh khiến Emily Brewster lặng thinh. Cô thầm nghĩ:

“Tội nghiệp anh chàng bé lậm quá thế rồi! Ôi trời, đành bó tay thôi. Rồi anh ta sẽ vượt qua thôi.”

Chiếc thuyền đang nhanh chóng cập bờ.

Arlena Marshall đang nằm sấp trên bãi đá cuội, hai cánh tay dang ra. Cái bè gỗ màu trắng đã được kéo lên gần đó.

Có gì đó làm cho Emily Brewster băn khoăn. Như thể cô đang nhìn một thứ mình nhận biết hết sức rõ ràng nhưng về mặt nào đó lại sai bét.

Chỉ một hai phút sau cô mới nghĩ ra.

Tư thế của Arlena Marshall là của một người đang tắm nắng. Cô ả từng nằm như thế nhiều lần trên bãi biển gần khách sạn, thân mình màu đồng thau duỗi dài ra và cái nón bằng bìa cứng xanh lục che phần đầu và cổ ả.

Nhưng chẳng hề có nắng trên Bãi Tiên, và trong mấy giờ nữa cũng chưa có. Các vách đá nhô ra ở phía trên che nắng cho bãi biển vào buổi sáng. Một cảm giác sợ hãi mơ hồ bao trùm lên Emily Brewster.

Chiếc thuyền tấp lên bãi đá cuội. Patrick Redfern gọi:

“Này này, Arlena!”

Và rồi tiên đoán của Emily Brewster định hình rõ rệt. Bởi vì cái hình dáng nằm đó chẳng hề động đậy hay đáp lại.

Cô thấy mặt Patrick Redfern biến sắc. Anh ta nhảy ra khỏi thuyền và cô theo sau. Họ lội thuyền lên bờ rồi bắt đầu đi lên bãi biển tới chỗ cái hình dáng màu trắng nằm im lìm và không có đáp ứng ở gần chân vách đá.

Patrick Redfern đến đó trước nhưng Emily Brewster theo sát đằng sau anh ta.

Cô trông thấy như trong mơ những tay chân màu đồng thau, cái áo tắm hở lưng màu trắng - mớ tóc quăn màu đỏ ló ra bên dưới cái nón màu xanh ngọc thạch - còn thấy một điều khác nữa - cách cánh tay dang ra thật kỳ lạ, không tự nhiên. Cảm thấy trong giây phút đó cái thân xác ấy đã không nằm xuống mà bị ném đi...

Cô nghe giọng Patrick - chỉ là một tiếng thều thào khiếp đảm. Anh ta quỳ sụp xuống bên cạnh hình hài bất động ấy - sờ bàn tay - cánh tay...

“Lạy Chúa tôi, cô ấy chết rồi...”

Rồi sau đó khi nhắc cái nón Trung Hoa lên một chút, anh ta hé nhìn vào cái cổ:

“Ôi Chúa ơi, cô ấy bị siết cổ... bị giết.”

Trong những khoảnh khắc như thế, thời gian dường như dừng lại.

Với một cảm giác kỳ quặc như thế không có thật, Emily Brewster nghe giọng mình cất lên:

“Không được đụng vào bất cứ cái gì... cho tới khi cảnh sát đến!”

Patrick đáp lại như cái máy:

“Không - không - dĩ nhiên là không.” Rồi nói với giọng thều thào khổ đau sâu sắc. “Ai? Ai? Ai lại có thể làm thế này với Arlena chứ? Không phải cô ấy vừa bị sát hại. Đây không thể là sự thật!”

Emily Brewster lắc đầu, hoàn toàn không biết phải nói gì để đáp lại.

Cô nghe anh ta hít vào một hơi - nghe thấy cơn giận dữ điên cuồng đã kìm nén hết mức trong giọng nói của anh ta:

“Lạy Chúa tôi, nếu chính tay tôi tóm được tên ác ôn tồi bại đã làm chuyện này!”

Emily Brewster rùng mình. Trí tưởng tượng của cô hình dung một gã sát nhân đang lẩn trốn sau một trong những tảng đá mòn kia. Rồi cô nghe giọng mình cất lên:

“Kẻ nào làm chuyện ấy hẳn không còn quanh quẩn đâu đây. Phải gọi cảnh sát đến thôi. Có lẽ...” cô phân vân do dự - “một trong hai chúng ta phải ở lại với - với cái xác.”

“Tôi sẽ ở lại,” Patrick Redfern nói.

Emily Brewster khẽ thở phào nhẹ nhõm. Tuy không phải loại phụ nữ sẽ thừa nhận mình thấy sợ hãi, nhưng cô thầm cảm ơn vì không phải tiếp tục ở lại trên bãi biển một mình với khả năng kẻ giết người cuồng dại kia vẫn đang nấn ná ngay gần đó.

Cô nói: “Tốt. Tôi sẽ nhanh hết mức có thể được. Sẽ chèo thuyền đi. Không kham nổi cái thang kia đâu. Có ít nhất một viên cảnh sát ở Vịnh Leathercombe này.”

Patrick Redfern khẽ nói như cái máy:

“Phải - phải, cứ làm bất cứ điều gì cô cho là tốt nhất!”

Khi chèo thật mạnh tay ra xa bờ, Emily Brewster thấy Patrick sụp xuống bên cạnh ả đàn bà đã chết và úp mặt vào lòng bàn tay. Thái độ của anh ta có gì đó quá khổ đau vô vọng khiến cô cảm thấy một niềm thương cảm miễn cưỡng. Trông anh ta giống hệt một con chó đang canh chừng bên cạnh bà chủ đã chết. Tuy thế lương tri ngay thật của cô đang nói với cô:

“Có lẽ điều tốt đẹp nhất đã xảy đến với anh ta và cô vợ - với cả Marshall và con bé nữa - nhưng mình

không nghĩ anh ta có thể hiểu được, anh chàng đáng thương ấy.”

Emily Brewster là phụ nữ có khả năng ứng phó trong tình huống khẩn cấp.

Thanh tra Colgate đứng quay lưng về phía vách đá đợi viên trung sĩ làm xong nhiệm vụ với cái xác Arlena. Patrick Redfern và Emily Brewster đứng gần sát một bên.

Chống tay lên gối đứng dậy bằng một động tác lẹ làng, bác sĩ Neasden nói: “Bị siết cổ - bằng một đôi bàn tay khá khoẻ. Cô ấy hình như không vùng vẫy chống cự lại nhiều lắm. Bất ngờ bị tấn công. Hừm - à - vụ này thật kinh tởm.”

Emily Brewster nhìn qua một lượt rồi ngoảnh đi thật nhanh không nhìn mặt người đã chết. Nét mặt nhăn nhó đỏ ửng ấy thật đáng sợ.

Thanh tra Colgate hỏi:

“Còn thời điểm tử vong thì sao?”

Bác sĩ Neasden cúi kính đáp:

“Không thể xác định khi chưa biết thêm thông tin về nạn nhân. Rất nhiều yếu tố cần phải tính đến. Để xem nào, bây giờ là một giờ kém mười lăm. Lúc ông phát hiện cô ấy là mấy giờ?”

Là người được hỏi, Patrick Redfern trả lời thật mơ hồ:

“Đâu đó trước mười hai giờ. Tôi không biết chính xác.”

Emily Brewster nói: “Chính xác là mười hai giờ kém mười lăm khi chúng tôi thấy cô ta đã chết.”

“À ra là hai người đã chèo thuyền đến đây. Khi thấy cô ấy nằm ở đây là mấy giờ?”

Emily Brewster ngẫm nghĩ rồi đáp:

“Xin thưa, chúng tôi vòng qua mũi đất trước đây khoảng chừng năm hay sáu phút.” Rồi quay sang Patrick cô hỏi, “Anh đồng ý chứ?”

Anh ta đáp lại thật mơ hồ:

“Phải - phải - chắc là khoảng đó.”

Bác sĩ hạ giọng hỏi thanh tra:

“Đây là ông chồng à? Ôi! Tôi hiểu rồi. Tôi nhầm. Cứ tưởng. Tại trông anh ta suy sụp quá.”

Rồi ông lên giọng quan chức nói tiếp:

“Cứ cho là mười hai giờ kém hai mươi đi! Không thể bị giết lâu lắm trước đây. Tức là giữa lúc ấy và mười một giờ - sớm nhất chỉ có thể là mười một giờ kém mười lăm.”

Thanh tra gấp sổ tay lại kêu một cái phập.

“Cảm ơn. Điều ấy sẽ giúp chúng tôi rất nhiều. Đặt vụ này vào trong một giới hạn rất hẹp - đã xác định rõ ít hơn một giờ đồng hồ.”

Ông quay sang cô Brewster:

“Tôi nghĩ cho đến bây giờ tất cả đã rõ ràng. Cô là Emily Brewster và đây là ông Patrick Redfern, cả hai đều đang lưu trú tại Khách sạn Hải Tặc. Cô nhận dạng nạn nhân là khách cùng trọ trong khách sạn với cô, là vợ của một đại úy tên là Marshall, đúng không?”

Emily Brewster gật đầu.

Thanh tra Colgate nói tiếp: “Như thế thì tôi nghĩ ta sẽ sang khách sạn.”

Ông vẫy tay ra hiệu cho một viên cảnh sát.

“Hawkes, cậu ở lại đây và đừng cho bất cứ ai lên bờ biển này nhé! Tôi sẽ phái Phillips đến với cậu sau.”

“Ôi quý thần ơi!” đại tá Weston kêu lên. “Gặp ông ở đây thật quá bất ngờ.”

Hercule Poirot đáp lại lời chào của cảnh sát trưởng theo một kiểu cách thích hợp. Ông khẽ nói: “À phải đó, nhiều năm rồi, từ hồi vụ án ở St. Loo.”

“Tuy thế tôi vẫn chưa quên. Chuyện bất ngờ nhất trong đời tôi đấy. Dù sao điều tôi chưa bao giờ bỏ qua là cái cách ông phỉnh tôi về vụ việc ở tang lễ ấy. Không hề đúng quy trình gì. Giỏi thật!”

“*Tout de même, mon colonel,*” Poirot nói, “điều đó cũng đem lại những kết quả tốt đẹp, không phải vậy sao?”

“Ừ nhỉ, có thể như thế. Nhưng lẽ ra ta nên đạt được những kết quả ấy bằng những phương pháp chính thống hơn mới phải.”

“Có thể như vậy,” Poirot đồng ý kiểu ngoại giao.

“Và giờ ông đang ở ngay chính giữa một án mạng khác,” cảnh sát trưởng nói. “Có ý kiến gì về vụ này không?”

Poirot đáp chậm rãi: “Chưa có gì rõ ràng - nhưng thú vị.”

“Sẽ giúp chúng tôi một tay chứ?”

“Ông sẽ cho phép, đúng không?”

“Ông bạn thân mến ạ, rất vui sướng được ông giúp cho. Vẫn chưa biết đầy đủ để quyết định có chuyển vụ án này cho Scotland Yard hay không nữa. Có thể nói, hung thủ chắc chắn đang ở trong phạm vi giới hạn khá rõ ràng. Tuy nhiên, tất cả những người này đều là người lạ ở đây. Thế nên, để tìm hiểu về họ và động cơ của họ ta phải đi London thôi.”

Poirot nói: “Phải, đúng vậy đó.”



“Trước tiên ta phải tìm ra ai trông thấy nạn nhân lần cuối cùng khi cô ấy còn sống. Cô hầu phòng mang bữa điểm tâm đến cho cô ấy lúc chín giờ. Cô gái trong văn phòng dưới lầu thấy cô ấy đi ngang qua sảnh khách sạn rồi ra ngoài khoảng chừng mười giờ.”

“Ông bạn à,” Poirot nói, “tôi cho rằng tôi là người ông muốn tìm đó.”

“Ông đã trông thấy cô ấy sáng nay sao? Lúc mấy giờ?”

“Lúc mười giờ năm phút. Tôi đã giúp đẩy bè cho cô ấy xuống biển ở bãi tắm.”

“Rồi cô ấy chèo bè đi à?”

“Phải.”

“Một mình sao?”

“Phải.”

“Ông có thấy cô ấy đi về hướng nào hay không?”

“Cô ấy từ từ chèo vòng qua mũi đất đó về bên phải.”

“Tức là về hướng Vũng Tiên ư?”

“Phải.”

“Và lúc ấy là mấy giờ?”

“Phải nói là cô ấy thật sự rời khỏi bãi biển lúc mười giờ mười lăm.”

Weston dẫn đo suy nghĩ.

“Cũng khá khớp rồi. Ông nói xem cô ấy chèo đến cái vịnh nhỏ đấy phải mất bao lâu?”

“À, tôi không rành chuyện đó. Chưa hề đi thuyền hay phời mình trên một cái bè. Có lẽ nửa tiếng đồng hồ ư?”

“Tôi nghĩ khoảng chừng đó,” đại tá nói. “Chắc cô ấy chẳng có gì vội vàng. À, cô ấy đến nơi lúc mười một giờ kém mười lăm thì khá ăn khớp đấy.”

“Bác sĩ của ông cho rằng cô ấy chết lúc mấy giờ?”

“Ôi, Neasden không dám chắc. Một thằng cha cẩn trọng. Mười một giờ kém mười lăm là giới hạn sớm nhất của ông ấy.”

Poirot gật đầu nói:

“Có một điểm nữa tôi phải đề cập. Khi rời đi, nạn nhân có nhờ tôi đừng cho ai biết là đã gặp cô ấy.”

Cảnh sát trưởng dăm dăm nhìn Poirot.

“Hừm, cũng gợi ra khá nhiều ý đấy, phải không nào?”

Poirot khẽ đáp: “Phải, chính tôi cũng từng nghĩ vậy đó.”

Vân vê ria mép, Weston nói: “Này Poirot. Ông là người dạn dày kinh nghiệm. Arlena Marshall là loại phụ nữ như thế nào?”

Một nụ cười thoáng hiện trên môi Poirot. Ông hỏi lại:

“Ông vẫn chưa nghe gì hay sao?”

Cảnh sát trưởng đáp thật lạnh nhạt:

“Tôi biết những gì các bà các cô nói về cô ấy. Có bao nhiêu sự thật trong ấy chứ? Cô ấy có quan hệ tình ái với anh chàng Redfern ấy à?”

“Tôi xin nói chắc chắn là đúng vậy.”

“Anh ta đi theo cô ấy tới đây, hử?”

“Có lý do để giả định như vậy.”

“Còn người chồng? Anh ta có biết hay không? Cảm thấy thế nào?”

Poirot trả lời chậm rãi:

“Thật không dễ biết đại úy Marshall cảm thấy ra sao hay nghĩ gì. Anh ta là người không để lộ cảm xúc.”

Weston nói thật gay gắt: “Nhưng dù sao đi nữa anh ta cũng có thể có cảm xúc chứ.”

Poirot gật đầu.

“À phải, anh ta có thể có cảm xúc.”

Cảnh sát trưởng đang xử sự thật khôn khéo đúng như bản tính của ông khi làm việc với bà Castle là chủ nhân Khách sạn Hải Tặc và sở hữu cả khu đất của khách sạn. Đó là một phụ nữ ngoài bốn mươi có bộ ngực đồ sộ, mái tóc nhuộm đỏ quá sặc sỡ và một kiểu ăn nói sẵn sỡ.

Bà ta đang nói: “Một chuyện như vậy lại xảy ra tại khách sạn của tôi! Tôi dám chắc đây vẫn luôn là nơi yên tĩnh nhất rồi. Những người tới đây đều đường hoàng tử tế mà. Không có mấy chuyện um sùm - ông hiểu tôi muốn nói gì rồi chứ? Đâu có giống như mấy khách sạn lớn ở St. Loo.”

“Hoàn toàn đúng thế, bà Castle ạ,” đại tá nói. “Nhưng tai nạn vẫn xảy ra ở các ngôi nhà - ờ - được kiểm soát tốt nhất đấy.”

“Tôi chắc chắn thanh tra Colgate sẽ xác nhận giúp.” Bà chủ đưa ánh mắt cầu khẩn về phía thanh tra đang ngồi rất đường bệ ra dáng một quan chức. “Cứ theo luật môn bài thì tôi là một trường hợp hết sức đặc biệt. Chưa bao giờ có bất cứ chuyện nào trái quy định.”

“Đúng, đúng,” cảnh sát trưởng Weston nói. “Chúng tôi tuyệt nhiên không hề trách cứ bà, bà Castle ạ.”

“Nhưng chuyện đó quả có làm mất uy tín một cơ sở kinh doanh,” bà chủ nói, bộ ngực đồ sộ phập phồng. “Khi tôi nghĩ tới những đám đông há hốc miệng ồn ào. Tất nhiên không có ai ngoài khách của khách sạn được ở trên đảo - nhưng dù sao chắc chắn người ta cũng sẽ tới và chỉ trở từ bờ biển.”

Bà rùng mình.

Thanh tra Colgate thấy mình có cơ hội chuyển cuộc đàm thoại sang hướng có lợi. Ông nói: “Về vấn đề bà vừa nêu lên ấy. Việc cho người lên đảo. Bà làm thế nào ngăn người ta được chứ?”

“Tôi có cách hết sức đặc biệt để làm chuyện đó.”

“Phải đấy, nhưng cụ thể bà dùng những biện pháp gì thế? Điều gì ngăn trở họ? Những đám đông đi nghỉ hè tụ tập khắp nơi đông như kiến ấy.”

Bà Castle lại khẽ nhún vai.

“Đó là lỗi của xe buýt chở khách đi tham quan. Tôi từng thấy tới mười tám xe cùng một lúc đậu gần bến tàu ở vịnh Leathercombe. Mười tám xe lặn đó!”

“Đúng thế. Bà làm cách nào ngăn họ đến đây?”

“Bố trí bảng thông báo. Rồi tất nhiên khi thủy triều lên chúng tôi bị cách biệt với đất liền.”

“Phải, nhưng lúc thủy triều xuống thì sao?”

Bà chủ giải thích, ở cuối con đường đắp dẫn ra đảo có một cái cổng gần biển *Khách sạn Hải Tặc. Đất tư. Chỉ dành cho khách sạn.* Hai bên có đá nhô ra biển khiến người ta không trèo được.

“Dù vậy bất cứ ai cũng có thể đi thuyền, tôi cho là vậy, họ chèo quanh rồi lên một bờ biển, phải không ạ? Không thể nào ngăn họ làm việc đó. Họ có quyền lui tới trên bãi biển. Bà không thể ngăn người ta dùng bãi biển tại khu vực giữa mực nước lên và xuống trên bãi biển.”

Thế nhưng hình như điều này rất hiếm khi xảy ra. Thuyền bè có thể vào bến cảng ở Vịnh Leathercombe, nhưng từ đó phải chèo đi một quãng xa mới tới đảo và có một dòng nước ngầm chảy xiết ngay bên ngoài bến cảng đó. Còn có các bảng thông báo ở cá Vũng Hải Âu lẫn Vũng Tiên gần cái thang nữa. Bà nói thêm George hoặc William lúc nào cũng canh chừng cái bãi tắm ở gần đất liền nhất.

“George và William là ai?”

“George phụ trách bãi tắm. Cậu ta chăm sóc khách hàng và quản lý mấy cái bè. William là người làm vườn. Cậu ta lo giữ gìn các lối mòn, ghi điểm ở sân quần vợt và chỉ vậy thôi.”

Đại tá Weston sốt ruột nói: “À, dường như khá rõ ràng rồi. Như thế không thể nói không ai có thể đến từ bên ngoài, nhưng bất cứ ai làm vậy đều có nguy cơ bị bắt gặp. Chúng tôi sẽ hỏi chuyện George và William ngay sau đây.”

Bà Castle nói: “Tôi không ưa mấy người đi du ngoạn — một đám đông rất ồn ào, và họ thường xuyên vứt

vỏ cam, hộp thuốc lá trên con đường đắp, liệng xuống gần các tảng đá nhưng dù sao tôi cũng chưa bao giờ nghĩ một người trong bọn họ hóa ra lại là kẻ giết người. Ôi trời ôi! Khùng khiếp hết nói nổi nữa. Một phu nhân như Arlena Marshall lại bị sát hại và điều thật sự quá ghê rợn - ồ - là bị bóp cổ...”

Bà chủ gần như không nói nên lời. Bà nói ra điều đó hết sức miễn cưỡng.

Thanh tra Colgate xoa dịu: “Phải, đấy là một vụ việc thật độc ác.”

“Còn mấy tờ báo nữa. Khách sạn của tôi lên báo rồi!”

Colgate thoáng cười toe toét nói: “À, cũng có thể coi đó là quảng cáo mà.”

Bà Castle nhồm đùng dậy. Bộ ngực phập phồng và xương cốt to như cá voi kêu răng rắc. Bà nói lạnh như băng:

“Tôi không ưa cái kiểu quảng cáo đó đâu, ông Colgate.”

Đại tá Weston đột nhiên xen vào:

“Bây giờ thì, bà Castle ạ, bà có danh sách khách đang lưu trú tại khách sạn như tôi yêu cầu hay chưa?”

“Có đây rồi, thưa ông.”

Đại tá Weston mãi mê nghiên cứu sổ đăng ký phòng của khách sạn. Ông nhìn sang Poirot là thành viên thứ tư của nhóm người đang tập hợp trong văn phòng giám đốc.

“Có lẽ bây giờ ông có thể giúp chúng tôi xem xét bản danh sách này.”

Ông ghi lại những cái tên.

“Còn nhân viên thì sao?”

Bà chủ đưa ra bản danh sách thứ nhì:

“Có bốn cô hầu phòng, tiếp viên trưởng và ba tiếp viên dưới quyền ông ta, còn có Henry trong quầy rượu. William lo việc lau giày. Sau đó là bà bếp trưởng và hai phụ bếp.”

“Còn các tiếp viên?”

“À, thưa ông, Albert là Mater Dotel, tới làm cho tôi từ khách sạn Vincent ở cảng Plymouth. Ông ta làm ở đó mấy năm. Ba cậu dưới quyền ông ta làm ở đây đã ba năm - một cậu đã bốn năm. Họ là những chàng trai rất tử tế, hết sức đứng đắn. Henry đã ở đây từ khi khách sạn mới khai trương. Anh ta rất thông thuộc nơi này.”

Đại tá gật đầu. Ông nói với Colgate:

“Có vẻ ổn rồi. Dĩ nhiên ông sẽ kiểm tra về họ. Cảm ơn bà Castle.”

“Đó là tất cả những gì ông đòi hỏi hay sao?”

“Vào lúc này thì đúng thế.”

Bà chủ ra khỏi phòng, xương cốt kêu răng rắc.

“Việc trước tiên phải làm là nói chuyện với đại úy Marshall,” Weston nói.

Đại úy Marshall thản nhiên ngồi trả lời các câu hỏi đặt ra cho mình. Ngoài nét mặt hơi đánh lại hơn một chút, anh ta hoàn toàn bình thản. Nhìn anh ta khi ánh nắng rọi lên khuôn mặt qua cửa sổ, ta nhận ra đây là một người đẹp trai. Nét mặt thẳng thắn đó, đôi mắt xanh kiên định, cái miệng thật kiên quyết. Giọng anh trầm ấm vui tươi.

Đại tá Weston đang nói: “Tôi rất thông cảm, đại úy Marshall ạ, chắc hẳn với ông đây là một cú sốc khủng khiếp. Nhưng ông cũng nhận thấy tôi nóng lòng muốn có được thông tin đầy đủ nhất càng sớm càng tốt.”

Marshall gật đầu. “Tôi hoàn toàn hiểu được. Xin cứ tiếp tục!”

“Cô nhà là vợ thứ nhì của ông à?”

“Phải.”

“Và ông bà đã kết hôn bao lâu rồi?”

“Mới hơn bốn năm.”

“Và trước khi kết hôn, bà ấy tên là gì?”

“Helen Stuart. Nghệ danh của cô ấy là Arlena Stuart.”

“Cô nhà từng là diễn viên à?”

“Cô ấy từng góp mặt trong các màn tạp kỹ và ca nhạc.”

“Cô nhà đã từ bỏ sân khấu lúc kết hôn à?”

“Không, cô ấy vẫn tiếp tục biểu diễn. Thật ra chỉ giải nghệ cách đây chừng một năm rưỡi thôi.”

“Có lý do đặc biệt nào khiến cô nhà giải nghệ không?”

Kenneth Marshall có vẻ đắn đo suy nghĩ.

“Không,” anh nói. “Cô ấy chỉ bảo là chán tất cả rồi.”

“Không phải là - ơ - là tuân theo ước muốn đặc biệt của ông hay sao?”

Marshall nhướn mày. “Ồi, không đâu.”

“Ông đã bằng lòng để cho cô nhà tiếp tục biểu diễn sau khi kết hôn à?”

Marshall bật cười. “Tôi thích cô ấy từ bỏ hơn - đúng thế đấy. Nhưng tôi đã không làm ầm ĩ vì chuyện ấy.”

“Chuyện ấy không gây ra bất đồng gì giữa hai người sao?”

“Dĩ nhiên là không. Vợ tôi tự do làm gì cô ấy thích.”

“Và cuộc hôn nhân ấy thật sự hạnh phúc à?”

Kenneth Marchall lạnh lùng đáp: “Dĩ nhiên.”

Đại tá Weston tạm dừng một lát rồi hỏi:

“Đại úy Marshall này, ông có nghĩ ra kẻ nào có thể giết vợ ông hay không?”

Câu trả lời đến ngay không chút chần chừ do dự:

“Chẳng kẻ nào cả.”

“Cô ấy có kẻ thù nào không?”

“Có thể.”

“Hử?”

Marshall nói tiếp thật nhanh:

“Đừng hiểu lầm tôi, thưa ông! Vợ tôi từng là diễn viên. Cô ấy còn là một phụ nữ rất đẹp nữa. Hai điểm ấy thôi là cô ấy đã tạo ra suy ghen ghét và đố kỵ ở một mức độ nhất định rồi. Đã có những chuyện âm ỉ về các vai diễn - đã có sự ganh đua từ những phụ nữ khác - phải nói đã có khá nhiều ganh tị nói chung, thù hằn, ác ý. Nhưng điều ấy không có nghĩa là ai lại có khả năng cố ý sát hại cô ấy.”

Hercule Poirot lần đầu tiên lên tiếng:

“Điều ông thật sự muốn nói, *Monsieur*, kẻ thù của cô nhà hầu hết hoặc toàn bộ đều là phụ nữ.”

Kenneth Marshall quay sang nhìn ông:

“Phải. Là thế đấy.”

Cảnh sát trưởng hỏi tiếp:

“Ông không biết người đàn ông nào có ác cảm với cô ấy à?”

“Không.”

“Cô ấy có quen biết từ trước với ai trong khách sạn này hay không?”

“Tôi tin cô ấy từng gặp ông Redfern trước đây - trong một bữa tiệc cocktail nào đấy. Theo như tôi được biết thì chẳng có ai khác cả.”

Weston tạm dừng lại. Dường như ông cân nhắc có nên tiếp tục theo đuổi đề tài đó hay không. Rồi ông quyết định không theo chiều hướng ấy.

“Bây giờ ta nói đến chuyện sáng hôm nay,” ông nói. “Ông trông thấy vợ mình lần cuối vào lúc nào?”

Marshall tạm dừng một lát rồi trả lời:

“Tôi ghé qua cô ấy trên đường xuống dùng bữa điểm tâm...”

“Xin lỗi, vợ chồng ông ở hai phòng riêng biệt à?”

“Phải.”

“Và lúc ấy là mấy giờ?”

“Chắc hẳn chừng chín giờ.”

“Cô ấy đang làm gì?”

“Đang mở các bức thư.”

“Cô ấy có nói gì không?”

“Chẳng có gì đặc biệt đáng chú ý cả. Chỉ là chào nhau thôi - đại loại như thế.”

“Bộ dạng cô ấy thế nào? Không như thường lệ à?”

“Không. Hoàn toàn bình thường.”

“Cô ấy không có vẻ bị kích động, buồn chán hay rối loạn bất cứ kiểu nào à?”

“Quả thật tôi không để ý.”

Hercule Poirot hỏi:

“Cô nhà không đề cập gì tới nội dung các lá thư sao?”

Một nụ cười lại thoáng hiện trên môi Marshall. Anh ta đáp:

“Theo như tôi còn nhớ, cô ấy bảo tất cả đều là hóa đơn.”

“Vợ ông ăn sáng trên giường à?”

“Phải.”

“Lúc nào cũng như vậy hay sao?”

“Chẳng hề thay đổi.”

Poirot lại hỏi:

“Vợ ông thường xuống lầu lúc mấy giờ?”

“Ôi! Khoảng mười, mười một giờ - thường gần mười một giờ hơn.”

Poirot hỏi tiếp:

“Nếu cô nhà đi xuống đúng mười giờ, thì ông sẽ khá ngạc nhiên chứ?”

“Phải. Cô ấy không thường xuống lâu sớm như thế.

“Nhưng sáng nay cô nhà lại làm như vậy. Ông nghĩ là tại sao, đại úy Marshall?”

Marshall trả lời không chút cảm xúc:

“Tôi không biết đâu. Có thể do thời tiết - một ngày đẹp trời. Thế thôi.”

“Ông đã không trông thấy cô nhà?”

Hơi xê dịch một chút trên ghế, Kenneth Marshall đáp:

“Lại ghé vào phòng cô ấy sau bữa điểm tâm. Phòng trống không. Tôi hơi ngạc nhiên một chút.”

“Rồi sau đó ông xuống bãi biển hỏi tôi có thấy cô nhà hay không à?”

“Ờ - phải.” Anh ta nói thêm, vẫn với giọng có ý nhấn mạnh. “Và ông nói là không thấy.”

Ánh mắt làm ra vẻ vô can của Hercule Poirot không hề dao động. Ông vuốt nhẹ bộ ria khoa trương của mình.

Weston hỏi:

“Ông có lý do đặc biệt nào mà đi tìm vợ sáng hôm nay không?”

Marshall liếc nhìn sang cảnh sát trưởng, trả lời nhã nhặn:

“Không ạ. Chỉ tự hỏi cô ấy đang ở đâu, có thể thôi.”

Weston tạm dừng lại, hơi xê dịch cái ghế. Giọng ông chợt hạ xuống một tông khác hẳn:

“Lúc này, đại úy Marshall ạ, ông có nhắc đến chuyện cô nhà từng quen biết trước với ông Redfern. Cô nhà có quen thân lắm với ông Redfern không?”

Kenneth Marshall nói:

“Tôi hút thuốc có phiền không ạ?” Anh ta mò tìm khắp các túi. “Chết tiệt! Tôi đã để lạc ống điếu đâu mất rồi.”

Poirot mời anh ta một điếu thuốc. Anh ta nhận lấy, đốt lên rồi trả lời:

“Ông vừa hỏi về Redfern. Vợ tôi cho tôi biết đã tình cờ gặp anh ta trong một bữa tiệc cocktail hay gì gì đấy.”



“Như thế ông ta chỉ là chỗ ngẫu nhiên quen biết à?”

“Tôi tin như thế.”

“Kể từ lúc ấy...” cảnh sát trưởng dừng lại một lát rồi nói tiếp, “theo tôi hiểu thì sự quen biết ấy đã chín muồi thành điều gì đấy khá gần gũi hơn.”

Marshall nói gay gắt:

“Ông hiểu như thế thật sao? Ai đã nói với ông như thế?”

“Đấy là chuyện bàn ra tán vào phổ biến ở khách sạn này.”

Trong phút chốc ánh mắt của Marshall nhắm vào Hercule Poirot, lưu lại đó với một nỗi tức giận lạnh lùng.

“Chuyện ngồi lê đôi mách ở khách sạn thường vợ vẫn láo toét cả,” anh nói.

“Có thể như thế. Nhưng tôi được biết ông Redfern và bà nhà đã cho người ta một số căn cứ để bàn ra tán vào.”

“Căn cứ gì chứ?”

“Họ đi cùng với nhau liên tục.”

“Chỉ có thể thôi sao?”

“Ông không phủ nhận chuyện là như thế chứ?”

“Có thể là như thế. Thật tình tôi không để ý.”

“Ông đã không - xin lỗi đại úy Marshall - không phản đối quan hệ bạn bè của vợ với ông Redfern à?”

“Tôi không có thói quen chỉ trích tư cách đạo đức của vợ mình.”

“Ông đã không phản kháng hay phản đối bằng bất cứ cách nào hay sao?”

“Dĩ nhiên là không.”

“Không phản đối ngay cả khi điều ấy đang trở thành một đề tài gây xôn xao và một mối bất hòa ghẻ lạnh đang phát triển giữa vợ chồng Redfern hay sao?”

Kenneth Marshall lạnh lùng đáp:

“Tôi bận tâm lo việc của mình và mong những người khác lo việc của họ. Tôi không nghe chuyện ngồi lê đôi mách đâu.”

“Ông không phủ nhận chuyện ông Redfern ái mộ vợ ông chứ?”

“Có lẽ anh ta đã như thế. Hầu hết đàn ông đều thế cả. Cô ấy rất xinh đẹp mà.”

“Nhưng ông tin chắc những mối quan hệ ấy chẳng có gì nghiêm trọng cả hay sao?”

“Tôi chưa bao giờ nghĩ đến điều ấy, xin nói với ông như thế.”

“Và giả sử chúng tôi có một nhân chứng có thể xác thực họ đã có quan hệ hết sức thân mật thì sao?”

Một lần nữa đôi mắt xanh lại nhắm vào Hercule Poirot. Một lần nữa vẻ căm ghét lại lộ ra trên khuôn mặt thường trơ trơ vô cảm đó.

“Nếu ông muốn nghe những chuyện ấy thì cứ việc nghe! Vợ tôi đã chết chẳng thể nào tự bào chữa,” Marshall nói.

“Ông muốn nói cá nhân ông không tin những chuyện ấy hay sao?”

Lần đầu tiên có thể quan sát được một chút mồ hôi lấm tấm trên hàng lông mày của Marshall. Anh ta đáp:

“Tôi nghĩ mình không tin bất cứ chuyện gì đại loại như thế.”

Anh ta nói tiếp: “Phải chăng ông đang đi chệch ra ngoài thực chất của vụ việc này? Tôi tin gì hay không tin gì chắc chắn không liên quan đến việc giết người đơn thuần, phải không?”

Hercule Poirot trả lời trước khi hai ông kia lập mờ miêng:

“Ông không hiểu đó thôi, đại úy Marshall à. Chẳng có cái gọi là chuyện giết người đơn thuần đâu. Án mạng nảy sinh cứ mười vụ đã có chín xuất phát từ tính cách và hoàn cảnh của người bị giết. Bởi vì nạn nhân là loại người nào nên mới bị sát hại! Khi chưa hiểu được đầy đủ và chính xác Arlena Marshall là kiểu người nào, chúng tôi sẽ không thể hiểu được rõ ràng chính xác kẻ sát hại cô ấy là loại người nào. Chính vì thế mà chúng tôi mới hỏi những câu vừa rồi.”

Quay sang cảnh sát trưởng, Marshall hỏi:

“Đấy cũng là quan điểm của ông hay sao?”

Hơi lưỡng lự một chút, Weston đáp:

“À, ở một chừng mực nào đó - nghĩa là...”

Marshall cười khẩy.

“Cứ tưởng ông không đồng quan điểm chứ. Cái vấn đề về tính cách ấy là chuyên môn của ông Poirot, tôi tin thế.”

Poirot mim cười nói:

“Ít nhất ông cũng có thể tự chúc mừng vì đã không làm gì để hỗ trợ cho tôi!”

“Ông muốn nói gì thế?”

“Ông đã cho chúng tôi biết về vợ ông rồi? Hoàn toàn chẳng có gì cả. Ông chỉ nói với chúng tôi những điều

mọi người đều có thể tự mình thấy được. Rằng bà ta xinh đẹp và được ái mộ. Không có gì hơn.”

Kenneth Marshall nhún vai. Anh ta nói đơn giản:

“Ông điên mất rồi.” Nhìn về phía cảnh sát trưởng, anh nhấn mạnh: “Ông còn muốn tôi cho ông biết điều gì nữa không, thưa ông?”

“Có đấy, đại úy Marshall ạ, xin vui lòng cho biết sáng nay ông đã đi đâu!”

Kenneth Marshall gật đầu. Rõ ràng đã trông đợi điều này, anh ta trả lời:

“Tôi điếm tâm ở dưới nhà khoảng chừng chín giờ như thường lệ rồi đọc báo. Như đã nói với ông, sau đấy tôi lên phòng vợ tôi thì thấy cô ấy đã ra ngoài. Tôi xuống bãi biển, gặp ông Poirot và hỏi ông có thấy cô ấy hay không. Rồi tôi tắm sơ qua và lại đi lên khách sạn. Xem nào, lúc ấy khoảng chừng mười giờ kém hai mươi - phải, đúng là khoảng chừng như thế Tôi đã xem đồng hồ ở sảnh. Đúng là sau mười giờ kém hai mươi. Tôi đi lên phòng mình nhưng cô hầu phòng vẫn chưa làm xong. Tôi yêu cầu cô ta làm xong càng nhanh càng tốt. Tôi có mấy bức thư phải đánh máy mà tôi muốn gửi đi qua đường bưu điện. Tôi lại đi xuống nhà và nói mấy câu với Henry ở quầy rượu. Lúc mười một giờ kém mười tôi trở lên phòng mình. Ở đấy tôi đánh máy các bức thư. Tôi đã đánh máy đến tận mười hai giờ kém mười. Sau đấy tôi thay đồ đánh quần vợt vì có hẹn chơi quần vợt lúc mười hai giờ. Chúng tôi đã đặt sân ngày hôm trước.”

“*Chúng tôi là những ai?*”

“Cô Redfern, cô Darnley, ông Gardener và tôi. Tôi xuống dưới lúc mười hai giờ và đi thẳng ra sân. Cô Darnley đã ở đấy với ông Gardener. Cô Redfern vài phút sau cũng đến. Chúng tôi chơi quần vợt khoảng một giờ đồng hồ. Ngay lúc chúng tôi vào trong khách sạn sau đấy thì tôi - tôi - được biết tin ấy.”

“Cảm ơn đại úy Marshall. Việc này là thủ tục mà thôi nhé: có ai có thể chứng thực chuyện ông đánh máy trong phòng từ - ở - mười một giờ kém mười đến mười hai giờ kém mười hay không?”

Thoáng mỉm cười, Kenneth Marshall nói: “Có phải ông nghĩ tôi đã giết vợ? Để tôi xem nào! Cô hầu phòng lúc đó đang dọn phòng quanh đấy. Chắc hẳn cô ta đã nghe tiếng đánh máy chứ. Và còn chính những bức thư. Vì có chuyện này nên tôi chưa gửi bưu điện. Tôi cho rằng chúng có thể là chứng cứ.”

Anh ta lấy từ trong túi ra ba lá thư. Đã đề địa chỉ nhưng chưa dán tem.

“Tiện đây xin nói rõ, nội dung trong này hoàn toàn riêng tư. Nhưng trong trường hợp có án mạng, buộc lòng phải tin cậy vào sự thận trọng của cảnh sát. Chúng chứa đựng bản kê các số tiền và nhiều tờ khai tài chính khác nhau. Chắc ông sẽ thấy nếu bảo một người của ông đánh máy lại, nhanh nhất cũng phải mất gần một giờ đồng hồ.” Anh ta tạm dừng. “Hy vọng ông đã thỏa mãn.”

Weston xoa dịu.

“Chưa đặt vấn đề tình nghi. Mọi người trên đảo đều phải thuật lại sáng nay đã ở đâu, làm gì từ mười một giờ kém mười lăm đến mười hai giờ kém hai mươi.”

“Hoàn toàn đúng,” Marshall nói.

“Một chuyện nữa, đại úy Marshall ạ. Ông có biết gì về cách thức cô nhà có thể đã giải quyết tài sản của cô

ấy hay không?”

“Ông muốn nói tới di chúc à? Tôi không nghĩ cô ấy từng lập di chúc.”

“Nhưng có phải ông không chắc chắn?”

“Các luật sư tư vấn của cô ấy là Barkett, Markett và Applegood ở Quảng trường Bedford. Họ lo liệu tất cả các hợp đồng của cô ấy, vân vân. Nhưng tôi khá chắc chắn cô ấy chưa bao giờ lập di chúc. Có lần cô ấy bảo làm một chuyện như thế khiến cô ấy sợ.”

“Trong trường hợp ấy, vì cô nhà chết đi mà không để lại di chúc thì ông là chồng, nên sẽ thừa kế toàn bộ tài sản của cô ấy.”

“Phải, tôi cho là như thế.”

“Cô nhà có họ hàng gần nào không?”

“Chắc là không. Nếu có, cô ấy cũng chưa bao giờ nhắc đến. Tôi biết bố mẹ cô ấy đã mất khi cô ấy còn bé, và chẳng có anh chị em nào cả.”

“Dù thế nào, tôi cho rằng bà ấy chẳng có gì nhiều để lại, phải không?”

Kenneth Marshall lạnh lùng đáp: “Ngược lại đấy. Chỉ mới cách đây hai năm thôi, một người bạn thân của cô ấy là Ngài Robert Erskine qua đời và để lại cho cô ấy phần lớn gia tài. Tôi nghĩ lên đến chừng năm mươi nghìn bảng.”

Thanh tra Colgate nhìn lên. Ý nghĩ cảnh giác hiện lên trong mắt ông. Nãy giờ ông vẫn im lặng. Giờ đây ông mới hỏi:

“Thế thì quý thật, đại úy Marshall à, vợ ông là người giàu có à?”

Kenneth Marshall nhún vai. “Chắc là như thế.”

“Và ông vẫn nói vợ ông không lập di chúc?”

“Ông có thể hỏi công ty tư vấn của cô ấy. Nhưng tôi khá chắc chắn cô ấy đã không làm thế. Như tôi đã nói với các ông, vợ tôi nghĩ làm thế là không may.”

Có một khoảnh khắc im lặng, rồi Marshall lại hỏi:

“Có gì nữa không ạ?”

Weston lắc đầu. “Chắc là không...., hử Colgate? Không. Một lần nữa, đại úy Marshall ạ, cho tôi được bày tỏ tất cả lòng thương cảm vì sự mất mát của ông!”

Chớp chớp đôi mắt, Marshall nói nhát gừng: “Ôi - cảm ơn.”

Rồi anh ta đi ra.

Ba người đàn ông đưa mắt nhìn nhau.

Đại tá Weston nói: “Thằng cha trơ tráo. Chẳng chịu tiết lộ bất cứ điều gì, đúng không? Ông nghĩ gì, Colgate?”

Thanh tra nhún vai. “Thật khó nói. Anh ta là hạng người chẳng để lộ ra bất cứ điều gì. Cái ngữ ấy tạo một ấn tượng xấu trên ghế nhân chứng, và tuy thế thật sự có một chút không công bằng với họ. Đôi khi họ bị chỉ trích gay gắt, và tuy thế lại không chứng tỏ được. Kiểu hành xử ấy khiến bồi thẩm đoàn đã đưa ra phán quyết có tội cho Wallace Đây không phải là chứng cứ. Đúng là không thể nào tin một người đàn ông bị mất vợ lại có thể nói và hành xử điềm tĩnh như thế.”

Weston quay sang Poirot hỏi:

“Ông nghĩ sao, Poirot?”

Thám tử giơ hai tay lên. “Có thể nói gì được chứ? Ông ta là một cái thùng đóng kín - một con hến ngâm miệng thật chặt. Ông ta đã chọn vai diễn của mình. Không biết, không nghe, không thấy bất cứ điều gì.”

“Ta có một vài động cơ gây án,” Colgate nói. “Có động cơ vì ghen tuông và động cơ vì tiền. Dĩ nhiên người chồng hiển nhiên bị nghi ngờ đầu tiên rồi. Nếu anh ta mà biết cô vợ tăng tị với một thằng cha khác...”

Poirot ngắt lời: “Tôi nghĩ anh ta biết chuyện đó.”

“Sao ông lại nói thế?”

“Nghe đây, ông bạn! Tối hôm qua tôi đã nói chuyện với vợ Redfern trên Gành Năng. Từ đó tôi đi xuống khách sạn và dọc đường tôi thấy hai người đó ở bên nhau - vợ Marshall và Patrick Redfern. Một lúc sau tôi gặp chính đại úy Marshall. Mặt anh ta tỉnh bơ. Chẳng nói lên điều gì - hoàn toàn chẳng có gì hết! Gần như quá trống rỗng, ông có hiểu tôi không? Ôi! anh ta biết đó.”

Colgate lau bầu có vẻ ngờ vực: “Ái chà, nếu ông nghĩ thế...”

“Chắc chắn như vậy! Nhưng ngay cả như thế chuyện đó nói lên điều gì? Marshall đã cảm thấy thế nào về vợ mình?”

Đại tá nói: “Khá thờ ơ với cái chết của vợ.”

Poirot nhún vai có vẻ không hài lòng.

Thanh tra Colgate nói: “Đôi khi những kẻ trầm tĩnh này trong lòng lại hết sức hung bạo, phải nói như thế. Tất cả đều được kìm nén lại. Có thể anh ta say mê vợ đến điên cuồng - và ghen tuông đến điên cuồng. Nhưng anh ta không phải hạng người để lộ ra.”

Poirot nói chậm rãi: “Có thể như vậy - phải. Đại úy Marshall này là một nhân vật hết sức thú vị. Chính tôi cũng hết sức để ý tới anh ta và chứng cứ ngoại phạm của anh ta.”

“Ngoại phạm nhờ cái máy đánh chữ,” Weston bật ra một tiếng cười khẩy thật lớn. “Ông có gì để nói về chuyện ấy không, Colgate?”

Thanh tra nheo mắt đáp: “A, sắp biết đấy, tôi đã nghĩ khá nhiều về chứng cứ ngoại phạm đó. Không quá vững chắc - ông biết ý tôi muốn nói gì rồi. Đây là - à - lẽ tự nhiên thôi. Và nếu ta xác nhận được đúng là cô hầu phòng đã ở quanh đó và có nghe tiếng máy đánh chữ, thì với tôi chứng cứ ấy xác thực và ta phải tìm kiếm ở chỗ khác.”

“Hừm,” đại tá nói. “Ông sẽ tìm kiếm ở đâu?”

Trong một vài phút ba người đàn ông nghiền ngẫm về vấn đề đó.

Thanh tra Colgate lên tiếng trước tiên:

“Chung quy là thế này - đây là một người bên ngoài hay là một khách trọ trong khách sạn. Tôi không hoàn toàn loại trừ các nhân viên - xin lưu ý cho - nhưng không một phút giây nào tôi mong tìm ra kẻ nhúng tay vào vụ này trong đám ấy. Không, đây là một khách trọ hoặc là ai đó từ bên ngoài. Trước tiên ta phải xem xét theo cách này - động cơ phạm tội. Có lợi lộc sẽ kiếm được. Kẻ duy nhất hưởng lợi nhờ cái chết của Arlena Marshall là ông chồng, có vẻ thế. Còn những động cơ nào khác? Đầu tiên và trước hết - ghen tuông. Theo tôi thì - khi nhìn thẳng vào vấn đề - nếu có bao giờ ông từng gặp vụ án do chữ tình, vì si mê mà ra,” ông nghiêng mình về phía thám tử, “thì chính là vụ này đây.”

Poirot nhìn lên trần nhà, nói nhỏ: “Có quá nhiều si mê.”

Thanh tra nói tiếp: “Ông chồng không công nhận cô vợ có kẻ thù nào - tức là những kẻ thù thực thụ, nhưng tôi không chả tin là thế đâu! Xin thưa, người như cô ta hằn - à, hằn tạo ra một số kẻ thù thực sự - nhỉ. Ông thấy sao?”

Poirot đáp lại ngay: “*Mais oui*, đúng như vậy. Arlena Marshall hằn có kẻ thù. Nhưng theo ý tôi giả thuyết về kẻ thù không đứng vững, vì ông biết đó, ông thanh tra à, vì tôi nghĩ kẻ thù của cô ta, như tôi vừa nói lúc này, lúc nào cũng là *phụ nữ*.”

Đại tá cầu nhàu: “Đại loại thế. Phụ nữ đã đâm thọc cô ấy ngay tại đây.”

Poirot nói tiếp: “Có vẻ gần như không thể nào tội ác này do phụ nữ gây ra. Chứng cứ pháp y nói gì?”

Weston lại cầu nhàu:

“Neasden tin khá chắc chắn cô ấy do nam giới bóp cổ. Đôi bàn tay to lớn - siết thật mạnh bạo. Dĩ nhiên đúng là có thể một phụ nữ cực kỳ khỏe cũng bóp thế được - nhưng rất ít có khả năng đó.”

Poirot gật đầu. “Đúng thế. Bỏ thạch tín trong tách trà - sôcôla có độc - một con dao - thậm chí một khẩu súng ngắn - nhưng siết cổ thì không đâu! Ta phải tìm kiếm một gã đàn ông.”

Ông nói tiếp: “Và ngay lập tức sự việc trở nên khó khăn hơn. Có hai người ở đây trong khách sạn này có lý do gạt bỏ Arlena Marshall, nhưng cả hai đều là phụ nữ.”

Đại tá Weston hỏi: “Vợ Redfern là một trong hai người ấy, phải không?”

“Phải. Vợ Redfern có thể đã quyết định ra tay với Arlena Marshall. Có thể nói cô ta có thừa lý do. Tôi cũng nghĩ cô ta có khả năng giết người, nhưng không phải kiểu giết người này. Vì cho dù chịu bất hạnh và ghen tuông, phải thấy rằng cô ta không phải loại đàn bà có đam mê. Trong tình yêu, cô ta hiền dâm và

chung thủy - chứ không say đắm. Như tôi vừa nói hồi nãy - bỏ thạch tín trong tách trà thì có thể - siết cổ thì không đâu. Tôi còn chắc chắn cô ta không có đủ sức để phạm tội ác này. Tay, chân đều nhỏ dưới mức trung bình.”

Weston gật đầu. “Đây không phải là vụ án do phụ nữ gây ra. Đúng, một gã đàn ông đã làm việc này.”

Thanh tra Colgate ho húng hắng:

“Xin cho tôi đưa ra một đáp án, thưa ông. Giả sử trước khi gặp ông Redfern này, cô vợ đã lẳng nhăng với một gã nào đấy - gọi là X. Cô ta bỏ X để đến với ông Redfern. X nổi điên vì tức giận và ghen tuông. Gã đi theo cô ta xuống đây, trú ở đâu đấy trong vùng lân cận, đi qua đảo này, trừ khử cô ta. Đây là một khả năng.”

Đại tá nói: “Có khả năng đó, đúng đấy. Nếu là sự thật, hẳn phải dễ dàng chứng minh. Hẳn đi bộ đến hay đi thuyền? Dường như có nhiều khả năng hẳn đi thuyền hơn. Nếu thế, hẳn phải thuê chiếc thuyền ở đâu đấy. Ông nên điều tra đi.”

Ông nhìn sang Poirot. “Ông nghĩ sao về gợi ý của Colgate?”

Poirot trả lời chậm rãi: “Như vậy thì nhờ may rủi nhiều quá. Vả lại - giả thiết đó có điểm nào đó chưa khớp. Tôi không thể hình dung ra gã đàn ông này... gã đàn ông nổi điên vì tức giận và ghen tuông.”

Thanh tra nói: “Nhiều kẻ mê cô ta, thưa ông. Cứ nhìn Redfern đi ạ!”

“Phải, phải... Nhưng dù sao đi nữa - ”

Colgate nhìn ông dò hỏi. Poirot lắc đầu, cau mày nói tiếp:

“Chúng ta đã bỏ qua điểm gì đó...”

Đại tá Weston đang mài mê nghiên cứu sổ đăng ký phòng của khách sạn.

Ông đọc lớn tiếng:

“Vợ chồng thiếu tá Cowan, cô Pamela Cowan, cậu Robert Cowan, cậu Evan Cowan. Trú tại Núi Rydal, Leatherhead.

Vợ chồng Masterman, cậu Edward Masterman, cô Jennifer Masterman, cậu Roy Masterman, cậu Frederick Masterman. Trú tại số 5 Đại lộ Marlborough, London, N.W.

“Vợ chồng Gardener. Trú tại New York.

“Vợ chồng Redfern. Trú tại số 11 Crossgates, Seldon, đặc khu Princes Risborough.

“Thiếu tá Barry. 18 Cardon, St James, London, S.W. 1.

“Ông Horace Blatt, 5 Phố Pickersgill, London, E.C.2.

“Ông Hercule Poirot, Cư xá Whitehaven, London, W.1.

“Cô Rosamund Darnley. Trú tại Cardigan, W.1.

“Cô Emily Brewster. Soutngates, Sunbury-on-Thames.

“Cha Stephen Lane.

“Vợ chồng đại úy Marshall, cô Linda Marshall, 73 Cư xá Upcott, London, S.W.7.”

Ông ngừng lại.

Thanh tra Colgate nói: “Thưa sếp, tôi nghĩ có thể bỏ hẳn hai mục đầu tiên. Bà Castle cho tôi biết gia đình Masterman và gia đình Cowan đến đây đều đặn mỗi mùa hè với. Sáng nay họ lên thuyền buồm đi du ngoạn cả ngày, có mang theo bữa ăn trưa. Xuất phát ngay sau chín giờ. Một người tên là Andrew Baston đưa họ đi. Ta có thể kiểm tra lại từ chỗ anh ta, nhưng tôi nghĩ có thể loại họ ra khỏi vụ này.”

Đại tá gật đầu. “Tôi đồng ý. Ta cứ loại trừ tất cả những người có thể loại trừ. Ông có thể cho chúng tôi lời đánh giá về tất cả những người còn lại, được không Poirot?”

Thám tử đáp: “Nhìn bên ngoài thì dễ thôi. Vợ chồng Gardener đã vào tuổi trung niên, vui tính, thích đi du lịch. Chỉ có bà vợ là hay nói. Ông chồng chỉ biết phục tùng. Ông ta chơi quần vợt và đánh golf, có một kiểu hài hước nhẹ nhàng rất thu hút khi ta gần gũi thân tình với ông ta.”

“Nghe có vẻ ổn.”

“Kế tiếp là - vợ chồng Redfern. Redfern còn trẻ, hấp dẫn đối với phụ nữ, bơi lội rất cừ, chơi quần vợt rất giỏi và khiêu vũ rất hoàn hảo. Tôi từng nói với các ông về vợ anh ta rồi. Cô ta ít nói, đẹp nhưng phờ phạc.



Có lẽ rất tận tụy với chồng. Cô ta có thứ mà Arlena Marshall không có.”

“Là cái gì thế?”

“Trí tuệ.”

Thanh tra thờ dài: “Trí tuệ chẳng có giá trị gì khi đã si mê, thưa ông.”

“Có lẽ không có giá trị gì. Tuy nhiên thật tình tôi vẫn tin là mặc dù say đắm Arlena Marshall, nhưng Patrick Redfern vẫn quan tâm tới vợ mình.”

“Có lẽ thế, thưa ông. Chuyện như thế đâu phải mới xảy ra lần đầu.”

Poirot nói nhỏ: “Như vậy mới thật là đáng tiếc! Đó là chuyện phụ nữ vẫn luôn thấy khó tin.”

Ông nói tiếp: “Thiếu tá Barry giải ngũ từ quân đội Ấn Độ, rất mê đàn bà. Thường kể những chuyện dài dòng, tẻ nhạt.”

Thanh tra Colgate lại thờ dài: “Ông không cần nói tiếp. Tôi từng gặp vài người như thế, thưa ông.”

“Ông Horace Blatt bề ngoài có vẻ là người giàu có. Nói khá nhiều - về bản thân. Ông ta muốn kết bạn với mọi người. Thật đáng buồn vì không ai thích ông ta lắm. Và còn có chuyện khác nữa. Ông Blatt đêm qua hỏi tôi khá nhiều. Ông ta có vẻ bồn chồn. Phải, có gì đó không ổn về ông Blatt này.”

Poirot tạm dừng rồi đổi giọng nói tiếp:

“Kế tiếp đến cô Rosamund Darnley. Rose Mond là tên công ty của cô ấy. Một nhà tạo mẫu y phục phụ nữ nổi tiếng. Có thể nói gì về cô ấy nhỉ? Cô ấy có trí tuệ, có nhan sắc, quyến rũ và cao sang. Thật thú vị khi ngắm cô ấy.” Ông dừng lại một lát rồi nói thêm, “Và cô ấy cunty là bạn thân của đại úy Marshall.”

Weston ngồi thẳng dậy. “À ra thế, đúng như thế sao?”

“Phải. Nhiều năm rồi họ không gặp nhau.”

Đại tá hỏi: “Cô ấy có biết trước là anh ta xuống đây hay không?”

“Cô ấy nói là không biết.”

Poirot tạm dừng rồi nói tiếp:

“Kế đến tới ai đây? Cô Brewster. Tôi thấy cô ta có vẻ hơi hoảng hốt một chút.”

Ông lắc đầu. “Giọng cô ta y hệt đàn ông vậy. Cầm cẩu và nhiệt thành. Cô ta biết chèo thuyền, chơi golf có điểm chập là 4.” Ông tạm dừng. “Tuy vậy tôi nghĩ cô ta là người tốt bụng.”

“Chỉ còn lại cha Stephen Lane. Cha Lane là ai thế?” đại tá hỏi.

“Tôi chỉ có thể cho các ông biết một điều. Ông ấy đang ở trong tình trạng cực kỳ căng thẳng thần kinh. Tôi nghĩ ông ấy còn là một người cuồng tín nữa.”

“Ôi, hạng người ấy!” thanh tra Colgate nói.

“Tất cả rồi đấy!” Đại tá ngó Poirot. “Ông trầm ngâm suy quá, ông bạn?”

Poirot đáp: “Phải. Vì sáng hôm nay khi đi Arlena Marshall yêu cầu tôi đừng cho ai biết đã gặp cô ta. Ngay lập tức, tôi vội kết luận ngay rồi. Tôi cứ tưởng tình bạn giữa cô ta và Patrick Redfern đã gây ra rắc rối giữa cô ta và ông chồng. Tôi tưởng cô ta chuẩn bị đi gặp Patrick ở đâu đó nên không muốn chồng biết mình ở đâu.”

Ông dừng lại một lát.

“Nhưng tôi đã sai lầm về điểm đó. Bởi vì mặc dù chồng cô ta gần như xuất hiện ngay tức thì trên bãi biển và hỏi tôi có thấy cô ta hay không, nhưng chính Patrick Redfern cũng xuất hiện - rõ ràng là đang trông ngóng cô ta! Do đó, ông bạn à, tôi đang tự hỏi, người mà Arlena Marshall đi gặp là ai?”

Thanh tra Colgate nói: “Điều ấy khớp với ý của tôi. Là một gã đàn ông từ London hay đâu đấy đến.”

Hercule Poirot lắc đầu.

“Nhưng ông bạn ơi, cứ theo giả thuyết của ông thì Arlena Marshall đã cắt đứt với gã đàn ông bí ẩn này. Vậy thì tại sao cô ta lại đi gặp hắn để chuốc lấy phiền phức như vậy chứ?”

Colgate lắc đầu hỏi: “Thế ông nghĩ đấy là ai?”

“Đó chính là điều tôi không thể hình dung ra lúc này. Ta vừa mới đọc qua danh sách khách trọ của khách sạn. Tất cả đều ở tuổi trung niên - tẻ nhạt. Ai trong bọn họ được Arlena Marshall yêu thích hơn cả Patrick Redfern? Không, không thể nào có chuyện đó. Tuy vậy, cô ta quả có đi gặp ai đó - và người đó không phải là Patrick.”

Weston khẽ hỏi: “Ông không nghĩ đến chuyện cô ấy chỉ đi một mình à?”

Poirot lắc đầu. “*Mon cher*, hiển nhiên là ông chưa bao giờ gặp người đàn bà đã chết đó. Có người từng viết một luận án về ý nghĩa của môi trường biệt lập với người như Beau Brummel hay như Newton. Ông bạn thân mến à, còn Arlena Marshall chẳng thể không tồn tại khi ở một mình. Cô ta chỉ sống dưới ánh hào quang của một người đàn ông ái mộ mình. Không, Arlena đã đi gặp ai đó sáng hôm nay. Đó là ai?”

Đại tá Weston thờ dãi, lắc đầu rồi nói: “À, ta có thể xem xét các giả thuyết sau. Bây giờ phải kết thúc thăm vấn đã. Phải làm rõ trắng đen mọi người lúc ấy đang ở đâu. Tôi nghĩ bây giờ nên gặp cô bé nhà Marshall. Có lẽ cô bé có thể cho ta biết điều gì đấy hữu ích.”

Linda Marshall lóng ngóng đi vào phòng, va đụng vào trụ cửa. Cô bé thở gấp và đồng tử giãn to. Trông cô giống như một con ngựa non trẻ hoảng hốt. Trong lòng đại tá Weston chợt dâng lên tình thương mến với cô bé. Ông nghĩ:

“Tội nghiệp con bé - dù sao nó cũng chỉ là một đứa trẻ con! Vụ này đối với nó chắc hẳn là một cú sốc lớn.”

Ông kéo tới một cái ghế rồi nói với giọng trấn an:

“Rất tiếc vì bắt cháu phải dính vào vụ này, cháu - Linda, phải không?”

“Vâng, là Linda ạ.”

Giọng nói của cô bé có tiếng hơi thở hít vào, thường là đặc trưng của các nữ sinh trung học. Hai bàn tay cô để yên, bơ vơ lác lõng trên mặt bàn trước mặt ông - hai bàn tay thật đáng thương, to va đở ững với những đốt xương to tướng và hai cổ tay dài.

Weston nghĩ bụng: “Trẻ con không nên dính vào vụ việc thế này thì hơn.”

Rồi ông trấn an cô bé: “Tất cả chuyện này chẳng có gì đáng lo lắng đâu. Chúng tôi chỉ muốn cháu nói những gì cháu biết có thể hữu ích, chỉ thế thôi.”

“Ông muốn hỏi - về dì Arlena phải không ạ?”

“Phải. Sáng nay cháu có trông thấy cô ấy hay không?”

Cô gái lắc đầu. “Không ạ. Dì Arlena lúc nào cũng xuống dưới nhà khá muộn. Dì dùng điểm tâm trên giường.”

Hercule Poirot hỏi: “Còn cháu thì sao?”

“Ôi, cháu ra khỏi giường luôn ạ. Ăn sáng trên giường vướng víu lắm.”

Đại tá Weston bảo: “Cho chúng tôi biết sáng nay cháu đã làm gì, được chứ?”

“À, trước tiên cháu đi tắm, rồi ăn sáng, rồi sau đấy đi với cô Redfern đến Vũng Hải Âu.”

“Cháu cùng cô Redfern khởi hành lúc mấy giờ?”

“Cô ấy bảo sẽ đợi cháu ở sảnh lúc mười giờ rưỡi. Cháu cứ sợ bị muộn, nhưng rồi cùng ổn. Lúc bắt đầu đi là ba phút mới đến mười rưỡi.”

Poirot hỏi: “Hai người đã làm gì ở Vũng Hải Âu?”

“Ôi, cháu bơi dẫu và tắm nắng, còn cô Redfern thì vẽ. Rồi sau đấy cháu xuống tắm biển, còn cô ấy về khách sạn thay đồ đi đánh quần vợt ạ.”

Weston giữ cho giọng nói hoàn toàn bình thường.

“Cháu còn nhớ lúc ấy là mấy giờ không?”

“Khi cô Redfern về khách sạn á? Mười hai giờ kém mười lăm ạ.”

“Chắc chắn lúc ấy - là mười hai giờ kém mười lăm chứ?”

Linda mở to đôi mắt.

“Chắc chứ ạ. Cháu có nhìn đồng hồ đeo tay mà.”

“Là đồng hồ bây giờ cháu đang đeo à?”

Cô bé liếc nhìn xuống cổ tay: “Vâng.”

“Tôi xem có phiền hay không?”

Cô bé chìa cổ tay ra. Đại tá so với đồng hồ của mình và đồng hồ trên vách tường khách sạn rồi mỉm cười nói: “Chính xác đến từng giây. Và sau đây cháu tắm biển à?”

“Vâng ạ.”

“Rồi cô về khách sạn - lúc nào?”

“Khoảng chừng một giờ đúng. Và - và sau đấy - cháu đã nghe tin - về dì Arlena...” Cô gái lặc giọng.

Đại tá hỏi tiếp: “Cháu có - ở - hòa thuận với mẹ kế hay không?”

Linda nhìn ông một lát không đáp lại. Rồi cô nói: “Có chứ ạ.”

Poirot hỏi: “Cháu có quý cô ấy không?”

Linda đáp: “Có chứ ạ.” Cô gái nói thêm, “Dì Arlena rất tốt với cháu.”

Weston nói với vẻ bông đùa khá khó chịu:

“Không phải kiểu mẹ kế tàn nhẫn, hử?”

Cô bé lắc đầu không mỉm cười.

Weston nói: “Thế thì tốt. Thế thì tốt. Đôi khi trong các gia đình có một chút khó khăn - ghen tỵ - đủ điều đủ chuyện. Con gái đang có bố là bạn thân thiết rồi chuyển sang có một chút oán giận khi bố chỉ nghĩ đến vợ mới. Cháu không cảm thấy như thế, hử?”

Linda ngó ông lom lom. Cô gái đáp với vẻ thành thật rõ ràng:

“Ô, không đâu ạ.”

“Chắc là bố cô - ở - cứ quẩn quýt với vợ mới, phải không?”

Linda trả lời thật đơn giản: “Cháu không biết.”

Đại tá nói tiếp: “Đủ thứ khó khăn như tôi nói đấy cứ nảy sinh trong các gia đình. Gây gổ, cãi cọ - cái kiểu ấy đấy. Nếu vợ chồng hục hặc, cáu kỉnh với nhau thì con gái cũng có một chút khó xử. Cháu có thấy điều gì đại loại như thế hay không?”

Linda hỏi lại thật rõ ràng:

“Có phải ông muốn hỏi bố và dì Arlena có cãi nhau không?”

“À - phải.”

Weston thăm nghĩ: “Việc mình làm thật tồi tệ - thăm vấn một đứa trẻ về bố nó. Làm cảnh sát để làm gì chứ? Chết tiệt, dù sao thì vẫn buộc phải hỏi.”

Cô bé đáp một cách quả quyết:

“Không đâu.” Cô nói thêm, “Bố chẳng bao giờ cãi nhau với ai cả. Bố cháu không phải là người như thế đâu ạ.”

Đại tá nói: “Linda này, tôi muốn cháu suy nghĩ thật kỹ. Cháu có ý kiến gì về việc ai đó có thể đã giết mẹ kế của cháu hay không? Cháu có từng nghe thấy hay biết bất cứ điều gì có thể giúp chúng tôi về vấn đề ấy hay không?”

Linda im lặng một lát, có vẻ nghiền ngẫm câu hỏi đó thật nghiêm túc, không hề vội vã. Sau cùng cô gái trả lời:

“Không, cháu không biết ai lại muốn hại dì Arlena.” Cô gái nói thêm, “Dĩ nhiên ngoài cô Redfern ra.”

“Cháu nghĩ cô Redfern muốn giết mẹ kế cháu ư? Vì sao thế?”

“Bởi vì chồng cô ấy đã phải lòng dì Arlena. Nhưng chắc cô ấy không thật sự muốn giết mẹ kế cháu đâu. Ý là chắc cô ấy chỉ ước cho dì Arlena chết đi - nhưng thế không như là giết thật, phải không ạ?”

Poirot nói thật dịu dàng:

“Đúng, hoàn toàn không như nhau.”

Cô bé gật đầu. Một thoáng biến chuyển lướt trên gương mặt cô gái. Linda nói tiếp:

“Mới lại, cô Redfern không bao giờ có thể làm một việc như thế - giết người ấy. Cô ấy không - không hung bạo, có hiểu ý cháu không ạ?”

Weston và Poirot gật đầu. Thám tử nói: “Tôi biết đích xác cháu muốn nói gì, cô bé à, và tôi đồng ý với cháu. Bà Redfern không thuộc hạng người như người ta thường nói là ‘say máu’. Cô ấy sẽ không...” ông ngả người ra sau, lim dim đôi mắt, cẩn thận lựa lời - “bị một cơn bão cảm xúc lay động - thấy cuộc sống thu hẹp lại trước mắt mình - thấy một khuôn mặt bị thù ghét - một cái cổ trắng bị thù ghét - cảm thấy hai bàn tay mình siết chặt - mong cảm thấy chúng ẩn vào da thịt...”

Ông dừng lại.

Bước giật lùi ra khỏi cái bàn, Linda run rẩy hỏi:

“Bây giờ cháu đi được chưa? Xong rồi phải không ạ?”

Đại tá Weston đáp: “Phải, phải, xong rồi. Cảm ơn cháu, Linda.”

Ông đứng lên mở cửa cho cô gái. Rồi quay trở vào bàn, ông đốt một điếu thuốc.

“Chao ôi!” Ông nói. “Công việc của chúng ta chẳng tốt lành gì. Xin nói với các ông tôi đã cảm thấy hơi mệt mỏi một chút khi thăm vấn cô bé ấy về quan hệ giữa bố nó và mẹ kế. Có khác gì bảo đứa con gái trông

thông lọng vào cổ bố nó. Dù sao thì đó là việc chẳng đứng. Ăn mạng là ăn mạng. Và nó là người có thể biết rõ những sự việc trong vụ này. Tuy thế, tôi thấy biết ơn vì con bé chẳng có gì để nói về chuyện đó.”

Thám tử nói: “Phải, tôi cũng nghĩ ông cảm thấy thế.”

Weston ho một tiếng có vẻ bối rối.

“À này, Poirot ạ, ông đã đi hơi xa rồi, về sau ấy. Đôi bàn tay ấn vào thịt! Chẳng phải thứ ý tưởng thích hợp để nhồi nhét vào đầu một đứa trẻ con.”

Hercule Poirot nhìn ông ta với ánh mắt đăm chiêu:

“Vậy là ông nghĩ tôi đã nhồi nhét ý tưởng đó vào đầu nó à?”

“À, chẳng phải thế sao? Thôi bỏ đi!”

Poirot lắc đầu. Đại tá Weston lảng tránh khỏi vấn đề ấy:

“Nói chung ta chẳng thu được điều gì hữu ích từ con bé. Ngoại trừ một chứng cứ ngoại phạm ít nhiều hoàn hảo đối với cái cô Redfern ấy. Nếu họ ở cùng nhau từ mười giờ rưỡi đến mười hai giờ kém mười lăm, thì nghĩa là Christine Redfern được loại ra khỏi vụ án này. Bà vợ ghen tuông đáng nghi ngờ thoát rồi.”

Poirot nói: “Có những lý do xác thực hơn để loại cô Redfern ra. Tôi tin chắc chuyện cô ta siết cổ ai đó không thể nào xảy ra khi xét về sức khỏe thể chất lẫn tâm lý. Cô ta là người máu lạnh chứ không phải máu nóng, có khả năng tận tụy hết mức và kiên trì chung thủy nhưng chẳng có đam mê điên cuồng của người máu nóng. Hơn nữa bàn tay cô ta quá nhỏ.”

Colgate nói: “Tôi đồng ý với ông Poirot. Cô ta ở ngoài vụ này. Bác sĩ Neasden đã nói là hung thủ có đôi bàn tay lớn.”

Đại tá gợi ý: “À, tôi nghĩ kế tiếp ta nên gặp vợ chồng Redfern. Tôi cho rằng bây giờ anh ta đã phục hồi một chút sau cú sốc.”

Patrick Redfern bây giờ đã hoàn toàn bình tĩnh trở lại. Trông anh ta xanh xao, phờ phạc và bỗng dưng rất trẻ, nhưng phong thái hoàn toàn điềm tĩnh.

“Ông là Patrick Redfern ở Crossgates, Seldon, khu Princes Risborough à?”

“Phải.”

“Ông quen biết cô Arlena Marshall bao lâu rồi?”

Patrick Redfern ngần ngừ rồi đáp:

“Ba tháng.”

Đại tá nói tiếp: “Đại úy Marshall nói với chúng tôi rằng ông và cô ấy tình cờ gặp nhau ở một buổi tiệc cocktail. Có đúng thế không?”

“Đúng, chuyện đã xảy đến như thế.”

“Đại úy Marshall có ngụ ý nói rằng cho đến khi gặp nhau ở đây, cả hai người đều không biết rõ về nhau. Có thật thế không, ông Redfern?”

Một lần nữa Patrick lại ngần ngừ một lát rồi mới trả lời:

“À, không hẳn. Thực ra là tôi đã gặp cô ấy nhiều lần rồi.”

“Mà đại úy Marshall không hề hay biết hay sao?”

Redfern hơi đỏ mặt:

“Không rõ anh ta có biết chuyện ấy hay không nữa.”

Hercule Poirot lên tiếng, ông hỏi nhỏ:

“Và có phải vợ ông cũng không hề hay biết, ông Redfern?”

“Chắc chắn tôi có đề cập với vợ tôi chuyện tôi có gặp diễn viên Arlena Stuart nổi tiếng.”

Poirot không bỏ qua. “Nhưng bà nhà không biết ông thường xuyên gặp cô Marshall?”

“À, có lẽ là không.”

Weston lại hỏi: “Phải chăng ông và cô Marshall đã sắp đặt để gặp nhau ở đây?”

Redfern im lặng chừng một hai phút rồi nhún vai.

“Thôi được rồi,” anh ta đáp, “đằng nào cũng giấu được nữa. Lảng tránh các ông cũng vô ích. Tôi đã phải lòng cô ấy - điên dại - si mê - các ông thích dùng từ nào cũng được. Cô ấy muốn tôi xuống đây. Tôi đã lưỡng lự một chút rồi đồng ý. Tôi - tôi - à, hẳn tôi sẽ đồng ý làm bất cứ điều gì cô ấy thích. Cô ấy khả năng tác động lên với người khác kiểu ấy đấy.”

Poirot khẽ nói: “Ông đã vẽ nên một bức tranh rất rõ ràng về cô ta. Đó là ả phù thủy Circe bất tử. Đúng vậy.”

Patrick Redfern nói thật cay đắng:

“Đúng là cô ấy có thể biến đàn ông thành lợn cả!” Anh ta nói tiếp, “Tôi đang thẳng thắn với các ông. Sẽ không giấu giếm bất cứ điều gì. Có ích lợi gì đâu chứ? Như tôi nói đấy, tôi say đắm cô ấy. Cô ấy có quan tâm đến tôi hay không tôi không biết nữa. Cô ấy đã giả vờ như thế, nhưng tôi nghĩ cô ấy kiểu người không còn hứng thú với người tình một khi đã chiếm được cả thể xác lẫn linh hồn. Cô ấy biết đã hoàn toàn chiếm được tôi. Sáng hôm nay khi tôi tìm thấy cô ấy nằm chết trên bãi biển ấy, tôi như bị” - anh ta tạm dừng - “như bị cái gì đấy đập mạnh vào giữa hai con mắt. Tôi đã choáng váng - sụp đổ!”

Poirot ngả người tới trước. “Còn bây giờ thì sao?”

Patrick Redfern nhìn vào mắt ông thẳng thắn đáp:

“Tôi đã cho ông biết sự thật. Tôi muốn hỏi điều này - có cần phải làm âm ỉ cho thiên hạ biết không? Dường như không thể có bất cứ liên quan gì tới cái chết của cô ấy. Nếu tất cả bị tiết lộ ra thì sẽ không hay đối với vợ tôi.”

Anh ta nói tiếp thật nhanh: “Ôi, tôi biết rồi. Ông nghĩ cho đến bây giờ tôi không quan tâm nhiều đến vợ mình à? Có lẽ đúng như thế. Mặc dù có lẽ tôi nói nghe như một tên đạo đức giả tồi tệ nhất, nhưng sự thật là tôi quan tâm đến vợ tôi - quan tâm đến cô ấy rất sâu sắc. Còn chuyện kia,” - anh ta co rút hai vai - “đấy là chuyện diên rồ - một việc làm ngốc nghếch ngu si của đàn ông - nhưng Christine thì khác hẳn. Cô ấy có thật. Mặc dù đã đối xử với cô ấy thật tồi tệ, nhưng tôi đã biết ngay từ đầu trong thâm tâm mình cô ấy là người thật sự quan trọng.”

Anh ta tạm dừng lại - thở dài - rồi nói khá lâm ly thống thiết: “Ước gì tôi có thể làm cho các ông tin!”

Hercule Poirot chồm người tới trước.

“Nhưng quả thật tôi tin điều đó. Phải, phải, tôi tin điều đó!”

Nhìn ông với vẻ biết ơn, Patrick nói: “Cảm ơn ông.”

Đại tá Weston đằng hắng.

“Ông có thể thấy, ông Redfern ạ, chúng tôi sẽ không đi vào những chuyện không liên quan. Nếu như việc ông với cô Marshall qua lại mà không có vai trò gì trong án mạng này, thì chẳng việc gì phải lôi chuyện ấy vào vụ án. Nhưng điều dường như ông không nhận thấy là sự - ờ - thân mật ấy có thể có một mối liên quan rất trực tiếp với án mạng. Có thể thành lập động cơ gây án, ông hiểu đấy.”

“Động cơ sao?”

“Phải, ông Redfern ạ, động cơ gây án. Đại úy Marshall có lẽ không bay biết về mối quan hệ ấy. Nhưng giả sử anh ta đột nhiên phát hiện ra thì sao?”

“Ôi, Chúa ơi. Ông muốn nói anh ta tình ra và giết cô ấy à?”

Cảnh sát trưởng hỏi khá lạnh nhạt:

“Ông chưa từng nghĩ đến đáp án ấy hay sao?”

Redfern lắc đầu đáp:

“Chưa - thật nực cười. Tôi chưa bao giờ nghĩ đến điều ấy. Ông thấy đấy, Marshall là người trầm lặng. Tôi thấy - à, dường như chuyện ấy chẳng thể nào xảy ra.”

Weston hỏi: “Thái độ của cô Marshall đối với chồng như thế nào trong tất cả chuyện này? Cô ta có - à, thấy ngại - trong trường hợp chuyện ấy đến tai ông chồng? Hay là mặc kệ?”

Patrick trả lời chậm rãi:

“Cô ấy - hơi lo lắng một chút. Chẳng muốn anh ta nghi ngờ bất cứ điều gì.”



“Arlena Marshall có sợ chồng không?”

“Sợ à? Không, tôi không thấy thế.”

Poirot hỏi nhỏ: “Xin thứ lỗi cho tôi, ông Redfern à, có lúc nào vấn đề ly dị được nêu ra không?”

Patrick Redfern lắc đầu quả quyết.

“Ô, không, không có chuyện đó đâu. Còn Christine mà. Và tôi chắc Arlena chưa bao giờ nghĩ đến chuyện như thế. Kết hôn với Marshall cô ta đã hoàn toàn thỏa mãn rồi. Anh ta là - à, làm to trong lĩnh vực của mình...” Bất chợt anh ta mỉm cười. “Ông lớn ở một hạt - kiểu như thế, và khá giả. Cô ấy chưa bao giờ nghĩ có thể lấy tôi làm chồng. Không, tôi chỉ là một người trong đám ngu si dấn dộn đáng thương nối tiếp nhau - để cô ấy giết thời gian. Tôi biết ngay từ đầu ấy chứ, có điều dù như thế nhưng cảm giác của tôi đối với cô ấy vẫn không thay đổi...”

Giọng anh ta lạc hẳn đi. Anh ta ngồi đó suy nghĩ.

Weston nhắc cho anh ta nhớ lại yêu cầu trong lúc đó:

“Này ông Redfern, sáng nay ông có cuộc hẹn nào với Arlena Marshall hay không?”

Có vẻ hơi bối rối, Patrick đáp:

“Không hẹn cụ thể, không đâu. Chúng tôi vẫn thường gặp nhau mỗi buổi sáng trên bãi biển. Chúng tôi thường chèo bè đi khắp nơi.”

“Sáng nay ông có ngạc nhiên vì không thấy cô Marshall ở đấy hay không?”

“Có. Rất ngạc nhiên. Tôi hoàn toàn không hiểu nổi.”

“Ông đi nghĩ gì?”

“À, tôi không biết phải nghĩ gì nữa. Tôi tưởng thế nào thì cô ấy cũng sẽ đến.”

“Nếu cô ấy có hẹn ở nơi nào khác, thì ông không có biết cô ấy có thể hẹn gặp ai hay không?”

Patrick Redfern chỉ nhìn đăm đăm và lắc đầu.

“Khi có hẹn với cô Marshall, thì hai người gặp nhau ở đâu?”

“Đôi khi tôi gặp cô ấy vào buổi chiều ở dưới Vũng Hải Âu. Ông thấy đấy, Vũng Hải Âu về chiều không có nắng, vì thế ở đấy thường không quá đông người. Chúng tôi đã gặp nhau ở đấy độ một hai lần.”

“Chưa bao giờ ở cái vịnh nhỏ kia hay sao? Vũng Tiên ấy?”

“Chưa. Ông thấy đấy, Vũng Tiên quay về hướng tây và người ta hay đi thuyền hay bè đến đó vào buổi chiều. Chúng tôi chưa bao giờ tìm cách gặp nhau vào buổi sáng. Sẽ dễ bị để ý lắm. Buổi chiều người ta thường đi ngủ hay đi thơ thẩn loanh quanh nên không ai biết rõ lắm người khác đang ở đâu.”

Weston gật đầu.

Patrick Redfern nói tiếp:

“Sau bữa ăn tối, dĩ nhiên thế, vào những đêm tốt trời chúng tôi thường ra ngoài dạo chơi với nhau đến những chỗ khác trên đảo.”

Hercule Poirot lẩm bẩm: “A, phải rồi!” và Patrick Redfern liếc nhìn ông dò hỏi.

Weston nói: “Như thế nghĩa là ông không giúp gì được cho chúng tôi hiểu rõ nguyên do đã đưa cô Arlena Marshall đến Vũng Tiên sáng hôm nay sao?”

Anh ta lắc đầu đáp, giọng nói nghe có vẻ thực sự ngỡ ngàng:

“Tôi chẳng hề biết một chút gì. Chẳng giống Arlena.”

“Cô ấy có người bạn nào ở dưới này, đang lưu trú ở vùng lân cận hay không?”

“Theo như tôi được biết thì không có. Ôi, chắc chắn không có đâu.”

“Này ông Redfern, Tôi muốn ông suy nghĩ thật kỹ. Ông đã quen cô Marshall ở London. Chắc hẳn ông có quen với nhiều người khác trong nhóm bạn của cô ấy. Ông có biết ai đấy có thể có ác cảm với cô Arlena Marshall hay không? Chẳng hạn như ai đấy mà ông bỏ để theo cô ấy chẳng hạn?”

Patrick Redfern suy nghĩ trong vài phút rồi lắc đầu.

“Thành thật mà nói tôi chẳng nghĩ ra ai cả.”

Đại tá gõ gõ ngón tay lên mặt bàn. Sau cùng ông nói: “À, thế đấy. Dường như chúng ta còn lại ba khả năng. Một sát thủ chưa biết là ai - một gã cuồng điên nào đấy - tình cờ đến vùng lân cận - và một -”

Redfern ngắt lời:

“Và chắc chắn đấy là khả năng lớn nhất.”

Weston lắc đầu. “Đây không phải là một trong các vụ án mạng “xác chết cô đơn”. Chỗ cái vịnh nhỏ này khá là khó đến. Gã đàn ông ấy phải đi lên từ con đường đắp, ngang qua khách sạn, lên ngọn đồi trên đảo rồi trèo xuống cái thang tạm ấy, hoặc hẳn đến bằng thuyền. Cả hai cách ấy đều không thể xảy ra với một vụ giết người ngẫu nhiên.”

“Ông bảo có ba khả năng kia mà.”

“Ừ, phải đấy,” cảnh sát trưởng nói. “Tức là có hai người trên đảo này đã có động cơ để giết Arlena Marshall. Một người là ông chồng, còn người kia là vợ ông.”

Nhìn ông cảnh sát trưởng trân trân chết điếng, Patrick hỏi:

“Vợ tôi ư? Christine ư? Ông muốn nói Christine có dính líu gì vào vụ này à?”

Anh ta đứng lên rồi cứ đứng đó hơi lấp ba lấp bấp một chút khi cố nói nhanh:

“Ông điên rồi - điên mất rồi - Christine ư? Này, không thể nào. Thật nực cười!”

Đại tá nói: “Dù sao đi nữa, ông Redfern ạ, ghen tuông là động cơ rất mãnh liệt. Phụ nữ khi ghen hoàn toàn không còn kiểm soát mình được nữa.”

Patrick nghiêm giọng nói: “Không phải Christine. Cô ấy - ôi cô ấy không phải như thế đâu. Cô ấy đã bất hạnh, đúng thế. Nhưng không phải loại người - ôi, cô ấy không có tính hung bạo đâu.”

Hercule Poirot gật đầu có vẻ dăm chiêu. Hung bạo. Cũng là cái từ Linda từng dùng. Cũng như trước đó, ông đồng tình với cảm giác ấy.

“Ngoài ra,” Patrick nói tiếp chắc như đinh đóng cột, “như thế là phi lý. Arlena khỏe gấp đôi Christine. Tôi còn không biết Christine có siết cổ nổi một con mèo con không - chắc chắn không thể siết cổ người mạnh mẽ như Arlena. Và Christine chẳng chịu trèo thang ấy xuống bãi biển. Cô ấy không quen những việc như thế. Và - ôi, toàn bộ việc này thật quái đản!”

Đại tá Weston gãi tai có vẻ phân vân.

“À. Nói như thế thì dường như khả năng ấy là không thể rồi. Tôi công nhận với ông. Nhưng động cơ là điều chúng tôi phải tìm kiếm trước tiên.” Ông nói thêm, “Động cơ và cơ hội.”

Khi Patrick Redfern đã ra khỏi phòng, cảnh sát trưởng mỉm cười nhận xét:

“Tôi nghĩ không cần phải cho anh ta biết vợ có chứng cứ ngoại phạm. Muốn nghe anh ta nói gì về ý tưởng ấy. Làm cho anh ta hơi rúng động một chút, đúng không?”

Hercule Poirot nói:

“Luận cứ anh ta nêu lên cũng hết sức mạnh mẽ, ngang với chứng cứ ngoại phạm.”

“Phải. Có lẽ Christine Redfern không phải hung thủ! Không thể là vì không đủ thể lực, như ông nói đấy. Marshall thì đủ sức, nhưng rõ ràng anh ta không phải kẻ đó.”

Thanh tra Colgate ho một tiếng rồi nói: “Xin thứ lỗi cho tôi, thưa sếp, tôi cứ nghĩ mãi về cái chứng cứ ngoại phạm ấy. Nếu anh ta đã trù tính chuyện đó, thì có khả năng những bức thư ấy đã được chuẩn bị trước rồi.”

“Ý kiến hay đấy,” đại tá nói. “Ta phải xem xét...”

Ông đột ngột ngừng nói khi Christine đi vào phòng, vẫn điềm tĩnh và phong thái như thường lệ. Cô mặc áo khoác để chơi quần vợt màu trắng và áo chui đầu màu xanh lam nhạt, tôn lên bật làn da trắng như thiếu máu. Nhưng Hercule Poirot thầm nghĩ, dù vậy đây không phải một khuôn mặt ngu đần hay yếu đuối. Rất kiên quyết, dũng cảm và biết lý lẽ.

Ông gật đầu tỏ ý tán thưởng. Còn đại tá thì nghĩ bụng:

‘Một phụ nữ nhỏ nhắn thật tuyệt. Hơi xanh xao một chút, có lẽ thế. Quá thích hợp với anh chồng trẻ xuẩn

ngốc ưa tán gái. Ôi chao, anh chàng còn trẻ. Đàn bà luôn biến ta thành đồ ngốc mà!’

Ông bảo: “Ngồi xuống đi, cô Redfern! Chúng tôi phải tiến hành một số thủ tục. Yêu cầu mọi người khai báo đã đi đâu và làm gì sáng hôm nay. Chỉ để lập hồ sơ thôi.”

Christine Redfern gật đầu nói với giọng điềm tĩnh chuẩn xác:

“À vâng, tôi hoàn toàn hiểu được. Ông muốn tôi bắt đầu từ đâu ạ?”

Poirot nói: “Càng sớm càng tốt, thưa cô. Sáng nay cô đã làm gì đầu tiên sau khi thức dậy?”

“Để tôi xem nào. Khi đi xuống dưới ăn sáng, tôi có ghé qua phòng Linda Marshall rủ đi đến Vũng Hải Âu sáng hôm nay. Chúng tôi hẹn nhau ở sảnh lúc mười giờ rưỡi.”

“Cô không tắm biển trước khi ăn sáng hay sao?” Poirot hỏi.

“Không ạ. Rất hiếm khi tôi làm như thế.” Cô mỉm cười. “Tôi đợi nước biển biển ấm lên rồi mới xuống. Tôi hay bị lạnh.”

“Nhưng anh nhà thường tắm biển vào lúc đó à?”

“À vâng. Gần như vẫn luôn như thế.”

“Còn Arlena Marshall, cô ấy cũng vậy à?”

Giọng Christine có sự thay đổi, trở nên lạnh lùng và gần như chua chát.

“Ồ không đâu. Cô Marshall là kiểu người không bao giờ xuất hiện trước giữa buổi sáng cả.”

Có vẻ bối rối, Hercule Poirot nói:

“Xin lỗi vì ngắt lời cô. Cô có nói là đi vào phòng Linda Marshall. Lúc đó là mấy giờ?”

“Để tôi xem - tám giờ rưỡi - không, sau đấy một chút.”

“Thế lúc đó Linda Marshall đang làm gì?”

“À, con bé đã ra ngoài.”

“Ra ngoài à?”

“Vâng, nó bảo lúc ấy nó đi tắm biển.”

Giọng cô có một vẻ ngượng ngập mơ hồ - rất mơ hồ khiến Hercule Poirot thắc mắc.

“Rồi sau đấy thì sao?” đại tá hỏi.

“Sau đấy tôi đi xuống ăn sáng.”

“Và sau bữa sáng?”

“Tôi lên lầu lấy hộp bút vẽ, tập vở vẽ rồi chúng tôi khởi hành.”

“Cô và Linda Marshall à?”

“Vâng.”

“Lúc ấy là mấy giờ?”

“Chắc là đúng mười giờ rưỡi.”

“Và hai người đã làm gì?”

“Chúng tôi đi đến Vũng Hải Âu. ông biết đấy, là cái vịnh nhỏ ở phía đông hòn đảo. Chúng tôi ổn định vị trí ở đấy. Tôi vẽ, còn Linda thì tắm nắng.”

“Cô rời cái vịnh nhỏ đó lúc mấy giờ?”

“Mười hai giờ kém mười lăm. Tôi chơi quần vợt lúc mười hai giờ nên phải thay đồ.”

“Cô có đồng hồ đeo tay chứ?”

“Không, thực ra là không có. Tôi hỏi giờ Linda.”

“Tôi hiểu rồi. Sau đấy thì sao?”

“Tôi dọn đồ rồi về khách sạn.”

Poirot hỏi: “Còn Linda?”

“Linda à? Ôi, con bé xuống tắm biển.”

“Chỗ cô ngồi có xa biển hay không?”

“Chúng tôi ở phía trên mực thủy triều lên. Ngay dưới vách đá - để tôi có thể ở trong bóng râm, còn Linda thì ở ngoài nắng.”

“Linda Marshall có thật sự xuống biển trước khi bà đi khỏi cái vịnh nhỏ hay không?” Poirot hỏi.

Christine hơi nhúu mày cố nhớ lại.

“Để tôi xem nào. Cô bé chạy xuống bãi biển - tôi buộc lại cái hộp - có, tôi nghe tiếng nó lộp lộp bồm trong sóng biển lúc tôi ở trên lối mòn đi lên vách đá.”

“Cô có chắc chắn không? Linda thật sự đã xuống biển à?”

“À. vâng.”

Cô ngạc nhiên nhìn Poirot chăm chú. Đại tá cũng ngó ông lom lom. Rồi ông ta bảo:

“Tiếp tục đi, cô Redfern!”

“Tôi về khách sạn thay đồ rồi ra sân quần vợt, ở đấy tối gặp mọi người.”

“Là những ai?”

“Đại úy Marshall, ông Gardener và cô Darnley. Chúng tôi đã chơi hai séc. Vừa mới định về thì nghe tin về - về cô Arlena Marshall?”

Hercule Poirot ngả người tới trước hỏi:

“Cô nghĩ gì khi nghe tin đó?”

“Tôi nghĩ gì ư?” Mặt cô thoáng lộ ra vẻ khó chịu với câu hỏi đó.

“Phải.”

Christine Redfern đáp chậm rãi:

“Đấy là - một chuyện thật kinh khủng.”

“A, phải đó, cô cảm thấy khó chịu. Nhưng chuyện ấy có ý nghĩa gì với cô - với cá nhân cô?”

Cô nhìn ông thật nhanh - một cái nhìn cầu khẩn. Đáp lại lời cầu khẩn đó, ông nói với giọng thực tế:

“Xin cô nghe tôi nói, thưa cô, như một phụ nữ có trí tuệ, biết lẽ phải và biết phán xét. Chắc chắn trong lúc ở đây cô đã hình thành một ý đánh giá nào đó về Arlena Marshall, về chuyện cô ta là loại phụ nữ nào rồi chứ?”

Christine trả lời thận trọng:

“Tôi cho rằng ít nhiều người ta vẫn luôn làm thế khi ở khách sạn.”

“Hẳn là như vậy, việc đó là tự nhiên mà. Vì vậy tôi mới hỏi, thưa cô, là có phải cô thật sự rất ngạc nhiên vì cái cách cô ta chết hay không?”

Christine nói chậm rãi:

“Tôi nghĩ tôi hiểu ông muốn nói gì rồi. Không, có lẽ tôi đã không ngạc nhiên. Bị sốc, đúng thế. Nhưng cô ta là hạng đàn bà...”

Poirot nói hết câu thay cho cô:

“Cô ta là loại phụ nữ mà một chuyện như thế có thể xảy đến... Phải, thưa cô, đó là điều chân thực nhất và có ý nghĩa nhất từng được nói ra trong phòng này sáng hôm nay.” Ông cẩn thận nhấn mạnh, “Đặt tất cả - cảm giác cá nhân sang một bên, cô nghĩ gì về Arlena Marshall quá cố?”

Christine Redfern thản nhiên hỏi lại:

“Bây giờ có thật sự nên xoáy vào tất cả chuyện ấy hay không ạ?”

“Tôi nghĩ có thể là đáng, phải.”

“À, tôi sẽ nói gì đây nhỉ?” Làn da nhợt nhạt của cô chợt ửng hồng. Phong thái của cô thả lỏng ra. Trong một khoảng khắc con người thực thoát ra. “Cô ta là hạng đàn bà, trong tâm trí tôi, hoàn toàn chẳng có giá trị gì cả! Cô ta chẳng làm gì để chứng tỏ sự tồn tại của mình. Chẳng có suy nghĩ - chẳng có đầu óc. Cô ta chẳng biết điều gì khác ngoài đàn ông, trang phục và sự ái mộ. Vô dụng, một loài ký sinh! Cô ta thật hấp dẫn đàn ông, tôi cho là thế - ôi, dĩ nhiên là như thế. Cô ta sống vì cuộc sống kiểu ấy. Bởi thế tôi nghĩ thật tình chẳng hề ngạc nhiên khi cô ta có kết cục bi thảm. Đây là hạng đàn bà thường dính vào những chuyện xấu xa: tổng tiền - ghen tuông - bạo lực - đủ mọi thứ xúc cảm thô bạo. Cô - cô ta thu hút những điều xấu xa nhất trong lòng người khác.”

Cô dừng lại, hơi thở có phần gấp gáp. Môi trên khá ngẩn của cô cong lên vì một thứ cảm giác khinh ghét.

Một ý nghĩ chợt đến với đại tá Weston: Hẳn không thể tìm ra một hình ảnh nào tương phản với Arlena Stuart rõ rệt hơn là Christine Redfern. Ông cũng nghĩ đến chuyện nếu kết hôn với Christine, bầu không khí có thể ngọt ngào tới nỗi những ả Arlena trên đời này sẽ có một sức hấp dẫn đặc biệt.

Rồi ngay lập tức tiếp theo sau những ý nghĩ này, một từ ngữ đơn lẻ trong những gì cô vừa nói khiến ông đặc biệt chú ý.

Chờm người tới trước ông hỏi:

“Cô Redfern ạ, vì sao khi nói về Arlena Marshall cô lại nhắc đến chuyện *tổng tiền* thế?”

Christine ngó ông lom lom, dường như không hiểu được ông muốn nói gì ngay tức khắc. Cô trả lời gần như cái máy:

“Tôi nghĩ - bởi vì cô ta đã bị tổng tiền. Cô ta là hạng người thường bị như thế.”

Đại tá Weston nghiêm giọng hỏi:

“Nhưng mà - cô biết cô ấy đã bị tổng tiền sao?”

Đôi má hơi ửng hồng, cô đáp khá ngượng nghịu:

“Thực ra quả tôi có tình cờ biết được chuyện ấy. Tôi - tôi đã nghe được một chuyện.”

“Xin bà giải thích có được không, bà Redfern?”

Còn đỏ mặt hơn nữa, Christine Redfern nói: “Tôi - tôi không có ý nghe lỏm. Chỉ là tình cờ. Cách đây hai - à không, ba đêm. Chúng tôi lúc đó đang chơi bài.” Cô quay sang Poirot, “Ông còn nhớ không? Hai vợ chồng tôi, ông Poirot đây và cô Darnley. Tôi đã hạ bài rồi. Trong phòng đánh bài khá bí nên và tôi ra ngoài cửa sổ để hít thở không khí trong lành. Tôi đi xuống bãi biển và chợt nghe có tiếng nói. Đầu tiên là - là giọng Arlena Marshall - tôi nhận ra ngay lập tức - cô ta nói: ‘Ép tôi chẳng ích gì đâu. Bây giờ tôi không lấy được tiền nữa. Chồng tôi sẽ nghi ngờ.’ Rồi một giọng đàn ông nói: ‘Tôi sẽ không chấp nhận bất cứ lý do nào. Bà phải nôn ra thôi.’ Và rồi cô ta nói: ‘Đồ tổng tiền ác ôn!’ Và gã đàn ông nói: ‘Ác hay không cũng được, cô cũng phải nộp tiền thôi, phu nhân ạ.’”

Christine tạm dừng lại rồi kể tiếp:

“Tôi vừa quay lại một lát thì Arlena Marshall hấp tấp ngang qua chỗ tôi. Trông cô ta - à, bức bối kinh

khủng.”

Weston hỏi: “Còn gã đàn ông? Cô có biết gã là ai hay không?”

Cô lắc đầu đáp: “Hắn luôn cố nói thật khế. Hầu như không nghe được hắn nói gì.”

“Giọng nói ấy không gợi cho cô nghĩ đến người nào hay sao?”

Cô lại suy nghĩ nhưng một lần nữa lắc đầu.

“Không, tôi không biết. Giọng ấy ồm ồm và rất khế. Đấy - ôi, đấy có thể là bất cứ ai.”

Đại tá Weston nói: “Cảm ơn cô, Redfern.”



Khi cánh cửa đã đóng lại sau lưng Christine Redfern, thanh tra Colgate nói:

“Giờ thì ta có một chút kết quả rồi.”

“Ông nghĩ thế ư?” Weston hỏi.

“À, chuyện đó gợi cho ta một hướng điều tra, thưa sếp, ta không thể bỏ qua. Ai đấy trong khách sạn này vừa tổng tiền quý bà ấy.”

Poirot khẽ nói: “Nhưng không phải kẻ tổng tiền gian ác bị giết mà là người bị tổng tiền.”

“Có vấn đề ở chỗ đó một chút, tôi đồng ý,” thanh tra nói. “Bọn tổng tiền thường không có thói quen trừ khử nạn nhân. Nhưng chuyện ấy cho ta biết điều này, nó gợi ra cái lý do khiến bà Marshall có hành vi kỳ lạ sáng hôm nay. Bà ấy có rendezvous với thằng cha tổng tiền này, không muốn cho cả chồng lẫn Redfern biết.”

Thanh tra Colgate nói tiếp:

“Cứ đến địa điểm hẹn mà xem. Rất thích hợp với mục đích đó. Arlena Marshall chèo bè đi. Rất tự nhiên thôi. Là việc cô ta vẫn thường làm hằng ngày. Đi vòng qua Vũng Tiên nơi chẳng mấy khi có ai đến vào buổi sáng, là một nơi yên tĩnh, hết sức thích hợp cho một cuộc thảo luận nào đó.”

Poirot nói: “Phải, tôi cũng nghĩ ngay đến điều đó. Đúng như ông nói, đó là một điểm hẹn lý tưởng. Chỗ đó hoang vắng, đi bộ thì chỉ có thể tới được bằng cách xuống trèo một cái thang thép dựng đứng mà mọi người đều không thích, bien entendu. Hơn nữa phần lớn bãi biển đó bị vách đá nhô ra che, từ phía trên khó nhìn thấy gì. Còn có một điểm thuận lợi nữa. Có lần Redfern cho tôi biết chỗ vách đá ấy có một cái hang mà lối vào không dễ phát hiện, ai đứng chờ đợi trong đó thì người ngoài không phát hiện ra.”

“Dĩ nhiên rồi, là Động Tiên - đúng là từng nghe nhắc đến,” đại tá nói.

“Tuy thế nhiều năm rồi chẳng mấy ai nói về nó nữa,” thanh tra nói. “Ta nên vào trong ấy xem xét. Biết đâu chừng có thể tìm thấy dấu vết nào đấy.”

Weston nói: “Phải, ông nói đúng, Colgate ạ, ta đã có đáp án cho phần một của bài toán này. *Vì sao Arlena Marshall lại đến Vũng Tiên?* Tuy thế ta cần có đáp án cho phần còn lại. *Cô ta đến đấy để gặp ai? Có thể cho là ai đấy lưu trú trong khách sạn này. Chẳng ai hợp vai tình nhân - vai kẻ tổng tiền lại là một chuyện khác.*”

Ông kéo quyển sổ đăng ký phòng về phía mình.

“Ngoại trừ các đám nhân viên, người làm mà tôi nghĩ không có khả năng làm việc ấy, ta có những người sau đây. Ông người Mỹ - Gardener, thiếu tá Barry, ông Horace Blatt và cha Stephen Lane.”

Thanh tra nói: “Có thể thu hẹp lại một chút, thưa sếp. Tôi nghĩ hầu như có thể loại ông người Mỹ. Ông ấy ở ngoài bãi biển suốt cả buổi sáng. Đúng như thế, phải không ông Poirot?”

“Ông ta có vắng mặt một lát khi đi lấy cuộn len cho bà vợ,” Poirot đáp.

“Ôi, không cần tính đến chuyện ấy đâu.”

“Còn ba người kia thì sao?” đại tá hỏi.

“Thiếu tá Barry ra ngoài lúc mười giờ sáng nay. Trở về lúc một giờ ba mươi. Cha Lane đi còn sớm hơn. Điểm tâm lúc tám giờ. Nghe nói đi lang thang. Ông Blatt cũng đánh thuyền buồm ra khơi lúc chín giờ ba mươi, hầu như ngày nào cũng thế. Cả hai đều chưa về đến.”

“Thuyền buồm hử?” đại tá Weston có vẻ trầm ngâm.

Thanh tra nhanh nhẩu đáp lại: “Có lẽ khá phù hợp, thưa sếp.”

“À, sẽ phải có đôi lời với tay thiếu tá này - và để tôi xem còn ai khác hay không? Rosamund Darnley. Còn có cái cô Brewster cùng phát hiện cái xác với Redfern. Cô này là người như thế nào, Colgate?”

“Một người biết lý lẽ, thưa sếp. Không có vấn đề gì cả.”

“Cô ta không có ý kiến gì về nạn nhân sao?”

Thanh tra lắc đầu.

“Chắc cô ta chẳng còn gì để nói với tá nữa, thưa sếp, nhưng phải hỏi lại cho chắc. Còn cả ông người Mỹ nữa.”

Đại tá Weston gật đầu. “Cứ bảo họ vào cả và làm xong việc càng sớm càng tốt! Đâu chừng có thể biết được điều gì đây về vụ tổng tiền nếu không có chuyện gì khác.”

Ông bà Gardener cùng đi vào gặp giới chức. Bà vợ giải thích ngay tức khắc:

“Hy vọng ông hiểu cho, đại tá Weston - là tên ông, phải không ạ?” Được bảo đảm về điểm ấy lần nữa, bà nói tiếp: “Nhưng chuyện này là một cú sốc lớn với tôi, ông nhà tôi thì lúc nào cũng rất, rất cẩn thận về sức khỏe của tôi...”

Tới đây ông chồng tự ý chen vào: “Bà nhà tôi rất nhạy cảm.”

“...và ông ấy nói với tôi, ‘Này Carrie, lẽ tất nhiên anh sẽ đến cùng với em.’ Chẳng phải là chúng tôi không khâm phục phương pháp của cảnh sát Anh, khâm phục chứ. Chúng tôi đã biết quy trình của cảnh sát Anh tinh tế, tôi chưa bao giờ nghi ngờ điều ấy. Có lần tôi để mất một chiếc vòng tay ở Khách sạn Savoy. Chẳng có gì có thể dễ thương và đầy tình cảm hơn cậu thanh niên đến gặp tôi giải quyết chuyện ấy. Và tất nhiên rồi, thật ra tôi không mất chiếc vòng tay mà chỉ để quên đâu thôi. Cứ hay vội vàng nên lại không nhớ đặt cái này cái kia ở đâu.”

Bà ta tạm dừng, hít vào nhè nhẹ rồi lại bắt đầu nói tiếp: “Tôi xin thưa, và tôi biết ông nhà tôi cũng nhất trí, là chúng tôi sẵn lòng làm bất cứ việc gì để hỗ trợ cảnh sát Anh về mọi mặt. Vì thế xin tiến hành ngay, hỏi chúng tôi tất cả những gì các ông muốn biết ạ!”

Đại tá Weston mở miệng, chực làm theo lời mời gọi, nhưng đành phải nín lặng trong lúc bà Gardener nói

tiếp:

“Đúng em đã nói thế không, Odell à, có phải không? Đúng là như thế, phải vậy không?”

“Phải, em yêu à,” ông chồng đáp.

Đại tá vội vàng lên tiếng: “Tôi hiểu, bà Gardener ạ, bà với chồng đã ở ngoài bãi biển suốt buổi sáng à?”

Lần này ông chồng xen vào trước:

“Đúng như thế.”

“À, tất nhiên chúng tôi đã ở đó,” bà vợ đáp. “Một buổi sáng yên bình thật đẹp trời, y hệt như bất cứ buổi sáng nào khác, nếu ông hỏi tôi, có lẽ còn hơn thế nữa và chẳng hề biết được chuyện đang xảy ra cách đây có một quãng, trên cái bãi biển quanh hiu ấy.”

“Hôm nay ông bà có khi nào trông thấy Arlena Marshall hay không?”

“Chúng tôi không thấy. Tôi đã nói với Odell nhà tôi là, sáng hôm nay cô vợ Marshall đi đâu mất nhì, để trước là chồng đi tìm, rồi sau là anh chàng Redfern bảnh trai ấy. Anh ta sốt ruột quá thế, cứ ngồi đó cau có nhìn mọi người và mọi vật. Tôi tự nhủ đã có cô vợ nhỏ bé xinh đẹp thế rồi, mà sao anh ta lại phải chạy theo ả đàn bà ghê gớm ấy chứ? Tôi đã cảm thấy cô ả ấy như thế đó. Tôi vẫn luôn cảm thấy như thế về cô ả, phải vậy không Odell?”

“Phải, em yêu à.”

“Thật không tưởng tượng nổi đại úy Marshall tử tế ấy lại đi kết hôn với một cô ả như thế, mà có một cô con gái nhỏ dễ thương đang tuổi lớn chứ. Mấy cô gái tuổi này cần được ảnh hưởng đúng đắn. Cô vợ Marshall thì hoàn toàn không thích hợp - hoàn toàn vô giáo dục - chỉ theo bản năng. Bây giờ, nếu như đại úy Marshall còn đôi chút khôn ngoan, hẳn anh ta sẽ kết hôn với cô Darnley, là một phụ nữ rất rất quyến rũ lại rất giỏi. Phải nói tôi rất khâm phục cái cách cô ấy tiến thẳng lên phía trước và xây dựng nên doanh nghiệp thành đạt, cần phải có trí tuệ mới làm được một việc như thế. Và cứ nhìn Rosamund Darnley là thấy ngay cô ấy là người có đầu óc. Có thể vạch kế hoạch và thực hiện bất cứ việc nào cô ấy thích. Đúng là tôi khâm phục người phụ nữ ấy không lời nào tả xiết. Hôm nọ tôi đã nói với ông nhà tôi là bất cứ ai cũng có thể hiểu cô ấy phải lòng đại úy Marshall rất nhiều - em đã nói là say mê anh ta, phải vậy không Odell?”

“Phải, em yêu à.”

“Hình như họ quen nhau lúc còn bé, và bây giờ ai mà biết được, rốt cuộc thì tất cả cũng ổn khi ả đàn bà ấy đã không còn cản đường nữa. Tôi chẳng phải là phụ nữ đầu óc hẹp hòi thiển cận, Đại tá Weston à, và chẳng phải tôi chê bai sâu khấu là tôi tệ đâu - à, tôi có nhiều bạn cũng làm diễn viên - nhưng ngay từ đầu tôi đã nói với ông nhà tôi là ả đàn bà ấy có gì đó xấu xa. Và ông thấy đó, điều tôi nói đã được chứng tỏ là đúng.”

Bà ta dừng lại với vẻ đắc thắng.

Đôi môi Hercule Poirot rung rung một nụ cười nhẹ. Trong phút chốc mắt ông bắt gặp cặp mắt xám nhanh nhẹn của ông Gardener.

Đại tá Weston nói khá tuyệt vọng:

“À, cảm ơn bà Gardener. Có lẽ ông bà từ lúc đến đây chẳng hề để ý thấy bất cứ điều gì có thể liên quan đến vụ án, phải không?”

“À không, tôi không nghĩ thế,” ông chồng đáp chậm rãi với giọng lè nhè. “Hầu như lúc nào cô vợ Marshall cũng đi loanh quanh với anh Redfern trẻ tuổi - nhưng mọi người ai mà chẳng biết chuyện ấy.”

“Còn người chồng thì sao? Ông nghĩ anh ta phiền lòng không?”

Ông Gardener thận trọng đáp:

“Đại úy Marshall là một người rất kín đáo.”

Bà Gardener nói để xác nhận:

“À đúng thế, anh ta là người Anh chính cống.”

Trên sắc mặt hơi ửng đỏ một chút vì ứ máu của thiếu tá Barry, những cảm xúc khác nhau dường như đang tranh giành ưu thế. Ông ta cố làm ra vẻ kinh khiếp cho phải phép nhưng lại không kìm nén nổi một kiểu khoái trá ngầm.

Ông ta nói với giọng khàn khàn hơi khò khè:

“Rất vui khi giúp cho các ông bất cứ cách nào có thể được. Dĩ nhiên tôi không biết gì về chuyện ấy - hoàn toàn không biết gì cả. Không quen đám ấy. Nhưng thời gian qua tôi đã sống qua lại nhiều nơi. Sống rất nhiều ở phương Đông, ông biết đó. Và tôi có thể cho ông biết sau khi ở trong một đồn lính trên đồi tại Ấn Độ, ngoài bản chất con người thì chẳng có gì đáng tìm hiểu cả.”

Ông ta tạm dừng, hít một hơi rồi lại bắt đầu nói:

“Vụ việc này nhắc tôi nhớ tới một vụ án ở Simla. Thằng cha tên là Robinson – hay là Falconer nhỉ? – dù tên là gì đi nữa thì hẳn cũng ở Đông Wilts – hay là Bắc Surreys nhỉ? – Bây giờ không nhớ ra nói, và dù là gì đi nữa cũng không quan trọng. Thằng cha lảm lì ít nói, đọc sách rất nhiều - phải nói là nhũn như con chi chi ấy. Thế mà có một hôm dám xử lý vợ ở nhà. Năm lấy cổ cô ta. Cô ta đã bí mật dan díu với thằng cha nào đó và hẳn biết được chuyện ấy. Chút nữa là hẳn giết cô vợ rồi. Thật bất ngờ. Khiến tất cả chúng tôi ngạc nhiên. Cứ tưởng hẳn không dám chứ.”

Hercule Poirot hỏi nhỏ:

“Và ông thấy chuyện đó tương tự như cái chết của cô Arlena Marshall sao?”

“Ý tôi muốn nói là - siết cổ, ông biết rồi đó, Cùng một ý tưởng. Thằng cha đột nhiên nổi xung!”

“Ông nghĩ đại úy Marshall cũng cảm thấy như vậy à?”

“Ôi, này ông, tôi chưa hề nói như thế.” Gương mặt thiếu tá trở nên đỏ bừng. “Chưa bao giờ nói bất cứ điều gì về Marshall. Anh chàng hết sức tuyệt. Sẽ không nói lời nào trên đời chống lại anh ta đâu.”

Poirot khẽ nói: “A, pardon, nhưng ông đã quy cho phản ứng tự nhiên của một ông chồng.”

“À, ý tôi muốn nói tôi nghĩ cô ta cũng nóng bỏng đấy, hử? Giật dây cậu Redfern trẻ tuổi ngon lành. Có lẽ trước cậu ta còn có những kẻ khác nữa. Nhưng thật lạ lùng là mấy ông chồng ấy lại luôn đàn độn. Đáng kinh ngạc đấy. Tôi đã ngạc nhiên vì chuyện ấy không biết bao nhiêu lần rồi. Họ có thể thấy một thằng cha mê mẩn vợ mình nhưng lại không thấy vợ mình ta mê mẩn hẳn. Còn nhớ một trường hợp như thế ở Poona. Một phụ nữ rất xinh đẹp là Jove cứ làm tình làm tội ông chồng...”

Đại tá cựa quây có vẻ hơi sốt ruột:

“Phải, phải, thiếu tá Barry ạ. Lúc này ta cần phải xác lập các sự kiện. Cá nhân ông không biết bất cứ điều gì từng thấy hay để ý thấy có thể giúp chúng tôi trong vụ án này hay sao?”

“À, thế đó ông Weston, tôi không thể nói là có. Từng thấy cô ả và cậu Redfern trẻ tuổi một buổi chiều trên Vịnh Hải Âu,” - ông ta nháy mắt ra vẻ thông thạo lắm và cười một tiếng khục khặc khàn khàn thật thâm thúy - “còn rất đẹp nữa. Nhưng chẳng phải thứ chứng cứ ông đang muốn có. Hà hà!”

“Sáng nay ông không trông thấy Arlena Marshall à?”

“Sáng nay chẳng thấy bất cứ ai. Đi sang St. Loo. Sao mà tôi may thế chứ. Nơi đây có khi cả tháng chẳng có sự vụ gì, thế mà khi có chuyện thì mình lại bỏ lỡ chứ.” Giọng thiếu tá hàm chứa một nỗi tiếc nuối thật quái đản.

Đại tá thúc giục: “Ông bảo đã đến St. Loo à?”

“Phải, muốn gọi vài cuộc điện thoại. Ở đây không có điện thoại và trạm bưu điện ở Vịnh Leathercombe ấy không được riêng tư, kín đáo cho lắm.”

“Các cuộc gọi của ông có tính chất rất riêng tư à?” Thiếu tá lại vui vẻ nháy mắt.

“À, vừa riêng tư vừa không. Muốn gọi cho một ông bạn, và nhờ ông ấy đặt cược một con ngựa đua Không liên lạc được, thật xúi quẩy hết sức.”

“Ông đã gọi điện từ đâu?”

“Phòng điện thoại trong bưu điện trung tâm ở St. Loo. Rồi trên đường về tôi bị lạc đường - những con đường nhỏ chết tiệt này - ngoằn ngoèo, lối rẽ khắp nơi. Đã phải lãng phí ít nhất một giờ đồng hồ. Vùng đất rối rắm chết tiệt. Tôi vừa về đến cách đây nửa giờ đồng hồ mà thôi.”

“Có nói chuyện với ai hay gặp ai ở St. Loo không?”

Thiếu tá cười khúc khích:

“Muốn tôi chứng minh ngoại phạm đây. Chẳng thể nào nghĩ ra bất cứ điều gì có ích cả. Đã gặp chừng năm chục ngàn người ở St. Loo - nhưng không có nghĩa họ còn nhớ đã gặp tôi.”

Cảnh sát trưởng nói: “Chúng tôi phải hỏi những điều này, ông biết đấy.”

“Đúng thế. Cứ yêu cầu tôi bất cứ lúc nào. Rất vui được giúp ông. Á đàn bà rất quyến rũ, người đã chết đó.

Muốn giúp ông bắt thẳng cha đã làm việc ấy. Án mạng trên bãi biển đầu hiu - xin cá với ông báo sẽ đăng như vậy đó. Nhắc tôi nhớ đến cái thời...”

Chính thanh tra Colgate là người kiên quyết dập tắt hồi tưởng hết sức muộn màng này từ trong trứng nước rồi dùng mưu mẹo tổng ông thiếu tá ba hoa ra khỏi cửa.

Quay trở vào ông nói: “Thật khó xác minh bất cứ điều gì ở St. Loo. Đang giữa mùa nghỉ hè mà.”

Cảnh sát trưởng nói: “Phải, không thể đưa ông ta ra khỏi danh sách. Không phải tôi thật sự tin ông ta có liên can. Cả tá những lão già hay nói vớ vẩn như ông ta đang đi nơi này chỗ nọ. Còn nhớ một vài người trong bọn họ hồi tôi còn trong quân đội. Tuy thế - ông ta là người có khả năng liên can. Tôi để lại tất cả việc ấy cho ông đấy, Colgate. Kiểm tra xem ông ta lái xe ra ngoài lúc mấy giờ - xăng dầu - tất cả. Xét về khả năng thì cũng có thể ông ta đỗ xe đâu đấy ở một điểm vắng vẻ, cuộc bộ trở về đây rồi đi đến cái vịnh nhỏ. Nhưng đối với tôi việc ấy dường như không thể nào làm được. Vì như vậy ông ta sẽ dễ bị bắt gặp.”

Thanh tra gật đầu. “Dĩ nhiên hôm nay ở đây có khá nhiều xe buýt chở khách tham quan. Một ngày đẹp trời. Họ bắt đầu đến đây khoảng chừng mười một giờ rưỡi. Thủy triều dâng cao lúc bảy giờ. Xuống thấp nhất lúc một giờ. Người ta thường tua ra các bãi cát và con đường đắp.”

“Đúng, nhưng hẳn ông ta phải đi lên từ con đường đắp, ngang qua khách sạn.”

“Không đi thẳng qua đấy. Ông ta có thể rẽ qua lối mòn dẫn lên đỉnh cao của hòn đảo.”

Weston nói có vẻ hoài nghi:

“Tôi không nói ông ta vẫn có thể làm việc ấy mà không bị ai phát hiện. Trên thực tế tất cả khách trọ của khách sạn đều ở ngoài bãi tắm, ngoại trừ cô vợ Redfern và cô bé Linda Marshall đã xuống Vũng Hải Âu, và chỉ có vài phòng nhìn xuống đoạn đầu của lối mòn. Có rất nhiều khả năng từ các cửa sổ nhìn ra ngoài ngay lúc ấy cũng không phát hiện được. Vì thế tôi dám nói có khả năng một người đàn ông đi bộ lên khách sạn, qua sảnh, rồi lại đi ra mà chẳng ai tình cờ trông thấy. Nhưng điều tôi nói là ông ta không thể nào chắc chắn là không ai trông thấy mình.”

“Ông ta có thể chèo thuyền đến cái vịnh nhỏ ấy.”

Đại tá gật đầu. “Như thế hợp lý hơn rất nhiều. Nếu có sẵn một chiếc thuyền ở một trong các vịnh nhỏ gần đấy, hẳn ông ta có thể bỏ lại chiếc ô tô, chèo thuyền hay lái thuyền buồm đến Vũng Tiên, gây án mạng, lên thuyền quay trở lại, lấy ô tô lái về đến nơi với câu chuyện đã đến St. Loo và bị lạc đường - một câu chuyện hẳn ông ta biết sẽ khá khó bác bỏ.”

“Sếp nói đúng đấy ạ.”

Cảnh sát trưởng bảo: “À, tôi giao việc ấy lại cho ông, Colgate. Hãy sục sạo khắp vùng lân cận thật kỹ! Ông biết phải làm gì rồi. Bây giờ tốt hơn hết ta nên gặp cô Brewster.”

Emily Brewster không thể nói bất cứ điều gì thực sự có giá trị thêm vào những chuyện họ đã biết rồi.

Weston hỏi khi cô đã lặp lại câu chuyện của mình:

“Và chẳng có điều gì cô biết về chuyện ấy có thể giúp cho chúng tôi theo bất cứ phương diện nào hay

sao?”

Emily Brewster đáp ngắn gọn:

“E rằng không có. Thật là một chuyện đau lòng. Tuy nhiên tôi mong các ông sẽ sớm hiểu được ngọn nguồn.”

“Tôi hy vọng thế, chắc chắn rồi,” đại tá nói.

Emily Brewster tỉnh bơ:

“Chắc không khó đâu.”

“Cô nói thế là nghĩa lý gì, cô Brewster?”

“Xin lỗi. Chẳng phải tôi cố dạy các ông làm công việc của mình đâu ạ. Tất cả những gì tôi muốn nói là với hạng đàn bà ấy chắc cũng khá dễ dàng thôi.”

Hercule Poirot hỏi: “Đó là ý kiến của cô à?”

Emily Brewster gắt lại:

“Dĩ nhiên. *De mortôis nil nisi bonum*, tôi biết, nhưng các ông không thể rời xa thực tế. Người đàn bà ấy là đồ tồi bại từ đầu đến cuối. Các ông chỉ cần săn tìm một chút trong quá khứ ghê tởm của cô ta.”

Poirot hỏi thật nhẹ nhàng: “Cô không thích cô ta à?”

“Tôi biết hơi quá nhiều một chút về cô ta.” Để đáp lại cái nhìn dò hỏi cô nói tiếp, “Anh họ của tôi kết hôn với một người trong dòng họ Erskine. Có lẽ ông từng nghe nhắc đến chuyện người đàn bà đó xúi giục ngài Robert già nua khi ông ấy đang trong tình trạng lú lẫn vì tuổi già để ông để lại hầu hết gia sản cho cô ta mà không cho gia đình.”

Đại tá hỏi: “Và gia đình đó - ờ - đã phật ý vì chuyện ấy à?”

“Lẽ dĩ nhiên. Dẫu sao quan hệ của ông già với cô ta từng là một xì-căng-đan, và tột cùng của chuyện ấy là để lại cho cô ta số tiền năm mươi ngàn bảng, cho thấy rõ ả là hạng đàn bà nào. Tôi tin chắc mình nói nghe có vẻ khó tính, nhưng theo ý tôi những ả đàn bà như Arlena Stuart trên đời này chẳng đáng được cảm thông chút nào. Tôi còn biết một chuyện khác nữa - một gã trẻ tuổi đã hoàn toàn mất trí vì ả - gã vẫn luôn hơi man dại một chút - lẽ dĩ nhiên quan hệ của gã với cô ta đã đẩy gã xuống vực thẳm. Gã đã làm gì đấy khá ám muội với một số cổ phần - chỉ để có tiền cung phụng cho cô ả - và cố xoay sở để thoát khỏi bị truy tố. Người đàn bà ấy đã làm hỏng mọi người cô ta gặp. Cứ nhìn cái cách cô ả vừa hủy hoại anh chàng Redfern đi! Không, tôi e mình không thể thương tiếc gì vì cái chết của cô ta - mặc dù dĩ nhiên lẽ ra sẽ tốt hơn nếu như cô ta bị chết chìm hoặc ngã xuống từ vách đá. Siết cổ thật chẳng hay chút nào.”

“Cô nghĩ hung thủ là một người từ trong quá khứ của cô ấy sao?”

“Vâng, tôi nghĩ thế.”

“Kẻ nào đẩy đến từ đất liền mà không ai trông thấy à?”

“Sao mà có ai trông thấy chứ? Tất cả chúng tôi đều ở bãi biển. Tôi được biết cô bé Marshall và Christine đi xuống Vịnh Hải Âu ở cách xa rồi. Đại úy Marshall thì ở trong phòng mình trong khách sạn. Thế thì còn có ai ở đây để mà trông thấy hẳn, ngoại trừ có thể là cô Darnley chứ?”

“Cô Darnley lúc ấy đang ở đâu?”

“Đang ngồi ở cái rãnh sâu trên đỉnh vách đá. Gọi là Gành Nặng. Chúng tôi thấy cô ấy ở đấy, anh Redfern và tôi, khi chúng tôi chèo thuyền quanh đảo.”

“Có lẽ cô nói đúng đấy, cô Brewster ạ.”

Emily Brewster quả quyết:

“Chắc chắn tôi nói đúng. Khi một người đàn bà là cái đồ bẩn thỉu ghê tởm không hơn không kém, thì chính ả ta là manh mối tốt nhất có thể có được. Ông không đồng ý với tôi hay sao, ông Poirot?”

Hercule Poirot ngược nhìn lên, bắt gặp đôi mắt xám tự tin của cô ta:

“À có chứ, tôi đồng ý với điều cô vừa mới nói đó. Chính Arlena Marshall là manh mối tốt nhất và duy nhất đối với cái chết của cô ta.”

Cô Brewster nói thật gay gắt: “À, cứ thế nhé!”

Cô đứng đó, một dáng hình mạnh mẽ thẳng đứng, cái liếc nhìn tự tin lạnh nhạt chuyển từ người này sang người khác.

Đại tá Weston nói: “Cô có thể chắc chắn, cô Brewster ạ, bất cứ manh mối nào có thể có được trong cuộc sống quá khứ của cô Marshall sẽ không bị bỏ qua đâu.”

Emily Brewster đi ra.

Dời chỗ ngồi ở bàn, thanh tra Colgate nói với vẻ dăm chiêu:

“Cô ta là người cương quyết thế đấy. Và đã đâm lưỡi dao vào quý bà đã chết thế đấy.”

Dừng lại một lát ông nói tiếp với vẻ trầm ngâm:

“Dẫu sao thật đáng tiếc vì cô ta có chứng cứ ngoại phạm vững chắc như gang thép suốt cả buổi sáng. Sếp có để ý hai bàn tay cô ta không? To lớn như tay đàn ông. Và cô ta là một phụ nữ vạm vỡ, rất khỏe mạnh, còn khỏe hơn khối đàn ông nữa, phải nói như thế...”

Lại tạm dừng, ông liếc nhìn Poirot gần như cầu khẩn:

“Ông bảo sáng nay cô ấy chưa hề rời khỏi bãi biển à, ông Poirot?”

Lắc đầu chậm chậm, Poirot đáp:

“Ông thanh tra à, cô ta đã xuống bãi biển trước khi Arlena Marshall tới được Vũng Tiên và cô ấy vẫn trong tầm mắt của tôi cho tới khi lên thuyền đi với anh chàng Redfern.”



Thanh tra rầu rĩ nói: “Như thế là kết thúc điều tra cô ta rồi.”

Ông có vẻ không vui về điều đó.

Vẫn như thường lệ, Hercule Poirot vui khi nhìn thấy Rosamund Darnley.

Ngay cả với một cuộc điều tra của cảnh sát liên quan đến một vụ giết người đáng sợ, cô vẫn mang đến một nét đặc biệt ưu tú của riêng mình.

Cô ngồi xuống đối diện với đại tá Weston và quay khuôn mặt thông minh nghiêm trang nhìn ông:

“Ông muốn biết tên và địa chỉ của tôi phải không? Rosamund Anne Darnley. Tôi điều hành một doanh nghiệp y phục phụ nữ mang tên Rose Mond ở 622 Phố Brook.”

“Cảm ơn cô Darnley. Bây giờ cô có thể cho chúng tôi biết bất cứ điều gì có thể giúp chúng tôi chứ?”

“Thật tình tôi không nghĩ có thể giúp được ạ.”

“Cô đã làm gì và ở đâu?”

“Tôi ăn sáng khoảng chừng chín giờ ba mươi, sau đó lên phòng lấy mấy quyển sách và cái ô che nắng, rồi đi đến Gành Nặng. Chắc hẳn lúc ấy chừng mười giờ hai mươi lăm. Tôi trở về khách sạn khoảng chừng mười hai giờ kém mười, đi lên lấy vớ rồi ra sân quần vợt, tôi chơi quần vợt ở đó mãi đến giờ ăn trưa.”

“Cô đã ở trong cái hốc trên vách đá mà khách sạn này gọi là Gành Nặng từ mười giờ rưỡi đến mười hai giờ kém mười à?”

“Vâng.”

“Sáng nay có khi nào cô trông thấy Arlena Marshall không?”

“Không thấy ạ.”

“Cô có thấy cô ấy từ trên vách đá khi cô ấy chèo bè đến Vũng Tiên không?”

“Không. Chắc hẳn cô ta đã đi qua trước khi tôi đến đó.”

“Sáng nay cô có để ý thấy bất cứ ai trên bè hay thuyền không?”

“Không, tôi không nghĩ là mình trông thấy. Ông biết tôi đang đọc sách mà. Dĩ nhiên thỉnh thoảng tôi ngược nhìn lên nhưng biển hoàn toàn trống vắng mỗi khi tôi làm thế.”

“Cô không để ý thấy ngay cả khi ông Redfern và cô Brewster chèo thuyền qua hay sao.”

“Không ạ.”

“Tôi nghĩ cô từng quen biết ông Marshall phải không?”

“Đại úy Marshall là bạn cũ của gia đình tôi. Nhà chúng tôi ở sát vách nhau. Tuy nhiên, tôi không gặp anh ấy đã khá nhiều năm rồi - chắc khoảng chừng mười hai năm.”

“Còn Arlena Marshall thì sao?”

“Tôi không trao đổi gì mấy với cô ta trước khi gặp ở đây.”

“Theo như cô được biết thì vợ chồng đại úy Marshall có hòa thuận với nhau hay không?”

“Hoàn toàn hòa thuận, phải nói như thế.”

“Có phải đại úy Marshall tận tình chăm lo cho vợ?”

Rosamund đáp:

“Có lẽ như thế. Thật tình tôi không thể nói gì về chuyện ấy. Đại úy Marshall khá cổ hủ - anh ấy không có cái lễ thói tân thời là la lối vì buồn phiền trong cuộc sống vợ chồng để mọi người đều biết.”

“Cô có quý Arlena Marshall không, cô Darnley?”

“Không.”

Âm đơn ấy thốt ra bình thản đều đều. Nghe đúng như vậy - chỉ đơn giản nêu lên một thực tế.

“Sao lại thế?”

Một nụ cười nửa miệng hiện lên trên đôi môi Rosamund, cô nói: “Chắc hẳn ông đã phát hiện ra Arlena Marshall không được phụ nữ ưa thích chứ? Cô ta chán ghét phụ nữ và tỏ rõ điều ấy. Tuy thế, tôi muốn may y phục cho cô ta. Cô ta rất có khiếu ăn mặc. Trang phục của cô ta vẫn luôn rất đúng mực và mặc vào rất hợp. Tôi rất muốn cô ta làm khách hàng của mình.”

“Cô ấy chi tiêu rất nhiều vào mua sắm y phục à?”

“Chắc hẳn thế. Nhưng cô ta có tiền riêng và dĩ nhiên đại úy Marshall cũng khá giả.”

“Cô có bao giờ nghe nói hay nghĩ đến chuyện bà Marshall đang bị tố tiền không, cô Darnley?”

Một nét kinh ngạc hiện lên trên khuôn mặt đầy xúc cảm của Rosamund.

“Tố tiền à? Arlena sao?” cô hỏi.

“Ý tưởng ấy dường như khiến cô ngạc nhiên?”

“Thưa vâng, dĩ nhiên thế. Chuyện ấy có vẻ không phù hợp lắm.”

“Nhưng chắc hẳn vẫn có thể xảy ra chứ?”

“Mọi chuyện đều có thể xảy ra, phải không? Đời đã sớm dạy cho ta điều ấy. Nhưng tôi không hiểu kẻ nào đó tố tiền Arlena vì cái gì cơ chứ?”

“Tôi cho rằng có một số chuyện gì đấy mà bà Marshall có lẽ đã không muốn đến tai chồng, đúng không?”

“À - à, đúng thế.”

Cô diễn tả sự ngờ vực trong giọng nói của mình với một nụ cười nửa miệng:

“Tôi nói nghe có vẻ nghi ngờ đúng không, nhưng mà Arlena khá tai tiếng về cách cư xử, cô ta chưa bao giờ cố ra vẻ mình là người đáng tôn kính cả.”

“Cô nghĩ chồng cô ấy biết rõ quan hệ thân mật của cô ấy với những kẻ khác hay sao?”

Có một khoảnh khắc tạm dừng. Rosamund dang cau mày. Cuối cùng cô miễn cưỡng đáp thật chậm rãi:

“Thật tình tôi chẳng biết phải nghĩ gì nữa. Tôi vẫn luôn cho rằng Kenneth Marshall hết sức thẳng thắn, chấp nhận vợ mình là người như thế. Anh ấy không hề có ảo tưởng về cô ta. Nhưng cũng có thể không phải vậy.”

“Có lẽ ông ấy tuyệt đối tin tưởng vợ à?”

Rosamund có vẻ hơi bức mình.

“Đàn ông ngốc nghếch như thế đó. Còn Kenneth vốn thiếu kinh nghiệm trên trường đời dưới cái dáng vẻ tự tin hiểu biết của anh ấy. Có lẽ đã tin tưởng vợ một cách mù quáng. Có lẽ cứ tưởng chỉ là cô ta - được ái mộ mà thôi.”

“Cô không biết bất cứ ai - tức là nghe nói bất cứ ai có thể có ác cảm với Arlena Marshall à?”

Rosamund Darnley mỉm cười đáp:

“Chỉ toàn những bà vợ oán giận. Cô ta lại bị siết cổ nên tôi cho rằng người đã giết chết cô ta là đàn ông.”

“Phải.”

Rosamund nói với vẻ dăm chiêu:

“Không, tôi không nghĩ ra bất cứ người nào. Nhưng tôi làm sao mà biết được, ông phải hỏi ai đó trong đám người thân mật với cô ta chứ.”

“Cảm ơn cô Darnley.”

Hơi xoay người một chút trên ghế, cô hỏi:

“Ông Poirot có câu nào cần hỏi không ạ?”

Nụ cười thoáng mĩa mai của cô hướng về ông thám tử như một ánh chớp.

Hercule Poirot mỉm cười, lắc đầu đáp:

“Tôi không nghĩ ra câu nào cả.”

Rosamund Darnley đứng lên rồi đi ra.

Họ đang đứng ở nơi trước đây là phòng ngủ của Ariena Marshall.

Hai cửa sổ lớn trở ra một ban công nhìn xuống bãi tắm và biển. Ánh nắng tràn vào căn phòng, chiếu lấp lánh trên dãy chai lọ sắp xếp lộn xộn trên bàn phấn của Arlena.

Ở đây có đủ thứ mỹ phẩm và thuốc mỡ làm liền da vẫn quen dùng ở các thẩm mỹ viện. Giữa đám đồ lè phụ nữ này, ba người đàn ông di chuyển có chủ định. Thanh tra Colgate đi loanh quanh, đóng mở mấy cái ngăn kéo.

Rồi ông ta làu bàu một tiếng khi thấy một gói nhỏ toàn các lá thư đã gấp lại. Ông và Weston cùng soát qua qua.

Hercule Poirot đi tới cái tủ quần áo. Ông mở cánh cửa tủ bên có treo đồ, nhìn ngắm vô số những váy áo và đồ thể thao treo trong đó. Ông mở phía bên kia. Quần áo lót đàn bà xộp như bọt biển nằm chất đống. Trên một ngăn rộng là những cái mũ. Còn hai cái nón bằng giấy bìa cứng màu đỏ son và vàng nhạt nữa - một cái mũ rơm Hawaii to lớn - một cái mũ khác bằng vải lanh xanh sẫm có vành rũ xuống và ba hay bốn cái mũ nhỏ lỗ lảng chắc hẳn mỗi cái phải đạt rất nhiều kỷ lục Guinness - một kiểu mũ bê-rê màu xanh sẫm - một cái mũ nhung đen trông như một mớ lông không hơn không kém - một cái mũ không vành của đàn bà màu xám nhạt.

Poirot đứng nhìn chăm chăm từng món một - một nụ cười độ lượng hơi hé nở trên môi ông.

*“Les femmes!”* ông lẩm bẩm.

Đại tá Weston đang gấp lại những lá thư.

“Ba bức của anh chàng Redfern,” ông nói. “Chú lừa non tơ đáng thương! Vài năm nữa anh ta sẽ hiểu là không nên viết thư cho phụ nữ. Phụ nữ vẫn luôn giữ lại các bức thư dù thể thốt là đã đốt đi cả rồi. Có một bức thư khác đây này, dòng ghi tên nước cũng như thế.”

Ông chìa nó ra và Poirot cầm lấy.

Arlena yêu quý,

Chúa ơi, anh thấy buồn chán quá! Sẽ ra đi đến Trung Quốc - và có lẽ không gặp lại em nhiều năm, nhiều năm nữa. Anh không biết có gã đàn ông nào có thể say mê một người đàn bà đắm đuối như anh say mê em. Cảm ơn đã cho tấm séc. Bây giờ họ sẽ không thừa kiện nữa. Thế nhưng suýt chút nữa là tiêu đời rồi, và tất cả chỉ vì anh muốn kiếm nhiều tiền cho em. Em có tha thứ cho anh được không? Anh muốn gắn những viên kim cương vào vành tai em - đôi tai đáng yêu của em - và khoác chuỗi ngọc trai trắng như sữa quanh cổ em, có điều người ta bảo thời nay ngọc trai chẳng tốt. Thế thì một viên ngọc lục bảo đẹp tuyệt trần nhé? Phải, đúng là cái món ấy. Một viên ngọc cực to màu xanh lục thật mát mắt, đầy ánh lửa ẩn chứa bên trong.

Đừng quên anh nhé - nhưng em sẽ không quên, anh biết mà. Em là của anh - mãi mãi.

Tạm biệt - tạm biệt - tạm biệt.

J.N.

Thanh tra Colgate nói: “Có lẽ cần tìm hiềm xem liệu J.N. có thật sự đi Trung Quốc hay chưa. Nếu chưa - à, thì có thể hẳn là kẻ ta đang tìm kiếm. Say mê người đàn bà ấy, lý tưởng hóa cô ta, đột nhiên phát hiện ra mình bị lừa bịp. Đối với tôi có vẻ như đây là anh chàng cô Brewster từng đề cập đến. Đúng, tôi nghĩ điều này có thể hữu ích đấy.”

Hercule Poirot gật đầu. “Phải, lá thư đó thật quan trọng. Tôi thấy nó rất quan trọng đó.”

Ông xoay người lại, dăm dăm nhìn quanh gian phòng - nhìn những cái chai trên bàn phấn - cái tủ quần áo đang mở cửa và một con búp bê Pierrot to tướng nằm lăn trên giường một cách xác xược.

Họ đi vào phòng đại úy Marshall liền kề với phòng cô vợ nhưng không có cửa nối thông và không có ban-công. Cùng quay về một hướng và cũng có hai cửa sổ nhưng nhỏ hơn rất nhiều. Giữa hai cửa sổ có một cái gương khung mạ vàng treo trên tường. Trong góc ngoài cửa sổ bên tay phải là bàn trang điểm. Trên đó có hai bàn chải bằng ngà voi, một bàn chải quần áo và một chai dầu bôi. Trong góc phòng gần cửa sổ bên tay trái là cái bàn viết, trên đó để một máy đánh chữ đang mở ra và một xấp giấy ở bên cạnh.

Colgate lướt qua thật nhanh rồi nói:

“Tất cả đều có vẻ khá rõ ràng. A, đây là bức thư anh ta nhắc đến sáng nay. Đề ngày 24 - tức là hôm qua. Còn đây là bì thư có đóng dấu bưu điện Vịnh Leathercombe sáng hôm nay. Có vẻ hoàn toàn trung thực. Bây giờ ta thử nghĩ xem liệu có thể là anh ta đã chuẩn bị sẵn mở thư từ này hay không.”

Colgate ngồi xuống. Đại tá Weston bảo:

“Chúng tôi sẽ để ông ở lại xem xét, tạm thế đã. Chúng tôi sẽ đi xem qua một lượt những gian phòng còn lại. Bây giờ mọi người đang không được vào hành lang này nên chắc cũng hơi bức mình, khó chịu một chút rồi.”

Kế tiếp họ vào trong phòng Linda Marshall. Phòng này quay về hướng đông, nhìn ra những tảng đá dưới biển.

Liếc nhìn xung quanh một lượt, Weston khẽ nói: “Chắc ở đây chẳng có gì để xem. Nhưng có khả năng Kenneth Marshall đã để gì đấy trong phòng con gái vì không muốn ta tìm thấy. Tuy thế không thể có chuyện ấy. Đường như chẳng có vũ khí hay bất cứ thứ gì cần phải giấu đi cả.”

Weston trở ra ngoài.

Hercule Poirot nán lại ở đó. Ông thấy có gì đó khiến ông chú ý ở trong lò sưởi. Cái gì đó vừa mới bị đốt gần đây. Ông quỳ xuống xem xét thật kỹ, đặt những thứ vừa tìm thấy lên một tờ giấy. Nến nóng chảy đông lại thành một cục to tướng méo mó - mấy mảnh giấy hay bìa cứng màu xanh lá cây, có thể là một tờ lịch bị xé rời ra vì đó là một mảnh giấy chưa bị cháy mang một con số 5 to tướng và một dòng chữ in còn sót lại... *điều cao cả*... Còn có một cái đinh ghim và thứ gì đó của thú vật bị cháy, có lẽ là lông.

Poirot sắp xếp chúng thành một hàng gọn ghẽ rồi nhìn dăm dăm. Ông lẩm bẩm:

“*Hãy thực hiện những điều cao cả, chớ có ngày mơ tưởng cả ngày!* Có thể là câu đó. Nhưng sưu tầm mấy thứ này để làm gì? *C’est fantastique!*” Rồi ông cầm cái đinh ghim lên và mắt ông mở to, sáng rực.

Ông thì thầm:

“*Pour l'amour de Dieu!* Có lẽ nào lại như vậy?”

Đang quỳ bên lò sưởi, Hercule Poirot từ từ đứng dậy, nhìn quanh gian phòng. Lần này xuất hiện một biểu hiện hoàn toàn mới mẻ trên khuôn mặt ông. Nghiêm trang và gần như nghiêm khắc.

Bên trái bộ lò sưởi có mấy ngăn kệ với một hàng những quyển sách. Poirot đắm chiêu xem qua một lượt các tựa sách.

Một quyển Kinh Thánh, một bản kịch của Shakespeare đã rách tờ tả, *Cuộc hôn nhân của William Ashe* do bà Humphry Ward sáng tác. *Mẹ kế trẻ* của Charlotte Yonge. *Chàng trai ở hạt Shropshire*. *Án mạng trong nhà thờ của Eliot*. *Thánh Joan* của Bernard Shaw. *Cuốn theo chiều gió* của Margaret Mitchell. *Tòa án bốc cháy* của Dickson Carr.

Poirot lấy ra hai quyển sách. *Mẹ kế trẻ* và *William Ashe*, liếc nhìn vào bên trong xem con dấu đã mờ nhạt đóng lên trang có tựa sách. Khi chuẩn bị xếp lại chúng vào chỗ cũ thì ông chợt thấy một quyển sách đã được nhét vào đằng sau những quyển kia. Đó là một quyển sách nhỏ, nhàu nhò bẩn thỉu đóng bìa da màu nâu.

Ông lấy nó rồi mở ra xem, gật đầu chậm rãi.

“*Vậy là mình đoán đúng rồi...!* ông lẩm bẩm. “Phải, mình đúng rồi. Nhưng chuyện kia - có lẽ nào cũng như vậy sao? Không, không thể nào, trừ phi...”

Ông đứng đó im lìm bất động, vân vê hàng ria mép trong lúc tâm trí bận rộn xem xét lại toàn bộ vấn đề. Ông lại nói thật nhẹ nhàng:

“*Trừ phi...*”

Đại tá Weston nhìn vào cửa phòng:

“*Này này Poirot, còn ở đấy không?*”

“*Tôi tới ngay. Tới ngay đây,*” Poirot kêu lên.

Ông vội vàng đi ra hành lang.

Kế bên phòng Linda là phòng của vợ chồng Redfern.

Poirot ngó vào bên trong quan sát thật kỹ, chú ý một cách tự động đến những dấu vết của hai cá tính khác nhau - tính kỷ lưỡng và gọn gàng ngăn nắp khiến ông liên tưởng tới Christine, và sự bừa bộn là đặc tính của Patrick. Ngoài những đặc điểm trái ngược này thì gian phòng không có gì khiến ông chú ý cả.

Kế đó nữa là phòng Rosamund Darnley, và ông nán lại ở đây trong chốc lát, vì ông lại thấy là vui vì bản sắc của người thuê phòng. Ông chú ý đến vài quyển sách nằm trên chiếc bàn kế bên giường ngủ, đồ trang điểm đơn giản dặt tiền trên bàn phấn. Và nhẹ nhàng bay vào mũi ông - mùi nước hoa cô dùng lan tỏa thoang thoảng.

Kế bên phòng Rosamund ở đầu phía bắc của hành lang là một cửa sổ mở rộng, dẫn tới một ban-công, từ đó có một cầu thang bên ngoài khách sạn, dẫn xuống những tầng đá ở bên dưới.

Đại tá Weston nói: “Đây là lối đi người ta thường xuống tắm trước bữa điểm tâm - tức là nếu họ tắm ngay bên ngoài các tầng đá, hầu hết bọn họ vẫn thường làm như thế.”

Về quan tâm hiện lên trong ánh mắt Poirot, ông bước ra bên ngoài ngó xuống.

Bên dưới có một lối mòn dẫn tới các nấc thang đục ngoằn ngoèo dẫn xuống các tầng đá gần sát biển. Còn có một lối đi vòng qua khách sạn về phía bên trái.

Ông nói: “Có thể xuống cầu thang này, đi về bên trái, vòng qua khách sạn và ra tới lối đi chính từ con đường đắp.”

Weston gật đầu thêm vào cho đầy đủ câu nói của thám tử:

“Có thể đi cắt qua hòn đảo mà không cần xuyên qua khách sạn.” Ông nói thêm, “Nhưng vẫn có thể bị trông thấy từ cửa sổ.”

“Cửa sổ nào vậy?”

“Hai cửa sổ nhà vệ sinh dùng chung nhìn ra lối đi ấy - hướng bắc - nhà vệ sinh nhân viên và phòng thay đồ dưới tầng trệt. Còn phòng đánh bi-da nữa.”

Poirot gật đầu. “Tất cả mấy phòng vệ sinh đó đều lắp kính mờ. Người ta cũng không chơi bi-da vào một buổi sáng đẹp trời bao giờ.”

“Chính xác.” Đại tá tạm dừng rồi nói tiếp. “Nếu là anh ta thì chắc chắn anh ta đi theo lối đó.”

“Ông muốn nói đại úy Marshall hả?”

“Phải. Tổng tiền hay không tổng tiền cũng thế, tôi vẫn cảm thấy cần chú ý tới anh ta. Và dáng vẻ của anh ta - à, anh ta có dáng vẻ thật bất hạnh.”

Poirot nói thật lạnh nhạt:

“Có lẽ vậy. Nhưng dáng vẻ không làm nên một kẻ giết người.”

“Thế ông nghĩ anh ta vô can hay sao?”

Poirot lắc đầu đáp: “Không, tôi không nói như vậy.”

“Ta sẽ xem liệu Colgate có thể tìm ra manh mối nào về chứng cứ ngoại phạm từ máy đánh chữ hay không đã. Trong lúc chờ, tôi phải gặp cô hầu phòng tầng này đang đợi thẩm vấn. Có lẽ phần lớn tùy thuộc vào lời khai của cô ta.”

Cô hầu phòng là một phụ nữ tầm ba mươi tuổi, khoẻ mạnh, lanh lợi, và thông minh. Câu trả lời của cô đến thật dễ dàng.

Đại úy Marshall lên phòng không lâu sau mười giờ ba mươi. Lúc đó cô đang hoàn tất việc dọn phòng. Anh ta yêu cầu cô làm càng nhanh càng tốt.

Cô không trông thấy anh ta về phòng nhưng có nghe tiếng máy đánh chữ một chút xíu sau đó. Cô cho là khoảng chừng mười một giờ kém năm. Lúc đó đang ở trong phòng vợ chồng Redfern. Sau khi dọn xong phòng đó, cô tiếp tục sang phòng cô Darnley ở cuối hành lang. Từ chỗ đó không thể nghe tiếng đánh máy. Cô vào phòng đó có thể nói là ngay sau mười một giờ. Cô nhớ có nghe tiếng chuông nhà thờ Leathercombe điểm giờ khi đi vào. Lúc mười một giờ mười lăm cô xuống lầu để uống trà và ăn vặt như thường vẫn dùng vào giờ đó. Sau đó cô đi dọn các phòng ở dãy bên kia của khách sạn. Trả lời câu hỏi của cảnh sát trưởng, cô giải thích đã dọn các phòng trong hành lang này theo thứ tự như sau:

Phòng Linda, hai nhà vệ sinh dùng chung, phòng và nhà vệ sinh riêng của Arlena Marshall, phòng đại úy Marshall. Phòng và buồng vệ sinh riêng của vợ chồng Redfern, phòng và buồng vệ sinh riêng của cô Darnley. Phòng đại úy và phòng cô con gái không có nhà vệ sinh riêng kế bên.

Suốt thời gian làm phòng và buồng vệ sinh của Rosamund Darnley, cô không nghe tiếng ai đi ngang qua cửa hay ra ngoài bằng cầu thang xuống chỗ các tầng đá, nhưng hoàn toàn có thể cô sẽ không nghe thấy nếu ai đó đi rón rén.

Đại tá hướng các câu hỏi sang đề tài Arlena Marshall.

Không, cô Arlena Marshall không phải là người có thói quen dậy sớm. Cô hầu phòng Gladys Narracott này đã ngạc nhiên khi thấy cửa phòng mở toang và cô ta đã đi xuống ngay sau mười giờ. Một điều hết sức bất thường. Thật vậy.

“Có phải Arlena Marshall vẫn luôn dùng điếu tâm trên giường?”

“Dạ phải, thưa ông, vẫn luôn như vậy. Cũng không nhiều nhận gì cho lắm. Chỉ có trà, nước cam vắt và một miếng bánh mì nướng thôi. Kiêng cử để giữ gìn vóc dáng, như rất nhiều quý bà ạ.”

Không, cô không thấy sáng hôm nay cô ta có vẻ gì bất thường cả. Cô ta có vẻ vẫn hoàn toàn bình thường.

“Cô từng nghĩ gì về Arlena Marshall?” Hercule Poirot hỏi lầm bầm.

Nhìn ông chăm chú, Gladys nói: “Dạ, thật khó cho tôi nói ra, có phải không thưa ông?”

“Phải, nhưng cô phải nói ra thôi. Chúng tôi nóng lòng - rất nóng lòng - nghe cô phát biểu cảm tưởng.”

Cô hầu phòng liếc nhìn cảnh sát trưởng một cái có vẻ hơi khó chịu một chút. Ông này cố làm cho bộ mặt mình có vẻ thông cảm và đồng tình, mặc dù trong lòng ông thấy có phần xấu hổ vì phương pháp tiếp cận của ông bạn đồng nghiệp ngoại quốc.

“Ờ - phải rồi, nói đi!” ông bảo.

Lần đầu tiên Gladys không còn cứng cổ nữa. Những ngón tay lần mò trên cái váy áo bằng vải in hoa.

Cô trả lời: “Dạ, Arlena Marshall - cô ấy không giống một quý phu nhân, có thể nói như vậy. Tôi muốn nói cô ấy giống diễn viên hơn.”



“Thì cô ấy là diễn viên mà,” đại tá nói.

“Dạ phải, thưa ông, tôi đang nói về chuyện đó. Cô ấy cứ cứ xử theo cảm nhận. Cô ấy không - à, không mất công tỏ ra lịch sự nếu không cảm thấy mình cần phải lịch sự. Cô ấy có mỉm cười trong phút chốc, rồi sau đó nếu không tìm được cái gì đó, bấm chuông gọi người hầu không được trả lời ngay lập tức hay đồ giặt ủi chưa trả lại, à, thì cô ấy vô cùng khiếm nhã và thô tục. Có thể nói chúng tôi chẳng ai thích cô ấy cả. Nhưng trang phục của cô ấy lại rất đẹp, và tất nhiên bản thân cô ấy cũng xinh đẹp, thế nên được người ta ái mộ là lẽ đương nhiên.”

Đại tá Weston nói: “Xin lỗi vì phải hỏi cô những điều tôi sắp hỏi cô sau đây, nhưng đó là vì vấn đề sống còn. Cô có thể cho tôi biết quan hệ giữa vợ chồng Marshall như thế nào được không?”

Cô hầu phòng ngần ngừ một lát rồi hỏi lại:

“Ông không - không phải là - ông không nghĩ là ông đại úy đã làm việc đó chứ?”

Hercule Poirot hỏi thật nhanh: “Cô nghĩ vậy sao?”

“Ôi! Tôi không muốn nghĩ vậy đâu. Ông ấy là người tốt lắm, đại úy Marshall ấy. Không thể nào làm một việc như vậy - chắc chắn không thể nào.”

“Nhưng cô không chắc chắn lắm - tôi nghe thấy điều ấy trong giọng nói của cô.”

Gladys miễn cưỡng nói: “Ta thường đọc những chuyện như vậy trên báo chí. Khi có ghen tuông! Nếu như cứ tiếp tục - và tất nhiên mọi người đã bàn tán mãi về chuyện đó - tôi muốn nói về chuyện giữa cô ấy và ông Redfern. Còn cô Christine Redfern lại là cũng là người trầm lặng, tử tế quá chừng! Một chuyện nhục nhã! Và ông Patrick Redfern cũng tử tế, nhưng hình như đàn ông luôn chịu bó tay khi gặp người như cô Arlena Marshall - một người đã quen làm theo cách của mình. Chắc chắn các bà vợ phải kiên nhẫn chịu đựng rất nhiều.” Cô thở dài rồi dừng lại một lát. “Nhưng nếu như đại úy Marshall mà phát hiện ra...”

Đại tá hỏi gắt: “Thì sao?”

Cô hầu phòng chậm rãi đáp:

“Đôi lúc tôi từng nghĩ cô Arlena Marshall rất sợ chồng biết chuyện.”

“Điều gì khiến cô nghĩ thế?”

“Chẳng phải là điều gì rõ ràng, thưa ông. Chỉ là tôi cảm thấy - đôi khi cô ấy sợ chồng. Đó là quý ông rất trầm tĩnh, nhưng ông ấy không - ông ấy không dễ dãi đâu ạ.”

“Nhưng cô không thể nói điều gì rõ ràng, cụ thể hay sao? Điều gì hai người ấy từng nói với nhau chẳng hạn?”

Gladys lắc đầu. Đại tá thở dài rồi nói tiếp:

“Bây giờ hãy nói về những bức thư cô Arlena Marshall nhận sáng nay. Cô có thể cho chúng tôi biết điều gì về những bức thư ấy không?”

“Có chừng sáu, bảy lá thư, thưa ông. Tôi không nhớ chính xác.”

“Cô đem chúng lên cho cô ấy à?”

“Dạ, thưa ông. Tôi lấy từ văn phòng như thường lệ, rồi đặt lên khay điểm tâm của cô ấy.”

“Cô còn nhớ điều gì về bề ngoài mấy bức thư không?”

Cô gái lắc đầu.

“Chỉ là những lá thư bình thường thôi. Một số là hóa đơn và thông báo gửi cho khách hàng, tôi nghĩ vậy vì chúng bị xé nát trên cái khay.”

“Rồi sau đó chúng được xử lý thế nào?”

“Đã bỏ vào thùng rác, thưa ông. Một ông cảnh sát bây giờ đang xem xét đấy ạ.”

Weston gật đầu rồi hỏi:

“Còn những thứ giấy vụn khác đâu rồi?”

“Cũng trong thùng rác.”

“Hừm - à, tôi nghĩ hiện giờ thế là đủ rồi.”

Ông nhìn Poirot dò hỏi. Nghiêng người tới trước, thám tử hỏi:

“Sáng nay khi dọn phòng cô Linda Marshall, cô có dọn lò sưởi không?”

“Chẳng có gì để dọn cả, thưa ông. Không có đốt lửa ạ.”

“Trong lò sưởi không có bất cứ thứ gì hay sao?”

“Không có, thưa ông. Hoàn toàn ổn cả.”

“Cô dọn phòng cho Linda lúc mấy giờ?”

“Khoảng chừng chín giờ mười lăm, thưa ông, khi cô bé đã xuống dưới nhà ăn sáng.”

“Linda có trở lên phòng sau bữa điểm tâm không, cô biết chứ?”

“Dạ có, thưa ông. Cô bé lên phòng khoảng chừng mười giờ kém mười lăm.”

“Linda có ở lại trong phòng không?”

“Tôi nghĩ là có, thưa ông. Cô ấy đi ra khá vội ngay trước mười giờ rưỡi.”

“Cô không vào phòng cô ấy lần nữa à?”

“Dạ không, thưa ông. Tôi đã làm xong rồi ạ.”

Poirot gật đầu. “Còn một chuyện nữa tôi muốn biết. Sáng nay những người nào đã tắm biển trước khi ăn sáng?”

“Tôi không thể nói về dãy phòng phía bên kia và tầng trên. Chỉ nói về dãy phòng này thôi ạ.”

“Tôi chỉ muốn biết vậy thôi.”

“Dạ thưa ông, tôi nghĩ sáng nay chỉ có đại úy Marshall và cô Christine Redfern thôi ạ. Họ thường xuống ngâm mình lúc sáng sớm.”

“Cô có nhìn thấy họ không?”

“Dạ không, thưa ông, nhưng đồ tắm bị ướt của họ vẫn phơi trên lan can ban-công như thường lệ.”

“Sáng nay Linda Marshall không tắm à?”

“Dạ không, thưa ông. Tất cả áo tắm của cô ấy đều khô ráo.”

“A,” Poirot nói. “Đó là điều tôi muốn biết.”

Cô hầu phòng Gladys Narracott tự nói thêm:

“Gần như sáng nào cô ấy cũng tắm, thưa ông.”

“Còn ba người kia, cô Darnley, Christine Redfern và Arlena Marshall thì sao?”

“Cô Marshall thì không bao giờ, thưa ông. Cô Darnley có lẽ chùng một hai lần. Cô Redfern thường không tắm trước bữa sáng - chỉ khi nào trời rất nóng bức, nhưng sáng nay cô ấy không tắm biển.”

Poirot lại gật đầu rồi hỏi:

“Tôi thắc mắc không rõ cô có để ý thấy mất một cái chai trong mấy phòng cô phụ trách ở dãy phòng này hay không?”

“Một cái chai sao, thưa ông? Loại chai nào ạ?”

“Thật không may là tôi không biết. Nhưng cô có để ý thấy hay hình như để ý thấy mất đi một cái chai?”

Gladys thành thật trả lời:

“Phòng cô Arlena Marshall thì tôi không để ý, thưa ông, là vì cô ấy có quá nhiều chai lọ.”

“Còn các phòng khác thì sao?”

“Dạ, tôi không chắc chắn về cô Darnley. Cô ấy có khá nhiều kem và dầu bôi. Nhưng các phòng khác thì có, tôi có để ý, thưa ông. Tôi muốn nói giá như tôi chú tâm để ý thì tôi sẽ thấy, xin thưa như vậy.”

“Nhưng thật ra cô đã không để ý à?”

“Dạ không, vì tôi đã không chú tâm tới chuyện đó, như vừa mới nói.”

“Vậy có lẽ bây giờ cô nên đi xem thử đi.”

“Tất nhiên rồi, thưa ông.”

Cô rời khỏi phòng, cái váy áo in hoa kêu sột soạt.

Đưa mắt nhìn Poirot, đại tá Weston hỏi: “Tất cả chuyện này là sao?”

Poirot khẽ đáp:

“Đầu óc sắp xếp ngăn nắp của tôi nó thường bị những chuyện vặt làm cho bức bối đó mà! Cô Brewster nói sáng nay đang tắm bên ngoài các tảng đá sau bữa ăn sáng thì suýt bị một cái chai từ trên cao ném trúng. *Eh bien*, tôi muốn biết ai đã ném cái chai và tại sao lại ném đi?”

“Ông bạn ơi, bất cứ người nào cũng có thể vứt bỏ một cái chai đó mà.”

“Hoàn toàn không phải vậy. Trước hết nó chỉ có thể bị ném đi từ một cửa sổ nào đó ở phía đông của khách sạn - tức là một cửa sổ trong số các phòng ta vừa vào xem. Bây giờ tôi hỏi ông nếu có một cái chai không trên bàn trang điểm hay trong phòng tắm, ông sẽ làm gì với nó? Xin thưa ông thường bỏ nó vào sọt rác. Ông không mất công đi ra ban-công và ném nó xuống biển. Vì thứ nhất là nhờ trúng ai đó, thứ hai là tổn công. Không, ông chỉ làm vậy khi ông không muốn ai nhìn thấy cái chai đặc biệt đó.”

Weston ngó ông lom lom:

“Tôi biết là chánh thanh tra Japp mà tôi từng gặp khi điều tra một vụ án cách đây không lâu, vẫn luôn nói ông có đầu óc cực kỳ rắc rối, khó hiểu. Bây giờ ông sẽ không bảo tôi là Arlena Marshall không phải bị siết cổ đầu mà là bị đầu độc bằng một thứ thuốc bí ẩn từ một cái chai bí ẩn đấy chứ?”

“Không, không, tôi không nghĩ có thuốc độc trong cái chai đó đâu.”

“Thế thì có cái gì?”

“Tôi hoàn toàn không biết. Thế nên tôi mới quan tâm.”

Cô hầu phòng quay trở lại, hơi thở có chút gấp gáp.

“Xin lỗi ông, nhưng tôi không tìm được bất cứ thứ gì bị thiếu. Chắc chắn không có gì mất đi trong phòng đại úy Marshall hay trong phòng cô Linda, cả trong phòng ông bà Redfern cũng vậy, và tôi chắc chắn trong phòng cô Darnley cũng không mất đi cái gì cả. Nhưng tôi không thể nói về phòng của cô Arlena Marshall. Như tôi nói đó, cô ấy có quá nhiều chai lọ.”

Poirot nhún vai. “Không sao. Để chuyện đó chúng tôi sẽ tính.”

“Còn gì nữa không, thưa ông?” Gladys Narracott hỏi, lần lượt nhìn hai người.

Đại tá Weston nói: “Không, cảm ơn cô.”

Poirot nói: “Tôi chưa cảm ơn cô đâu. Cô chắc chắn không có gì - hoàn toàn không có điều gì cô quên chưa nói cho chúng tôi biết chứ?”

“Về cô Arlena Marshall, phải không thưa ông?”

“Về bất cứ điều gì. Bất cứ điều gì bất thường, không đúng, không giải thích được, hơi khác thường, khá kỳ lạ - bất cứ điều gì - *enfin*, có cái gì đó khiến cô phải tự nhủ hay nói với một đồng nghiệp là ‘Thật lạ quá!’ hay không?”

Gladys đáp có vẻ không chắc chắn:

“Dạ không phải thứ chuyện ông muốn nói đâu, thưa ông.”

“Đừng để ý tôi muốn nói gì! Cô không biết tôi muốn nói gì đâu. Vậy phải chẳng đúng là hôm nay cô từng tự nhủ hay nói với một đồng nghiệp, ‘thật lạ quá!’?”

Poirot nói ra ba từ đó với vẻ châm biếm.

Gladys nói: “Thật ra chẳng có gì đâu. Chỉ là chuyện một bồn tắm tháo nước. Tôi đã nhận xét với Elsie ở dưới lầu, rằng thật là lại có người tắm bồn vào khoảng mười một giờ trưa.”

“Bồn tắm của ai? Ai tắm trong bồn?”

“Tôi không biết của ai, thưa ông. Chúng tôi nghe tiếng nước chảy xuống ống thoát từ dãy phòng này, chỉ có vậy thôi, và đó là lúc tôi nói điều mình nghe thấy với Elsie.”

“Cô chắc chắn là bồn tắm à? Không phải bồn rửa tay?”

“Ôi, hoàn toàn chắc chắn, thưa ông. Không thể nhầm lẫn tiếng thoát nước bồn tắm đâu ạ.”

Poirot tỏ ý không muốn giữ cô lại lâu hơn nữa. Cô hầu phòng được phép ra về.

Weston hỏi: “Ông không nghĩ vấn đề cái bồn tắm này quan trọng đó chứ, ông Poirot? Tôi thấy chuyện đó chẳng có giá trị gì cả. Đâu có vết máu hay bất cứ cái gì phải rửa sạch. Đây là...” ông ngần ngại.

Poirot ngắt ngang: “Ông định nói đó là lợi thế của việc siết cổ! Không có vết máu, không có vũ khí - không có gì phải tổng khứ đi hay che giấu cả! Không cần gì hết ngoài sức mạnh cơ bắp - và *tâm hồn của một kẻ sát nhân*.”

Giọng Poirot hết sức mãnh liệt, đầy cảm xúc khiến Weston hơi giật lùi lại.

Poirot mỉm cười vẻ xin lỗi:

“Không có gì cả,” ông nói, “có lẽ chuyện cái bồn tắm chẳng quan trọng gì cả. Bất cứ ai cũng có thể tắm trong bồn. Christine Redfern tắm trước khi đi đánh quần vợt, đại úy Marshall, cô Darnley cũng vậy. Như tôi nói đó, bất cứ ai. Chẳng có gì trong chuyện ấy.”

Một viên cảnh sát gõ cửa rồi thò đầu vào.

“Là cô Darnley, thưa sếp. Cô ấy bảo muốn gặp lại sếp một lát. Có chuyện cô ấy quên chưa cho sếp biết ạ.”

“Chúng tôi xuống ngay đây,” Weston nói.

Người đầu tiên họ trông thấy là Colgate. Mặt ông ta thật râu rĩ:

“Xin chờ một chút, thưa sếp!”

Weston cùng Poirot theo sau ông ta đi vào văn phòng của bà Castle.

Thanh tra Colgate nói: “Tôi đã kiểm tra cùng với Heald về việc cái máy máy đánh chữ này. Không có gì đáng nghi ngờ, việc ấy chẳng thể nào làm xong dưới một giờ đồng hồ. Lâu hơn thế nếu ta phải dừng lại suy nghĩ ở chỗ này chỗ nọ. Theo tôi, nếu sắp xếp việc ấy thì cũng khá tài tình. Và hãy xem bức thư này!”

Ông ta chìa nó ra.

“Marshall thân,

Xin lỗi quấy rầy khi ông đang nghỉ hè, nhưng một tình huống hoàn toàn không biết trước đã nảy sinh về hợp đồng Burley và Tender ấy...”

“Vân vân và vân vân,” Colgate nói. “Đề ngày 24 - tức là hôm qua. Dấu bưu điện trên bì thư tối hôm qua E.C.1. và Vịnh Leathercombe sáng hôm nay. Dùng cùng một máy đánh chữ ngoài bì thư và trong bức thư. Và theo nội dung ấy rõ ràng Marshall không thể nào chuẩn bị trước bức thư phúc đáp. Các số liệu phát sinh từ số liệu trong bức thư - toàn bộ nội dung không hề đơn giản.”

“Hừm,” Weston râu rĩ nói. “Thế là chắc phải loại Marshall ra ngoài vòng điều tra rồi. Phải xem xét chỗ khác thôi.” Ông nói thêm, “Tôi phải gặp lại cô Darnley. Bây giờ cô ấy đang chờ.”

Rosamund nhanh nhẹn đi vào, mỉm cười ra chiều hối lỗi. Cô nói:

“Tôi vô cùng xin lỗi. Có lẽ không đáng để làm phiền về việc này. Nhưng ta thường quên điều này điều kia như thế.”

“Chuyện gì thế, cô Darnley?” Cảnh sát trưởng chỉ cho cô một cái ghế.

Cô lắc cái đầu cân đối có mái tóc đen xinh đẹp:

“Ôi, chuyện không đáng phải ngồi xuống đâu ạ. Đơn giản là thế này. Tôi đã nói với ông suốt buổi sáng là nằm trên Gành Nặng. Điều ấy không hoàn toàn chính xác. Tôi quên có một lần vào buổi sáng đã trở về khách sạn rồi lại ra ngoài.”

“Lúc ấy là mấy giờ, cô Darnley?”

“Chắc hẳn là mười một giờ mười lăm ạ.”

“Cô nói đã trở về khách sạn à?”

“Vâng, tôi đã quên chiếc kính râm, lúc đầu tôi định kệ, nhưng sau thấy mọi mắt nên quyết định về lấy.”

“Cô đi thẳng vào phòng rồi ra luôn ư?”

“Vâng. À, thực ra tôi có ghé qua chỗ Ken - đại úy Marshall. Tôi nghe tiếng máy đánh chữ của anh ấy và

nghe cứ ở trong phòng đánh máy vào một ngày đẹp trời như thế thì ngốc quá. Tôi định bảo anh ấy ra ngoài.”

“Thế đại úy Marshall đã nói gì?”

Rosamund mỉm cười hơi bền lên.

“À, khi tôi mở cửa phòng, anh ấy đang mài đánh máy, cau mày có vẻ quá tập trung nên tôi lại lẳng lặng bỏ đi luôn. Có lẽ thậm chí anh ấy cũng chẳng biết tôi đi vào.”

“Và lúc ấy là - lúc mấy giờ, cô Darnley?”

“Chỉ chừng mười một giờ hai mươi thôi. Tôi có nhìn đồng hồ trong sảnh khi trở ra ngoài.”

“Và điều ấy cuối cùng đã khép lại chuyện này,” thanh tra nói. “Cô hầu phòng nghe ông ta đánh máy mãi đến mười một giờ kém năm. Cô Darnley thấy ông ta lúc mười một giờ hai mươi, trong khi nạn nhân chết lúc mười hai giờ kém mười lăm. Chính anh ta nói trong lúc ấy đang đánh máy trong phòng mình và có vẻ đúng là anh ta lúc đó đang đánh máy trong phòng. Vậy là phải loại hãn đại úy Marshall ra ngoài vòng điều tra.”

Ông dừng lại, rồi nhìn Poirot với đôi chút hiếu kỳ, ông hỏi:

“Ông Poirot đang xem xét điều gì đấy nghiêm trọng, hử?”

Thám tử đáp với vẻ dăm chiêu:

“Tôi đang thắc mắc tại sao cô Darnley bất thành linh lại tự nguyện khai thêm chứng cứ này.”

Thanh tra Colgate ngảnh đầu nhìn, có ý cảnh giác:

“Nghĩ chuyện này có gì ám muội à? Không phải chỉ là “quên mất” hay sao?”

Ông ta ngẫm nghĩ chừng vài phút rồi hỏi tiếp thật chậm rãi:

“Thế này, thưa ông, ta hãy xem xét theo hướng này! Giả sử sáng nay cô Darnley không ở trên Gành Năng như cô ấy nói. Câu chuyện ấy là nói dối. Giả sử sau khi kể cho ta nghe câu chuyện đó, cô ấy phát hiện có người đã trông thấy mình ở chỗ khác, hay đổi lại là có người lên Gành Năng mà không trông ấy. Do đó, cô ấy mau chóng dựng câu chuyện này rồi đến kể cho ta nghe để giải thích việc cô ấy vắng mặt. Ông có để ý thấy cô ấy cẩn thận nói là đại úy Marshall không thấy cô ấy ghé vào phòng đấy không?”

Poirot lẩm bẩm: “Phải, tôi có để ý điều đó.”

Weston tỏ vẻ không tin. “Có phải ông đang đặt giả thiết là cô Darnley có liên can tới vụ này? Vớ vẩn, phi lý. Sao cô ấy lại liên can được?”

Thanh tra Colgate ho húng hắng.

“Sếp sẽ nhớ ra điều bà Gardener người Mỹ đã nói. Bà ấy gần như ám chỉ cô Darnley đã phải lòng đại úy Marshall. Có động cơ, thưa sếp.”

Weston sốt ruột nói: “Arlena Marshall không bị phụ nữ giết chết. Ta phải tìm kiếm một gã đàn ông. Phải bám sát những người đàn ông trong vụ án này.”

Thanh tra Colgate thở dài.

“Vâng, đúng thế, thưa sếp. Ta vẫn luôn quay trở lại vấn đề ấy, phải không ạ?”

Weston nói tiếp: “Tốt hơn hết nên phái một cảnh sát tiếp tục xác định thời gian về một vài việc. Từ khách sạn đi ngang qua đảo, đến đỉnh cái thang. Cho cậu ta đo thời gian khi chạy và khi đi bộ. Cũng làm như thế với cái thang. Và cho cậu nào đấy kiểm tra xem mất bao lâu để chèo bè từ bãi tắm đến cái vịnh nhỏ.”

Thanh tra gật đầu.

“Tôi sẽ lo liệu chu đáo tất cả việc ấy, thưa sếp,” ông ta nói có vẻ tự tin.

Cảnh sát trưởng nói: “Có lẽ bây giờ tôi sẽ đi tiếp đến cái vịnh nhỏ. Xem thử Phillips có phát hiện ra điều gì hay không. Còn cả cái Động Tiên ta vừa nghe nhắc đến ấy. Phải xem thử liệu có dấu vết nào của một gã đàn ông chờ đợi trong ấy không. Này Poirot, ông nghĩ sao?”

“Đương nhiên rồi. Đó là một khả năng.”

“Nếu kẻ nào từ bên ngoài lẻ làng lén sang hòn đảo thì đấy sẽ là một nơi ẩn trốn rất tốt - nếu như hắn đã biết về cái động ấy. Tôi cho rằng dân địa phương biết chứ?”

Colgate đáp: “Tôi không tin lớp người trẻ tuổi biết được. Sếp biết đấy, kể từ khi khai trương khách sạn này cái vịnh nhỏ ấy trở thành tài sản cá nhân. Dân chài không đến đấy, cả các bữa tiệc dã ngoại cũng được tổ chức ở đấy. Người của khách sạn lại không phải dân địa phương. Bà Castle là người London.”

“Ta có thể dẫn theo Redfern. Anh ta đã cho biết về nó. Còn ông thì sao, ông Poirot?”

Hercule Poirot do dự. Phát âm với ngữ điệu ngoại quốc, ông nói: “Tôi thì cũng như cô Brewster và cô Redfern, không thích leo xuống cái thang thẳng đứng đó đâu.”

Weston nói: “Ông có thể đi vòng bằng thuyền.”

Poirot lại thở dài: “Cái bao tử của tôi nó không được vui trên mặt biển đâu.”

“Không sao đâu, hôm nay đẹp trời, sóng yên biển lặng kia mà. Ông không thể bỏ rơi chúng tôi đâu đấy.”

Hercule Poirot không có vẻ gì là đáp lại lời khẩn cầu này của ông người Anh. Nhưng ngay lúc đó bà Castle thò khuôn mặt mệnh phụ với kiểu tóc chải chuốt cầu kỳ qua cánh cửa.

“Tôi hy vọng đã không đường đột,” bà ta nói, “nhưng cha Lane vừa mới trở về đó ạ. Chắc là các ông muốn biết.”

“À phải đấy, cảm ơn bà Castle. Chúng tôi sẽ gặp ông ấy ngay lập tức.”

Bước tới một chút vào phòng, bà Castle nói: “Tôi không biết có đáng để nói tới hay không, nhưng tôi từng nghe bảo là sự cố nhỏ nhất nhất cũng không nên phớt lờ đi...”



“Phải đấy, gì thế ạ?” Weston có vẻ sốt ruột.

“Có một quý bà với một quý ông tới đây khoảng chừng một giờ. Từ đất liền qua. Để dùng bữa trưa. Họ được thông báo đã có một tai nạn và trong hoàn cảnh ấy không thể phục vụ bữa trưa.”

“Bà có biết họ là ai hay không?”

“Tôi hoàn toàn không biết. Tất nhiên họ không nói tên. Họ tỏ ra thất vọng và có đôi chút hiếu kỳ về tính chất của tai nạn. Tất nhiên tôi không thể cho họ biết điều gì hết. Có thể nói đó là khách thuộc tầng lớp khá giả đi du lịch mùa hè.”

Weston nói cộc cằn:

“Thôi, được rồi, cảm ơn bà đã cho chúng tôi biết. Có lẽ không quan trọng, nhưng hoàn toàn đúng - ơ - là ghi nhớ mọi việc.”

“Tất nhiên tôi mong được làm tròn phận sự của mình.”

“Đúng, đúng thế. Xin bà mời cha Lane đến đây cho!”

Cha Stephen Lane rảo bước vào phòng thật mạnh mẽ như thường lệ.

Weston tự giới thiệu:

“Tôi là cảnh sát trưởng hạt này, cha Lane ạ. Chắc cha đã được nghe nói chuyện gì xảy ra ở đây rồi chứ?”

“Rồi - biết rồi - ta đã nghe nói khi vừa mới về đến đây. Kinh khủng... Kinh khủng...” Thân hình mảnh dẻ run run, ông hạ giọng nói: “Ngay từ đầu - kể từ lúc mới đến đây ta đã thấy rõ - thấy rất rõ quyền lực của cái ác. Ở sát bên.”

Đôi mắt của ông, những con mắt bừng cháy lửa nhiệt tình hướng về Hercule Poirot, ông hỏi:

“Còn nhớ không, ông Poirot? Cuộc trò chuyện của chúng ta cách đây mấy ngày ấy? Về hiện diện của cái ác, có nhớ không?”

Weston đang chăm chú quan sát cái hình dáng cao ráo gầy gò ấy với đôi chút bối rối. Ông thấy thật khó hiểu con người này. Ánh mắt vị cha xứ quay trở lại với ông.

Vị cha xứ nói với một nụ cười nhè nhẹ:

“Ta thấy chuyện ấy dường như kỳ quái với ông. Đạo này chúng ta đã rời bỏ niềm tin về cái ác. Đã hủy bỏ lửa địa ngục rồi! Chúng ta không còn tin có quỷ sứ nữa! Nhưng quỷ Satan và lũ tay sai của hắn chưa bao giờ có quyền lực lớn lao hơn ngày nay!”

“Ờ - ờ - phải, có lẽ thế. Đây là địa hạt của cha, cha Lane ạ. Địa hạt của tôi tầm thường, tẻ nhạt hơn - làm sáng tỏ một án mạng.”

“Một từ thật đáng sợ. Án mạng! Một trong những tội được biết đến sớm nhất trên trần thế - nhấn tâm làm đổ máu một người anh em vô tội...” Ông tạm dừng lại, lim dim đôi mắt rồi hỏi với giọng bình thường hơn:

“Ta có thể giúp ông bằng cách nào đây?”

“Trước tiên, cha Lane ạ, xin cho chúng tôi biết hôm nay ông đã làm gì và ở đâu?”

“Rất sẵn lòng. Ta khởi hành sớm để đi lang thang. Ta thích đi bộ. Ta đã tới khá nhiều nơi ở vùng quê quanh đây. Hôm nay đã đến làng St. Petrock trong thung Lũng Hẹp. Cách đây chừng bảy dặm - một chuyến đi bộ thật thú vị trên vùng đất trung du ở hạt Devon. Có mang theo mấy món để ăn trưa trong một lùm cây. Ta đã viếng thăm nhà thờ - có một số vết nứt - may mà chỉ là nứt mấy tấm kính từ thời trước - còn có một bức bình phong có vẽ hình trang trí rất thú vị nữa.”

“Cảm ơn cha Lane. Cha có gặp ai trong khi đi bộ không?”

“Không kể xiết. Một chiếc ô tô chạy ngang qua một lần, hai thằng bé cưỡi xe đạp và mấy con bò cái nữa. Tuy nhiên,” ông nùm cười, “nếu ông muốn có bằng chứng về lời khai của ta, thì ta đã ghi tên mình trong quyển sổ ở nhà thờ. Ông có thể tìm thấy nó ở đấy.”

“Cha đã không gặp bất cứ ai ở nhà thờ ấy - cha xứ y hay người quản lý nhà thờ à?”

Cha Lane lắc đầu đáp:

“Không, chẳng có ai ở quanh đấy và ta là khách đến viếng thăm duy nhất. Nhà thờ Thánh Petrock là địa điểm hẻo lánh. Chính ngôi làng cũng cách nhà thờ tới nửa dặm.”

Đại tá vui vẻ nói:

“Xin cha đừng nghĩ chúng tôi đang - ơ - nghi ngờ lời cha. Mà đây là vấn đề kiểm tra mọi người. Là thủ tục thường lệ, cha biết đấy, thủ tục thường lệ. Phải bám sát thủ tục thường lệ trong các vụ án kiểu này.”

Đức cha Lane nói dịu dàng:

“À phải, ta hiểu chứ.”

Weston nói tiếp:

“Bây giờ là điểm kế tiếp. Cha có biết bất cứ điều gì có thể hỗ trợ cho chúng tôi hay không. Bất cứ điều gì về nạn nhân? Bất cứ điều gì có thể cho chúng tôi một chỉ dấu về kẻ đã giết cô ấy? Bất cứ điều gì cha từng nghe hay từng thấy ấy?”

Cha Lane đáp:

“Ta chẳng nghe gì cả. Chỉ có thể nói với ông điều này: ta đã biết theo bản năng ngay lúc vừa mới gặp mặt, rằng Arlena Marshall là nơi cái ác tập trung vào. Cô ả chính là cái ác! Hiện thân của cái ác! Đàn bà có thể giúp ích và là nguồn cảm hứng của đàn ông trong cuộc sống - nhưng cũng có thể làm cho họ suy sụp. Có thể lôi hấn xuống mức một con vật. Người đã chết đó là một ả đàn bà như thế đấy. Cô ả khêu gợi mọi điều đồi bại trong bản tính đàn ông. Cô ả là Jezebel và Aholibah. Giờ đây cô ả đã bị chính sự xấu xa đó đánh gục.”

Hercule Poirot cựa quậy.

“Không phải đánh gục gục - mà là siết cổ. Bị siết cổ, cha Lane à, bằng đôi bàn tay của một con người.”

Hai bàn tay của ông thầy tu run lên. Những ngón tay quăn quại và co quắp. Ông hạ giọng nói nghe nghèn nghẹn:

Thật kinh tởm - kinh tởm - phải nói là như thế hử?”

Poirot nói: “Sự thật đơn giản là như vậy đó. Ông co nhận định gì không, cha Lane, đó là hai bàn tay của ai?”

Ông thầy tu lắc đầu đáp:

“Ta chẳng biết gì cả - chẳng gì cả...”

Weston đứng lên. Ông nói sau khi liếc nhìn Colgate, và ông này đáp lại với một cái gật đầu hầu như không thể nào nhận thấy. “À, ta phải đi tiếp đến cái vịnh nhỏ ấy.”

Cha Lane hỏi:

“Có phải đấy là nơi - xảy ra vụ ấy không?”

Đại tá gật đầu. Cha xứ lại hỏi:

“Có thể - có thể cho tôi cùng đi được không?”

Vừa định trả lời cụt ngủn là không được, Weston bị Poirot chặn lại.

“Được thôi,” Poirot đáp. “Cứ lên thuyền đi theo tôi tới đó, cha Lane à! Ta sẽ khởi hành ngay lập tức.”

Buổi sáng hôm đó lần thứ hai Patrick Redfern chèo thuyền vào Vũng Tiên. Ngồi trên thuyền có Hercule Poirot mặt tái xanh, một bàn tay đặt lên chỗ bao tử, và cha Lane. Đại tá Weston theo trên bộ, vì gặp trở ngại ở dọc đường nên ông tới bãi biển đúng lúc chiếc thuyền cập bờ. Một cảnh sát và một trung sĩ mặc thường phục đã có mặt ở đó. Weston đang gắng hỏi viên trung sĩ thì ba người từ chiếc thuyền đi lên bãi gặp ông.

Trung sĩ Phillips nói: “Tôi nghĩ đã xem xét bãi biển từng li từng tí rồi, thưa sếp.”

“Tốt, cậu đã tìm thấy những gì?”

“Tất cả đều ở đây, thưa sếp, nếu sếp muốn đến xem ạ.”

Những đồ vật thu gom được đặt thật gọn gàng trên một tảng đá. Có một cái kéo, một bao thuốc lá Gold Flake rỗng, năm cái nắp chai có nhãn hiệu, một số que diêm đã dùng rồi, ba sợi dây, vài mẫu giấy báo, một mảnh ống điều bị vỡ, bốn cái nút áo, xương chân gà và một chai dầu tắm nắng trống không.

Đại tá nhìn xuống, đánh giá những đồ vật đó.

“Hừm,” ông nói. “Bãi biển này cũng như các bãi khác! Dạo này có vẻ như hầu hết mọi người lầm tưởng bãi biển là bãi rác cộng cộng hay sao ấy! Máy cái chai rỗng đã ở đây một thời gian rồi vì nhãn hiệu đã mờ thế kia - phải nói là các món khác cũng như thế. Tuy nhiên cái kéo vẫn còn sáng loáng, mới toanh. Không bị phơ ngoài trận mưa ngày hôm qua. Tìm thấy nó ở đâu?”

“Gần dưới chân cái thang, thưa sếp. Mảnh ống điều này cũng thế ạ.”

“Hừm, có lẽ ai đấy đã đánh rơi khi lên hay xuống thang. Không phát hiện chủ của chúng là ai à?”

“Không, thưa sếp. Một cái kéo cắt móng tay hoàn toàn bình thường, ống điều làm bằng thứ rễ cây thạch thảo hảo hạng - đắt tiền.”

Poirot trầm ngâm khẽ nói:

“Đại úy Marshall có nói anh ta để lạc mất ống điều.”

Weston nói: “Marshall đã ở ngoài vòng điều tra rồi mà. Dù sao thì anh ta cũng không phải người duy nhất hút ống điều.”

Hercule Poirot chăm chú quan sát cha Stephen Lane cho tay vào túi rồi lại rút ra. Ông vui vẻ nói: “Ông cũng hút ống điều, không phải vậy sao cha Lane?”

Ông thầy tu giật mình nhìn Poirot.

“Phải. À có. Ống điều là bạn thân luôn đồng hành cùng ta.” Lại dứt tay vào túi, ông rút ra một ống điều, nhồi thuốc vào rồi đốt lên.

Poirot bỏ đi tới chỗ Patrick đang đứng với ánh mắt thất thần. Ông hạ giọng nói: “Rất mừng vì họ đã đưa cô ta đi chỗ khác rồi.”

Cha Lane hỏi: “Tìm thấy cô ả ở đâu thế?”

Trung sĩ vui vẻ đáp:

“Ngay chỗ cha đang đứng đó, thưa cha.”

Đức cha lẹ làng vọt sang một bên. Ông nhìn chòng chọc chỗ mình vừa rời khỏi.

Trung sĩ nói tiếp:

“Vị trí cái bè bị nước đẩy lên phù hợp với kết quả giám định thời gian nạn nhân đến đây lúc 10 giờ 45. Nó di chuyển theo thủy triều lên. Bây giờ đã rút xuống lại rồi.”

“Chụp ảnh xong rồi chứ?” Weston hỏi.

“Rồi, thưa sếp.”

Đại tá quay sang Redfern.

“Lỗi vào hang động ở đâu?”

Patrick vẫn đang đắm đắm nhìn xuống bãi biển, chỗ ông thầy tu vừa đứng. Như thể đang nhìn thấy cái xác cho dù không còn ở đó nữa.

Tiếng gọi của đại tá khiến anh ta sực tỉnh.

“Ở đằng kia,” anh ta nói.

Patrick dẫn đường tới chỗ một đồng cực kỳ lớn những tảng đá như chỉ chực sụp đổ, chồng chất thật đẹp mắt tựa sát vách đá. Anh ta đi thẳng tới chỗ hai tảng đá lớn kề sát bên nhau để lộ một cái khe hẹp thẳng đứng ở giữa.

“Lỗi vào ở đây,” anh ta nói.

Weston hỏi:

“Ở đây sao? Trông có vẻ như một người đàn ông không thể lách mình qua được.”

“Trông thế thôi, rồi ông sẽ thấy. Có thể vào được.”

Đại tá thận trọng len mình vào khe đá. Không hẹp như vẻ bề ngoài. Bên trong khoảng trống mở ra chứng tỏ đó là một nơi kín đáo khá rộng rãi, có đủ chỗ để đứng thẳng và di chuyển tới lui.

Hercule Poirot cùng cha Lane nối gót theo sau cảnh sát trưởng. Anh chàng kia thì ở lại bên ngoài. Ánh sáng chiếu vào qua cửa hang, nhưng đại tá còn cầm theo một đèn pin thật sáng, tha hồ soi rọi khắp bên trong. Ông nhận xét:

“Một nơi thật thuận tiện. Từ bên ngoài chẳng bao giờ ngờ được.”

Ông rọi đèn pin khắp nền động rất kỹ. Poirot đang nhẹ nhẹ hít ngửi không khí.

Để ý thấy, Weston nói: “Không khí thật trong lành, không có mùi cá hay rong biển, nhưng dĩ nhiên chỗ này ở cách xa mực triều lên.”

Tuy nhiên với cái mũi thính của Poirot, không khí chẳng phải chỉ có trong lành. Còn hương thơm thoang thoang nữa. Ông biết hai người dùng thứ nước hoa khó đọc đáo đó...

Đại tá thôi không rọi đèn pin nữa. Ông nói: “Chẳng có gì khác thường ở trong này.”

Ngước mắt nhìn lên một cái gờ cách xa một chút ở phía trên đầu mình, Poirot khẽ hỏi:

“Có thể xem phải chẳng trên đó không có gì hết chứ?”

Weston đáp: “Nếu có gì trên ấy, thì chắc là có người cố tình để lên. Dù sao vẫn nên xem thử.”

Poirot nôi với cha Lane:

“Có lẽ ông là người cao nhất ở đây. Xin mạo muội nhờ ông kiểm tra cho chắc chắn phải chẳng ở trên đó không có gì hết, được không ạ?”

Cha Lane rướn người lên nhưng không với tới chỗ trong cùng của cái gờ đó. Rồi trông thấy một kẽ nứt trên mặt đá, ông đặt ngón chân vào đó, lấy đà đưa tay với lên.

“Này này, có một cái hộp ở trên đây này,” ông nói.

Chỉ một hai phút sau họ ra ngoài nắng xem xét món đồ ông thầy tu vừa tìm thấy. Cảnh sát trưởng dận dò:

“Cẩn thận, đừng cầm nắm nhiều quá nhé. Có thể có dấu tay đấy.”

Đó là một cái hộp thiếc màu xanh lục sẫm có hàng chữ *Sandwiches*.

Trung sĩ Phillips nói:

“Chắc là dùng bữa dã ngoại hay sao đó còn thừa lại.”

Anh ta lột khăn tay rồi mở nắp hộp. Bên trong có mấy ngăn nhỏ, ghi rõ là muối, tiêu, mù tạt và ba hộp thiếc vuông vức lớn hơn hiển nhiên để đựng bánh sandwich.

Trung sĩ Phillips mở nắp ngăn đựng muối. Đầy tới tận miệng. Giơ lên cái kế tiếp anh ta bình phẩm:

“Hừm, trong ngăn để đựng tiêu cũng có muối nữa.”

Ngăn mù tạt cũng chứa đầy muối.

Khuôn mặt đột nhiên lộ vẻ cảnh giác, anh trung sĩ cảnh sát mở một cái hộp thiếc vuông lớn hơn. Hộp ấy cũng chứa cùng thứ bột trắng kết tinh đó.

Rất thận trọng, trung sĩ Phillips chấm một ngón tay vào đó rồi đưa lên chót lưỡi nếm thử. Mặt biến sắc, anh ta nói với giọng kích động:

“Đây không phải là muối, thưa sếp. Thật khác xa! Vị đắng ghê! Theo tôi hình như là một thứ thuốc gì đó.”

“Khía cạnh thứ ba đây,” đại tá Weston rên lên một tiếng.

Họ đã về lại khách sạn. Cảnh sát trưởng nói tiếp:

“Nếu ngẫu nhiên thế nào đấy có một băng đảng ma túy dính líu vào vụ này, điều ấy mở ra rất nhiều khả năng. Trước tiên chính người nạn nhân có thể đã ở trong băng đảng ấy. Nghĩ xem chuyện ấy có thể xảy ra hay không?”

Hercule Poirot thận trọng đáp: “Cũng có thể.”

“Bà ta có nghiện ma túy không?”

Poirot lắc đầu. “Tôi nghi ngờ điều đó. Thần kinh cô ta vững vàng, sức khỏe rất tốt, không có vết tiêm dưới da nào - cũng không chứng tỏ bất cứ điều gì. Một số người vẫn hít thứ đó - Không, chắc không phải cô ta dùng ma túy đâu.”

“Nếu thế thì có thể bà ta đã tình cờ bắt gặp việc buôn ma túy, và bọn chúng đã khiến cô ta phải câm lặng. Ta sẽ biết ngay sau đây thứ bột ấy chính xác là cái gì. Tôi đã gửi cho bác sĩ Neasden. Nếu chúng ta đang lần theo một đường dây buôn ma túy nào đấy, thì chẳng phải chuyện đùa đâu...”

Đột nhiên ông dừng lại khi cánh cửa mở ra và Horace Blatt nhanh nhẹn bước vào phòng.

Có vẻ như ông Blatt đang nóng bức, ông ta lau mồ hôi trên trán. Giọng nói oang oang của ông ta cuồn cuộn tuôn ra lấp đầy cả gian phòng bé nhỏ:

“Vừa về đến nơi là nghe tin ấy ngay. Ông là cảnh sát trưởng à? Họ vừa cho tôi biết ông đang ở trong này. Tên của tôi là Blatt - Horace Blatt. Có cách nào có thể giúp ông không nhỉ. Chắc là không rồi. Tôi đi thuyền từ sáng sớm hôm nay. Bỏ lỡ toàn bộ cái màn chết tiệt ấy. Một ngày có chuyện xảy ra ở nơi xa xôi hẻo lánh này mà tôi lại không có mặt chứ. Đời là thế, đúng không? Này này Poirot, vừa xong không trông thấy ông. Thế ông tham gia vào vụ này hay sao? À phải rồi, chắc phải thế thôi. Thám tử tư đấu với cảnh sát địa phương, phải thế không? Hà hà! Sàn thi đấu - tất cả chuyện vớ vẩn ấy. Tôi sẽ rất thích thú xem ông trở thành tài trình thám.”

Ông Blatt tới ngồi như neo đậu vào một cái ghế, lôi ra hộp đựng thuốc lá mời Weston. Hơi mỉm cười, ông này lắc đầu đáp:

“Tôi quen hút ống điếu lâu năm rồi.”

“Đây cũng thế. Tôi còn hút thuốc điếu nữa - chẳng có gì hơn hút ống điếu cả.”

Đại tá bảo với giọng đột nhiên thân mật.

“Thế thì ông đốt ống điếu đi!”

Blatt lắc đầu.

“Lúc này không có mang theo. Nhưng xin cho tôi được thông suốt tất cả chuyện này! Tất cả những gì tôi nghe thấy đến nay chỉ là phát hiện cô Marshall bị sát hại trên một bãi biển ở đây.”

“Ở Vũng Tiên,” đại tá vừa nói vừa chăm chú quan sát ông Blatt.

Nhưng ông này chỉ hỏi với vẻ phấn khích:

“Bị siết cổ à?”

“Phải, ông Blatt ạ.”

“Kính tởm - rất kính tởm. Xin ông lưu ý, cô ta đã chuốc họa vào thân! Nóng bỏng - *trés moustard* - hử, ông Poirot? Ông có nghĩ ra ai là hung thủ không, hay tôi không nên hỏi điều ấy?”

Hơi nhếch mép mỉm cười, đại tá Westen nói: “À, ông biết đấy, chính chúng tôi đang hỏi.”

Ông Blatt hươu điệu thuốc.

“Xin lỗi - xin lỗi - là lỗi của tôi. Cứ tiếp tục đi ạ!”

“Sáng nay ông lái thuyền buồm đi lúc may giờ?”

“Rời khỏi đây lúc mười giờ kém mười lăm.”

“Có ai cùng đi với ông không?”

“Chẳng có ma nào cả. Chỉ một mình với một chút nỗi buồn cô đơn thôi.”

“Và ông đã đi đâu?”

“Men theo bờ biển về hướng Plymouth. Có mang theo bữa ăn trưa. Không có nhiều gió nên thật ra tôi không đi xa lắm.”

Sau một hai câu hỏi nữa, Weston nói: “Bây giờ nói về gia đình Marshall. Ông có biết điều gì có thể giúp ích cho chúng tôi không?”

“À, tôi đã cho biết ý kiến của tôi rồi. *Crime passionnel*. Chỉ có thể nói với ông là không phải tôi! Cô Arlena xinh đẹp chẳng ích lợi gì với tôi. Chẳng giúp được gì cả. Cô ta đã có anh chàng mắt xanh rồi! Nếu ông hỏi thì tôi xin thưa Marshall biết đấy.”

“Ông có chứng cứ gì không?”

“Tôi từng thấy anh ta ấy nhìn tay Redfern với ánh mắt khinh miệt chừng một hai lần. Con ngựa ô Marshall ấy ít ai để ý đến. Trông rất hiền lành hòa nhã, như thế lúc nào cũng nửa tỉnh nửa mê - nhưng tiếng tăm của anh ta trong thành phố không phải thế đâu. Tôi từng nghe một hai chuyện về người này. Có lần bị kích động suốt nửa tấn công người ta. Xin ông lưu ý, thằng cha vừa nói đến đã bày đặt một giao dịch khá bẩn thỉu. Marshall đã tin cậy hẳn và thằng cha ấy đã cho anh ta một vố. Một vụ việc bẩn thỉu, tôi tin thế. Marshall đi



tìm hân và suýt giết hân ta. Thằng cha ấy không thừa kiện - quá sợ sự việc có thể bị vỡ lở. Tôi cho ông biết chuyện ấy để xem có đáng lưu ý hay không?”

“Vậy ông nghĩ có khả năng,” thám tử hỏi, “rằng đại úy Marshall đã siết cổ vợ mình à?”

“Hoàn toàn không phải thế. Chưa hề nói bất cứ điều gì như thế. Chỉ để cho các ông biết anh ta là hạng người có thể nổi xung khi gặp dịp.”

“Ông Blatt à,” Poirot nói, “có lý do để tin Arlena Marshall sáng nay đã tới Vũng Tiên để gặp ai đó. Ông có nghĩ ra kẻ đó là ai hay không?”

Blatt nháy mắt đáp:

“Chẳng phải đoán đâu. Chắc chắn là Redfern chứ ai.”

“Không phải là Redfern.”

Có vẻ sùng sốt, ông Blatt nói ngập ngừng:

“Thế thì tôi không biết... Không, tôi không nghĩ ra...”

Ông nói tiếp, lấy lại một chút tư thế vững vàng:

“Như tôi đã nói trước, không phải *tôi* đâu. Đâu có may mắn thế chứ. Để tôi xem nào, chẳng thế nào là Gardener - bà vợ vẫn cứ theo dõi từ xa với ánh mắt sắc lẹm. Lão Barry ngu ngốc ấy ư? Vợ vẫn. Và gần như không phải là ông cha xứ. Mặc dù, xin ông lưu ý, tôi từng thấy đức cha ngăm nghía cô ta hơi kỳ một chút. Tất nhiên là đứng trên cao không cho phép, nhưng con mắt vẫn phải bám theo đường cong. Hử? Rất nhiều ông đạo đức, hầu hết các cha xứ ấy. Ông có dọc vụ án tháng trước không? Cha xứ và con gái ông quản lý nhà thờ ấy. Chả sáng mắt ra là gì.”

Ông ta cười khúc khích. Đại tá hỏi lạnh lùng:

“Ông không nghĩ ra điều gì giúp chúng tôi được hay sao?”

Ông kia lắc đầu.

“Không, không nghĩ ra gì cả.” ông nói thêm: “Chuyện này sẽ gây náo động một chút, tôi hình dung như thế. Báo chí mà biết được vụ này thì sẽ bu đến như ruồi. Sẽ chẳng còn cái tự đại của Khách sạn Hải Tặc này trong tương lai. Hải Tặc thật đấy! Thế cho biết.”

Hercule Poirot lăm bẫm: “Ông không được vui khi lưu trú ở đây à?”

Khuôn mặt đỏ ửng hơi đỏ hơn một chút, Blatt đáp:

“À, không, tôi không được vui. Lái thuyền buồm cũng được, cả phong cảnh, phục vụ và thức ăn cũng thế - nhưng nơi này chẳng có bù khú, ông hiểu ý tôi mà! Điều tôi nói là tôi cũng nhiều tiền như ai. Tất cả chúng ta đều đến đây để vui. Thế thì sao lại không hợp sức lại cùng làm việc ấy chứ? Cả bè cả lũ người ngồi bên nhau và lạnh nhạt chúc nhau vui vẻ buổi sáng - rồi buổi tối - và đúng thế thời tiết rất dễ chịu. Chẳng có tận hưởng cuộc sống. Toàn hình nộm!”

Ông Blatt tạm dừng, giờ đây mặt ông quả thật rất đỏ. Lại lau trán một lần nữa, ông nói có vẻ hối lỗi:

“Đừng để ý đến tôi! Tôi thường làm rối cả lên.”

Hercule Poirot lẩm bẩm: “Và chúng ta nghĩ gì về ông Blatt?”

Đại tá Weston cười toe toét.

“Ông nghĩ gì về ông ta? Ông hiểu ông ta nhiều hơn tôi mà.”

Poirot nhẹ nhàng đáp:

“Có nhiều thành ngữ tiếng Anh của ông mô tả ông ta. Kim cương chưa mài giũa! Người tự lập! Kẻ thích trèo đèo! Tùy ta chọn lựa cách nhìn, ông ta hay mũi lòng, lỗ mãng, hay la lối! Đó là tùy ý kiến mỗi người. Nhưng tôi còn nghĩ còn có điều khác về ông ta nữa cơ.”

“Và đấy là điều gì?”

Ngước mắt nhìn lên trần nhà, Hercule Poirot khẽ đáp:

“Tôi nghĩ ông ta đang - *lo lắng* .

Thanh tra Colgate nói: “Tôi đã cho tính toán thời gian xong rồi. Từ khách sạn đến cái thang xuống Vũng Tiên mất ba phút. Đấy là đi bộ cho đến khi khuất dạng khỏi khách sạn rồi chạy như ma đuổi.”

Weston nhướn cặp lông mày lên:

“Thế thì nhanh hơn tôi tưởng đấy.”

“Leo thang xuống bãi biển một phút ba phần tư. Leo lên mất hai phút. Ấy là cảnh sát Flint. Cậu ấy hơi giống một vận động viên điền kinh. Đi bộ và lên xuống thang như người bình thường, hết thầy phải mất gần mười lăm phút.”

Weston gật đầu bảo:

“Còn một chuyện nữa phải xem xét, vấn đề cái ống điếu.”

Colgate nói: “Blatt hút ống điếu, Marshall cũng hút, và cả cha xứ nữa. Redfern hút thuốc điếu, còn tay người Mỹ thì thích xì-gà hơn. Thiếu tá Barry hoàn toàn không hút thuốc. Có một ống điếu trong phòng Marshall, hai trong phòng Blatt và một trong phòng cha xứ. Cô hầu phòng nói đại úy có hai ống điếu. Cô hầu phòng kia không sáng dạ lắm. Chẳng biết hai ông kia có mấy cái ống điếu. Nói thật mơ hồ, cô ta để ý thấy hai hay ba ống điếu trong phòng họ.”

Weston gật đầu hỏi: “Còn gì nữa không?”

“Tôi đã kiểm tra về các nhân viên. Tất cả đều có vẻ ổn thỏa. Henry trông quầy rượu xác nhận lời khai của Marshall, nói đã thấy ông ta lúc mười một giờ kém mười. William phụ trách bãi biển đã xuống sửa chữa cái thang trên các tầng đá gần khách sạn hầu như cả buổi sáng. Có vẻ anh ta không có vấn đề gì. George ghi điểm ngoài sân quần vợt rồi trồng mấy cây con gần phòng ăn. Cả hai cậu ấy đều không thấy ai đi qua

con đường đắp ra đảo.”

“Lúc nào thì con đường đắp không bị ngập nước?”

“Khoảng chừng chín giờ rưỡi, thưa sếp.”

Weston kéo rìa mép.

“Có khả năng ai đó quả đã đi theo lối ấy. Ta đã có một khía cạnh mới, Colgate ạ.”

Ông kể chuyện đã khám phá ra cái hộp bánh sandwich trong hang động.

Có một tiếng gõ nhẹ lên cánh cửa.

“Vào đi!” Weston bảo.

Đó là đại úy Marshall. Anh ta nói: “Xin cho biết tôi có thể thu xếp tang lễ thế nào?”

“Có lẽ chúng tôi sẽ cố hoàn thành việc điều tra vào ngày mốt, đại úy Marshall ạ.”

“Cảm ơn ông.”

Thanh tra Colgate nói: “Xin lỗi ông, cho tôi hoàn lại mấy cái này!”

Ông chìa ra ba lá thư.

Kenneth Marshall mỉm cười khá chua chát:

“Cảnh sát đã thử lại tốc độ đánh máy của tôi rồi chứ ạ? Hy vọng trường hợp của tôi đã được làm sáng tỏ.”

Đại tá Weston vui vẻ đáp:

“Xong rồi, đại úy Marshall ạ, tôi nghĩ chúng tôi có thể cấp cho ông một giấy chứng nhận sức khỏe không mắc bệnh gì. Đánh máy mấy tờ này phải mất một giờ đồng hồ. Hơn nữa cô hầu phòng đã nghe ông đánh máy mãi đến mười một giờ kém năm phút, và một nhân chứng khác còn thấy ông lúc mười một giờ hai mươi.”

Đại úy Marshall khẽ nói: “Thật sao? Thế thì tất cả dường như đều ổn thỏa.”

“Phải, cô Darnley đã đến phòng ông lúc mười một giờ hai mươi. Ông đang đánh máy quá bận rộn tới nỗi không nhận thấy cô ấy vào phòng.”

Về mặt thật điềm tĩnh, Kenneth Marshall nói: “Cô Darnley nói thế sao?” Anh ta tạm dừng lại. “Thực ra cô ấy đã nhầm. Tôi có thấy cô ấy, mặc dù cô ấy có thể không hay biết. Tôi đã thấy cô ấy trong gương.”

Poirot hỏi nhỏ: “Nhưng ông đã không tạm ngừng đánh máy à?”

Đại úy đáp vắn tắt:

“Không, tôi muốn làm cho xong.”

Anh ta dừng lại một lát, rồi hỏi với giọng cộc lốc: “Không còn gì tôi có thể làm cho ông nữa chứ?”

“Không, cảm ơn ông, đại úy Marshall.”

Kenneth Marshall gật đầu chào rồi đi ra.

Weston thở dài. “Nghĩ can nhiều triển vọng nhất của ta đi mất rồi, đã được làm sáng tỏ! Này này, Neasden đây rồi.”

Bác sĩ đi vào có vẻ hơi kích động. Ông ta nói: “Sếp đã giao cho tôi lô vật phẩm giết người đấy ạ.”

“Là cái gì thế?”

“Cái gì nhỉ? Là Diamorphine Hydrochloride. Thứ thường được gọi là heroin đó.”

Thanh tra Colgate huýt sáo rồi nói: “Giờ ta đang tới đúng chỗ, tốt rồi! Thứ ma túy nguy hiểm này là ngọn nguồn của toàn bộ vụ việc.”

Đám người ủa ra khỏi quán Bò Mộng Đỏ. Buổi thẩm tra đã kết thúc - sau nửa tháng sẽ tiếp tục.

Rosamund Darnley tới gặp đại úy Marshall. Cô hạ giọng nói: “Không đến nỗi quá tệ, phải không Ken?”

Anh không trả lời ngay tức khắc. Có lẽ anh thấy rõ những cặp mắt nhìn chòng chọc của dân làng, những ngón tay gằn như chỉ trỏ vào anh và không chỉ có vậy.

“Là ông ta đó, mình à!”

“Thấy không, chồng bà ta đó!”

“Đó là ông chồng.”

“Kìa, ông đi kìa kìa...”

Những lời nói lầm rầm đó không đủ lớn để tới tai đại úy, dù vậy anh vẫn nhạy cảm với chúng. Đó là gong cùm thời hiện đại. Báo chí thì anh đã gặp phải rồi - những thanh niên trẻ trung tự tin, có sức thuyết phục, có tài phá đổ bức tường im lặng “không có gì để nói” mà anh đã cố dựng lên. Ngay cả một từ đơn âm cụt ngủn anh thốt ra, cứ tưởng ít nhất cũng không dẫn tới chuyện hiểu lầm, lại xuất hiện trên tờ nhật báo buổi sáng dưới một hình thức đối trá hoàn toàn khác hẳn. “Được hỏi phải chăng ông đồng ý rằng điều bí ẩn về cái chết của vợ mình chỉ có thể giải thích bằng cách cho rằng một kẻ cố ý giết người đã tìm cách lên được hòn đảo ấy, đại úy Marshall tuyên bố rằng...” vân vân và vân vân.

Máy ảnh thì lách cách không ngừng. Giờ đây, chính giây phút này, cái âm thanh quen thuộc đó lại lọt vào tai anh. Anh hơi quay người lại - một thanh niên tươi cười đang gạt gù phấn khởi, mục đích của cậu ta đã đạt được rồi.

Rosamund lẩm bẩm:

*“Đại úy Marshall cùng một người bạn rời khỏi quán Bò Mộng Đỏ sau buổi thẩm tra.”*

Marshall nhăn nhó khó chịu. Rosamund nói: “Vô ích thôi, Ken! Anh phải đối mặt với chuyện ấy! Ý của em không phải chỉ là chuyện Arlena đã mất - em muốn nói tất cả những chuyện bẩn thỉu đê tiện kèm theo đó. Những đôi mắt nhìn chòng chọc, miệng lưỡi bàn ra tán vào, những bài phỏng vấn ngớ ngẩn trên mặt báo - và cách tốt nhất để đương đầu với chúng là thấy chúng thật buồn cười! Cứ công khai phản bác tất cả những lời sáo rỗng cũ rích vô nghĩa và cong môi nhạo báng chúng đi!”

“Đấy là cách của em à?”

“Vâng.” Cô tạm dừng. “Đó không phải cách của anh, em biết mà. Đối màu để phòng vệ là sở trường của anh. Vẫn cứ thụ động một cách cứng nhắc và biến mất dần ra đằng sau hậu trường. Nhưng ở đây anh không thể làm vậy - không có hậu trường nào để anh dần dần lui vào đâu. Anh nổi bật lên thật rõ ràng, tất cả đều trông thấy - như một con hổ vằn nổi trên phong nền màu trắng. *Chồng của một người đàn bà bị sát hại!*”

“Chúa ơi, Rosamund...”

Cô nói thật dịu dàng: “Anh ơi, em đang cố làm điều tốt cho anh mà.”

Hai người đi vài bước trong im lặng, rồi Marshall nói với một giọng khác hẳn:

“Anh biết em như thế. Thật ra anh không phải là kẻ vô ơn, Rosamund.”

Họ đã ra bên ngoài ranh giới của ngôi làng. Những cặp mắt dõi theo họ, nhưng không có ai ở gần lắm. Giọng Rosamund hạ thấp xuống khi cô lặp lại nhận xét lúc ban đầu có khác đi một chút:

“Sự việc đã xảy ra thật sự không quá tồi tệ, phải không anh?”

Marshall im lặng một lúc rồi đáp: “Anh không biết nữa.”

“Cảnh sát nghĩ gì thế?”

“Họ không bộc lộ gì cả.”

Một lát sau Rosamund nói: “Cái ông nhỏ thó ấy - Poirot - ông ta tích cực quá!”

“Đường như hôm nọ chỉ ngồi đấy, hoàn toàn bị cảnh sát trượng giật dây thôi.”

“Em biết - nhưng có phải ông ta đang làm gì đó hay không?”

“Làm thế quái nào anh biết được chứ, Rosamund?”

Cô nói với vẻ dăm chiêu:

“Ông ta khá già rồi. Có lẽ ít nhiều cũng lú lẫn rồi.”

“Có lẽ thế.”

Hai người đi tới con đường đắp. Đối diện với họ hòn đảo nằm thanh thản dưới ánh mặt trời.

Bất chợt Rosamund nói: “Đôi lúc - mọi thứ dường như không có thật. Giây phút này em không thể nào tin chuyện ấy đã từng xảy ra...”

Marshall nói chậm rãi:

“Có lẽ anh hiểu em muốn nói gì. Tạo hóa thật quá vô tâm! Chỉ bớt là bớt đi một con kiến - với thiên nhiên thì chỉ thế thôi!”

“Vâng - và thật sự đó là cách thích hợp để nhìn nhận chuyện ấy.”

Anh liếc nhìn cô một cái rất nhanh rồi hạ giọng bảo:

“Đừng lo lắng, em ơi! Không sao, không sao đâu.”

Linda đi xuống con đường đắp để gặp hai người. Cô gái bước giật cục như một con ngựa non hoảng sợ. Khuôn mặt non trẻ xấu hẳn đi vì quầng thâm đen dưới hai con mắt. Đôi môi khô ran và thô ráp.

Linda nói gần muốn hụt hơi:

“Thế nào rồi... thế... họ kết luận thế nào?”

Marshall vội đáp: “Buổi thẩm tra lùi nửa tháng.”

“Như thế nghĩa là họ - họ chưa quyết định sao?”

“Ừ. Cần có thêm chứng cứ.”

“Nhưng - nhưng họ nghĩ gì ạ?”

Marshall bất giác khẽ mỉm cười:

“Ôi, con ơi - ai biết được chứ? Con nói *họ* là muốn nói đến ai? Điều tra viên, thẩm tra viên, phóng viên, cảnh sát, hay là dân chài ở vịnh?”

“Con... ý con muốn nói đến - cảnh sát ạ.”

Marshall nói thật lạnh nhạt:

“Thế nào đi nữa thì cảnh sát cũng không để lộ lúc này đâu.”

Môi anh mím chặt sau khi nói câu đó. Anh đi yào khách sạn.

Rosamund Darnley dợm bước theo sau, Linda cất tiếng gọi:

“Cô Rosamund!”

Cô quay lại. Lời khẩn cầu cam lạng trên khuôn mặt bất hạnh của Linda khiến cô cảm động. Cô khoác tay cô bé cùng rời xa khách sạn theo lối mòn dẫn tới đầu kia của đảo.

Rosamund dịu dàng bảo:

“Cháu cố đừng bận tâm quá nhiều, Linda nhé. Cô biết mọi chuyện hết sức khủng khiếp, là một cú sốc, nhưng cứ ấp ủ trong lòng những điều này cũng chẳng ích lợi gì đâu. Cháu lo lắng vì việc này quả là ghê gớm thôi. Dù sao thì cháu cũng đâu có quý Arlena.”

Cô cảm thấy người cô bé run lên trong khi nói: “Không, cháu chẳng ưa bà ta.”

Rosamund nói tiếp:

“Thương tiếc một người thì khác - không thể bỏ lại điều ấy đằng sau. Nhưng có thể vượt qua cú sốc và nỗi kinh hoàng, chỉ cần đừng để chuyện ấy lúc nào cũng lớn vồn trong tâm trí mình.”

Linda nói thật gay gắt: “Cô không hiểu đâu.”

“Cô nghĩ mình hiểu mà cháu.”

Cô bé lắc đầu. “Không đâu. Cô không hiểu một chút nào - và cô Christine cũng không hiểu. Cả hai người

đều tử tế với cháu, nhưng không hiểu được cháu đang cảm thấy thế nào đâu. Cứ nghĩ điều ấy chỉ là kinh khủng - rằng cháu cứ chăm chăm bám vào khi không cần phải thế.”

Cô bé tạm dừng lại. “Nhưng hoàn toàn không phải thế đâu. Giá như cô biết điều cháu biết...”

Rosamund đứng khựng lại. Thân mình cô không run lên - ngược lại nó cứng đờ. Cô đứng đó chừng một hai phút rồi rút cánh tay ra khỏi cánh tay Linda.

“Điều cháu biết là gì thế?” cô hỏi.

Cô bé nhìn cô chăm chăm rồi lắc đầu khẽ đáp:

“Không gì cả.”

Rosamund nắm lấy cánh tay cô bé. Cô bấu chặt khiến Linda thấy đau nên hơi nhăn nhó một chút.

“Cẩn thận đó, Linda! Phải hết sức cẩn thận,” Rosamund bảo.

Trở nên trắng bệch như xác chết, cô bé nói: “Cháu *rất* cẩn thận - lúc nào cũng thế ạ.”

Rosamund khẩn khoản: “Nghe này, Linda, điều cô vừa nói cách đây một vài phút cũng vẫn thích hợp đấy - còn thích hợp hơn cả trăm lần. *Hãy gạt toàn bộ việc ấy ra khỏi tâm trí!* Đừng bao giờ nghĩ đến nữa! Quên đi - quên đi... Nếu cố gắng thì cháu có thể quên! Arlena chết rồi, chẳng thể nào mà sống lại được... Hãy quên hết mọi chuyện và tiếp tục sống! Và trên hết, *hãy giữ mồm giữ miệng!*”

Hơi co rúm lại, Linda nói: “Dường như - dường như cô biết?”

Rosamund trả lời thật dứt khoát:

“Cô không biết gì cả. Theo ý kiến của cô, một thằng điên lang thang đã lên được hòn đảo và giết Arlena. Đó là đáp án có nhiều khả năng xảy ra nhất. Cô khá chắc chắn cuối cùng cảnh sát sẽ phải chấp nhận thế. Đó là chuyện chắc hẳn đã xảy ra! Đó là chuyện thực tế đã xảy ra!”

“Nếu là bố...” cô bé nói.

Rosamund ngắt lời: “Không nói về chuyện đó!”

“Cháu phải nói một điều. Mẹ cháu...”

“À, mẹ cháu thì sao?”

“Mẹ - mẹ từng bị xét xử vì tội giết người, phải không cô?”

“Phải.”

Linda nói thật chậm rãi:

“Rồi sau đấy bố vẫn cưới mẹ. Có vẻ như bố thật sự không nghĩ giết người là chuyện sai trái - không phải lúc nào cũng thế, phải không cô?”



Rosamund gắt:

“Đừng nói những chuyện như thế - ngay cả với cô! Cảnh sát đã không tìm được bất cứ điều gì kết tội bố cháu. Bố cháu có chứng cứ ngoại phạm - một chứng cứ mà họ không thể nào bác bỏ. Bố cháu bình an vô sự.”

Cô bé thì thầm:

“Có phải ban đầu họ đã nghĩ là bố...?”

Rosamund kêu lên:

“Cô chẳng biết họ đã nghĩ gì đâu! Nhưng bây giờ họ biết bố cháu *không thể* nào làm chuyện đó. Cháu hiểu không? Bố cháu *không thể* nào làm chuyện đó đâu.”

Giọng cô đầy uy quyền, ánh mắt cô ép Linda phải phục tùng. Cô bé buông ra một tiếng thở dài thườn thượt.

“Cháu sẽ sớm rời khỏi đây,” Rosamund nói. “Sẽ quên đi mọi chuyện - mọi chuyện.”

Thật bất ngờ, Linda đột nhiên nói thật hung hăng:

“*Cháu sẽ không bao giờ quên đâu.*”

Linda quay ngoắt đi rồi chạy về khách sạn. Rosamund đăm đăm nhìn theo.

“Có một điều tôi muốn biết, thưa cô.”

Christine Redfern liếc nhìn lên Poirot có vẻ hơi ngơ ngác. “Sao ạ?” cô hỏi.

Hercule Poirot có hơi để ý một chút đến sự lơ đãng của cô. Ông đã lưu ý cách cô dôi mắt nhìn theo bóng dáng chồng đang đếm bước lui lui tới tới trên trảng đất bên ngoài quầy rượu, nhưng lúc này ông không quan tâm đến những vấn đề thuần túy trong quan hệ vợ chồng, mà chỉ muốn biết các thông tin.

“Phải, thưa cô. Đó là một câu - một câu ngẫu nhiên cô nói hôm nọ khiến tôi chú ý.”

Vẫn dán mắt vào Patrick, Christine hỏi:

“Gì thế? Tôi đã nói gì ạ?”

“Đó là khi trả lời một câu hỏi của cảnh sát trưởng. Cô kể lại vào buổi sáng xảy ra án mạng, cô đã vào phòng Linda và không thấy con bé trong phòng, sau đó Linda đã trở lại, và chính lúc đó cảnh sát trưởng hỏi cô là con bé đã đi đâu.”

Christine có vẻ hơi sốt ruột.

“Và tôi nói là nó đã đi tắm biển à? Phải thế không?”

“A, nhưng cô không hoàn toàn nói như vậy. Cô không nói “nó đã đi tắm biển”. Lời cô nói là, “con bé bảo đã đi tắm biển”. ”

“Cũng y như nhau, khác gì đâu.”

“Không, không phải như nhau đâu! Hình thức của câu trả lời gợi lên một cách nhìn nào đó của riêng cô. Linda Marshall vào trong phòng - đang mặc đồ tắm, mà tuy vậy - vì một lý do nào đó - cô không lập tức cho rằng con bé đã đi tắm biển. Điều đó chứng tỏ qua lời cô nói, “con bé bảo đã đi tắm biển”. Về bề ngoài của cô bé đã có điều gì – có phải là điệu bộ, bộ đồ trên người hay lời nói – khiến cô thấy ngạc nhiên khi cô bé bảo đã đi tắm biển?”

Christine không chăm chú nhìn chồng nữa mà hoàn toàn tập trung vào Poirot, cảm thấy thật thích thú.

“Ông thông minh thật đấy. Hoàn toàn đúng như thế, bây giờ tôi nhớ rồi... Tôi có hơi ngạc nhiên khi Linda bảo đã đi tắm biển.”

“Nhưng tại sao, thưa cô, tại sao vậy?”

“À, vì sao nhỉ? Đúng là điều tôi đang cố nhớ lại. À phải rồi, có lẽ là một cái gói trên tay cô bé.”

“Cô bé cầm một cái gói à?”

“Vâng.”

“Cô không biết trong đó có cái gì à?”

“Biết chứ. Sợi dây bị đứt. Lông lẻo theo cách buộc dây ở trong lồng. Là nệm - rơi vãi trên sàn tôi đã giúp nó nhặt lên.”

“A,” thám tử nói. “Những cây nệm.”

Christine ngó ông lom lom:

“Ông có vẻ kích động, ông Poirot ạ.”

Thám tử hỏi: “Linda có nói mua nệm để làm gì hay không?”

Christine ngẫm nghĩ kỹ rồi đáp:

“Không, không thấy nó nói. Tôi cho là để đọc sách ban đêm - có lẽ đèn điện không đủ sáng.”

“Ngược lại, thưa bà, có một đèn điện bên cạnh giường, rất hoàn hảo kia mà.”

“Thế thì tôi chẳng biết nó cần đến chúng để làm gì.”

Poirot hỏi: “Thái độ Linda ra sao khi sợi dây bị đứt và nệm từ trong cái gói rớt ra?”

Christine trả lời chậm rãi: “Nó — lo lắng — bối rối.”

Poirot gật đầu rồi hỏi:

“Cô có để ý thấy một cuốn lịch trong phòng Linda hay không?”

“Lịch à? Loại lịch nào thế?”

Poirot đáp: “Có thể là một cuốn lịch màu xanh lá cây – lịch rờ rời.”

Christine nheo mắt cố nhớ lại:

“Một quyển lịch màu xanh lá - đúng ra là xanh tươi. Vâng, tôi từng thấy một quyển lịch như thế – nhưng không nhớ được ở đâu. Có thể trong phòng Linda, nhưng tôi không thể chắc chắn.”

“Nhưng rõ ràng bà đã thấy một vật như vậy.”

“Vâng.”

Poirot lại gật đầu. Christine hỏi khá gay gắt:

“Ông đang ám chỉ điều gì, thưa ông Poirot? Tất cả chuyện này là nghĩa lý gì cơ chứ?”

Để trả lời, Poirot đưa ra một quyển sách nhỏ đóng bìa da nâu đã phai màu rồi hỏi:

“Trước đây bà có bao giờ nhìn thấy cuốn sách này hay chưa?”

“Ờ - tôi nghĩ - tôi không chắc - vâng, hôm nọ, Linda đọc cuốn này lúc ở trong thư viện của làng, nhưng thấy tôi đến, nó liền gấp lại rồi dứt trả. Thế nên tôi vẫn tự hỏi đấy là sách gì.”

Thám tử lặng lẽ trưng ra tựa sách.

*Lịch sử phép phù thủy, ma thuật và cách hào chế thuốc độc không thể phát hiện.*

“Tôi không hiểu,” Christine nói. “Tất cả cái này nghĩa là gì?”

Poirot đáp giọng nghiêm trọng: “Có thể có rất nhiều ý nghĩa đó, thưa cô.”

Cô nhìn ông dò hỏi nhưng ông không nói tiếp.

Thay vào đó ông lại hỏi:

“Một câu hỏi nữa, thưa cô, sáng hôm đó cô có tắm trong bồn trước khi ra sân quần vợt hay không?”

Christine lại nhìn chòng chọc:

“Tắm bồn à? Không. Tôi không có thời gian và dù sao tôi cũng không muốn tắm trong bồn - trước khi chơi quần vợt. Có thể tắm bồn sau đấy.”

“Cô có sử dụng nhà vệ sinh khi về phòng không?”

“Tôi có lau mặt và tay bằng bột biển, chỉ thế thôi.”

“Cô không hề mở vòi nước ở bồn tắm?”

“Không, chắc chắn tôi không mở.”

Poirot gật đầu nói: “Chuyện đó chẳng quan trọng gì đâu.”

Hercule Poirot đứng cạnh cái bàn nơi bà Gardener đang vật lộn với trò chơi ghép hình. Bà ta ngược nhìn lên rồi nhảy nhồm.

“Thế nào hở ông Poirot, ông đến khế quá! Chẳng hề nghe tiếng ông. Vừa trở về từ buổi thẩm tra hay sao? Ông biết đó, chỉ cần nghĩ đến buổi thẩm tra ấy là tôi đã bị căng thẳng thần kinh quá thế, chẳng biết phải làm gì nữa. Bởi thế cho nên tôi mới chơi cái trò này. Chỉ là cảm thấy không thể nào ra ngồi ngoài bãi biển như thường lệ. Như ông nhà tôi biết đó, khi thần kinh tôi rối tung lên cả, chẳng gì bằng trò chơi này để làm tôi bình tĩnh lại cả. Bây giờ thì cái mảnh màu trắng này ráp vào đâu nhỉ? Chắc là một phần của bộ lông, nhưng hình như tôi không thấy...”

Nhẹ nhàng cầm lấy mảnh ghép từ trên tay bà ta, Poirot nói: “Ráp vào đây vừa khít này, *Madame*. Đó là một phần của con mèo.”

“Không thể nào. Là con mèo mun cơ mà.”

“Một con mèo mun, phải, nhưng bà thấy chót đuôi của mèo mun thường ngẫu nhiên có màu trắng đó.”

“Ừ nhỉ, thế thì đúng rồi! Ông thông minh quá! Nhưng tôi vẫn nghĩ những người làm thứ trò ghép hình này thật lành nghề. Họ trở hết tài lừa ta mà thôi.”

Bà ta lắp một mảnh nữa rồi trở lại với cuộc chuyện trò:

“Ông biết đó, ông Poirot à, tôi cứ mãi quan sát ông một hay hai hôm vừa qua. Chỉ muốn quan sát ông làm thám tử, không rõ ông có hiểu ý tôi không - chẳng phải vì như thế nghe có vẻ khá vô tâm, như thế tất cả chỉ là một trò chơi - và một sinh vật đáng thương đã bị giết chết, ối giời ôi, mỗi lần nghĩ đến chuyện ấy tôi lại rùng mình một cái đó! Sáng hôm nay tôi đã bảo ông nhà tôi là phải bỏ nơi đây mà đi thôi, và bây giờ buổi thẩm tra đã kết thúc ông ấy nghĩ ngày mai chúng tôi có thể rời khỏi đây và chắc chắn đó là Chúa đã ban phúc lành. Nhưng còn chuyện làm thám tử thì tôi rất muốn được biết phương pháp của ông - ông biết đó, tôi sẽ cảm thấy được ban cho một đặc ân – chỉ cần ông giải thích cho tôi hiểu.”

“Hơi giống như trò chơi của bà đó, thưa bà,” Hercule Poirot nói. “Ta cứ tập hợp lại các mảnh rời. Giống như một bức tranh - nhiều màu sắc và hoa văn - và mỗi mảnh ghép nhỏ có hình dăng kỳ lạ phải được lắp vào đúng chỗ của nó.”

“Thế chẳng phải thú vị lắm hay sao? Ừ nhỉ, tôi chắc ông giải thích công việc đó quá là hay.”

Poirot nói tiếp:

“Và đôi khi giống như mảnh ghép của bà vừa rời đó. Ta thường xếp đặt các mảnh ghép rất đúng phương pháp - ta chọn lựa màu sắc - rồi sau đó có lẽ một mảnh ghép có một màu sắc ráp vào sẽ thích hợp với - tức là với bộ lông - thay vì thích hợp với cái đuôi của một con mèo mun.”

“Ừ nhỉ, thế thì chẳng phải có vẻ hấp dẫn quá hay sao! Và phải chăng có rất rất nhiều mảnh ghép, hở ông Poirot?”

“Phải, thưa bà. Hầu hết mọi người ở đây trong khách sạn này đều cho tôi một mảnh ghép để tôi chơi trò ghép hình. Bà cũng trong số đó.”

“Tôi sao?” bà Gardener hỏi với giọng the thé.

“Phải, một nhận xét của bà đã cực kỳ hữu ích, thưa bà. Có thể nói nó đã làm sáng tỏ nhiều điều.”

“À, thế thì chẳng phải quá tuyệt với sao! Ông có thể cho tôi biết thêm đôi điều nữa, được không ông Poirot?”

“A! Thưa bà, tôi xin chờ lại lời giải thích đó cho tới chương cuối cùng.”

Bà Gardener lẩm bẩm: “Thế thì chẳng phải quá tệ sao!”

Thám tử gõ nhẹ cửa phòng đại úy Marshall. Bên trong có tiếng máy đánh chữ.

Một lời “Mời vào!” cắt ngắn từ trong phòng vọng ra, và Poirot bước vô.

Đại úy Marshall quay lưng về phía ông. Anh ta đang ngồi đánh máy ở cái bàn giữa hai cửa sổ. Không quay đầu lại nhưng ánh mắt anh ta nhìn thám tử trong cái gương treo trên vách tường ở ngay trước mặt. Anh bực dọc hỏi:

“Này ông Poirot, cái gì thế?”

Thám tử đáp thật nhanh:

“Ngàn lần xin thứ lỗi vì đã đường đột vào đây. Ông đang bận à?”

Marshall đáp cộc lốc: “Dĩ nhiên tôi bận.”

“Có một câu hỏi nhỏ tôi muốn hỏi ông.”

“Chúa ôi, tôi đã chán trả lời các câu hỏi. Đã trả lời các câu hỏi của cảnh sát rồi. Tôi cảm thấy không có nghĩa vụ phải trả lời câu hỏi của ông đâu.”

“Câu hỏi của tôi rất đơn giản. Chỉ là thế này. Buổi sáng cô nhà mất, ông có tắm trong bồn sau khi đánh máy xong và trước khi ra sân quần vợt hay không?”

“Tắm bồn à? Không, dĩ nhiên là không rồi! Tôi mới tắm biển một giờ trước đấy mà.”

“Cám ơn ông. Chỉ có vậy thôi.”

“Nhưng này ông. Ôi...” Marshall có vẻ do dự.

Poirot rút lui, nhẹ nhàng khép cửa lại.

“Thằng cha này mất trí rồi!” Kenneth Marshall nói.

Ngay bên ngoài quầy rượu Poirot gặp ông Gardener. Ông ta đang cầm theo hai ly rượu cocktail, rõ ràng trên đường tới chỗ bà vợ đang thoải mái ngồi chơi trò ghép hình.

Ông ta vui vẻ mỉm cười với thám tử:

“Cần gặp chúng tôi à, ông Poirot?”

Thám tử nhún vai rồi hỏi lại:

“Ông nghĩ gì về buổi thẩm tra, ông Gardener?”

Ông Gardener hạ giọng đáp: “Đối với tôi hình như có phần nào mơ hồ. Tôi được biết cảnh sát các ông đã nắm được rồi nhưng còn giữ kín.”

“Có thể như vậy,” Poirot nói.

Ông Gardener hạ giọng xuống thấp hơn nữa:

“Tôi sẽ rất vui nếu đưa được bà nhà tôi đi nơi khác. Bà ấy là người rất rất nhạy cảm và vụ này đã ảnh hưởng đến thần kinh bà ấy. Bà ấy bị căng thẳng cao độ đó.”

“Cho phép tôi hỏi ông một câu, được không ông Gardener?”

“Ồ, tất nhiên rồi, ông Poirot à. Rất vui thích được hỗ trợ cho ông về bất cứ phương diện nào tôi có thể làm được.”

“Ông là người từng trải - tôi nghĩ là người rất nhạy bén. Nói thẳng ra ông có ý kiến gì về cô Marshall quá cố?”

Hàng lông mày của ông Gardener nhướn lên vì kinh ngạc, ông thận trọng liếc nhìn quanh rồi hạ giọng

“Ông Poirot này, tôi có nghe vài chuyện mà mọi người, đám phụ nữ ấy, hay nói qua nói lại – chắc ông hiểu rồi.” Poirot gật đầu. “Nhưng nếu ông muốn hỏi thì tôi xin cho ông biết ý kiến thẳng thắn của tôi, và đó là: cái cô đó xinh thì có xinh, nhưng thật là ngu ngốc!”

Hercule Poirot nói với vẻ trầm tư: “Bây giờ thì thật là thú vị.”

Rosamund hỏi: “Thế là đến lượt tôi rồi nhỉ?”

“Xin lỗi cô nói gì vậy?”

Cô bật cười: “Hôm kia cảnh sát trưởng đã tiến hành cuộc điều tra của ông ta. Ông ngồi gần bên. Hôm nay chắc ông đang thực hiện cuộc thẩm tra không chính thức của riêng mình. Tôi đã để ý ông. Trước tiên là chị nhà Redfern, sau đó tôi thoáng thấy ông qua cửa ở sảnh, nơi bà Gardener đang chơi cái trò ghép hình đáng ghét. Bây giờ thì đến lượt tôi.”

Hercule Poirot ngồi xuống bên cạnh cô. Họ đang ở trên Gành Năng. Bên dưới mặt biển rực lên một màu xanh lục sẫm. Xa xa ngoài kia chói lọi một màu xanh lam nhạt.

Poirot nói: “Cô rất thông minh, *Mademoiselle*. Tôi đã nghĩ như vậy kể từ khi tới đây. Bàn việc này với cô thật thích thú.”

Rosamund Darnley hỏi thật dịu dàng:

“Ông muốn biết tôi nghĩ gì về toàn bộ chuyện này hay sao?”

“Sẽ rất thú vị đó.”

Rosamund nói: “Tôi nghĩ thật ra rất đơn giản. Manh mối ở trong quá khứ của người đàn bà ấy.”

“Quá khứ à? Không phải hiện tại sao?”

“Ôi, không nhất thiết phải là quá khứ rất xa xăm đâu. Tôi nhìn nhận chuyện ấy như thế này. Arlena rất quyến rũ đối với đàn ông, quyến rũ đến chết đi được. Chắc cô ta cũng cả thèm chóng chán thôi. Trong đám người - theo đuổi cô ta, gọi thế nhé - có một gã đã phản uất vì chuyện ấy. Ôi, xin chớ hiểu nhầm tôi, không phải là một kẻ nổi bật nào đó. Có lẽ là một gã nhỏ nhen, ti tiện lạnh lùng nào đó, phù phiếm và nhạy cảm - hạng đàn ông ấp ủ trong lòng những ý đồ xấu. Có lẽ hắn đi theo cô ta xuống đây, chờ đợi thời cơ rồi giết cô ta.”

“Ý cô muốn nói là người ngoài, đến từ đất liền à?”

“Vâng. Có lẽ hắn đã nấp trong cái động ấy, chờ đến khi có cơ hội thuận tiện.”

Poirot nhún vai. “Cô Marshall chịu tới đó để gặp một gã như cô miêu tả hay sao? Không, cô ta sẽ cười nhạo và không đi đâu.”

“Có thể cô ta không biết sẽ gặp hắn. Có thể hắn đã gửi cho cô ta một lời nhắn giả danh một kẻ khác.”

“Cũng có thể như vậy,” Poirot lẩm bẩm. “Nhưng cô quên một điều, thưa cô. Một kẻ có ý đồ giết người không thể liêu lĩnh giữa ban ngày ban mặt bằng qua con đường đắp, rồi đi ngang qua khách sạn. Ai đó nhìn thấy hắn ta thì sao.”

“Người ta có thể trông thấy, nhưng không chắc chắn được. Tôi nghĩ rất có khả năng hắn đã đến mà không có ai để ý cả.”

“Có khả năng như vậy, phải. Tôi công nhận với cô. Nhưng vấn đề là hắn không thể tính tới khả năng đó .”

Rosamund hỏi: “Ông không quên điều gì chứ? Thời tiết.”

“Thời tiết à?”

“Vâng. Cái ngày xảy ra án mạng rất đẹp trời, nhưng ngày hôm trước, ông nhớ không, đã có mưa và sương mù dày đặc. Bất cứ ai cũng có thể lên đảo lúc ấy mà chẳng ai trông thấy cả. Hắn chỉ cần đi xuống bãi, rồi qua đê trong cái động. Sương mù ấy thật quan trọng, ông Poirot ạ.”

Thám tử đắm chiêu nhìn cô chừng một hai phút rồi nói:

“Cô biết đó, có rất nhiều điều trong lời cô vừa nói.”

Rosamund đỏ mặt: “Đó là giả thuyết của tôi, cũng có thể không đúng. Bây giờ xin cho tôi biết giả thuyết của ông!”

“A!” Poirot đắm đắm nhìn xuống biển. “*Eh bien, Mademoiselle*. Tôi là một người rất đơn giản. Lúc nào

cũng có chiều hướng tin kẻ có khả năng nhiều nhất đã phạm tội giết người. Ngay từ đầu hình như với tôi có một kẻ đã được chỉ ra rất rõ ràng.”

Giọng Rosamund gay gắt hơn một chút: “Tiếp tục đi!”

“Và cô thấy đó, có một chuyện gọi là trở ngại bất ngờ ở dọc đường. Hình như không thể nào kẻ đó lại phạm tội được.”

Ông nghe tiếng cô thở hắt ra thật nhanh. Cô hỏi, gần như hụt hơi:

“Sao ạ?”

Hercule Poirot nhún vai.

“À, chúng tôi làm gì bây giờ ư? Đó là chuyện của tôi.” Ông tạm dừng rồi nói tiếp. “Xin hỏi cô một câu, được không?”

“Hẳn nhiên rồi.”

Cô đối mặt với ông, đề phòng, cảnh giác và thận trọng. Nhưng câu hỏi đến thật bất ngờ:

“Sáng hôm đó, khi vào thay đồ để chơi quần vợt, cô có tắm trong bồn hay không?”

Rosamund ngó ống lom lom:

“Tắm bồn à? Ông muốn nói gì thế?”

“Đó là ý của tôi. Một bồn tắm! Vật chứa bằng sứ, cứ mở vòi cho nước vào đầy bồn, leo vào leo ra và ọc - ọc - ọc, nước ào xuống ống thoát.”

“Ông Poirot, có phải ông đã hoàn toàn điên khùng rồi không?”

“Không, tôi vô cùng tỉnh trí.”

“À, dẫu sao tôi cũng không tắm trong bồn.”

“Hà! Vậy là chẳng ai tắm trong bồn cả. Thật vô cùng thú vị.”

“Nhưng sao ai đó lại phải tắm trong bồn chứ?”

Hercule Poirot nói: “Đúng vậy, tại sao chứ?”

Rosamund nói với chút bức tức:

“Tôi cho đây là thủ pháp của Sherlock Holmes!”

Poirot mỉm cười rồi nhẹ nhàng hít người không khí:

“Cô cho phép tôi nói lạc đề được không, *Mademoiselle*?”



“Tôi chắc chắn ông không thể lạc đề, ông Poirot ạ.”

“Cô thật tử tế. Vậy tôi xin mạo muội thưa rằng nước hoa cô dùng thật thơm - có một sắc thái - một hương thơm thanh nhã quyến rũ độc đáo.” Ông huơ tay rồi sau đó nói thêm với giọng thực tế. “Có lẽ là Gabrielle, Số 8?”

“Ông thông thạo quá! Vâng, tôi vẫn luôn dùng thứ nước hoa ấy.”

“Cô Marshall quá cố cũng vậy. Thật sang trọng hả? Và rất đắt tiền phải không?”

Rosamund nhún vai, thoáng mỉm cười.

Poirot nói: “Cô đã ngồi ở đây nơi chúng ta đang ngồi, thưa cô, vào buổi sáng xảy ra án mạng. Người ta thấy cô ở đây, hay ít ra cô Brewster và ông Redfern đã thấy cái ô che nắng của cô khi đi ngang qua trên biển. Suốt cả buổi sáng, thưa cô, cô có chắc mình không tình cờ đi xuống Vũng Tiên rồi vào trong cái động ở đó - cái Động Tiên nổi tiếng đó - hay không?”

Quay đầu lại ngó ông trân trân, Rosamund hỏi với giọng đều đều bình thản:

“Ông đang hỏi có phải tôi đã giết Arlena Marshall?”

“Không, tôi đang hỏi cô có vào Động Tiên hay không?”

“Ngay cả nó ở đâu tôi còn không biết nữa là. Sao tôi lại vào trong ấy? Vì lý do gì chứ?”

“Vào ngày xảy ra án mạng, *Mademoiselle*, có người dùng nước hoa Gabrielle Số 8 đã ở trong cái động đó.”

Rosamund gắt: “Thì chính ông vừa mới nói Arlena vẫn dùng Gabrielle Số 8 đó thôi. Hôm ấy cô ta đã ở trên bãi biển ở đó. Có thể đoán cô ta đã vào trong động.”

“Sao cô ta lại phải vào trong động? Trong đó tối tăm, chật hẹp và không thoải mái.”

Rosamund sốt ruột bảo:

“Đừng hỏi tôi lý do! Vì quả thật cô ta đã đến cái vịnh nhỏ ấy nên là người có khả năng hơn cả. Tôi đã nói với ông tôi không hề rời khỏi nơi này suốt cả buổi sáng kia mà.”

“Ngoại trừ khoảng thời gian cô về khách sạn và tới phòng đại úy Marshall,” Poirot nhắc.

“Vâng, dĩ nhiên. Tôi đã quên điều ấy.”

“Và cô đã lầm, *Mademoiselle*, vì cứ tưởng đại úy Marshall không nhìn thấy cô.”

Rosamund có vẻ ngờ vực:

“Kenneth quả có trông thấy tôi ư? Anh ấy đã - đã nói thế sao?”

Poirot gật đầu. “Ông ta đã trông thấy cô trong cái gương treo phía trên cái bàn.”

Rosamund hít vào rồi nói: “Ôi, tôi hiểu rồi.”

Poirot không nhìn ra biển nữa mà ngó hai bàn tay cô xếp lại trên đùi. Đó là hai bàn tay hình dáng thật đẹp với những ngón tay thon dài.

Liếc nhìn ông thật nhanh, Rosamund dõi theo ánh mắt của ông rồi hỏi gay gắt:

“Ông nhìn hai bàn tay tôi để làm gì? Ông nghĩ - ông nghĩ là...”

Poirot hỏi lại: “Tôi nghĩ - cái gì vậy, thưa cô?”

Rosamund Darnley đáp: “Không gì cả.”

Có lẽ một tiếng đồng hồ sau Poirot đến đầu lối mòn dẫn xuống Vũng Hải Âu. Có ai đó đang ngồi trên bãi biển. Một dáng hình mảnh mai mặc áo sơ mi màu đỏ và quần short màu xanh đậm.

Poirot đi xuống lối mòn, cẩn thận bước đi trong đôi giày bó chặt sang trọng.

Linda Marshall quay ngoắt đầu lại. Ông nghĩ cô bé hơi co rúm.

Khi ông tới và thận trọng hạ mình ngồi xuống bãi đá bên cạnh cô bé, đôi mắt cô lom lom nhìn ông, nghi ngờ và đề phòng cảnh giác y như một con thú bị mắc bẫy. Ray rút trong lòng, ông nhận thấy cô bé còn qua non nớt và dễ bị tổn thương biết chừng nào.

“Cái gì thế? Ông muốn gì?” Linda hỏi.

Một lúc lâu Poirot không trả lời. Sau đó ông nói: “Bữa nọ cháu đã nói với cảnh sát trưởng là cháu quý mẹ kế và cô ta rất tử tế với cháu.”

“Sao ạ?”

“Điều đó không đúng, phải không?”

“Đúng, đúng thế mà.”

“Có thể không tệ bạc ra mặt, đúng như vậy. Nhưng cháu không hề yêu quý Arlena - ồ không đâu, tôi nghĩ cháu rất ghét mẹ kế ấy. Có thể thấy rất rõ điều đó.”

“Có lẽ cháu không thích bà ấy lắm. Nhưng không thể nói như thế về người đã khuất. Thế là không phải phép.”

Poirot thở dài hỏi: “Người ta dạy cháu như vậy trong trường à?”

“Đại loại thế.”

Poirot nói: “Khi liên quan tới việc một người bị sát hại thì nói thật quan trọng hơn là nói cho phải phép.”

“Cháu nghĩ ông thế nào cũng nói như thế.”

“Tôi sẽ nói như vậy và luôn luôn nói như vậy. Công việc của tôi là tìm ra ai là kẻ đã giết chết Arlena

Marshall.”

Linda thều thào: “Cháu muốn quên đi tất cả. Thật khủng khiếp!”

Poirot hỏi thật dịu dàng:

“Nhưng cháu không quên được, phải không?”

“Cháu cho rằng một tên điên bắn thiêu đê tiện nào đấy đã giết bà ấy.”

Poirot khẽ nói: “Không, tôi nghĩ không phải vậy.”

Linda hít vào một hơi rồi hỏi:

“Ông nói nghe như thể đã biết rồi à?”

Poirot đáp: “Có lẽ tôi biết.” Ông tạm dừng rồi nói tiếp. “Cháu có tin tôi sẽ làm hết sức có thể để giúp cháu thoát nỗi phiền muộn đặng cay trong lòng không?”

Linda giãy nảy: “Cháu có phiền muộn gì đâu. Chẳng có gì ông có thể làm để giúp cả. Cháu chẳng hiểu ông đang nói gì.”

Chăm chú theo dõi cô bé, Poirot nói: “Tôi đang nói về những cây nến đó...”

Ông thấy nỗi kinh hoàng chợt bật ra trong mắt Linda.

Cô bé kêu lên:

“Cháu không nghe ông đâu. Không nghe đâu.”

Cô bé chạy băng qua bãi biển nhanh nhẹn như một con linh dương non, rồi đi như bay lên lối đi ngoằn ngoèo.

Poirot lắc đầu, vẻ mặt nghiêm trang và băn khoăn.

Thanh tra Colgate đang báo cáo với cảnh sát trưởng:

“Tôi đã tiếp tục điều tra một chuyện, thưa sếp, là một chuyện khá giật gân. Đây là chuyện tiền nong của cô Marshall. Tôi đã bàn chuyện ấy với các luật sư của cô ta. Phải nói chuyện ấy khiến họ hơi bị sốc một chút. Tôi đã có được bằng chứng về chuyện tống tiền. Sếp còn nhớ cô ta đã được ông lão Erskine để lại cho năm mươi nghìn bảng chứ? À, tất cả chỉ còn lại chừng mười lăm nghìn thôi.”

Cảnh sát trưởng huýt sáo:

“Úi chà, phần còn lại đi đâu rồi?”

“Đây là một vấn đề thú vị, thưa sếp. Thành thạo cô ta lại bán một hai món, và mỗi lần như thế cô ta lại chỉ nhận tiền mặt hoặc chứng khoán có thể chuyển nhượng thành tiền. Nghĩa là cô ta đã giao tiền cho ai đấy mà không muốn bị lằn ra dấu vết. Đúng là tống tiền rồi.”

Cảnh sát trưởng gật đầu.

“Chắc chắn là thế. Và kẻ tống tiền đang ở đây, trong khách sạn này. Nghĩa là chắc hẳn là một trong ba người đàn ông ấy. Có điều gì mới về bọn họ hay không?”

“Tôi không tìm được bất cứ điều gì rõ ràng, thưa sếp. Thiếu tá Barry là quân nhân về hưu như ông ta nói. Sống trong một căn hộ nhỏ, có lương hưu và một khoản lợi tức nhỏ từ chứng khoán. Nhưng năm vừa rồi được trả một số tiền khá lớn vào tài khoản.”

“Nghe có vẻ đầy hứa hẹn. Ông ta giải thích thế nào?”

“Bảo đó là tiền thắng cá cược. Ông ta vẫn đến tất cả các cuộc đua ngựa lớn, đặt luôn trong lúc đang đua, không ghi cụ thể sổ sách.”

Cảnh sát trưởng gật đầu:

“Thật khó bác bỏ chứng cứ ấy. Nhưng nó cũng gợi ý cho ta vài điều.”

Colgate nói tiếp:

“Kế tiếp là cha Lane. Ông ta cũng *thành thật* đấy. Sống ở nhà thờ Thánh Helen tại Whiteridge, hạt Surrey, chỉ mới thôi cách đây hơn một năm do sức khỏe kém. Rốt cuộc vì sức khỏe yếu kém đến nỗi phải vào một nhà nuôi dưỡng những người mắc bệnh tâm thần. Ông ta ở đó hơn một năm.”

“Đáng quan tâm,” Weston nói.

“Phải, thưa sếp. Tôi cố tìm hiểu càng nhiều càng tốt từ bác sĩ phụ trách nhưng sếp biết mấy ông thầy thuốc này như thế nào rồi - khó lòng cạy răng họ nói cho biết đủ điều ta cần. Nhưng theo như tôi hiểu được thì vấn đề của ông cha cố này là ám ảnh về ác quỷ - đặc biệt là quỷ đội lốt đàn bà - phụ nữ tóc đỏ - con điếm Babylon.”

“Hừm,” Weston nói. “Đã có các tiền lệ giết người thế đấy.”

“Phải, thưa sếp. Tôi thấy là chí ít cha Lane cũng có khả năng là hung thủ. Cô Marshall quá cố là hình mẫu khá điển hình của cái mà ông ta gọi là gái điếm - tóc tai, tư cách và nhiều thứ khác. Tôi thấy là có khả năng ông ta đã cảm thấy trừ khử bà ta là một nhiệm vụ được giao phó. Đây là nếu ông ta thực sự rồ dại.”

“Chẳng có gì ăn khớp với giả thuyết tổng tiền hay sao?”

“Không, thưa sếp, tôi nghĩ ta có thể gạt ông ta khỏi khía cạnh đó. Có một số tài sản riêng nhưng không nhiều lắm và gần đây không đột nhiên tăng thêm.”

“Còn chuyện ông ta đi đâu và làm gì vào ngày xảy ra án mạng thì sao?”

“Không thể có được bất cứ chứng thực nào về chuyện ấy. Chẳng ai nhớ đã gặp một cha xứ trên lối mòn. Về chuyện quyển sổ ở nhà thờ, đề mục sau cùng được ghi vào đây đã ba hôm trước và chẳng ai ngó ngang đến nó chừng nửa tháng nay rồi. Ông tá có thể dễ dàng tới đó một hay hai ngày trước rồi đề ngày 25.”

Weston gật đầu hỏi: “Còn người thứ ba thì sao?”

“Horace Blatt à? Theo ý tôi, thưa sếp, rõ là có điều ám muội. Thường trả thuế lợi tức cho một khoản tiền vượt xa những gì ông ta kiếm được từ kinh doanh hàng kim khí. Và xin sếp lưu ý cho, ông ta là một thằng cha láu cá. Có thể ông ta sẽ bịa ra một lời khai hợp lý - ông ta có đầu tư chút ít trên thị trường chứng khoán và đang dính vào một vài phi vụ mờ ám. A phải rồi, những lời giải thích nghe có vẻ hợp lý, nhưng không tránh khỏi chuyện ông ta kiếm được một khoản tiền khá lớn từ những nguồn không minh bạch trong mấy năm gần đây.”

“Nghĩa theo ý của ông, Horace Blatt là một gã tổng tiền chuyên nghiệp à?”

“Hoặc là như thế, hoặc là ma túy, thưa sếp. Tôi đã gặp chánh thanh tra Ridgeway phụ trách các vụ án ma túy, vô cùng sắc sảo. Dường như dạo này đã có khá nhiều heroin được tuồn vào. Họ tóm được bọn phần phối nhỏ lẻ và ít nhiều biết được kẻ điều khiển đầu mối bên kia là ai, nhưng cách thức đưa ma túy vào trong nước đến nay vẫn gây trở ngại cho họ.”

“Nếu cái chết của cô Marshall là hậu quả của việc cô ta dính líu vào đường dây buôn ma túy thì ta nên giao toàn bộ vụ này lại cho Scotland Yard. Đây là sở trường của họ. Hử? Ông nói sao?”

Thanh tra Colgate có vẻ khá nuôi tiếc:

“Tôi e là sếp nói đúng đấy. Nếu đúng là ma túy thì đây là vụ án dành cho Yard rồi.”

Suy nghĩ một lúc khá lâu rồi Weston mới nói: “Có vẻ đây thật sự là cách giải thích hợp lý nhất.”

Colgate gật đầu rầu rĩ:

“Phải, là thế ạ. Đúng là Kenneth Marshall đã ở ngoài vòng điều tra - mặc dù tôi quả có thu thập được một số thông tin lẽ ra có thể hữu ích, nếu như chứng cứ ngoại phạm của anh ta không quá xác thực. Dường như công ty của anh ta đang đi tới chỗ phá sản. Chẳng phải lỗi của anh ta hay của những người cộng sự, mà là hậu quả chung của khủng hoảng kinh tế hồi năm ngoái và tình trạng chung về thương mại và tài chính hiện nay. Và anh ta có biết là nếu vợ chết đi thì năm mươi nghìn bảng sẽ vào tay mình. Năm mươi nghìn bảng

hắn sẽ là một khoản tiền rất hữu ích.”

Colgate thở dài. “Thật đáng tiếc khi một kẻ có đến động cơ giết người hoàn chỉnh lại có thể được chứng minh là không thể liên can gì đến việc ấy.”

Đại tá mỉm cười. “Phấn chấn lên đi, Colgate! Vẫn còn có một cơ hội cho ta ghi điểm. Vẫn còn khía cạnh tổng tiền và còn có ông cha xứ rõ đại kia mà. Nhưng cá nhân tôi nghĩ đáp án ma túy có khả năng xảy ra cao hơn cả.” Ông nói thêm, “Và nếu như chính một băng đảng ma túy đã khử cô ta thì điều đó vẫn là yếu tố giúp Scotland Yard phá vụ án ma túy đó. Thực tế mà nói thì chúng ta cũng đã làm khá tốt.”

Một nụ cười gượng gạo hiện lên trên môi, Colgate nói: “À, đấy là số phận, thưa sếp. Nhân tiện tôi đã kiểm tra về kẻ đã viết bức thư tìm thấy trong phòng cô ta. Kẻ ký tên là J.N. Chẳng làm gì cả. Hắn đang ở Trung Quốc khá an toàn, cũng là anh chàng mà cô Brewster kể cho ta nghe. Một tên vô lại còn khá trẻ. Tôi đã kiểm tra những bạn bè còn lại của Arlena Marshall. Chẳng có dấu vết nào. Mọi điều cần biết ta đều nắm được cả, thưa sếp.”

“Bây giờ tùy thuộc vào ta.” Weston tạm dừng lại rồi nói thêm, “Có thấy gì về ông bạn đồng nghiệp người Bỉ hay không? Ông ấy có biết tất cả những gì ông vừa nói với tôi chứ?”

Thanh tra Colgate cười toe toét.

“Ông ta là một thằng cha thấp bé kỳ quặc, phải không? Sếp có biết hôm kia ông ta đã hỏi tôi gì không? Ông ta muốn có các bản tường thuật chi tiết về bất cứ vụ siết cổ nào trong ba năm gần đây.”

Đại tá Weston ngồi thẳng dậy.

“Ông ấy yêu cầu như thế, đúng không? Bây giờ thì tôi tự hỏi...” ông dừng lại một lát. “Ông bảo cha Lane vào viện tâm thần ấy khi nào?”

“Cách đây một năm vào dịp lễ Phục sinh vừa rồi, thưa sếp.”

Vẫn đang trầm ngâm suy nghĩ, đại tá nói: “Có một vụ án - xác một thiếu phụ được tìm thấy ở đâu đấy gần Bagshot. Đi gặp chồng ở đâu đấy và không bao giờ xuất hiện. Còn có một vụ mà báo chí gọi là *Bí ẩn về bãi cây vắng vẻ*. Cả hai vụ đều ở hạt Surrey, nếu tôi nhớ không lầm.”

Ánh mắt hai người gặp nhau. Colgate hỏi:

“Surrey sao ạ? Ôi chúa ơi, thật ăn khớp, phải không sếp? Tôi tự hỏi...”

Hercule Poirot ngồi lên lớp đất cỏ trên đỉnh cao của hòn đảo.

Bên phải ông là đỉnh cái thang bằng thép dẫn xuống Vũng Tiên, ông để ý có rất nhiều tảng đá thô nhám ở gần đỉnh cái thang, che kín bất cứ ai có ý định xuống bãi biển ở bên dưới. Người bên trên cũng không nhìn thấy nhiều ở bãi biển vì vách đá nhô ra.

Hercule Poirot gạt gù thật nghiêm trang.

Các mảnh rời trong trò ghép hình của ông đang được lắp vào đúng chỗ. Ông duyệt lại trong đầu các mảnh ghép đó, xem mỗi mảnh ghép như một đề mục tách rời.

Một buổi sáng trên bãi tắm vài ngày trước cái chết của Arlena.

Một, hai, ba, bốn, năm nhận xét vào buổi sáng hôm đó.

Buổi tối đánh bài tây. Ông cùng Patrick Redfern và Rosamund Darnley ngồi ở bàn. Christine ra ngoài đi lang thang sau khi hạ bài và nghe lỏm một cuộc đàm thoại gì đó. Lúc ấy có ai khác ở trong phòng? Ai vắng mặt?

Buổi tối trước án mạng. Cuộc trò chuyện của ông với Christine trên vách đá và cảnh ông đã chứng kiến trên đường về khách sạn.

Nước hoa Gabrielle số 8.

Một cái kéo.

Một cái cán ống điều bị gãy.

Một cái chai ném từ một cửa sổ.

Một cuốn lịch màu xanh lá cây.

Một gói nệm.

Một cái gương và một máy đánh chữ.

Một cuộn len màu đỏ tươi.

Một đồng hồ đeo tay của phụ nữ.

Nước trong một bồn tắm chảy ào xuống ống thoát nước.

Mỗi một sự kiện không liên quan này phải khít với chỗ đã định sẵn của nó. Chắc hẳn không có chỗ nào lỏng lẻo.

Rồi sau đó khi từng sự kiện cụ thể đã được ráp vào đúng chỗ thì tới chỗ dừng kế tiếp: niềm tin của ông về chuyện cái ác hiện diện trên đảo.

*Cái ác...*

Ông ngó xuống một tờ giấy có chữ đánh máy cầm trên tay:

*Nellie Parsons - được tìm thấy bị siết cổ trong một bãi cây nhỏ vắng vẻ gần Chobham. Chưa phát hiện ra manh mối nào về kẻ giết người.*

Nellie Parsons?”

*Alice Corrigan.*

Ông đọc rất kỹ các chi tiết về cái chết của Alice Corrigan.

Thanh tra Colgate đi tới chỗ Hercule Poirot đang ngồi trên bờ đá nhìn xuống biển.

Poirot rất thích Colgate. Ông thích vẻ mặt nghiêm khắc, ánh mắt sắc sảo và dáng vẻ chậm chạp không vội vã của ông ta.

Thanh tra Colgate ngồi xuống. Liếc nhìn tờ giấy có chữ đánh máy trên tay Poirot, ông hỏi:

“Đã làm gì với những vụ án ấy chưa, thưa ông?”

“Tôi đã nghiên cứu chúng - rồi.”

Colgate đứng lên bước đi ven bờ đá, chăm chú nhìn vào hốc đá kế bên. Quay trở lại ông nói:

“Cẩn thận không thừa. Không thể để bị nghe lén.”

“Ông khôn ngoan thật đó.”

“Tôi chẳng ngại khi cho ông biết, ông Poirot ạ, chính tôi cũng quan tâm đến các vụ án ấy - mặc dù có lẽ tôi không hề nghĩ đến chúng nếu ông không hỏi đến.” Ông ta tạm dừng. “Tôi đã đặc biệt quan tâm đến một vụ án.”

“Vụ Alice Corrigan hả?”

“Alice Corrigan.” Ông ta dừng lại một lát. “Tôi đã làm việc với cảnh sát Surrey về vụ án ấy - muốn biết tất cả các chi tiết.”

“Cho tôi biết đi, ông bạn! Tôi quan tâm - rất quan tâm đó.”

“Tôi cũng nghĩ ông quan tâm. Alice Corrigan được tìm thấy bị siết cổ trong khu rừng nhỏ Caesar trên Bãi hoang Blackridge. Cách bãi cây nhỏ Marley là nơi tìm thấy Nellie Parsons chưa đến mười dặm - và cả hai chỗ ấy đều ở trong vòng mười hai dặm từ Whiteridge là nơi ông Lane làm cha xứ.”

“Cho tôi biết thêm về cái chết của Alice Corrigan đi!”

“Ban đầu cảnh sát Surrey không liên kết cái chết của bà ta với vụ án Nellie Parsons. Là vì họ gán tội danh lên người chồng rồi. Không hiểu vì sao, ngoại trừ chuyện hằn hơi giống như báo chí gọi là “người đàn ông bí ẩn” - chẳng biết được gì nhiều về hắn ta - hắn là ai hay từ đâu đến. Bà ta lấy hắn là trái với mong ước của người nhà, có chút ít tiền của riêng - bà ta đã mua bảo hiểm nhân thọ để cho hắn được thừa hưởng. Tất cả những điều ấy đủ để gợi lên mối hoài nghi, mà tôi nghĩ ông sẽ đồng ý, phải không?”

Poirot gật đầu.

“Nhưng khi đi vào vấn đề cụ thể thì người chồng được loại ngay ra khỏi vòng điều tra. Cái xác được một trong những phụ nữ đi bộ đường dài phát hiện - những phụ nữ mạnh khỏe thích mặc quần short. Cô ta là một nhân chứng tuyệt đối đáng tin cậy - cô giáo dạy thể dục ở một trường học của hạt Lancashire. Cô ta để ý đến thời gian khi tìm thấy cái xác - đúng bốn giờ mười lăm, và có đưa ra nhận xét là nạn nhân chắc vừa mới chết một thời gian ngắn - không lâu hơn mười phút. Điều ấy cũng phù hợp với quan điểm của pháp y khi khám nghiệm tử thi lúc năm giờ bốn mươi lăm. Cô ta để mọi thứ ở nguyên trạng bằng đồng đến đồn cảnh sát Bagshot để trình báo. Lúc bấy giờ, từ ba giờ đến bốn giờ mười lăm, Edward Corrigan đang đi tàu



hỏa xuống từ London là nơi hắn đã ở cả ngày để lo công việc. Có bốn người khác ở cùng toa với hắn. Từ nhà ga hắn lên xe buýt, có hai người cũng đi xe ấy. Hắn xuống xe ở quán Café Đình Đồi Thông là nơi hắn sắp xếp để gặp vợ cùng uống trà chiều. Lúc ấy là bốn giờ hai mươi lăm. Hắn gọi bữa cho cả hai nhưng bảo đừng dọn ra chờ tới khi bà ta đến. Sau đấy hắn đi loanh quanh bên ngoài đợi vợ. Lúc năm giờ khi bà ta không xuất hiện, hắn đâm hoảng, cứ tưởng bà ta có lẽ đã bị trật chân. Như đã sắp xếp bà ta phải đi bộ qua bãi đất hoang từ ngôi làng nơi họ đang lưu trú đến quán Đình Đồi Thông rồi đi xe buýt về nhà. Khu rừng nhỏ Caesar cách quán ấy không xa và người ta đã nghĩ vì đi sớm trước giờ hẹn nên bà ta ngồi xuống ở đấy để ngắm cảnh một lát rồi mới đi tiếp và một gã lang thang hay điên khùng nào đó chợt bắt gặp bà ta ở đấy và chớp lấy bà ta mà bà ta không hề hay biết. Khi người chồng được chứng thực không có liên can, lẽ dĩ nhiên họ đã liên kết cái chết của bà ta với vụ án Nellie Parsons - cô giúp việc nhà khá gàn dở được tìm thấy bị siết cổ ở Bãi cây Marley. Họ quả quyết cùng một gã đàn ông phải chịu trách nhiệm về cả hai án mạng nhưng chưa bao giờ bắt được hắn ta - và còn hơn thế nữa họ chưa bao giờ tiếp cận được để bắt hắn. Thất bại ở mọi nơi.”

Colgate tạm dừng rồi nói thật chậm rãi:

“Và bây giờ - ở đây là người đàn bà thứ ba bị siết cổ - và một quý ông nào đấy mà ta sẽ không nêu tên ngay tức khắc.”

Ông dừng lại, đôi mắt nhỏ sắc sảo quay sang nhìn Poirot, chờ đợi đầy hy vọng.

Đôi môi Poirot mấp máy. Thanh tra Colgate chồm người tới trước.

Poirot đang lăm bắm: “Khó mà biết được những mảnh ghép nào là một phần của bộ lông và cái nào là cái đuôi của con mèo.”

“Xin thứ lỗi, cái gì thế thưa ông?” Thanh tra Colgate chưng hửng.

Poirot nói thật nhanh: “Tôi xin lỗi. Tôi đang theo một dòng suy tưởng riêng tư.”

“Chuyện bộ lông và con mèo này là gì thế ạ?”

“Không có gì - không có gì hết.” Poirot tạm dừng. “Xin cho tôi biết, thanh tra Colgate à, nếu như ông nghi ai đó đã nói dối - nhiều thật là nhiều những điều dối trá nhưng không có bằng chứng nào, ông sẽ làm gì?”

Thanh tra suy nghĩ kỹ rồi đáp:

“Khó thật đấy. Nhưng ý kiến của tôi là nếu ai đấy nói dối đã đủ rồi thì cuối cùng nhất định sẽ bị vấp thôi.”

Poirot gật đầu. “Phải, đúng vậy đó. Chỉ là trong đầu, tôi thấy một số lời khai nào đó là dối trá. Tôi *nghĩ* đó là những lời nói dối không thể nào *biết chắc* được. Nhưng có lẽ có thể kiểm tra - kiểm tra một lời nói dối nhỏ nhất không đáng chú ý lắm. Nếu điều đó được chứng tỏ là dối trá - như vậy sẽ biết tất cả những điều còn lại đều là dối trá.”

Thanh tra Colgate nhìn ông tò mò:

“Đầu óc ông làm việc một cách lạ lùng, phải không thưa ông? Nhưng tôi dám nói cuối cùng sẽ lộ ra cả thôi. Nếu ông tha lỗi cho thì tôi xin hỏi điều gì đã xui khiến ông yêu cầu được biết về các vụ án siết cổ nói chung?”

Poirot đáp chậm rãi:

“Trong ngôn ngữ của ông có một từ là *khéo*. Án mạng này với tôi hình như là một vụ án rất *khéo*! Nó khiến tôi tự hỏi có lẽ nào đây không phải là lần đầu ra tay của hung thủ.”

“Tôi hiểu rồi.”

Poirot nói tiếp: “Tôi đã tự nhủ ta hãy xem xét các án mạng tương tự trong quá khứ và nếu có một án mạng thật gần giống như vụ này - *eh bien*, ta sẽ có ở đó một manh mối rất đáng giá.”

“Ông muốn nói dùng cùng một phương pháp giết người à, thưa ông?”

“Không, không, tôi còn muốn nói nhiều hơn vậy nữa. Cái chết của Nellie Parsons chẳng hạn không nói lên điều gì cả. Nhưng cái chết của Alice Corrigan - cho tôi biết, thanh tra Colgate à, ông không để ý thấy một nét tương đồng nổi bật trong án mạng này hay sao?”

Thanh tra lật đi lật lại vấn đề ấy trong đầu. Cuối cùng ông trả lời:

“Không, thưa ông, tôi không thể nói mình thật sự phát hiện ra điều gì. Ngoại trừ ở tình tiết người chồng có chứng cứ ngoại phạm vững như gang thép.”

Poirot nói thật nhẹ nhàng:

“A, vậy là ông đã để ý thấy điều đó ư?”

“Hà, Poirot. Rất vui được gặp ông. Mời vào! Đúng là người tôi muốn gặp.”

Hercule Poirot đáp lại lời mời. Cảnh sát trưởng đẩy sang hộp đựng thuốc lá, lấy một điếu rồi đốt lên. Giữa hai lần bập khói thuốc ông nói: “Tôi đã ít nhiều quyết định một tiến trình hành động. Nhưng tôi muốn biết ý kiến của ông về điều ấy trước khi hành động một cách dứt khoát.”

“Hãy cho tôi biết đi, ông bạn!” Poirot nói.

“Tôi đã quyết định mời Scotland Yard đến và giao vụ này cho họ. Theo ý kiến của tôi, mặc dù đã có cơ sở để tình nghi một vài người, nhưng toàn bộ vụ án này xoay quanh việc buôn lậu ma túy. Theo tôi có vẻ chỗ đó, Vũng Tiên, là điểm hẹn để làm việc ấy.”

Poirot gật đầu. “Tôi đồng ý.”

“Ông tốt thật. Và tôi khá chắc chắn kẻ buôn lậu ma túy của ta là ai rồi. Horace Blatt đấy.

Lại gật đầu đồng ý, Poirot nói: “Điều đó cũng được chỉ rõ ra rồi.”

“Tôi thấy đầu óc cả hai chúng ta đều làm việc cùng một kiểu cách. Blatt vẫn thường lái thuyền buồm. Đôi khi hẳn mời người khác cùng đi nhưng hầu như lúc nào cũng đi một mình. Trên chiếc thuyền ấy có mấy chiếc buồm màu đỏ khá dễ thấy nhưng chúng tôi còn phát hiện ra mấy chiếc buồm màu trắng được xếp lại gọn gàng giấu vào một chỗ rất kín đáo. Tôi nghĩ hẳn thường lái thuyền đi vào một ngày tốt trời đến một điểm hẹn gặp một chiếc thuyền khác - là thuyền buồm hay du thuyền có máy nổ - cái gì đấy đại loại như thế, rồi cái món ấy được giao qua cho hắn. Sau đấy Blatt sẽ chạy vào bờ ở Vũng Tiên vào một thời điểm

thích hợp...”

Poirot mỉm cười.

“Phải, phải đó, lúc một giờ rưỡi. Giờ người Anh dùng bữa trưa, khi mà chắc chắn mọi người đều ở trong phòng ăn. Đảo này là tài sản tư nhân. Không phải nơi người ngoài thường đến dùng bữa dã ngoại. Đôi khi khách thường mang theo bữa từ khách sạn đến Vũng Tiên vào buổi chiều lúc mặt trời chiếu rọi lên nơi ấy, hay nếu muốn đi dã ngoại họ thường đi đâu đấy xa hơn nhiều dặm.”

Cảnh sát trưởng gật đầu.

“Hoàn toàn đúng. Bởi thế cho nên Blatt mới chạy vào bờ ở đấy và cất món hàng trên cái gờ đá ấy trong động. Kẻ nào khác phải lấy nó ở đấy đúng lúc.”

Thám tử nói nhỏ:

“Có một cặp vợ chồng đã tới đảo để dùng bữa trưa vào ngày xảy ra án mạng, ông còn nhớ không? Đó là một cách nhận hàng. Khách du lịch nào đó từ một khách sạn trên Bãi Hoang hay ở St. Loo đi qua Đảo Buôn Lậu. Họ thông báo sẽ dùng bữa trưa. Trước tiên họ đi quanh đảo. Thật dễ dàng biết bao khi xuống bãi biển đó, nhặt lấy cái hộp bánh sandwich, chắc chắn sẽ bỏ nó vào cái túi tắm biển quý bà đó xách theo - rồi trở về khách sạn để ăn trưa - có lẽ hơi trễ một chút, tức là lúc một giờ mười phút, đã đi dạo thật vui thú trong khi hết thấy những người khác đang ở trong phòng ăn.”

“Phải, tất cả nghe có vẻ như có thể thực hiện khá dễ dàng. Bây giờ các tổ chức buôn ma túy này thật nhẵn tâm. Nếu ai đẩy tình cờ bắt gặp chúng và hiểu ra mọi chuyện, chúng sẽ không ngần ngại buộc người ấy phải câm nín. Tôi thấy là đấy là lời giải thích đúng đắn về cái chết của Arlena Marshall. Có khả năng buổi sáng hôm ấy Blatt quả thật đang giấu hàng tại cái vịnh nhỏ ấy. Đồng bọn của hắn phải đến nhận hàng đúng vào ngày hôm ấy. Arlena chèo bè đến nơi và thấy hắn đi vào động với cái hộp. Cô ta hỏi hắn chuyện ấy và hắn giết chết cô ta luôn, rồi lên thuyền buồm chuẩn đi.”

Poirot hỏi: “Ông nghĩ rõ ràng Blatt là kẻ đã gây ra án mạng à?”

“Dường như đấy là đáp án đúng nhất. Dĩ nhiên có khả năng Arlena đã hiểu được sự thật sớm hơn, đã nói gì đấy với Blatt và một thành viên khác nào đấy của băng đảng đã sắp xếp một cuộc hẹn giả rồi khừ cô ta luôn. Như tôi nói đấy, có lẽ cách giải quyết tốt nhất là chuyển vụ này cho Scotland Yard. Họ sẽ có khả năng hơn chúng ta để xác minh liên hệ của Blatt với băng đảng ấy.”

Hercule Poirot gật đầu có vẻ dăm chiêu. Weston hỏi:

“Ông có nghĩ đấy là một việc làm khôn ngoan không hả?”

Poirot trầm ngâm suy nghĩ. Sau cùng ông đáp: “Có lẽ vậy.”

“Thôi bỏ đi, Poirot! Ông đã có sẵn kế hoạch nào đấy hay là chưa có?”

Thám tử nghiêm trang đáp:

“Nếu có, tôi cũng không chắc chắn có thể chứng minh được.”

“Dĩ nhiên tôi biết ông và Colgate còn có ý kiến khác. Tuy có vẻ hơi kỳ quái một chút, nhưng tôi buộc phải thừa nhận có thể có gì đấy trong vụ này. Nhưng dù ông có đúng đi nữa, thì tôi vẫn nghĩ đây là một vụ án để cho Scotland Yard giải quyết. Ta sẽ cho họ biết các sự kiện và họ có thể làm việc với cảnh sát Surrey. Tôi cảm thấy đây thật sự không phải là một vụ án dành cho chúng ta. Không phải việc của một địa phương.”

Ông tạm dừng lại. “Ông nghĩ gì, Poirot? Ông thấy phải làm gì đây?”

Dường như Poirot đang mãi mê suy nghĩ. Sau cùng ông đáp:

“Tôi biết mình muốn làm gì.”

“Gì thế?”

Poirot lẩm bẩm: “Tôi muốn đi dã ngoại.”

Đại tá Weston ngó ông lom lom.

“Đi đã ngoại sao, ông Poirot?”

Emily Brewster nhìn ông chăm chặp như thể ông đã mất trí.

Poirot trả lời thật lôi cuốn:

“Với cô nghe có vẻ quá vô lý, không phải vậy sao? Nhưng thật tình với tôi thì là một ý hết sức tuyệt vời. Chúng ta cần việc gì đó thông thường làm hằng ngày, như thường lệ, để làm cho cuộc sống trở lại bình thường. Tôi hết sức nóng lòng muốn ngắm cảnh trên vùng cao Dartmoor, thời tiết rất tốt. Sẽ làm cho, phải nói sao đây, sẽ làm cho mọi người phấn chấn lên. Vì vậy xin cô giúp tôi việc này! Hãy thuyết phục mọi người!”

Ý kiến đó thành công bất ngờ. Ban đầu mọi người phân vân, do dự rồi sau đó miễn cưỡng thừa nhận dù sao đi nữa có lẽ đó cũng không phải là một ý quá tồi.

Họ gợi ý không nên yêu cầu đại úy Marshall cùng đi. Chính anh ta cũng thông báo ngày hôm đó phải đi Plymouth, ông Blatt tham gia quá đổi nhiệt tình, quyết tâm trở thành sức sống và linh hồn của cả nhóm. Ngoài ông ta còn có cô Brewster, vợ chồng Redfern, Stephan Lane, Rosamund Darnley và Linda. Họ còn thuyết phục được ông bà Gardener hoãn lại một ngày nữa hằng đi.

Poirot trở tài hùng biện với Rosamund và nhấn đi nhấn lại mãi về lợi ích đối với cô con gái đại úy vì sẽ khiến cô bé không còn đắm chìm mệt mỏi nữa.

Rosamund đồng ý chuyện này.

“Ông hoàn toàn đúng. Cú sốc đó quá lớn với một đứa trẻ ở tuổi ấy. Làm cho tính khí con bé hết sức thất thường.”

“Điều đó cũng tự nhiên thôi, thưa cô. Nhưng tuổi nào thì rồi cũng sớm quên. Hãy thuyết phục cô bé cùng đi! Tôi biết cô làm được mà.”

Thiếu tá Barry kiên quyết từ chối, nói không thích đi dã ngoại. “Phải khuôn đi rất nhiều đồ lích kích. Còn cực kỳ không thoải mái nữa. Với tôi ngồi vào bàn dùng các thức ăn của mình là tốt rồi.”

Cả nhóm tập hợp lúc mười giờ. Đã thuê ba chiếc xe. Ông Blatt thật phấn khởi, cứ nói oang oang, bắt chước hướng dẫn viên du lịch:

“Hướng này, thưa quý ông quý bà - Dartmoor đi hướng này. Có thạch nam và việt quất, có món kem đặc sản của Devonshire và trại tù cho những kẻ đang thụ án ở đây. Quý ông hãy mang theo vợ hay cô khác cũng được! Xin chào mừng mọi người! Phong cảnh bảo đảm tuyệt đẹp. Bước tới đi! Bước tới đi!”

Vào phút chót Rosamund mới đi xuống, có vẻ lo âu: “Linda không đi. Nó bảo bị nhức đầu kinh khủng.”

Poirot kêu lên: “Nhưng đi sẽ tốt cho cô bé mà. Xin hãy thuyết phục, thưa cô!”

Rosamund nói chắc như đinh đóng cột:

“Cũng vô ích thôi. Con bé rất cương quyết. Tôi đã cho nó uống thuốc aspirin và nó lên giường ngủ rồi.”

Ngần ngừ một lát rồi cô nói: “Chắc tôi cũng không đi đâu.”

“Không được, cô nương ơi, không được đâu!” ông Blatt vừa la lên vừa nắm chặt cánh tay cô một cách hài hước. “*La Haute Mode*, phải làm cho dịp này được vẻ vang chứ. Không có chuyện từ chối đâu nhé! Tôi đã bắt được cô rồi, hà hà. Đã tuyên án lưu đày đến Dartmoor.”

Ông kiên quyết dẫn cô tới chiếc xe đi đầu. Rosamund ném lại cho Hercule Poir một cái nhìn khó chịu.

“Tôi sẽ ở lại với Linda,” Christine Redfern nói. “Không phiền một chút nào đâu.”

Patrick bảo: “Thôi, đi nào, Christine!”

Còn Poirot thì nói: “Không, không, bà phải đi, thưa bà. Bị nhức đầu ở một mình sẽ tốt hơn. Nào, ta lên đường thôi!”

Ba chiếc xe chạy đi. Trước tiên họ tới Động Tiên đích thực trên bãi hoang Sheepstor, hết sức vui thích khi tìm kiếm lối vào động và cuối cùng cũng tìm ra nó nhờ ảnh chụp trên một bưu thiếp.

Đi trên những tảng đá lớn trơn mòn thật nguy hiểm nên Hercule Poirot không cố làm chuyện đó. Ông chăm chú theo dõi một cách khoan dung, trong khi Christine Redfern lẹ làng nhảy từ tảng đá này sang tảng đá nọ, và quan sát thấy anh chồng không bao giờ rời xa cô. Rosamund Darnley tham gia cuộc tìm kiếm cùng với Emily Brewster, mặc dù cô này trượt chân một lần và hơi bị trật mắt cá chân. Cha Lane không biết mỗi một là gì, thân hình lêu nghêu gầy còm của ông cứ xoay qua uốn lại giữa bãi đá. Ông Blatt bằng lòng đi hơi cách xa một chút, cứ hò la cổ vũ và còn chụp ảnh những người đang lúng lúng.

Ông bà Gardener và Poirot vẫn điềm tĩnh ngồi lại bên vệ đường trong khi giọng bà vợ cất lên lời độc thoại đều đều vui vẻ, thỉnh thoảng lại ngắt quãng bởi câu trả lời ‘Phải, em yêu à’ của ông chồng ngoan ngoãn.

“...và tôi vẫn luôn cảm thấy, ông Poirot à, những bức ảnh chụp lấy ngay có thể khiến ta bức mình lắm, ông nhà tôi cũng đồng ý với tôi. Tức là trừ khi chụp ảnh cùng với bạn bè. Cái ông Blatt ấy chẳng hề nhạy bén một chút nào. Ông ta cứ đi thẳng đến mọi người, nói luôn mồm rồi chụp ảnh, và như tôi đã nói với ông nhà tôi, quả đúng là vô giáo dục. Em đã nói như thế, phải vậy không Odell?”

“Phải, em yêu à.”

“Ông ta đã chụp ảnh cả đám chúng ta đang ngồi trên bãi biển. À, thì cũng hay, nhưng lẽ ra trước hết ông ta nên hỏi chứ. Như chuyện cô Brewster vừa dõm đứng lên ở bãi biển đã bị chụp ảnh, và việc ấy khiến cô ta có tư thế trông thật kỳ cục.”

“Và tôi sẽ nói là đúng như thế,” ông chồng nhăn răng cười.

“Ông Blatt đang tặng ảnh cho mọi người kia kìa, ngay cả một lời hỏi trước cũng không có. Ông ta đã tặng ông một tấm ảnh, ông Poirot à, tôi có để ý thấy.”

Poirot gật đầu nói: “Tôi thích ảnh nhóm đó.”

Bà Gardener nói tiếp:

“Và hãy xem cách cư xử của ông ta hôm nay - quá lớn tiếng ồn ào và thô thiển! À, chỉ khiến tôi rùng mình ghê tởm. Lẽ ra ông phải sắp xếp để bỏ người đàn ông ấy ở lại khách sạn chứ, ông Poirot à.”

Hercule Poirot khẽ đáp lại:

“Ôi, thưa bà, hẳn như vậy sẽ khó cho tôi đó.”

“Phải nói là như thế. Chỗ nào người đàn ông ấy cũng chen vào. Ông ta đúng là trơ hết sức.”

Ngay lúc đó từ bên dưới vọng lên tiếng reo thật to báo tin đã phát hiện ra Động Tiên.

Cả nhóm lúc bấy giờ lên xe đi tiếp theo hướng dẫn của Hercule Poirot tới một điểm ở đó họ xuống xe đi bộ một quãng ngắn xuống một sườn đồi mọc đầy thạch nam, dẫn tới một điểm thật kỳ thú bên một dòng sông.

Một cây cầu ván nhỏ hẹp bắc ngang qua sông. Poirot cùng ông Gardener giục bà vợ băng qua cầu tới một bãi thạch nam kỳ thú không còn những bụi kim tước đầy gai nữa, có vẻ là một địa điểm lý tưởng để dùng bữa trưa.

Đang nói liếng thoảng về cảm giác của mình khi lần đầu tiên băng qua một cây cầu ván, bà Gardener chợt quỵ sụp xuống. Bất thành linh có tiếng khẽ kêu lên.

Những người khác đã chạy qua cầu khá nhẹ nhàng, nhưng cô Brewster vẫn đang đứng ngay chính giữa tấm ván, nhắm nghiền mắt lắc qua lắc lại.

Poirot cùng Patrick Redfern vội chạy tới cứu giúp.

Có vẻ xấu hổ, Emily Brewster nói cộc lốc:

“Cảm ơn, cảm ơn. Xin lỗi. Chưa bao giờ giỏi băng qua dòng nước chảy, chưa bao giờ. Bị chóng mặt. Rõ chán quá!”

Thức ăn, nước uống được bày ra trên mặt đất và bữa trưa bắt đầu.

Tất cả những người có liên quan đến vụ án đều thầm ngạc nhiên khi thấy mình quá đỗi thích thú khoảng thời gian chuyển tiếp này. Có lẽ vì nó cho phép họ thoát khỏi bầu không khí nghi kỵ và sợ hãi. Ở nơi đây có dòng nước trôi lờ lững, mùi than bùn thoang thoảng trong không khí và màu sắc ấm áp của đám dương xỉ đại bàng và thạch nam. Thế giới có án mạng với các buổi thẩm vấn của cảnh sát đầy nghi kỵ dường như đã được xóa sạch như thể chưa từng tồn tại. Ngay cả ông Blatt cũng quên mình là sức sống và linh hồn của cả nhóm. Sau bữa trưa ông ta đi ngủ cách xa một chút làm dịu bớt những tiếng ngáy pho pho biểu lộ sự vô tư sung sướng của ông ta.

Cả nhóm tỏ ra hết sức biết ơn khi dọn dẹp bữa ăn cho vào các sọt và chúc mừng Hercule Poirot vì ý kiến của ông rất hay.

Mặt trời đang lặn khi họ quay về trên con lối đi ngoằn ngoèo nhỏ hẹp. Từ đỉnh đồi phía trên Vịnh Leathercombe, trong một khoảnh khắc ngắn ngủi họ thoáng thấy hòn đảo với khách sạn màu trắng trên đó.

Trông thật yên bình và vô hại trong ánh nắng chiều.

Chỉ mới một lần không nói lú lo, bà Gardener thở dài.

“Quả tình tôi rất cảm ơn ông, ông Poirot à. Tôi cảm thấy rất bình tâm. Tuyệt vời thật đó.”

Thiếu tá Barry ra chào khi họ tới nơi:

“Này này, đã có một ngày tốt lành chứ?”

Ông Gardener đáp:

“Quả đúng như thế. Bất cứ thứ gì trên các bãi hoang đều thú vị hết sức. Quá điển hình của xứ Anh và thế giới xưa. Không khí thoang thoảng hương thơm khiến ta thấy khỏe khoắn. Ông phải hổ thẹn với mình vì đã lười biếng quá nên cứ tụt lại đằng sau.”

Thiếu tá cười khúc khích. “Tôi già quá rồi không làm nổi cái kiểu ấy đâu - ngồi trên một dải đất bùn lầy và xơi bánh sandwich.”

Một cô hầu phòng vừa đi ra từ khách sạn, hơi bị hụt hơi. Ngần ngừ một lát rồi cô lẻ làng tới gặp Christine Redfern.

Hercule Poirot nhận ra cô ta là Gladys Narracott. Giọng cô nói hấp tấp không được bình thường:

“Xin lỗi, thưa cô, nhưng tôi đang lo lắng vì quý cô trẻ tuổi. Là cô Marshall. Tôi vừa mới mang bữa lên cho cô ấy và không thể nào đánh thức cô ấy được. Trông cô ấy thật quá - không hiểu sao lại quá kỳ quặc.”

Christine nhìn quanh chẳng biết nhờ ai giúp cho. Trong chốc lát Poirot đã ở bên cạnh cô. Hai bàn tay đỡ bên dưới khuỷu tay cô, ông nói thật bình tĩnh:

“Ta sẽ đi lên xem sao.”

Họ vội vàng lên cầu thang rồi đi dọc theo hành lang tới phòng Linda.

Chỉ liếc nhìn sơ qua cũng đủ cho hai người biết có gì đó rất không ổn. Sắc mặt cô bé rất lạ và gần như không thể nhận thấy hơi thở.

Poirot đưa tay bắt mạch. Cùng lúc đó ông để ý thấy một bì thư dựng đứng tựa vào cái đèn để trên bàn cạnh giường ngủ. Thư đề gửi cho chính ông.

Đại úy Marshall nhanh chân bước vào phòng và hỏi:

“Chuyện gì xảy đến với Linda thế này? Con bé có vấn đề gì thế?”

Có tiếng thốn thức khe khẽ vì khiếp sợ phát ra từ Christine Redfern.

Từ cái giường đó quay lại, Hercule Poirot bảo Marshall:

“Ông gọi bác sĩ đi - càng nhanh càng tốt! Nhưng tôi e rằng, e rằng - có lẽ đã quá trễ rồi.”



Ông cầm lá thư đề tên mình trên đó và xé bì thư mở ra. Bên trong có vài dòng chữ do Linda viết tay theo kiểu cách của một nữ sinh trung học.

Cháu nghĩ đây là cách giải quyết tốt nhất. Xin bố hãy cố tha thứ cho con. Cháu đã giết Arlena. Cứ tưởng sẽ vui nhưng hoá ra không phải thế. Cháu rất tiếc vì mọi chuyện.

Họ tập hợp trong sảnh - Marshall, vợ chồng Redfern, Rosamund Darnley và Hercule Poirot.

Họ ngồi đó im lặng - chờ đợi...

Cửa mở ra và bác sĩ Neasden đi vào. Ông ta nói cộc lốc:

“Tôi đã làm tất cả những gì có thể làm rồi. Cô bé có thể qua khỏi - nhưng tôi buộc lòng phải nói cho các vị biết không có nhiều hy vọng đâu.”

Ông ta dừng lại. Marshall hỏi, nét mặt đanh lại, đôi mắt ưu tư lạnh lùng như băng giá:

“Làm thế nào nó lấy được thứ thuốc ấy chứ?”

Neasden lại mở cửa ra và gạt đầu ra hiệu. Cô hầu phòng đi vào, vẫn đang khóc lóc.

“Hãy kể lại lần nữa thật chính xác cô đã trông thấy gì đi!” Neasden bảo.

Vừa thút thít cô gái vừa đáp:

“Tôi chưa bao giờ nghĩ - chưa bao giờ nghĩ một phút giây nào là có bất cứ điều gì không ổn - mặc dù quý cô trẻ tuổi quả có vẻ khá kỳ lạ.” Một cái phất tay nhẹ vì sốt ruột của ông bác sĩ khiến cô ta lại bắt đầu nói: “Cô ấy đang ở trong phòng của quý bà kia. Phòng bà Redfern. Phòng của bà đó, thưa bà. Tới chỗ cái giá trên bồn rửa mặt cô ấy cầm lên một cái lọ nhỏ xíu. Cô ấy quả có hơi giật mình khi tôi đi vào, và tôi nghĩ cô ấy lấy đồ trong phòng bà thì thật là kỳ quặc, nhưng sau đó, tất nhiên rồi, có thể là cái gì đó cô ấy đã cho bà mượn? Cô ấy chỉ nói: ‘Đây là cái tôi đang tìm...’ rồi đi ra.”

Christine nói gần như thều thào: “Thuốc ngủ của tôi.”

Bác sĩ hỏi thật cộc cằn:

“Làm sao cô bé biết có thuốc ấy?”

Christine đáp: “Tôi đã cho nó uống một viên. Đêm sau khi chuyện ấy xảy ra. Nó nói với tôi là không ngủ được. Nó - tôi nhớ là nó hỏi: ‘Một viên có đủ không,’ tôi trả lời là đủ, thuốc nặng lắm, không được uống quá hai viên.”

Neasden gạt đầu. “Cô bé đã uống sáu viên cho chắc.”

Christine lại sụt sịt.

“Chúa ơi, tôi cảm thấy là lỗi tại tôi. Lẽ ra tôi nên cất thuốc đi.”

Bác sĩ nhún vai. “Có thể như thế là khôn ngoan, cô Redfern ạ.”

Christine Redern nói trong tuyệt vọng:

“Nó - nó đang hấp hối - đấy là lỗi tại tôi.”

Cửa người trên ghế, Kenneth Marshall nói:

“Cô không phải tự trách mình. Linda biết nó làm gì. Nó đã cố tình uống thuốc. Có lẽ... có lẽ như thế là tốt nhất.”

Marshall ngó xuống lá thư nhàu nhò trên tay - lá thư Poirot vừa lẳng lẳng trao cho.

Rosamund Darnley kêu lên:

“Tôi không tin. Tôi không tin Linda giết cô ta. Chắc chắn không thể nào như thế - dựa theo chứng cứ.”

Christine hăm hờ nói: “Phải, nó không thể nào làm việc đó mà. Chắc là nó nghĩ quẩn, tưởng tượng ra mọi thứ.”

Cửa mở ra và đại tá Weston đi vào.

“Tất cả những gì tôi đang nghe đây là gì thế?” ông hỏi.

Bác sĩ Neasden lấy lá thư trên tay Marshall trao cho cảnh sát trưởng. Ông này đọc thư rồi kêu lên:

“Cái gì chứ? Nhưng chuyện này thật vớ vẩn - cực kỳ vớ vẩn! Không thể nào như thế.” Ông quả quyết lặp lại, “Không thể nào! Có phải thế không, Poirot?”

Lần đầu tiên Hercule Poirot lên tiếng. Ông chậm rãi đáp với giọng buồn rầu:

“Không, tôi e rằng không phải là không thể.”

Christine Redfern nói: “Nhưng tôi đã ở với nó mà, ông Poirot. Đã ở với nó đến mười hai giờ kém mười lăm cơ mà. Tôi đã khai với cảnh sát như thế.”

“Lời khai của cô đã cho con bé chứng cứ ngoại phạm - phải. Nhưng chứng cứ của cô căn cứ vào cái gì? Căn cứ vào *đồng hồ đeo trên tay Linda*. Cô không *tự mình biết được* lúc rời khỏi con bé là mười hai giờ kém mười lăm - chỉ biết là con bé đã nói như vậy. Chính cô đã nói thời gian dường như trôi đi rất nhanh.”

Cô kinh ngạc nhìn ông chòng chọc.

Ông nói tiếp: “Nào, suy nghĩ đi, thưa cô! Khi rời khỏi bãi biển, cô đã đi bộ về khách sạn nhanh hay chậm vậy?”

“Tôi - à, chắc là khá chậm.”

“Cô còn nhớ nhiều về lần đi bộ trở về đó không?”

“Không nhiều lắm, tôi e là như thế. Tôi - tôi đã mãi mê suy nghĩ.”

“Rất tiếc phải hỏi cô câu này, nhưng xin cô cho biết đích xác đã nghĩ gì suốt thời gian đi bộ đó?”

Christine dò mặt: “Tôi cho rằng - liệu có cần thiết... Tôi đã cân nhắc việc - rời khỏi nơi đây. Chỉ bỏ đi mà không cho chồng tôi biết. Tôi - tôi đã thấy bất hạnh lúc ấy, ông hiểu rồi mà.”

Patrick Redfern kêu lên:

“Ôi, Christine ơi! Anh biết... anh biết...”

Giọng Poirot ngắt ngang thật đúng lúc:

“Nói chính xác cô đã lo âu về việc tiến hành một bước có tầm quan trọng nào đó. Phải nói là bà điếc và mù đối với những chuyện xảy ra xung quanh mình. Có thể bà đã đi rất chậm và thỉnh thoảng dừng lại vài phút trong lúc suy nghĩ.”

Christine gật đầu.

“Ông giỏi quá! Đúng như thế đấy. Tôi đi cứ như mơ về đến khách sạn, rồi mới vội đi vào, cứ tưởng đã quá muộn rồi, nhưng khi nhìn đồng hồ trong sảnh thì thấy còn rất nhiều thời gian.”

Hercule Poirot lại nói: “Chính xác.”

Ông quay sang Marshall:

“Tôi phải tả lại cho ông rõ một số vật tôi đã tìm thấy trong phòng con gái ông sau khi xảy ra án mạng. Trong lò sưởi có một cục sáp nóng chảy thật to, một số tóc bị cháy, những mảnh bìa cứng và giấy, một đinh ghim thường vẫn dùng trong nhà. Giấy và bìa cứng đó có thể không liên quan, nhưng ba món còn lại có gợi ý đó - nhất là khi tôi tìm thấy giấu kỹ trong kệ sách một cuốn mượn từ thư viện ở đây - liên quan tới phép phù thủy và ma thuật. Rất dễ dàng mở ra ở một trang nhất định. Trên trang sách đó mô tả nhiều phương pháp gây ra cái chết khác nhau bằng cách nặn sáp thành một hình người thể thân cho nạn nhân. Cái này sau đó được nung lên từ từ cho tới khi tan chảy hết - hoặc bằng cách khác là đâm đinh ghim vào tim tượng sáp. Cái chết của nạn nhân sẽ xảy ra sau đó. Về sau tôi được nghe cô Redfern kể lại buổi sáng hôm ấy Linda đã ra ngoài sớm, mua một gói nặn và hình như bối rối khi món đồ đó bị phát hiện. Tôi biết chắc chắn chuyện gì đã xảy ra sau đó. Linda đã làm một cái tượng thô sơ bằng sáp nặn - có khả năng đã tô điểm nó bằng một mớ tóc đỏ của Arlena cắt ra bằng kéo để làm cho ma thuật có hiệu lực - sau đó đã đâm đinh ghim vào tim nó và cuối cùng làm hình tượng đó tan chảy hết bằng cách đốt những mảnh bìa cứng bên dưới.”

Ông nói tiếp: “Thật là thô thiển, trẻ con, mê tín nhưng lại tiết lộ một điều: mong ước giết người. Có khả năng nào còn hơn một niềm mong ước hay không? Có thể nào Linda đã thật sự giết mẹ kế của mình hay không?

“Mới thoát nhìn thì hình như con bé có chứng cứ ngoại phạm hoàn hảo - nhưng trên thực tế như tôi vừa chỉ rõ, chứng cứ về thời gian do chính Linda cung cấp. Con bé có thể dễ dàng khai báo thời gian trễ hơn thực tế mười lăm phút. Hoàn toàn có khả năng ngay sau khi cô Redfern rời khỏi bãi biển, con bé liền theo sau bà đi lên rồi sau đó băng qua dải đất hẹp tới chỗ cái thang, vội vàng leo xuống gặp mẹ kế ở đó, siết cổ bà ta rồi leo trở lên cái thang trước khi chiếc thuyền chở cô Brewster và Patrick xuất hiện trong tầm mắt. Lúc đó con bé có thể quay về Vũng Hải Âu tắm biển rồi ung dung trở về khách sạn.

“Nhưng điều đó đưa tới hai vấn đề: Con bé phải biết rõ Arlena Marshall đang ở Vũng Tiên và phải có sức khỏe để có thể làm việc đó. À, chuyện đầu tiên hoàn toàn có khả năng xảy ra - nếu như Linda Marshall viết

một lá thư ngăn cho Arlena mạo danh một người nào khác. Còn về vấn đề thứ hai thì Linda có hai bàn tay rất to lớn mạnh mẽ. To lớn như tay đàn ông vậy. Còn về thể chất thì cô bé đang ở lứa tuổi tâm thần có khuynh hướng bị mất thăng bằng. Bấn loạn tâm thần thường kèm theo đó một sức mạnh bất bình thường. Còn có một điểm nhỏ nữa: quả thật mẹ Linda đã từng bị cáo buộc và xét xử vì tội giết người.”

Kenneth Marshall ngẩng đầu lên, nói thật hung hãn: “Cô ấy cũng đã được tha bổng rồi kia mà.”

“Bà ấy đã được tha bổng,” Poirot đồng ý.

“Và tôi xin cho ông biết điều này, ông Poirot ạ. Ruth - vợ tôi - vô tội. Điều ấy tôi biết hoàn toàn và tuyệt đối chắc chắn. Trong cuộc sống thân mật của vợ chồng tôi, tôi không thể nào bị lừa dối. Cô ấy là một nạn nhân vô tội của hoàn cảnh.” Đại úy tạm dừng. “Và tôi không tin Linda đã giết Arlena. Thật nực cười - vô lý!”

“Vậy ông có tin lá thư này là giả mạo hay không?”

Marshall chìa tay ra đón lấy lá thư và đại tá đưa nó cho anh. Đại úy chăm chú đọc kỹ rồi lắc đầu.

“Không,” anh ta nói một cách miễn cưỡng. “Tôi tin Linda quả đã viết bức thư này.”

Poirot nói tiếp: “Vậy nếu như con bé đã viết thư thì chỉ có hai cách giải thích: hoặc cô ấy viết nó với tất cả niềm tin vì biết mình là kẻ sát nhân, hoặc là - hoặc có thể nói là - cô bé đã cố tình viết thư để che chắn cho một người nào khác - kẻ nào đó mà cô bé sợ sẽ bị tình nghi.”

“Ông muốn nói là tôi à?” Kenneth Marshall hỏi.

“Có thể như vậy, không phải sao?”

Marshall suy xét một lúc khá lâu rồi thản nhiên nói: “Không, tôi nghĩ ý kiến ấy thật vô lý. Ban đầu Linda có thể nhận thấy tôi bị xem là nghi can. Nhưng nó biết rõ đến bây giờ chuyện ấy đã xong xuôi, cảnh sát đã chấp nhận chứng cứ ngoại phạm của tôi và chuyển hướng chú ý sang chỗ khác.”

“Nhưng giả sử cô bé biết rõ ông có tội chứ không phải là nghĩ ông bị tình nghi thì sao.”

Ngó ông lom lom, Marshall cười khẩy: “Thật vô lý.”

“Tôi thắc mắc lắm. Có rất nhiều giả thuyết về cái chết của cô Arlena Marshall. Có giả thuyết cho là cô ấy bị tổng tiền, sáng hôm ấy đã đi gặp kẻ tổng tiền và bị kẻ tổng tiền ấy sát hại. Có giả thuyết cho là Vững Tiên và Động Tiên được dùng làm nơi mua bán ma túy, và cô ấy đã bị giết vì tình cờ biết được điều gì đó. Có một khả năng thứ ba - cô ấy đã bị một ông thầy tu điên khùng giết chết. Và có một khả năng thứ tư - ông chắc hẳn sẽ kiếm được rất nhiều tiền nhờ cái chết của vợ ông.”

“Tôi vừa nói với ông...”

“Phải, phải - tôi đồng ý không có khả năng ông giết vợ mình - nếu như ông hành động một mình. Nhưng giả sử ai đó đã giúp ông thì sao nhỉ.”

“Ông muốn nói cái quái quỷ gì thế?”

Người đàn ông điềm tĩnh cuối cùng đã nổi giận. Marshall hơi nhồm dậy khỏi cái ghế. Giọng anh ta có vẻ đe dọa. Ánh mắt nghiêm khắc có vẻ giận dữ.

Poirot đáp:

“Tôi muốn nói đây không phải một án mạng do một người gây ra. Hai người đã tham gia vụ này. Đúng là ông không thể vừa đánh máy lá thư đó vừa đi tới cái vịnh nhỏ - nhưng hẳn có đủ thời gian để ông viết vội lá thư đó bằng tốc ký - để cho một người nào khác đánh máy trong phòng khi ông vắng mặt để lo việc giết người, chỉ là việc vặt với ông.”

Nhìn về phía Rosamund Darnley, Hercule Poirot nói tiếp:

“Cô Darnley khai đã rời khỏi Gành Năng lúc mười một giờ mười phút và thấy ông đang đánh máy trong phòng, nhưng gần như ngay lúc đó ông Gardener đi lên khách sạn để lấy cuộn len cho vợ. Ông ấy không hề gặp cô Darnley hay trông thấy cô. Điều đó cũng đáng lưu ý. Có vẻ như cô Darnley không hề rời khỏi Gành Năng, hoặc ngược lại cô ấy đã rời khỏi đó sớm hơn rất nhiều và vào phòng ông đánh máy thật siêng năng. Một điểm khác nữa, ông khai khi cô Darnley ghé vào phòng ông lúc mười một giờ mười lăm, ông đã nhìn thấy cô ấy trong gương. Nhưng vào ngày xảy ra án mạng cái máy đánh chữ và xấp giấy đều để trên bàn viết trong góc phòng bên kia, trong khi cái gương lại ở giữa hai cửa sổ. Như vậy lời khai đó là cố ý nói dối. Về sau ông đã dời máy đánh chữ sang cái bàn bên dưới cái gương để chứng minh cho câu chuyện của mình - nhưng đã quá trễ. Tôi đã biết rõ cả ông lẫn cô Darnley đều nói dối.”

Rosamund Darnley lên tiếng, hạ giọng nói nhưng thật rõ ràng rành mạch:

“Ông thật tài tình, xảo quyệt.”

Hercule Poirot cất cao giọng nói: “Nhưng không xảo quyệt và tài tình bằng gã đàn ông đã giết chết Arlena Marshall! Xin hãy nghĩ lại một lát đi! Tôi đã nghĩ là ai - mọi người đã nghĩ là ai - Arlena Marshall đã đi gặp ai buổi sáng hôm đó? Tất cả chúng ta đều vội đi đến một kết luận. Patrick Redfern. Không phải cô ấy đi gặp một gã tổng tiền đâu. Chỉ nét mặt của cô ấy thôi cũng đã cho tôi biết điều đó. Không đâu, cô ấy đi gặp tình nhân - hay tưởng mình sẽ gặp.

“Phải, điều đó tôi đã hoàn toàn chắc chắn. Arlena Marshall đi gặp Patrick Redfern. Nhưng một phút sau Patrick xuất hiện trên bãi biển và hiển nhiên đang tìm kiếm bà ta. Vậy chuyện đó là sao?”

Patrick Redfern cổ dẫn cơn tức giận:

“Thằng quỷ nào đấy đã mạo danh tôi.”

Poirot nói: “Rất hiển nhiên ông đã bức bối và ngạc nhiên vì cô ấy không đến. Hầu như quá hiển nhiên, có lẽ vậy. Theo giả thuyết của tôi, ông Redfern à, cô ấy đã tới Vũng Tiên để gặp ông, và cô ấy quả đã gặp ông, và ông giết cô ấy ở đó như đã dự tính.”

Patrick Redfern nhìn chăm chú, cất cao chất giọng Ireland khô hời của mình:

“Có phải ông mất trí rồi hay không? Tôi đã ở với ông trên bãi biển cho đến khi chèo thuyền quanh đảo cùng với cô Brewster và phát hiện vợ tôi chết kia mà.”

“Ông đã giết bà ta sau khi cô Brewster chèo thuyền đi gọi cảnh sát. Arlena Marshall chưa chết lúc ông lên

bãi biển. Cô ấy đang ẩn nấp chờ tới khi bờ biển có thể vắng bóng người.”

“Nhưng còn cái xác! Cô Brewster và tôi đều trông thấy cái xác kia mà.”

“Một cái xác - phải. Nhưng không phải một xác chết. Thân thể sống của người đàn bà đã giúp ông, hai cánh tay và hai chân được bôi thuốc cho màu da rám nắng, khuôn mặt được một cái nón bằng bìa cứng màu xanh lá cây che đi. Christine, vợ ông - hay có thể không phải là vợ ông - nhưng vẫn là đồng phạm, giúp ông phạm tội giết người trong vụ án này như từng giúp ông phạm tội giết người trong quá khứ khi phát hiện cái xác của Alice Corrigan ít nhất hai mươi phút trước khi Alice Corrigan chết - bị ông chồng Edward Corrigan giết chết - là ông đó!”

Christine lên tiếng, giọng cô ta gay gắt - lạnh lùng:

“Hãy cẩn thận, Patrick, đừng mất bình tĩnh!”

Poirot nói: “Ông sẽ thích thú khi nghe nói cả ông lẫn Christine - vợ ông đều được cảnh sát Surrey dễ dàng nhận diện và chọn lọc ra từ nhóm người được chụp hình ở đây: Họ nhận dạng ngay lập tức cả hai người là Edward Corrigan và Christine Deverill, người phụ nữ đã phát hiện cái xác.”

Patrick Redfern đã đứng dậy. Khuôn mặt đẹp trai của gã biến dạng, ngập tràn một màu máu, mù quáng vì giận dữ. Đó là khuôn mặt của một kẻ giết người - của một con cọp.

Gã hét lên: “Đồ sâu bọ nhỏ bé chết tiệt hay can thiệp vào chuyện người khác!”

Gã lao tới trước, những ngón tay cong như vuốt, miệng gào thét chửi rủa trong lúc bàn tay siết cổ họng Hercule Poirot...

Với vẻ trầm ngâm Poirot giải thích:

“Một buổi sáng khi đang ngồi ở ngoài này chúng ta đã bàn về những thân xác rúm nắng đang nằm như những súc thịt trên một phiến đá mỏng, chính lúc đó tôi đã nghĩ rất khó phân biệt giữa thân xác này với thân xác nọ. Nếu nhìn thật gần và có nhận xét đánh giá kỹ thì có khác - nhưng chỉ tình cờ liếc sơ qua thì sao? Những phụ nữ trẻ có thân hình cân đối đều rất giống nhau. Cặp chân màu nâu, hai cánh tay màu nâu, một mảnh áo tắm nhỏ ở giữa - chỉ là một thân xác đang nằm phơi nắng. Khi một người đàn bà bước đi, khi bà ta cười nói, quay đầu, cử động hai bàn tay - lúc đó, chính ngay lúc đó biểu lộ cá tính - đặc điểm của cá nhân. Nhưng khi cùng nằm phơi nắng thì - không hề có cá tính.

“Ngày hôm ấy chúng ta đã nói về tội ác - cái ác dưới ánh mặt trời như cha Lane đã nêu lên. Cha Lane là một người rất nhạy cảm - cái ác tác động lên ông - ông nhận biết sự có mặt của cái ác - nhưng mặc dù nhận biết rất tài tình nhưng thật ra ông không biết đích xác nó đang ở đâu. Đối với ông cái ác tập trung vào con người của Arlena Marshall, và hầu hết mọi người có mặt đều đồng ý với ông.

“Nhưng theo ý tôi, tuy cái ác đang có mặt nhưng hoàn toàn không tập trung vào Arlena Marshall. Nó có liên quan tới cô ta, phải, nhưng theo một cách hoàn toàn khác. Tôi thấy cô ta lần đầu tiên, lần cuối cùng và lần nào cũng vậy đều là một nạn nhân tiền định và vĩnh viễn. Vì cô ta xinh đẹp, vì cô ta có sức quyến rũ mê hồn, vì đàn ông đều quay đầu lại ngắm cô ta nên mọi người đều cho cô ta là hạng đàn bà hủy hoại cuộc sống, phá hoại linh hồn người khác. Những tôi lại thấy cô ta theo một cách rất khác. Không phải cô ta quyến rũ đàn ông đến chết mà chính là đàn ông có sức hấp dẫn khiến cô ta muốn chết đi được. Đó là hạng đàn bà mà đàn ông dễ dàng quan tâm chăm sóc nhưng cũng khiến họ dễ dàng nhầm lẫn.

“Và mọi chuyện tôi từng nghe kể hay phát hiện ra về cô ta đều củng cố sự xác tín của tôi về vấn đề đó. Chuyện đầu tiên được nhắc tới là người đàn ông trong vụ án ly dị vì lãng nhãng với cô ta rồi cuộc lại không cưới cô ta. Chính lúc đó một người đàn ông hào hiệp là đại úy Marshall đã bước tới và cầu hôn. Đối với một tốp đàn ông kín đáo như đại úy ấy thì bị phán xét trước công chúng là một cực hình tệ hại nhất - vì anh ta yêu thương và tội nghiệp người vợ đầu tiên từng bị cáo buộc và xét xử công khai vì tội giết người dù không hề phạm phải. Đại úy kết hôn với bà ấy và thấy mình đã đánh giá hoàn toàn đúng về tính cách và bản chất của bà ấy. Sau khi vợ cũ qua đời, một phụ nữ xinh đẹp khác bị đưa ra bêu riếu sỉ nhục trước công luận, có lẽ có gì đó cùng một tốp với mẹ của Linda (vì cô bé cũng có mái tóc đỏ có lẽ thừa hưởng từ mẹ). Đại úy một lần nữa lại ra tay cứu vớt. Nhưng lần này thấy mình khó duy trì được lòng say mê. Arlena thật ngu xuẩn, chẳng xứng đáng với sự thông cảm và bao bọc của đại úy, hoàn toàn vô tâm. Dù vậy tôi nghĩ đại úy vẫn luôn nhìn nhận đúng đắn về cô ta. Rất lâu sau khi thôi không còn yêu thương và thấy khó chịu vì sự có mặt của cô ta, đại úy vẫn thương hại Arlena. Với đại úy, Arlena giống như một đứa trẻ không thể tiến xa hơn, không thể nào lật sang một trang khác của đời mình.

“Tôi thấy trong Arlena một niềm đam mê đàn ông, đó là miếng mồi ngon mà số phận đã dành trước cho một dạng đàn ông nào đó. Patrick Redfern có ngoại hình bánh bao, vẻ ung dung tự tin và sức quyến rũ phụ nữ. Tôi đã nhận ra ngay tức khắc loại người này. Một gã gian manh chuyện kiếm sống nhờ đàn bà bằng cách này hay cách khác. Từ chỗ tôi ngồi trên bãi biển nhìn xuống, tôi đã chắc chắn Arlena là nạn nhân của Patrick, chứ không phải ngược lại. Và tôi đã kết nối sự tập trung của cái ác đó vào Patrick Redfern chứ không phải Arlena Marshall.

“Gần đây Arlena được thừa hưởng một số tiền rất lớn, do một người ái mộ cao tuổi chưa kịp chán cô ta để lại. Cô ta là hạng đàn bà vẫn luôn bị đàn ông lường gạt lấy tiền. Cô Brewster từng nhắc đến một gã đàn ông trẻ tuổi bị bà ta “dụ dỗ”, nhưng một lá thư của hắn tìm thấy trong phòng cô ta, tuy bày tỏ ước muốn (chẳng tốn kém gì) được phủ lên cô ta ngọc ngà châu báu, nhưng trên thực tế lại báo cho biết đã nhận được tấm séc của cô ta, nhờ đó hắn hy vọng thoát truy tố. Một trường hợp rõ ràng về một gã trai trẻ phung phí tiền bạc có được nhờ ăn bám cô ta. Tôi hoàn toàn chắc chắn Patrick Redfern đã thấy dễ dàng moi ở cô ta những món tiền lớn để y “đầu tư”. Có thể y đã làm cho Arlena lóa mắt với chuyện có cơ hội hết sức lớn lao - y sẽ làm cho cô ta trở nên giàu có và cả y nữa.

“Những phụ nữ không được bảo vệ, sống một mình dễ dàng trở thành miếng mồi ngon cho tốp đàn ông đó - và y thường trốn thoát bình an vô sự với của cải cướp được. Tuy nhiên nếu có một ông chồng, một ông anh hay một người cha quanh đó thì sự việc sẽ có chiều hướng trở nên khó chịu đối với kẻ lừa đảo. Một khi đại úy Marshall phát hiện tài sản của vợ bị hao hụt, có lẽ Patrick Redfern sẽ bị đại úy xử lý.

“Tuy nhiên điều đó không làm cho y lo lắng vì y đã hết sức thận trọng tính chuyện giết quách cô ta đi khi xét thấy cần thiết - được khuyến khích vì đã từng thoát khỏi một vụ án mạng - vụ án giết một thiếu phụ mà y đã cưới làm vợ với cái tên Corrigan và đã thuyết phục vợ mua bảo hiểm nhân thọ để y được thừa hưởng một số tiền lớn.

“Kế hoạch của y được ả đàn bà khi xuống đây chuyển thành vợ y hỗ trợ và tiếp tay, kẻ mà y thật lòng gần bó. Một người không giống tốp nạn nhân của y đến mức không tưởng tượng nổi - điềm tĩnh, trơ tráo, vô cảm nhưng lại trung thành với y trước sau như một và là một nữ diễn viên có tài diễn xuất không phải tầm thường. Từ lúc mới tới đây Christine Redfern đã diễn một vai, vai “cô vợ bé nhỏ đáng thương” - mỏng manh yếu đuối, lạc lõng bơ vơ và có tri thức chứ không phải một phụ nữ khỏe mạnh. Cứ nghĩ tới việc cô ta đã làm đi! Dễ bị bóng da dưới ánh nắng và nước da trắng trẻo vì lẽ đó, bị chóng mặt khi ở trên cao - chuyện bị mắc kẹt ở trên nóc nhà thờ Milan, vân vân. Một điểm nhấn chứng tỏ sự mỏng manh yếu đuối và mảnh dẻ - gần như mọi người đều gọi là một “phụ nữ nhỏ bé”. Thật ra ả cũng cao chẳng kém Arlena Marshall nhưng bàn tay bàn chân lại rất nhỏ nhắn. ả tự nhận là cựu giáo viên, và do đó nhấn mạnh ấn tượng về một người ham đọc sách và thiếu đi lòng dũng cảm của người có thể lực sung mãn. Quả thật hoàn toàn đúng, ả đã làm việc trong một trường học, nhưng nhiệm vụ của ả là cô giáo dạy thể dục, và ả là một phụ nữ trẻ cực kỳ năng động, có thể trèo leo như mèo và chạy như vận động viên điền kinh.

“Chính án mạng cũng được lên kế hoạch và định thời gian thật hoàn hảo. Như tôi từng đề cập trước đây, đó là một án mạng khéo. Việc ấn định thời gian là một công trình tuyệt tác.

“Trước hết có mấy màn mở đầu - một màn diễn trên vách đá khi chúng biết tôi đang ngồi trong hốc kể bên - một cuộc đối thoại ghen tuông thường tình của người vợ giữa ả và chồng, về sau ả đóng cũng vai ấy trong một màn diễn với tôi. Còn nhớ lúc đó tôi có cảm giác mơ hồ như đã đọc tất cả chuyện này trong một cuốn sách. Chẳng có vẻ gì là có thật cả. Đương nhiên vì đó không phải là sự thật. Rồi đến ngày xảy ra án mạng. Đó là một ngày đẹp trời - một điều thiết yếu. Hành động đầu tiên của Redfern là lên ra ngoài rất sớm - bằng cửa ra ban-công mà y đã gài chốt lại từ bên trong, vì nếu bị phát hiện cửa đang mở thì người ta nghĩ đúng là ai đó đã ra tắm biển sớm. Bên dưới bộ đồ tắm, y giấu một cái nón xanh lá cây Trung Hoa, giống hệt cái nón Arlena vẫn đội. Y lên băng qua đảo, leo xuống cái thang rồi giấu kín nó ở một chỗ đã ước hẹn đằng sau một tảng đá nào đó. Phần thứ nhất.

“Buổi tối hôm trước y đã sắp xếp một cuộc hẹn hò với Arlena. Họ rất thận trọng khi gặp nhau vì cô ta hơi e sợ chồng. Cô ta đồng ý đi vòng qua đảo tới Vũng Tiên thật sớm. Không có ai tới đó vào buổi sáng. Redfern sẽ tới gặp cô ta ở đó khi có cơ hội chuồn đi thật kín đáo. Nếu cô ta nghe thấy tiếng bất cứ ai leo



xuống thang hay một chiếc thuyền hiện ra trong tầm mắt thì phải lên vào trong cái Động Tiên mà y đã tiết lộ cho cô ta biết, rồi chờ trong đó cho tới khi bờ biển sạch bóng người. Phần thứ nhì.

“Trong lúc đó Christine đi tới phòng Linda vào một thời điểm ả xét thấy cô bé hẳn đã ra ngoài ngâm mình sớm. Khi đó ả sẽ làm thay đổi đồng hồ đeo tay của Linda, vận cho nó chạy nhanh hơn hai mươi phút. Đương nhiên có nguy cơ cô bé sẽ để ý thấy đồng hồ của mình chạy sai, nhưng chuyện đó không quan trọng lắm. Chứng cứ ngoại phạm xác thực của Christine ở chỗ hai bàn tay ả nhỏ nhắn không đủ sức lực để phạm tội giết người. Dù vậy ả rất ham muốn một chứng cứ ngoại phạm phụ thêm vào. Sau đó trong phòng Linda, ả để ý thấy cuốn sách về phép phù thủy và ma thuật mở ra ở một trang nhất định. ả đã đọc và khi cô bé đi vào, làm rớt gói nến, ả biết những gì đang ở trong đầu cô bé. Nó gợi ra cho ả một số ý tưởng thật hay. Ý tưởng độc đáo của cặp tội phạm đó là phải dồn rất nhiều tình nghi hợp lý vào đại úy Marshall, vì vậy mới có chuyện cái ống điều bị lấy cắp, một mảnh vỡ của nó được cắm ở Vũng Tiên bên dưới cái thang.

“Khi Linda quay về, ả dễ dàng sắp đặt việc cùng nhau ra ngoài và tới Vũng Hải Âu. Sau đó ả về phòng, lấy từ trong cái va-li khóa kỹ ra một chai phẩm màu da rám nắng, bôi chân tay thật kỹ rồi quăng cái chai ra ngoài cửa sổ, suýt chút nữa rớt trúng cô Emily Brewster đang tắm biển. Phần thứ ba thành công mỹ mãn.

“Christine sau đó mặc vào bộ áo tắm màu trắng, phủ bên ngoài cái quần dài thường mặc trên bãi biển và một áo khoác dài tay lưng thùng che giấu thật tốt hai cánh tay và hai chân mới bôi màu nâu.

“Lúc mười giờ mười lăm Arlena khởi hành tới điểm hẹn hò, chừng một hai phút sau Patrick đi xuống và tỏ vẻ ngạc nhiên, bức bối này kia. Nhiệm vụ của Christine khá dễ dàng. Giấu kỹ đồng hồ đeo tay của mình, lúc mười một giờ hai mươi lăm ả lại hỏi Linda lúc đó là mấy giờ. Cô bé coi đồng hồ đeo tay và trả lời là mười hai giờ kém mười lăm. Rồi cô bé xuống tắm biển, còn Christine thì gom hết đồ vẽ. Ngay lúc cô bé vừa quay lưng đi, ả liền cầm chiếc đồng hồ của cô bé - nhất thiết phải cởi ra trước khi xuống nước - rồi ả chỉnh lại cho đúng giờ. Sau đó ả hấp tấp đi lên lối mòn của vách đá, chạy qua dải đất hẹp tới đỉnh cái thang, cởi bỏ bộ đồ đang mặc ra và nhét chúng cùng với đồ vẽ vào đằng sau một tảng đá rồi nhanh chóng trèo xuống thang chả khác một vận động viên điền kinh.

“Arlena đang ở trên bãi biển bên dưới tự hỏi sao lâu quá rồi mà Patrick vẫn chưa tới. Cô ta thấy hay nghe có tiếng ai đang ở trên cái thang, thận trọng quan sát và bức mình khi thấy kẻ gây phiền phức đó - vợ của tình nhân. Cô ta vội vàng chạy dọc theo bãi biển rồi chui vào Động Tiên.

“Christine lấy cái nón từ chỗ cất giấu, một mớ tóc quần già màu đỏ đã được ghim vào bên dưới cái nón ở đằng sau rồi tự đặt mình vào tư thế nằm sõng soài với cái nón và mớ tóc quần che kín khuôn mặt và cái cổ. Việc ẩn định thời gian thật hoàn hảo. Chừng một hai phút sau chiếc thuyền chở Patrick và cô Brewster vòng qua mũi đất tới nơi. Nên nhớ chính Patrick đã cúi xuống xem xét cái thân xác ấy. Patrick là người lão đảo - bị sốc - suy sụp tinh thần vì cái chết của nhân tình! Nhân chứng của hẳn đã được lựa chọn cẩn thận. Cô Brewster có cái đầu không được tốt, sẽ không cố leo lên cái thang. Cô ấy sẽ chèo thuyền rời khỏi vịnh nhỏ, lẽ đương nhiên y là người ở lại với cái xác - “để phòng trường hợp kẻ sát nhân vẫn còn lảng vảng quanh đó”. Cô Brewster chèo thuyền đi gọi cảnh sát. Ngay khi chiếc thuyền vừa khuất dạng, Christine liền bật dậy, cắt cái nón thành nhiều mảnh nhỏ bằng cây kéo đã cẩn thận đem theo, rồi ả nhét hết vào trong áo tắm và trèo lên thang nhanh hơn gấp đôi, mặc vội vào bộ đồ đi bãi biển và chạy về khách sạn. Đủ thời gian để tắm trong bồn, rửa sạch hết thuốc bôi màu nâu rám nắng rồi mặc vào đồ đánh quần vợt. ả còn làm một việc khác. ả đốt những mảnh nhỏ của cái nón bằng bìa cứng màu xanh lá cây và mớ tóc trong lò sưởi của Linda, thêm vào một tờ lịch để cho nó có thể liên kết với mớ bìa cứng. Không phải một cái nón mà một cuốn lịch đã bị đốt cháy. Đúng như ả đã nghi ngờ, Linda đã thử làm ma thuật — sắp nển và ghim găm cho thấy điều đó.

“Sau đó ả xuống sân quần vợt, tới sau cùng nhưng không để lộ dấu hiệu rối loạn hay vội vàng nào.

“Và trong khi đó Patrick đi tới cái động. Arlena không nhìn thấy gì và nghe thấy rất ít — một chiếc thuyền — những giọng nói. Cô ta vẫn đang thận trọng lẫn trốn. Nhưng lúc bấy giờ chính Patrick đang cất tiếng gọi: ‘Không có ai khác nữa rồi, em yêu ạ.’

“Thế là cô ta đi ra và bị hai bàn tay hăn siết chặt quanh cổ - và đó kết cục của Arlena Marshall xinh đẹp, ngọc ngà đáng thương...”

Giọng ông tắt lịm đi.

Có một khoảnh khắc im lặng, rồi Rosamund khẽ rùng mình nói: “Vâng, ông vừa cho mọi người hiểu rõ mọi chuyện. Nhưng đó là chuyện từ phía bên kia. Ông vẫn chưa cho chúng tôi rõ làm thế nào ông biết được sự thật ạ?”

Hercule Poirot đáp:

“Có lần tôi từng cho quý vị biết mình có một đầu óc rất đơn giản. Lúc nào cũng vậy, ngay từ đầu tôi nhận định *kẻ có nhiều khả năng nhất* là kẻ đã giết Arlena Marshall. Và kẻ có nhiều khả năng nhất đó là Patrick Redfern. Y là tít người, *par excellence* - tít đàn ông bóc lột những phụ nữ như cô ta - và là tít sát thủ - loại đàn ông vẫn thường lấy đi hết tiềm năng dục được của một người đàn bà và hơn thế nữa còn cắt cổ bà ta. Arlena đã đi gặp ai sáng hôm đó? Từ những gì thấy trên gương mặt cô ta, nụ cười, thái độ, lời lẽ nói với tôi - kẻ đó là Patrick Redfern. Và do đó theo lẽ rất đương nhiên của sự việc, hăn y đã giết cô ta.

“Nhưng ngay lập tức như tôi đã nói, tôi đụng phải một điều bất khả. Patrick Redfern Y không thể giết cô ta vì ở trên bãi biển và cùng đi với cô Brewster cho tới khi thật sự phát hiện cái xác. Vì vậy tôi đã tìm kiếm các đáp án khác và có rất nhiều. Arlena Marshall có khả năng bị chồng giết - với sự đồng lõa của cô Darnley. (Điều đáng nghi là cả hai người cùng nói dối tôi về một sự việc). Cô ta có khả năng bị giết do tình cờ biết được bí mật về buôn lậu ma túy. Như tôi đã nói, cô ta có khả năng bị một thầy tu điên khùng giết. Thậm chí là có khả năng bị con riêng của chồng giết. Khả năng này có lúc dường như là đáp án đích thực. Thái độ của Linda trong cuộc thẩm vấn ngay từ đầu của cảnh sát thật rõ ràng. Trong cuộc thẩm vấn với tôi, cô bé khiến tôi tin chắc một điều. Linda tự cho mình là kẻ có tội.”

“Ông muốn nói nó tưởng mình thật sự đã giết chết Arlena à?” Rosamund có vẻ không tin nổi.

“Phải. Nên nhớ - cô bé vẫn chỉ là một đứa trẻ. Cô bé đã đọc cuốn sách về phép phù thủy đó và gần như tin tưởng. Cô bé căm ghét mẹ kế nên cố tình nặn con búp bê bằng sáp, đọc thần chú, đâm thủng tim nó, đốt cho nó tan chảy ra hết - và ngay ngày hôm đó Arlena chết. Những người lớn tuổi hơn, khôn ngoan hơn Linda còn nhiệt thành tin vào ma thuật nữa là. Lẽ đương nhiên cô bé tin tất cả đều đúng - nhờ dùng ma thuật, cô bé đã giết chết mẹ kế của mình.”

Rosamund kêu lên:

“Ôi, tội nghiệp con bé, tội nghiệp con bé! Tôi cứ tưởng - tôi - tưởng tượng ra - điều gì đó hoàn toàn khác - nó biết điều gì đó sẽ...” cô dừng lại.

“Tôi biết cô tưởng gì rồi,” Poirot nói. “Quả thật thái độ của cô đã làm cho Linda khiếp sợ hơn nữa. Cô bé tin hành động của mình đã gây ra cái chết của Arlena và cô đã biết được. Christine Redfern cũng tác động

đến cô bé, nhồi nhét vào đầu cô bé ý tưởng về những viên thuốc ngủ, chỉ cho cách đèn tội thật nhanh chóng và không hề đau đớn. Cô hiểu rồi chứ, một khi đại úy Marshall đã được chứng tỏ có chứng cứ ngoại phạm, thì cần một nghi can mới, chuyện đó có ý nghĩa sống còn với chúng. Hai vợ chồng ả đều không biết gì về việc buôn lậu ma túy. Chúng định để Linda thế mạng cho chúng.”

“Đồ ác quỷ!” Rosamund nói.

Poirot gật đầu.

“Phải, cô nói đúng. Một ả đàn bà máu lạnh tàn độc. Tôi đã gặp trở ngại lớn. Phải chăng Linda chỉ có tội cố làm phép phù thủy trẻ con hay đã để cho mối thù ghét đưa cô bé đi xa hơn - đến hành động thực sự? Tôi cố làm cho cô bé tự thú với tôi. Nhưng chỉ uống công vô ích. Lúc đó tôi lâm vào một tình trạng cực kỳ không chắc chắn. Cảnh sát trưởng có chiều hướng chấp nhận cách giải thích liên quan đến buôn lậu ma túy. Tôi không đành cho qua như vậy. Tôi duyệt lại các sự kiện thật kỹ lưỡng. Tôi đã có một đồng các mảnh ghép, những chuyện xảy ra một cách riêng lẻ - những sự kiện rõ rệt. Toàn bộ phải lắp vào vừa khít thành một hoa văn hoàn chỉnh và hài hòa. Có một cây kéo tìm thấy trên bãi biển - một cái chai quăng ra từ một cửa sổ - chuyện tắm trong bồn không ai chịu thừa nhận - tất cả tự thân chúng đều là những chuyện xảy đến hoàn toàn vô hại nhưng lại có một ý nghĩa do việc không ai chịu thừa nhận chúng. Do đó chúng phải là những chuyện có ý nghĩa quan trọng. Chúng chẳng có gì ăn khớp với giả thuyết là đại úy hay cô con gái, hoặc là một băng đảng ma túy phải chịu trách nhiệm cả. Thế nhưng chúng phải có ý nghĩa gì đó. Tôi lại quay về với đáp án đầu tiên của mình - chính Patrick Redfern đã giết người. Có điều gì ủng hộ đáp án đó không? Có, sự kiện một số tiền rất lớn thiếu đi trong tài khoản của Arlena. Ai đã lấy số tiền đó? Đương nhiên là Patrick Redfern. Cô ta là hạng đàn bà dễ bị một gã đàn ông trẻ tuổi đẹp trai lường gạt - nhưng hoàn toàn không để cho mình bị tống tiền đâu. Cô ta phơi bày ruột gan rõ ràng quá mức, không giỏi giữ bí mật. Chuyện tống tiền chưa bao giờ thoáng qua trong đầu tôi. Và tuy vậy đã có cuộc đàm thoại bị nghe lén đó - a, nhưng ai nghe lén được? Vợ của Patrick. Đó là câu chuyện ả bịa ra - không có bất cứ chứng cứ bên ngoài nào xác nhận. Sao lại bịa ra chuyện đó chứ? Câu trả lời đến với tôi như sấm chớp. Để giải thích việc tiền của Arlena bị mất đi!

“Patrick và Christine. Hai kẻ đã cùng tham gia vụ này. Christine không có thể lực để siết cổ Arlena, tinh thần cũng không được mạnh mẽ. Không, chính Patrick đã ra tay - nhưng lại không thể nào! Mỗi một phút giây của y đều được giải trình một cách rõ ràng cho tới khi tìm thấy cái xác.

“Cái xác - cái từ ấy khuấy động điều gì đó trong đầu tôi - những thân xác nằm trên bãi biển - tất cả đều *giống hệt nhau*. Patrick Redfern và cô Emily Brewster đã tới Vũng Tiên và thấy một thân xác nằm ở đó. Một thân xác - giả sử đó không phải là xác của Arlena mà của người nào khác thì sao? Khuôn mặt bị cái nón Trung Hoa cực to che mất rồi.

“Nhưng chỉ có một xác chết - của Arlena. Vậy có thể nào đó là - một thân xác *còn sống* - ai đó đã giả chết? Có thể nào đó chính là Arlena - bị Patrick xúi giục để chơi đùa gì đó? Tôi đã lắc đầu - không, quá liều lĩnh. Một thân xác còn sống - của ai? Có ả đàn bà nào chịu giúp cho Redfern hay không? Đương nhiên là - vợ y. Nhưng ả là người da trắng cơ mà. À phải rồi, nhưng có thể bôi thuốc cho màu da rám nắng từ những cái chai - chai lọ - tôi đã có một mảnh ghép của mình rồi. Phải, và đương nhiên sau đó là tắm trong bồn - để rửa sạch chất nhuộm màu biết kể chuyện đó trước khi ả ra ngoài chơi quần vợt. Còn cây kéo? À, để cắt ra từng mảnh cái nón giống hệt bằng bìa cứng - một vật cầm đi rất bất tiện phải bị loại bỏ - và trong khi hấp tấp cây kéo đã bị bỏ lại - một vật mà cặp sát thủ đã bỏ quên.

“Nhưng Arlena đã ở đâu suốt thời gian ấy? Điều đó lại hoàn toàn rõ ràng. Hoặc là Rosamund Darnley

hoặc là Arlena Marshall đã ở trong Động Tiên, thứ nước hoa cả hai thường dùng đã cho tôi biết điều đó. Chắc chắn không phải Rosamund. Vậy đó là Arlena ẩn nấp chờ tới khi bờ biển không còn người.

“Khi cô Emily Brewster chèo thuyền bỏ đi, Patrick một mình một cõi và có đầy cơ hội để phạm tội sát nhân. Arlena bị giết chết sau mười hai giờ kém mười lăm, nhưng chứng cứ pháp y chỉ quan tâm đến thời điểm sớm nhất mà một án mạng có thể xảy ra. Chuyện cô ta đã chết lúc mười hai giờ kém mười lăm chỉ nói cho bác sĩ biết, chứ y không khai như vậy với cảnh sát.

“Còn hai điểm nữa phải xác định. lời khai của Linda Marshall đã cho Christine Redfern một chứng cứ ngoại phạm. Nhưng chứng cứ đó tùy thuộc vào đồng hồ đeo tay của cô bé. Tất cả những gì cần thiết là phải chứng tỏ ả có hai cơ hội để chinh đồng hồ đó. Tôi phát hiện có hai cơ hội thật dễ dàng. Ả đã ở một mình trong phòng cô bé sáng hôm ấy - và có một bằng chứng gián tiếp. Nghe cô bé nói cô “e là sẽ bị muộn”, nhưng khi xuống dưới xem đồng hồ trên tường thì chỉ mới mười giờ hai mươi lăm. Cơ hội thứ nhì thật dễ dàng - ả có thể chinh lại đồng hồ ngay lúc Linda vừa quay lưng xuống tắm biển.

“Sau đó có vấn đề cái thang. Ả vẫn luôn tuyên bố đầu ả không chịu nổi độ cao. Lại một lời nói dối được chuẩn bị kỹ càng nữa.

“Lúc bấy giờ tôi đã có bức của mình - từng mảnh ghép đã được ráp khít khao vào đúng chỗ thật là đẹp mắt. Nhưng thật xui xẻo tôi chẳng có bằng chứng rõ ràng nào cả. Tất cả đều ở trong đầu tôi.

“Ngay lúc đó tôi nảy ra một ý. Có một điều chắc chắn - sự khéo léo bố trí. Tôi chắc chắn trong tương lai Patrick Redfern sẽ tái phạm tội ác này. Còn quá khứ thì sao? Rất có thể có một chút khả năng đây không phải là vụ giết người đầu tiên của y. Phương pháp siết cổ được sử dụng rất hợp với bản tính của y - một kẻ giết người để được vui thích cũng như để hưởng lợi. Nếu là một kẻ đã từng gây án mạng chắc chắn y sẽ dùng cùng một cách. Tôi đã yêu cầu thanh tra Colgate đưa cho tôi danh sách các phụ nữ là nạn nhân bị siết cổ. Kết quả khiến lòng tôi tràn ngập niềm vui. Cái chết của Nellie Parson được phát hiện bị siết cổ trong một bãi cây nhỏ hẻo lánh có thể hoặc không có thể là việc làm của y - có lẽ chỉ đơn thuần gợi ý việc y lựa chọn địa điểm thích hợp để hành sự, nhưng trong cái chết của Alice Corrigan tôi đã tìm thấy đích xác điều mình đang tìm kiếm. Về thực chất cùng một phương pháp. Chơi trò tung hứng với thời gian - một án mạng không xảy ra, như thông thường, là *trước khi* nó được cho là đã xảy ra, mà thực tế xảy ra *sau đó*. Một cái xác được phát hiện lúc bốn giờ mười lăm. Một người chồng có chứng cứ ngoại phạm cho đến bốn giờ hai mươi lăm.

“Điều gì đã thật sự xảy ra? Người ta nói Edward Corrigan đã tới quán Đình Đài Thông, thấy vợ y không có ở đó bèn ra ngoài đi lui đi tới. Thật ra đương nhiên y đã chạy hết tốc lực tới điểm hẹn ở khu rừng nhỏ Caesar (quý vị sẽ nhớ là ở cũng gần đó thôi), giết vợ rồi quay trở về quán café. Người chạy bộ trong rừng đi trình báo là người có tư cách không thể chê, là cô giáo dạy thể dục ở một trường nữ trung học nổi tiếng. Bề ngoài ả chẳng có liên quan gì với Edward Corrigan. Ả đã phải lội bộ một quãng đường để báo án. Pháp y chỉ khám nghiệm tử thi lúc sáu giờ kém mười lăm. Cũng như trong vụ án này thời gian tử vong được chấp nhận không có vấn đề gì hết.

“Tôi đã kiểm tra lần cuối cùng. Tôi phải biết thật rõ ràng liệu vợ Redfern có nói dối hay không? Tôi đã sắp xếp cuộc du ngoạn nho nhỏ của chúng ta lên vùng cao Dartmoor. Nếu ai đó bị văng đầu chóng mặt khi lên cao sẽ không bao giờ thoải mái băng qua một cây cầu nhỏ hẹp bắc ngang qua một dòng nước chảy. Cô Brewster đích thị là người phải chịu đựng triệu chứng đó, đã bị lão đảo choáng váng. Nhưng Christine Redfern lại chẳng hề quan tâm, cứ chạy băng băng qua cầu chẳng hề e ngại. Đó là một điểm nhỏ nhưng kết quả thực nghiệm đã rõ ràng rành. Nếu ả đã nói một lời dối trá không cần thiết, thì tất cả đều có thể là nói

đổi. Trong thời gian đó Colgate đã lấy về tấm hình được cảnh sát Surrey nhận dạng. Tôi tận dụng cơ hội này để làm theo cách duy nhất mà tôi nghĩ có khả năng thành công. Khi đã lừa phỉnh Patrick Redfern để y tưởng đã được đảm bảo bình an vô sự, tôi quay sang y và cố làm hết sức mình để chọc cho y không còn tự chủ được nữa. Biết mình đã bị nhận dạng là Corrigan khiến y hoàn toàn mất bình tĩnh.”

Hercule Poirot vừa vượt cổ họng vừa nhớ lại. Làm ra vẻ quan trọng ông nói: “Việc tôi đã làm vô cùng nguy hiểm nhưng tôi không hối tiếc. Tôi đã thành công. Không phải chịu đau một cách vô ích.”

Có một khoảnh khắc im lặng. Rồi bà Gardener thở dài thườn thượt:

“Này ông Poirot, vừa rồi thật quá tuyệt vời - được nghe kể thật chính xác ông đã làm cách nào để đạt được kết quả. Mỗi một chi tiết nhỏ đều khiến người ta say mê như một bài giảng về tội phạm học - trên thực tế đó đúng là một bài giảng về tội phạm học. Và có lẽ nào cuộn len màu đỏ của tôi và cuộc trò chuyện khi tấm ảnh thật sự có liên quan gì đó với chuyện ấy hay sao? Thật sự khiến tôi phấn khích đến chẳng nói nên lời, và chắc chắn ông nhà tôi cũng cảm thấy như thế, phải vậy không Odell?”

“Phải, em yêu à,” ông chồng đáp.

Hercule Poirot nói: “Ông Gardener cũng có trợ giúp cho tôi. Tôi muốn nghe ý kiến của một người hiểu lý lẽ về bà Marshall. Tôi đã hỏi ông ấy nghĩ gì về cô ta.”

“Thật thế sao?” Bà vợ hỏi. “Và anh đã nói gì về cô ấy, Odell?”

Ông Gardener ho một tiếng rồi đáp:

“À, em yêu à, anh chưa bao giờ nghĩ nhiều lắm về cô ấy, em biết mà.”

“Đàn ông lúc nào cũng nói cái kiểu ấy với vợ mình,” bà vợ nói. “Và nếu có hỏi, thì ngay cả ông Poirot đây cũng có chút khoan dung với cô ta, coi cô ta là một nạn nhân tự nhiên và chỉ thế thôi. Tất nhiên quả đúng cô ta là một phụ nữ hoàn toàn không có văn hóa, và bởi đại úy Marshall không có ở đây nên tôi chẳng ngại gì khi nói là với tôi cô ta vẫn luôn có phần nào ngu ngốc. Tôi đã nói như thế với ông nhà tôi, phải vậy không Odell?”

“Phải, em yêu à,” ông chồng đáp.

Linda Marshall ngồi với Hercule Poirot ở Vũng Hải Âu. Cô nói: “Dĩ nhiên cháu rất vui mừng vì rốt không bị chết. Nhưng ông Poirot ạ, cũng thế thôi, có khác gì cháu đã giết bà ta, phải không ạ? Tôi đã có ý muốn thế mà.”

Poirot trả lời thật dứt khoát:

“Hoàn toàn không giống như nhau đâu. Ước muốn giết người và hành vi giết người là hai chuyện khác nhau. Nếu trong phòng ngủ của cháu thay vì một hình nhân nhỏ xíu bằng sáp mà là người trói mẹ kế bị trói, không ai cứu giúp, rồi cầm trên tay một con dao găm thay vì cái đinh ghim, hẳn cháu sẽ không đâm nó vào tim cô ta đâu! Trong lòng cháu hẳn sẽ tiếng nói là “Đừng”. Cùng y như vậy với tôi. Tôi từng nổi khùng với một gã ngu ngốc. Tôi nói, ‘Mình muốn đá hắn.’ Thay vì làm vậy tôi lại đá cái bàn. Tôi nói, ‘Cái bàn này là thằng đàn, mình đá nó vậy đó.’ Và sau đó giá như mấy ngón chân tôi không quá đau, tôi cảm thấy khá hơn nhiều và cái bàn vẫn bình thường không bị hư hại gì. Và nếu như gã đàn có ở đó, tôi hẳn sẽ không đá gã đâu. Làm một hình nhân bằng sáp rồi đâm đinh ghim vào tim nó là ngốc nghếch, đúng, thật là trẻ con, đúng

vậy - nhưng cũng có ích đó. Cháu lấy thù ghét ra khỏi bản thân mình và bỏ nó vào hình nhân nhỏ xíu đó. Và với cái đinh ghim và lửa, cháu đã hủy hoại - không phải mẹ kế của cháu mà chính là nỗi căm ghét mà cháu từng ấp ủ trong lòng. Sau đó, ngay cả trước khi nghe tin cô ta chết, cháu đã cảm thấy được tẩy sạch, không phải vậy sao - cảm thấy nhẹ nhõm - hạnh phúc hơn chứ?”

Cô bé gật đầu. “Làm thế nào ông lại biết được ạ? Đúng là cháu đã cảm thấy như thế.”

“Vậy thì đừng tự nhắc lại với mình chuyện khờ khạo đó nữa! Hãy quyết tâm đừng thù ghét mẹ kế tiếp của cháu nhé!”

Linda sửng sốt. “Ông nghĩ cháu sẽ có một bà mẹ kế khác hay sao? Ôi, cháu hiểu rồi, ông muốn nói là cô Rosamund. Cô ấy thì cháu không ngại đâu ạ.” Linda ngần ngừ một lát rồi nói, “Cô ấy là người *biết phải trái*!”

Đó không phải là cụm từ bản thân Poirot chọn để nói về Rosamund Darnley, nhưng ông nhận thấy đó là ý đề cao ca ngợi của Linda.

Kenneth Marshall nói: “Rosamund, có phải trong đầu em từng có ý nghĩ kỳ quái là anh đã giết Arlena?”

Rosamund có vẻ hơi bẽn lẽn: “Em nghĩ mình đúng là đồ ngu ngốc.”

“Dĩ nhiên là thế rồi.”

“Vâng, nhưng Ken ạ, anh đúng là câm như hến ấy. Em chưa bao giờ biết thật ra anh đã cảm thấy thế nào về Arlena. Em không biết có phải anh chấp nhận cô ta như thế ấy và chỉ tỏ ra hết sức tử tế, hay là anh - à, đúng là tin tưởng cô ta một cách mù quáng. Và em đã nghĩ nếu đúng như thế và đột nhiên anh phát hiện cô ta bỏ rơi mình, có thể anh đã nổi điên. Em từng nghe kể nhiều chuyện về anh. Lúc nào anh cũng rất trầm tĩnh nhưng đôi lúc lại làm cho người ta khiếp sợ.”

“Vì thế em tưởng anh đã chộp lấy cổ họng và bóp nghẹt cô ấy đến chết hay sao?”

“À - vâng - chính xác em đã nghĩ thế. Với lại chứng cứ ngoại phạm của anh dường như có chỗ hơi khiếm khuyết một chút. Đó là lúc đột nhiên em quyết định phải giúp một tay và bịa ra câu chuyện ngu ngốc đã từng trông thấy anh đánh máy trong phòng. Và khi nghe nói anh khai đã thấy em ghé vào - à, điều ấy khiến em hoàn toàn chắc chắn anh đã làm ra chuyện đó. Điều ấy, và thái độ kỳ quặc của Linda nữa.”

Kenneth Marshall thở dài.

“Em không nhận ra anh khai trông thấy em trong gương là để ủng hộ cho chuyện của em hay sao? Anh - anh tưởng em cần điều ấy được chứng minh.”

Rosamund ngó anh lom lom.

“Anh không có ý nói anh tưởng em đã giết vợ anh đó chứ?”

Kenneth Marshall cự quạ có vẻ không thoải mái. Anh lầm bầm:

“Thôi bỏ đi, Rosamund, em không nhớ có lần đã suýt giết chết thằng bé ấy vì con chó à? Đã nắm cổ nó và chẳng chịu buông ra như thế nào hay sao?”

“Nhưng chuyện ấy cách đây đã nhiều năm rồi mà anh.”

“Phải, anh biết.”

Cô hỏi thật gay gắt:

“Anh nghĩ có động cơ khả dĩ nào khiến em phải giết Arlena chứ?”

Marshall liếc nhìn đi chỗ khác, lại lăm bầm gì đó.

Rosamund kêu lên:

“Ken, anh tự phụ quá rồi đó! Anh tưởng em làm hành động vị tha là thay anh giết chị ta, phải không? Hay là - có phải anh tưởng em giết chị ta vì chính em muốn có anh?”

“Hoàn toàn không phải thế,” Marshall đáp. “Nhưng em biết hôm ấy em đã nói gì - về Linda và mọi chuyện - và - và em có vẻ quan tâm đến những gì xảy đến với anh.”

“Em vẫn luôn quan tâm.”

“Anh tin em quan tâm. Em biết đấy, Rosamund - anh thường không biết nói chuyện - anh nói chuyện không được hay - nhưng anh muốn làm rõ chuyện này. Anh đã không quan tâm chăm sóc Arlena - chỉ quan tâm một chút lúc ban đầu - và sống với cô ấy hết ngày này sang ngày khác là một việc khá căng thẳng. Trên thực tế thì phải nói là là địa ngục, nhưng anh đã hết sức tội nghiệp cô ấy. Cô ấy đúng là ngu ngốc - quá cuồng đàn ông - không kiềm chế nổi - và bọn chúng vẫn luôn bỏ rơi cô ấy và đối xử với cô ấy thật tồi tệ. Đơn giản chỉ là anh cảm thấy mình không thể là người xua đuổi cô ấy lần cuối cùng. Anh đã kết hôn với cô ấy và có trách nhiệm chăm sóc. Anh nghĩ cô ấy biết điều ấy và thật sự biết ơn anh. Cô ấy là - là người rất đáng thương.”

Rosamund nói thật dịu dàng:

“Không sao cả, Ken ạ. Bây giờ em hiểu rồi.”

Không nhìn cô, Kenneth Marshall cẩn thận nhồi thuốc vào ống điếu. Anh lăm bầm:

“Em - hiểu chuyện cũng khá giỏi đấy, Rosamund ạ.”

Đôi môi cô hơi cong lên hé nở một nụ cười mai mỉa:

“Anh sẽ ngỏ lời cầu hôn với em bây giờ chứ Ken, hay đã quyết định chờ thêm sáu tháng nữa?”

Ống điếu từ trên môi Kenneth Marshall rớt xuống vỡ tan. Anh nói: “Chết tiệt. Đây là ống điếu thứ nhì anh bị mất ở dưới này. Mà anh không còn cái nào khác. Làm thế quái nào em lại biết anh ắp định sáu tháng là thời gian thích hợp chứ?”

“Em nghĩ vì đó là thời điểm thích hợp mà. Nhưng em vẫn muốn có gì đó được xác định rõ ràng ngay bây giờ, xin anh đó! Bởi vì trong mấy tháng ở giữa chừng, nhờ đâu anh gặp một nữ nghi can khác và lại xông tới cứu giúp theo kiểu cách hào hiệp của anh.”

Marshall bật cười.

“Lần này em sẽ là nữ nghi can ấy, Rosamund. Em sẽ bỏ việc kinh doanh may trang phục phụ nữ chết tiệt của mình, rồi chúng ta sẽ về sống ở miền quê.”

“Anh không biết em kiếm được rất nhiều lợi nhuận từ việc kinh doanh ấy hay sao? Anh không nhận thấy đó là công việc của em - em đã tạo ra rồi phát triển nó lên, và em tự hào về nó hay sao? Và anh đã cực kỳ trớ tráo khi vội vàng bảo: ‘Bỏ hết đi, em ơi!’”

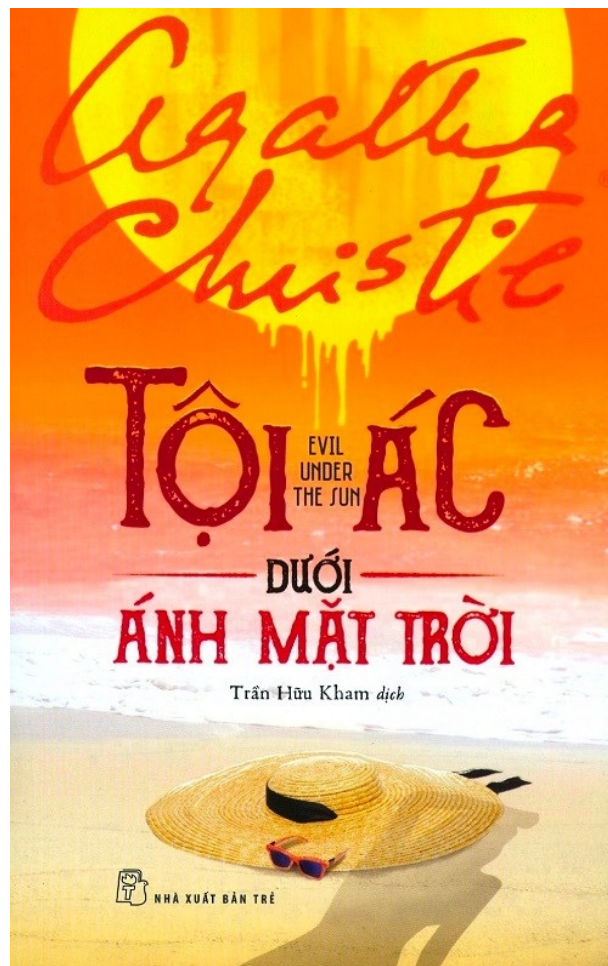
“Anh đã cực kỳ trớ tráo khi nói thế, phải đấy!”

“Và anh nghĩ em quan tâm đến anh tới mức phải bỏ hết cả à?”

“Nếu không làm thế,” Kenneth Marshal nói, “thì em chẳng ích lợi gì với anh cả.”

Rosamund nói thật nhẹ nhàng:

“Ôi, anh ơi, em từng muốn sống với anh ở miền quê suốt cả đời mình. Bây giờ - điều ấy sẽ trở thành hiện thực...”





# Table of Contents

- [BẢN ĐỒ ĐÀO](#)
- [CHƯƠNG 1](#)
- [CHƯƠNG 2](#)
- [CHƯƠNG 3](#)
- [CHƯƠNG 4](#)
- [CHƯƠNG 5](#)
- [CHƯƠNG 6](#)
- [CHƯƠNG 7](#)
- [CHƯƠNG 8](#)
- [CHƯƠNG 9](#)
- [CHƯƠNG 10](#)
- [CHƯƠNG 11](#)
- [CHƯƠNG 12](#)
- [CHƯƠNG 13](#)